



**CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VĨ ĐẠI  
SỐNG MÃI TRONG SỰ NGHIỆP CỦA CHÚNG TA**





**CÂU 1:** Trong 320 năm hình thành và phát triển vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai, Nhân dân Đồng Nai đã trải qua những cuộc kháng chiến nào? Hãy trình bày cảm nhận của anh (chị) về truyền thống đấu tranh cách mạng của Nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai?

Kể từ khi Thống suất Chương cơ Lê Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh được chúa Nguyễn Phúc Chu cử vào kinh lược xứ Đồng Nai năm Mậu Dần 1698 đến nay (2018), vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai đã có 320 năm hình thành và phát triển. So với lịch sử của dân tộc Việt Nam, đây chỉ là một khoảng thời gian ngắn nhưng vô cùng gian nan, khổ cực để có được độc lập, tự do thực sự như hôm nay. Cùng với cả nước, nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai đã phải trải qua 2 cuộc kháng chiến trường kỳ, gian khổ chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược với không biết bao chiến tích oai hùng, xứng đáng với “Miền Đông gian lao mà anh dũng”.

## **A.- NHÂN DÂN BIÊN HÒA - ĐỒNG NAI NHỮNG NĂM ĐẦU KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (1861 - 1945)**

### **I- Biên Hòa - Đồng Nai những ngày đầu chống Pháp.**

Ngày 1/9/1858, đô đốc De Genouilly chỉ huy liên quân Pháp - Tây Ban Nha kéo vào vịnh Đà Nẵng nổ súng xâm lược nước ta. Âm mưu đánh nhanh thắng nhanh của Pháp bị thất bại do sức kháng cự của quân dân Đà Nẵng. Sau 5 tháng sa lầy ở mặt trận Đà Nẵng, địch để lại đây một đại đội và vài tàu chiến, còn đại bộ phận kéo vào đánh chiếm Nam kỳ. Chỉ sau một ngày tấn công, 10/2/1859, quân Pháp - Tây Ban Nha đã phá tan hệ thống phòng thủ của ta tại cửa biển Vũng Tàu, mở ra một cửa ngõ quan trọng để tiến sâu vào lãnh thổ Nam kỳ.



Khi quân Pháp tiến bức thành Gia Định ngày 17/2/1859, triều đình nhà Nguyễn đã phái những tướng lĩnh lo việc chống đỡ. Những cánh quân của triều đình đóng quân ở Biên Hòa, Phú Thọ (Gia Định), Tân An để dễ dàng ứng cứu lẫn nhau. Lực lượng quân trừ bị và số tình nguyện của Biên Hòa rất đông đảo, tham gia hầu hết các trận đánh Pháp cả hai mặt trận Biên Hòa và Gia Định. Từ căn cứ Biên Hòa, quân của ta tập kích đánh lẻ đồn giặc ở chợ Lò, Bình Long, Bình An, xuống Gia Định. Sau trận đại chiến với quân Pháp tại Chí Hòa, quân ta tổn thất nặng nề, đồn Chí Hòa rơi vào tay quân Pháp. Các tướng lĩnh Nguyễn Tri Phương, Phạm Thế Hiển cùng quân sĩ rút về Biên Hòa. Trước việc mất Chí Hòa, triều đình Nguyễn phái Nguyễn Bá Nghi giữ chức Khâm sai đại thần cùng Tôn Thất Đính làm Đề đốc mang 4000 quân vào Biên Hòa tiếp viện, củng cố quân luật, mộ thêm binh lính để giữ các tỉnh còn lại: Biên Hòa, Định Tường, Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên.

Chiếm xong Chí Hòa, quân Pháp thấy cần phải đánh lấy Biên Hòa và Định Tường, hai tỉnh giáp ranh với Gia Định - Sài Gòn để mở rộng địa bàn hoạt động





quân sự. Tất cả các con đường dẫn đến Biên Hòa trên bộ cũng như dưới nước đều được phòng thủ chặt chẽ. Cách Biên Hòa khoảng 8km về phía Tây Nam có một chiến lũy Mỹ Hòa với 3.000 quân trấn đóng. Ở phía Nam Biên Hòa có tiền đồn Gò Công và một số ồ ề kháng phòng thủ. Dưới sông Đồng Nai từ Nhà Bè đến Biên Hòa có chín căn gỗ đóng cừ và một căn đá hàn rất vững chắc, trên bờ được xây dựng pháo đài, bố trí súng thần công yểm trợ khi cần thiết.



Biên Hòa trong bản đồ Nam kỳ Lục tỉnh, giai đoạn 1832-1862

Ngày 13/12/1861, Bonard gửi tới hậu thư cho khâm sai đại thần Nguyễn Bá Nghi đòi quân triều đình triệt thoái các pháo đài và các vật cản trên sông Đồng Nai. Chưa nhận được trả lời, sáng ngày 14/12 Bonard tấn công Biên Hòa, quân đội triều đình chống cự rất quyết liệt, dũng mãnh. Nhưng sau những trận kịch chiến đẫm máu, quân ta phải bỏ lũy Mỹ Hòa rút chạy. Đêm 17/12, Nguyễn Bá Nghi ra lệnh cho quân đội rút khỏi thành Biên Hòa chạy về hướng Bà Rịa. Ngày 18/12/1861 quân Pháp tiến vào ngôi thành bỏ ngỏ thu nhiều chiến lợi phẩm. Quân Pháp truy đuổi, tại Long Thành, Lãnh binh Nguyễn Đức Ứng chỉ huy quân lính và nghĩa quân địa phương chặn đánh nhằm ngăn cản bước tiến của địch. Hơn một ngày giao tranh quyết liệt, nghĩa quân bị tổn thất nặng nề trước kẻ thù áp đảo về vũ khí. Nguyễn Đức Ứng bị thương nặng được nghĩa quân đưa về khu rừng tại Long Phước. Ông hy sinh và được nhân dân chôn trong một ngôi mộ tập thể với 27 nghĩa binh. Ngày 28/12/1861, Long Thành hoàn toàn rơi vào tay giặc.

Pháp chiếm đóng tỉnh lỵ Biên Hòa, xây dựng các hệ thống đồn lũy kiên cố, cùng các tiền đồn trọng yếu trên địa phận Biên Hòa. Chúng tàn phá nhiều làng mạc dân cư, hủy nhiều công trình văn hóa, tín ngưỡng ở Biên Hòa như Văn miếu Trấn Biên, Miếu Hội đồng, các di tích đình, chùa. Biên Hòa dưới bàn tay xâm lược tàn bạo của quân Pháp trở nên tiêu điều: **“Bến Nghé của tiền tan bọt nước, Đồng Nai tranh ngôi nhuộm màu mây”**. Nhân dân Biên Hòa căm thù giặc, thực hiện “vườn không nhà trống”, bắt hợp tác với kẻ thù.



Ngôi mộ tập thể Lãnh binh Nguyễn Đức Ứng với nghĩa binh

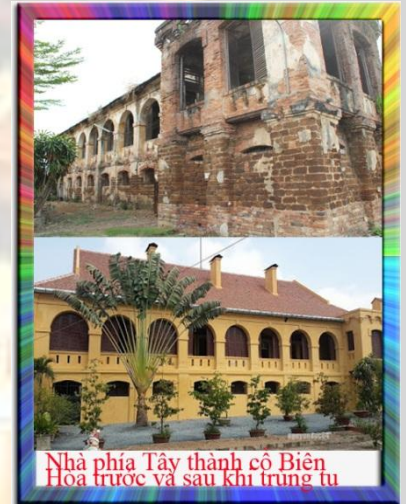
Trước cảnh nước mất nhà tan, quê hương bị quân thù giày xéo, nhân dân Biên Hòa sôi sục lòng căm thù quân xâm lược, đi theo ngọn cờ kháng chiến của các sĩ phu yêu nước lãnh đạo. Tầng lớp các nho sĩ trước vận mệnh thời cuộc đã tách mình ra khỏi giai cấp thống trị, đứng hẳn về phía nhân dân, nêu cao truyền thống chống ngoại xâm với ý thức gìn giữ chủ quyền đất nước **“Quốc gia hưng vong, thất phu hữu trách”**. Nghĩa quân do các sĩ phu yêu nước lãnh đạo nổi lên tấn công mạnh vào





các đồn lũy, tàu bè, các toán tuần tiễu của kẻ thù. Nhân dân đoàn kết tụ họp đông đảo theo nghĩa quân Trương Định, tôn ông làm Bình Tây đại nguyên soái. Nghĩa quân Trương Định đồng thời tiến công các đồn Phước Tuy, Bình An, Thuận Kiều, Tây Thái, Mai Sơn. Đêm 17 rạng ngày 18/12/1862, khoảng 1.200 nghĩa quân Trương Định mở hai mũi tiến công diệt đồn Long Thành. Bonard vội phái bộ binh, kỵ binh và hai khẩu sơn pháo chiếm lại đồn này. Trưa ngày 18/12 nghĩa quân đốt cháy chiến thuyền Lorcha số 10 đang do thám gần phủ Phước Tuy. Khoảng 100 nghĩa quân trang bị đầy đủ vũ khí tập kích diệt gọn một toán tuần tra địch.

Ngày 1/1/1863 viên tiểu đoàn trưởng lính thủy đánh bộ Coquet dẫn 12 pháo thủ trang bị 1 khẩu pháo dã chiến, 13 kỵ binh và hiến binh đi tuần tra. Trên đường từ Bà Rịa đến Long Lập, toán quân bị phục kích ở Thạnh Mỹ. Trận đánh diễn ra ác liệt, nghĩa quân xông thẳng vào toán pháo binh gây cho chúng thiệt hại nặng. Ngày 20/1/1863 Coquet bị vây chặt ở Bà Rịa nguy ngập đến nỗi Bonard phải đưa quân ở Sài Gòn ra tiếp viện. Ngày 23/1/1863 nghĩa quân Kinh Thượng ở Biên Hòa, Bà Rịa phục kích toán lính hành quân từ Bà Rịa đi chợ Bến (Long Điền); liên tiếp tập kích các căn cứ giặc làm chúng không dám ló ra khỏi đồn.



Người Xtiêng ở Biên Hòa và Thủ Dầu Một cùng đồng bào Choro ở Bà Rịa lập vành đai bao vây phía Bắc và Đông Bắc Sài Gòn, lấy núi rừng làm căn cứ kháng chiến, lúc ẩn lúc hiện, lúc đánh lúc rút làm địch hoang mang. Từ rừng rú đại ngàn, nghĩa quân Kinh Thượng ào ra tiến công các cứ điểm địch rồi lại biến vào rừng. Địch thú nhận: *“Quân khởi nghĩa đã thành công trong việc lôi kéo những bộ lạc người Thượng ở ven biên giới Biên Hòa - Bà Rịa; trước đó những bộ lạc này vẫn đứng ngoài cuộc chiến. Việc tham gia của những bộ lạc này chứng tỏ cuộc khởi nghĩa ở Biên Hòa đã có một trợ lực quan trọng”*.

Quân Pháp phải vất vả bình định lại các vùng đã bình định trước đó vì tinh thần bất khuất và ý chí độc lập của nhân dân Biên Hòa, tình đoàn kết giữa đồng bào Kinh - Thượng trong cuộc kháng chiến đánh đuổi kẻ thù xâm lược. Nhiều đồn lũy của Pháp ở Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Tây Ninh bị tấn công, nhiều nơi quân Pháp phải bỏ đồn rút về Sài Gòn. Đô đốc Bonard phải lấy thêm viện binh từ Tuy Hòa để giải vây tình thế cho thành Biên Hòa, tái lập các đồn lũy và nhất là tấn công vào trung tâm hoạt động của nghĩa quân Trương Định ở Gò Công. Biên Hòa được xem như một trung tâm xuất phát của phong trào dân chúng nổi dậy đánh vào quân Pháp xâm lược và lan tỏa về các tỉnh khác ở Nam kỳ.

Ngày 20/8/1864, Trương Định hy sinh tại làng Kiểng Phước, một số thủ lĩnh của không thống nhất hành động. Quản Là tự phong đại nguyên soái đóng ở Cần Giuộc. Phan Chánh xung là Bình Tây phó nguyên soái, hội với Trương Quyền lập





căn cứ Giao Loan tại vùng Rừng Lá (xã Xuân Hòa, huyện Xuân Lộc). Nơi đây rừng lá mít mù, khó tiếp tế và địch cũng khó đánh vào. Nhiều người yêu nước ở Biên Hòa, Gia Định, Định Tường nghe tiếng đến xin gia nhập. Nghĩa quân mộ binh, tổ chức tích trữ lương thảo, vũ khí, đúc súng đạn, rèn dao mác. Từ căn cứ Giao Loan, nghĩa quân bung lực lượng đi quấy rối giặc ở Biên Hòa, Bà Rịa. Nghĩa quân còn xây dựng căn cứ kháng chiến Bàu Cá (xã Đông Hòa, huyện Thống Nhất), đánh nhiều trận gây cho chúng nhiều tổn thất.

Cuộc kháng chiến của nhân dân Biên Hòa cũng như nhân dân miền Đông Nam kỳ đến năm 1865 tạm thời lắng xuống, các phong trào đấu tranh dần dần bị thất bại và chuyển sang một hình thức mới. Đó là Hội kín, những tổ chức yêu nước của quần chúng nhân dân phát triển khá mạnh. Đây là ý thức tự vệ chính đáng của nhân dân Nam kỳ đối với các thế lực áp chế của một xã hội thuộc địa. Các tổ chức hội kín thu hút nhiều thành phần tham gia và số hội viên lên đến hàng ngàn, đặc biệt ở các vùng Biên Hòa, Gia Định, Chợ Lớn, Thủ Dầu Một, Bến Tre làm cho thực dân Pháp hết sức lo lắng. Nhà cầm quyền tỉnh Biên Hòa lùng bắt hội kín Long Thành rồi đem xử ở tòa đại hình Bình Hòa (Gia Định).



Tổ chức hội kín do Đoàn Văn Cự thành lập quy tụ nhiều hảo hớn, tinh thông võ nghệ, coi việc nghĩa là việc đại sự, một lòng vì nước, vì dân. Lợi dụng địa thế rừng, ông xây dựng Bưng Kiệu thành căn cứ tập hợp lực lượng, lực lượng nghĩa quân phát triển ngày một lớn mạnh; lương thực, khí giới được tích trữ chuẩn bị cho việc dấy binh. Tháng 5/1905, Hội kín tổ chức lễ tế cờ, luyện quân ở suối Linh. Hoạt động của hội không giữ được bí mật. Ngày 11/5/1905, chính quyền thực dân cho một tiểu đội lính bí mật đến bao vây thôn Vĩnh Cửu. Đoàn Văn Cự triệu tập hàng trăm nghĩa quân tổ chức mai phục sẵn sàng đánh địch. Phục kích cả ngày không thấy địch đến, tưởng địch đã rút lui, đến tối, ông cho nghĩa quân rút về căn cứ. Lúc này giặc mới ập đến, vây chặt căn cứ Bưng Kiệu. Đoàn Văn Cự và 16 nghĩa quân hy sinh anh dũng. Hội kín Đoàn Văn Cự tan rã.

Tại Biên Hòa, một nhóm người yêu nước đã thành lập ra Trại Lâm Trung, đóng tại Gò Mọi, xã Thiện Tân (huyện Vĩnh Cửu). Nghĩa quân tham gia trại rất đông, phần lớn là thanh niên trai tráng các tổng Phước Vĩnh Trung, Phước Vĩnh Hạ, Chánh Mỹ Trung. Đêm 24/1/1916 nghĩa quân chia ra làm nhiều toán, nổi dậy tiến công các nhà hội Tân Trạch, Tân Khánh, Tân Lương làm hương chức hội tề các làng bỏ chạy tán loạn. Nhiều thanh niên trai tráng được giải thoát khỏi số phận “tình nguyện” làm bia đỡ đạn cho nước mẹ Pháp quốc. 5 giờ chiều 25/1/1916 các ông Mười Sóc, Mười Tiết, Cao Văn Lệt chỉ huy phá khám lớn Biên Hòa. Nghĩa quân tước được một số súng của lính gác nhà tù, dùng súng bắn vào dinh chủ tỉnh. 11 giờ đêm 26/1, một toán nghĩa quân xông vào phá chợ Tân Uyên, giết một tên lính, đánh





bị thương viên kiếm lâm. Sau cuộc nổi dậy chống bắt lính và phá khám Biên Hòa, giặc Pháp tập trung lực lượng đàn áp hội. Tháng 3/1916, 9 thủ lĩnh trại Lâm Trung sa vào tay giặc Pháp, chúng kết án tử hình ở dốc Sỏi gần đình Bình Thành, trước sự chứng kiến của nhân dân địa phương và được chôn chung một nấm mồ tại “Cây Gõ cụt”. Năm 1918, nhân dân đã xây dựng một miếu thờ dưới gốc cây đa ở ngã ba Dốc Sỏi (miếu Cô hồn), để tưởng nhớ gương nghĩa liệt của các ông.

Kể từ khi xâm lược Việt Nam, thực dân Pháp đã vấp phải sự kháng cự mãnh liệt của nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai. Từ khởi nghĩa vũ trang cho đến hoạt động tổ chức các Hội kín, cùng với nhân dân cả nước, nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai đã liên tục tiến hành cuộc kháng chiến chống giặc cứu nước. Dù *“ngoài cát có một manh áo vải, trong tay cầm một ngọn tầm vông”* song người



Miếu cô hồn, nơi hương khói 9 nghĩa sĩ Lâm Trung Trai

dân Biên Hòa không hề nao núng trước quân thù có ưu thế về quân sự, với truyền thống bất khuất, không ngại hy sinh, đứng lên đánh giặc gây cho chúng bao tổn thất, làm thất bại ý đồ bình định cấp tốc của quân Pháp. Kẻ thù phải thốt lên *“Bằng khí giới rất đơn sơ, dân tộc Việt Nam chống cự rất kiên cường với súng lớn của ta (Pháp) một cách oanh liệt và đầy tinh thần hy sinh dũng cảm. Những kẻ bị ta bắt được tại trận, đem xử bắn hay chém đầu, đều thản nhiên chịu chết, không lộ vẻ gì nhu nhược sợ hãi”*. Do nhiều nguyên nhân của lịch sử, phong trào kháng Pháp của nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai trong bối cảnh chung của cả nước không đạt đến mục tiêu đánh bại quân xâm lược, nhưng tinh thần chiến đấu bất khuất của họ đã tô thắm trang sử hào hùng truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc ta.

## II- Biên Hòa - Đồng Nai dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Từ những năm 1925, 1926 trở đi, ở Nam bộ bắt đầu xuất hiện một phong trào yêu nước được soi sáng bởi đường lối cách mạng vô sản do Nguyễn Ái Quốc truyền bá vào Việt Nam. Tại Biên Hòa, một số đồng chí trong Kỳ bộ Thanh niên Cách mạng Việt Nam ở Nam kỳ đã về hoạt động và xây dựng cơ sở ở đồn điền cao su Phú Riềng, Cam Tiêm, Courtenay, đề pô xe lửa Dĩ An, Nhà máy cưa BIF. Khoảng đầu năm 1928, đồng chí Nguyễn Xuân Cừ đi “vô sản hóa” ở đồn điền cao su Phú Riềng tìm cách tuyên truyền giáo dục giác ngộ cách mạng cho công nhân. Tháng 4/1928, Chi bộ Hội Thanh niên Cách mạng Việt Nam đồn điền Phú Riềng được thành lập có các hội viên gồm Trần Tử Bình, Tạ, Hồng, Hà do đồng chí Nguyễn Xuân Cừ làm bí thư. Từ những hạt giống đỏ này, đội ngũ cách mạng ngày càng tăng thêm, quần chúng lao động bước vào một thời kỳ đấu tranh mới có sự lãnh đạo của tổ chức cách mạng. Phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân trong tỉnh dấy lên ngày càng mạnh mẽ, đặc biệt là phong trào đấu tranh của công nhân ở các đồn điền cao su.

Ngày 25/9/1928, hơn 400 công nhân cao su ở Cam Tiêm đồng loạt bãi công. Từ sáng sớm công nhân kéo nhau ra sân diêm, đưa yêu sách đòi chủ sở phải thực





hiện những điều khoản trong bản giao kèo đã ký trước khi đến đồn điền lao động. Cuộc xô xát đẫm máu giữa công nhân cao su với binh lính và hiến binh Pháp diễn ra làm hàng chục người chết và bị thương. Cuộc đấu tranh bị sự đàn áp bằng bạo lực của thực dân Pháp đã làm xôn xao và gây xúc động dư luận quần chúng trong và ngoài nước. Tổng liên đoàn lao động Pháp đã lên tiếng phản đối sự đàn áp của bọn thực dân tư bản đối với công nhân đồn điền và bày tỏ sự đồng tình ủng hộ cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân Việt Nam nói chung và công nhân Cam Tiêm nói riêng. Nối tiếp cuộc đấu tranh của công nhân đồn điền cao su Cam Tiêm, công nhân đồn điền cao su Phú Riềng đã nổi dậy đấu tranh, tổ chức các cuộc bãi công và biểu tình với quy mô lớn chống sự bóc lột tàn bạo của bọn tư bản thực dân. Những cuộc đấu tranh này không chỉ nhằm mục đích đòi các quyền lợi kinh tế mà bước đầu đã có yếu tố chính trị nhằm đánh đổ kẻ thù giai cấp và dân tộc.

Tháng 8/1929, Trung ương lâm thời Đông Dương Cộng sản Đảng cử các đồng chí Ngô Gia Tự, Hoàng Quốc Việt, Lê Văn Lương vào Sài Gòn hoạt động, tổ chức cơ sở tại Nam kỳ. Đồng chí Nguyễn Đức Văn được cử về Biên Hòa xây dựng cơ sở Đảng. Đồng chí đã móc nối liên lạc với chi bộ Hội Thanh niên Cách mạng Việt Nam ở Phú Riềng và thống nhất chủ trương chuyên hóa tổ chức này thành chi bộ cộng sản. Đêm 28/10/1929, tại khu rừng sau lưng làng 3 đồn điền Phú Riềng, chi bộ Đông Dương Cộng sản Đảng được thành lập có 6 đồng chí do Nguyễn Xuân Cừ làm bí thư. Cùng với Phú Riềng, trong những tháng cuối năm 1929 đầu năm 1930, một số cơ sở Đảng cũng được tổ chức xây dựng ở đề pô xe lửa Dĩ An, nhà máy cưa BIF, đồn điền cao su Cam Tiêm, đồn điền cao su Courtenay.



Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đánh dấu một bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng Việt Nam, mở đầu thời kỳ cách mạng do giai cấp công nhân và đội tiên phong của nó là Đảng Mác - Lênin lãnh đạo. Ở Biên Hòa, nhiều thanh niên tiên bộ đã nhanh chóng tiếp thu tư tưởng mới, sớm giác ngộ đứng vào hàng ngũ của Đảng, làm người chiến sĩ tiên phong đấu tranh giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc. Đặc biệt ở 2 cơ sở công nghiệp lớn là nhà máy cưa BIF và đề pô xe lửa Dĩ An, mạng lưới cơ sở Đảng và phong trào đấu tranh cách mạng của công nhân phát triển mạnh. Các đồng chí Châu Văn Liêm, Phạm Hữu Lầu, Nguyễn Trọng Nhã được Đảng bố trí vào làm công nhân ở đây để xây dựng cơ sở, lãnh đạo công nhân đấu tranh. Tại nhà máy cưa BIF, tổ chức Công hội đỏ được thành lập kết nạp được hàng chục công nhân cốt cán. Các đồng chí Nguyễn Trọng Nhã, Nguyễn Văn Hợp bằng nhiều hình thức đã bí mật tuyên truyền giác ngộ cho anh em nhà máy cũng như một số thanh niên lao động nông dân ở các xóm ấp lân cận như Tân Mai, Lân Thành, Vĩnh Thị.

Sự kiện “Phú Riềng đỏ” năm 1930 lan nhanh đến các nhà máy, xí nghiệp, đồn điền tác động mạnh mẽ đến phong trào đấu tranh của công nhân và các tầng lớp





nhân dân lao động ở Biên Hòa. Đêm 28/4/1930, hàng trăm tờ truyền đơn kêu gọi thợ thuyền và dân cày đoàn kết đấu tranh chống các chính sách bóc lột, đàn áp của thực dân Pháp và bè lũ tay sai như bãi bỏ chế độ bắt trâu, đòi giảm thuế được rải ở nhiều khu vực trong thị xã Châu Thành, Biên Hòa. Nhân ngày Quốc tế lao động 1/5/1930, toàn bộ công nhân hãng cưa BIF và đề pô xe lửa Dĩ An nhất loạt đình công với các yêu sách: ngày làm 8 tiếng, không được cúp phạt, đánh đập công nhân, không được bắt công nhân làm việc ngày chủ nhật.

Đầu năm 1935, đồng chí Hoàng Minh Châu được Liên Tỉnh ủy miền Đông cử về hoạt động ở Biên Hòa, đã vào làm thợ ở Nhà máy cơ khí Trường Tiền. Từ đây, đồng chí bước đầu xây dựng được một số cơ sở trong nhà máy, đồng thời thăm dò liên lạc với nhóm cơ sở Đảng do đồng chí Lưu Văn Viết tổ chức xây dựng trước đó. Sau khi đã thống nhất với nhau, đồng chí Hoàng Minh Châu đã vận động thành lập chi bộ Đảng đầu tiên lấy tên là chi bộ Bình Phước - Tân Triều, do Hoàng Minh Châu làm bí thư, Huỳnh Văn Phan, phó bí thư, các đảng viên là: Lưu Văn Viết, Lưu Văn Văn, Quánh Tỹ, Quách Sanh, Trần Minh Triết, Phạm Văn Khoai. Địa bàn hoạt động chủ yếu là khu vực thị xã và các xã thuộc quận Châu Thành. Sự ra đời của chi bộ Đảng Bình Phước - Tân Triều đánh dấu một mốc lịch sử quan trọng, một bước phát triển mới của phong trào cách mạng ở tỉnh Biên Hòa. Đây là chi bộ Đảng đầu tiên đã được thành lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai hiện nay, là hạt nhân lãnh đạo phong trào cách mạng ở địa phương và là nòng cốt để hình thành tổ chức Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Biên Hòa sau này.



### **III- Biên Hòa - Đồng Nai chuẩn bị Tổng khởi nghĩa giành chính quyền.**

Cuối năm 1939, thực dân Pháp tiến hành khủng bố trắng, lần lượt bắt nhiều cán bộ của Đảng giam giữ ở các nhà tù hoặc đày đi Côn Đảo. Ở Biên Hòa, thực dân Pháp và bọn tay sai tập trung lực lượng đánh phá khốc liệt các xã Bình Ý, Tân Triều, Bình Phước. Các cơ sở nhà máy cưa BIF, Ga Biên Hòa, các đồn điền cao su An Lộc, Courtenay được chúng coi là những “Làng đỏ”, những “Cơ sở đỏ”, cần phải xóa tận gốc rễ. Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng và Xứ ủy Nam kỳ, Tỉnh ủy Biên Hòa đưa các tổ chức, cán bộ hoạt động công khai vào hoạt động bí mật, chuyển cán bộ về nông thôn, đồn điền cao su. Các cán bộ chủ chốt của tỉnh như đồng chí Phạm Văn Khoai, Phạm Văn Thuận, Hồ Văn Đại, Lê Văn Tôn, Huỳnh Văn Phan, Huỳnh Văn Lũy, Nguyễn Hồng Kỳ, tránh được sự truy lùng của giặc, đổi vùng tiếp tục hoạt động và chuyển về rừng Tân Uyên xây dựng căn cứ.

Ở Biên Hòa, công tác chuẩn bị khởi nghĩa được tiến hành khẩn trương, sôi nổi nhất là ở một số xã thuộc quận Tân Uyên và Châu Thành. Đội võ trang tập trung của tỉnh được tổ chức khoảng 35 người do đồng chí Huỳnh Văn Liễn chỉ huy. Các đồng chí trong Tỉnh ủy và một số đảng viên khác len lỏi vào các quận, các xã chỉ





đạo các chi bộ, các cơ sở cốt cán chuẩn bị lực lượng, sẵn sàng phát động quần chúng nổi dậy. Ngày 23/11/1940, lệnh khởi nghĩa được phát đi, nhưng kế hoạch khởi nghĩa bị lộ ngay từ đầu, địch tập trung lực lượng bao vây, nhiều đồng chí trong Tỉnh ủy hy sinh và bị giặc bắt đày đi Côn Đảo, Tà Lài, Bà Rá. Đội vũ trang của tỉnh do đồng chí Trần Văn Quý chỉ huy rút vào rừng sâu hoạt động và trụ lại cho đến Cách mạng Tháng Tám năm 1945, phong trào cách mạng tạm thời lắng xuống.

Ngày 9/3/1945, phát xít Nhật đảo chánh thực dân Pháp để độc chiếm Đông Dương. Ở Biên Hòa ngay ngày 10/3/1945, bộ máy thống trị của thực dân Pháp từ tỉnh đến quận lọt vào tay phát xít Nhật. Ngay trong đêm 9/3/1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng triệu tập Hội nghị mở rộng tại Đình Bảng tỉnh Bắc Ninh, quyết định phát động phong trào chống Nhật cứu nước, đứng lên khởi nghĩa giành chính quyền trong toàn quốc. Ở Biên Hòa, nhiều đảng viên cộng sản tiếp tục về đây móc nối hoạt động, số lượng cán bộ đảng viên tăng nhanh, phát triển tổ chức, mở rộng cơ sở chuẩn bị tổng khởi nghĩa. Thanh niên Tiên phong Biên Hòa được thành lập do Huỳnh Thiện Nghệ làm thủ lĩnh. Chỉ sau một thời gian ngắn, phong trào phát triển và lan rộng ra các quận, các nhà máy, các đồn điền cao su trong tỉnh. Xứ ủy chỉ đạo kịp thời nắm tổ chức này, lãnh đạo các đội đoàn Thanh niên Tiên phong, biến thành đội quân chính trị của cách mạng, khắp nơi trong tỉnh khí thế cách mạng sục sôi.

Tháng 7/1945, tại chùa Tân Mai, đồng chí Hà Huy Giáp, đại diện Xứ ủy Nam kỳ họp với các đồng chí Hoàng Minh Châu, Huỳnh Văn Hớn, Phạm Văn Búng, Đặng Nguyên, Lê Nguyên Đạt phổ biến chủ trương của Xứ ủy là gấp rút xây dựng, phát triển lực lượng cách mạng cả lực lượng chính trị và vũ trang, tích cực chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền. Hội nghị nhấn mạnh việc khẩn trương phát triển các tổ chức đoàn thể Việt Minh, nắm chắc lực lượng Thanh niên Tiên phong trong tỉnh, xây dựng lực lượng vũ trang, mua sắm vũ khí, tập trung vận động nhân dân chống phát xít Nhật và bọn phản động. Ngày 15/8/1945, Nhật hoàng tuyên bố đầu hàng quân Đồng minh vô điều kiện. Ngọn lửa cách mạng bùng lên mạnh mẽ.

#### **IV- Cách mạng tháng Tám 1945 ở Biên Hòa - Đồng Nai.**

Ngày 19/8/1945, cuộc khởi nghĩa giành được thắng lợi rực rỡ ở thủ đô Hà Nội. Ngày 23/8/1945, tại căn nhà số 2 ở dãy phố Sáu Sứ xã Bình Trước, quận Châu Thành, Biên Hòa, đồng chí Hoàng Minh Châu chủ trì cuộc họp bàn kế hoạch khởi nghĩa giành chính quyền tại tỉnh Biên Hòa. Hội nghị quyết định thành lập Ủy ban khởi nghĩa do đồng chí Hoàng Minh Châu phụ trách và dự kiến thành phần Ủy ban Nhân dân



cách mạng lâm thời tỉnh Biên Hòa. Sáng sớm ngày 23/8/1945, dưới sự chỉ đạo của chi bộ nhà máy cưa BIF, chi bộ ga Biên Hòa, công nhân và nhân dân các ấp Tân Mai, Tân Thành, Vĩnh Thị đã nổi dậy làm chủ các cơ sở trên đồng thời tập hợp lực





lượng xung kích để làm nòng cốt cho cuộc khởi nghĩa ở tỉnh Biên Hòa. Ngay trong đêm 23 và rạng sáng ngày 24/8/1945, trong nội ô tỉnh lỵ, nhân dân đã treo cờ đỏ sao vàng, cờ búa liềm, dán khẩu hiệu khắp các phố chợ. Hầu hết các tầng lớp nhân dân đều sôi sục cách mạng, tinh thần quyết tâm giành độc lập đang dâng cao. Ở huyện Long Thành, Ủy ban khởi nghĩa do các đồng chí Trịnh Văn Dục, Vũ Hồng Phô, Mai Hiến Thái lãnh đạo đã huy động công nhân cao su, nhân dân các xã quanh thị trấn Long Thành kéo về quận lỵ giành chính quyền trong ngày 24/8/1945.

Đêm 24/8/1945, tại rạp hát Trần Diển, một cuộc mít tinh được tổ chức với hàng trăm quần chúng tham gia. Các đồng chí trong Ủy ban khởi nghĩa đã công khai diễn thuyết, kêu gọi đồng bào tham gia Mặt trận Việt Minh, tham gia khởi nghĩa cướp chính quyền. Suốt đêm, lực lượng thanh niên xung kích rầm rập đi tuần tra trên các đường phố. Nội ô tỉnh lỵ Biên Hòa, và các xã vùng ven như Tam Hiệp, Tân Mai, Tân Phong, Bửu Long, Bửu Hòa, Hiệp Hòa, Hóa An, Tân Hạnh, lực lượng cách mạng hoàn toàn làm chủ. Hầu hết các cơ quan, công sở ở tỉnh lỵ Biên Hòa đều được lực lượng xung kích bố trí tổ chức canh gác, bảo vệ chặt chẽ.



Sáng ngày 26/8/1945, đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa tập hợp hàng trăm quần chúng tiến vào Tòa bó Biên Hòa treo lá cờ đỏ sao vàng đầu tiên tại dinh tỉnh trưởng. Đến 11 giờ, các đồng chí Hoàng Minh Châu, Huỳnh Văn Hớn đến Tòa bó buộc tỉnh trưởng Nguyễn Văn Quý bàn giao chính quyền cho cách mạng. Sáng sớm ngày 27/8/1945, tại Quảng trường Sông Phố, một cuộc mít tinh lớn được tổ chức. Gần một vạn người từ

khắp các quận về dự lễ. Đồng chí Hoàng Minh Châu - Trưởng ban khởi nghĩa tuyên bố chính quyền về tay nhân dân và công bố thành phần UBND cách mạng lâm thời tỉnh Biên Hòa gồm các đồng chí: Hoàng Minh Châu - chủ tịch; Huỳnh Văn Hớn - phó chủ tịch kiêm trưởng ban tuyên truyền; Nguyễn Văn Long - phụ trách cảnh sát tỉnh; Ngô Hà Thành - phụ trách quốc gia tự vệ cuộc; Nguyễn Văn Tàng - phụ trách Ban quản trị tài sản quốc gia tỉnh.

Kết thúc cuộc mít tinh là lễ tuyên thệ. Hơn một vạn người đã long trọng giơ cao nắm tay tuyên thệ, sẵn sàng hy sinh tánh mạng, tài sản, kiên quyết bảo vệ nền độc lập tự do cho Tổ quốc. Quần chúng hô vang các khẩu hiệu: *“Việt Nam độc lập muôn năm”* *“Việt Minh muôn năm”*... Cả Biên Hòa, từ phố thị cho đến các xã thôn, các đồn điền cao su thực sự là một ngày hội lớn, khắp các nẻo đường đâu đâu cũng sôi động cả một rừng người và cờ, ai ai cũng hân hoan và cảm động đến trào nước mắt. Từ thân phận nô lệ lầm than, nhân dân tỉnh Biên Hòa dưới sự lãnh đạo của Đảng đã cùng cả nước vùng đứng dậy đập tan bộ máy thống trị của giặc, giành độc lập tự do cho Tổ quốc.

## **B.- THỜI KỲ KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (1945 - 1954).**





## I- CHUẨN BỊ KHÁNG CHIẾN.

### 1. Xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng.

Cách mạng tháng Tám thành công nhưng đất nước ta gặp muôn vàn khó khăn: thiên tai, hàng triệu người chết vì đói, rét ở miền Bắc; thực dân Pháp lăm le trở lại xâm chiếm nước ta. Hai mươi vạn quân Tưởng đổ vào miền Bắc, núp dưới chiêu bài quân Đồng minh giải giáp Nhật để thực hiện âm mưu xâm lược. Tại Nam bộ, thực dân Pháp liên tục gây hấn và khiêu khích. Ngày 2/9/1945, giữa lúc nhân dân Sài Gòn và các tỉnh hợp mít tinh chào mừng ngày độc lập, thực dân Pháp xả súng bắn chết 47 người và nhiều người khác bị thương.

Ngày 12/9/1945, Gracey, tư lệnh sư đoàn 20 quân Hoàng gia Anh đưa một lữ đoàn vào Sài Gòn, núp theo sau là đại đội thuộc trung đoàn kỵ binh thuộc địa Pháp (5e RIC). Gracey trang bị vũ khí cho 1.400 tù binh Pháp bị Nhật giam giữ trước đây và 500 Pháp kiều để chuẩn bị đánh úp Sài Gòn. Đêm 22 rạng 23/9/1945, thực dân Pháp nổ súng tiến công Sài Gòn mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta một lần nữa. Tin thực dân Pháp xâm lược ở Sài Gòn làm nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai sục sôi ý chí chiến đấu **“thà chết tự do còn hơn sống nô lệ”**. Tình hình cũng đặt ra cho lãnh đạo tỉnh phải gấp rút xây dựng bộ máy, sẵn sàng lãnh đạo nhân dân chiến đấu chống xâm lược.



Tối 23/9/1945, đồng chí Hà Huy Giáp thay mặt Xứ ủy triệu tập Hội nghị cán bộ toàn tỉnh Biên Hòa tại nhà hội xã Bình Trước, quận Châu Thành. Hội nghị gồm 40 cán bộ Đảng hoạt động ở Biên Hòa từ trước năm 1945, một số đồng chí từ Côn đảo được Xứ ủy giới thiệu về. Ban chấp hành lâm thời Tỉnh ủy Biên Hòa được hội nghị bầu ra gồm 11 người do ông Trần Công Khanh làm bí thư. Hội nghị đã quyết định những vấn đề lớn trước mắt:



Hội nghị cán bộ toàn tỉnh Biên Hòa được tổ chức tại nhà hội xã Bình Trước, quận Châu Thành, Biên Hòa

- Củng cố chính quyền cách mạng từ tỉnh xuống quận, xã.
- Thực hiện những chính sách cấp bách nhằm sớm ổn định đời sống cho nhân dân, để có điều kiện huy động sức cho kháng chiến.
- Thành lập các quận ủy, nơi chưa có điều kiện thì tăng cường cán bộ về vận động thành lập.
- Chuẩn bị các điều kiện, xây dựng địa bàn và

lực lượng vũ trang để kháng chiến khi giặc Pháp trở lại.

- Xây dựng Mặt trận Việt Minh, các đoàn thể cứu quốc làm nòng cốt, tập hợp mọi giai cấp, tầng lớp trong tỉnh tham gia chiến đấu.





Từ Hội nghị Bình Trước, UBND tỉnh được thành lập gồm các đồng chí: Hoàng Minh Châu, chủ tịch; và các phó chủ tịch là Đặng Nguyên, Huỳnh Văn Hớn. Phan Đình Công, ủy viên phụ trách quân sự; Ngô Hà Thành, ủy viên phụ trách Quốc gia Tự vệ cuộc. Các quận ủy gồm: Quận ủy Châu Thành do Hồ Văn Leo, bí thư; Quận ủy Tân Uyên do Lê Thái, bí thư; Quận ủy Long Thành do Trịnh Văn Dục. Tỉnh ủy cử đồng chí Lê Ngọc Liệu làm trưởng đoàn cán bộ về Xuân Lộc chuẩn bị thành lập quận ủy, nhanh chóng tiến hành các mặt công tác phục vụ kháng chiến.

Mặt trận Việt Minh tỉnh được thành lập do Hồ Hòa làm chủ nhiệm, Huỳnh Văn Lũy làm Phó chủ nhiệm kiêm Hội trưởng Nông dân cứu quốc. Thanh niên Tiền phong và Thanh niên Cứu quốc hợp nhất thành đoàn Thanh niên Cứu quốc do Hoàng Bá Bích làm đoàn trưởng. Công đoàn cứu quốc do Trịnh Trọng Tráng phụ trách. UBND tỉnh đã ban hành một số chủ trương để ổn định đời sống và sản xuất của dân như: Bãi bỏ thuế thân, thuế chợ và nhiều thuế khác không hợp lý; Đóng cửa các tiệm rượu, tiệm hút thuốc phiện; Tịch thu ruộng đất của địa chủ phản động, đồn điền của tư bản thực dân, đất vắng chủ để phân cấp cho dân; Giảm thuế, giảm tô 25% để khuyến khích nông dân tăng gia sản xuất.

Tháng 9/1945, UBND các quận, xã đều củng cố lại, bao gồm những nhân sĩ, trí thức tại địa phương. Các xã tổ chức được lực lượng tự vệ làm nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự ở địa phương. Tại quận Châu Thành, được quần chúng phát hiện, Quốc gia tự vệ cuộc phá vỡ tổ chức troskis do tên Lê Văn Thử cầm đầu; tại xã Thiệu Tân, thanh niên cứu quốc đã bao vây bắt hai tên gián điệp do Pháp thả dù xuống. Trước khi thực dân Pháp nổ súng ở Biên Hòa, Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã chuẩn bị các phương án kháng chiến. Phong trào “tuần lễ vàng” được phát động rộng rãi trong nhân dân để mua sắm vũ khí. Nhân dân Biên Hòa không tiếc vàng, bạc, tư trang, vật dụng đem đến ủng hộ. Các cơ sở công nghiệp như nhà máy BIF, các đồn điền cao su, công nhân tháo gỡ máy móc chuyển ra rừng để sản xuất vũ khí.

Ngày 6/1/1946, cử tri Biên Hòa lần đầu tiên được cầm lá phiếu để lựa chọn đại biểu quốc hội của mình. Hoàng Minh Châu, Phạm Văn Búng, Điều Xiển được nhân dân bầu đại biểu Quốc hội khóa I của tỉnh Biên Hòa. Thắng lợi của cuộc bầu cử thể hiện rõ lòng tin của nhân dân vào chế độ mới, vào chính quyền cách mạng.

## **2. Xây dựng Trại huấn luyện du kích Vĩnh Cửu.**

Trong Hội nghị Bình Trước ngày 23/9/1945, đồng chí Phan Đình Công, Thường vụ Tỉnh ủy, ủy viên quân sự trình đề án xây dựng trường huấn luyện cán bộ quân sự và được Tỉnh ủy chấp nhận. Trường huấn luyện gọi là “Trại du kích Vĩnh Cửu”, tọa lạc tại ấp Vĩnh Cửu, xã Tam Hiệp thuộc quận Châu Thành. Đây là khu vực rừng chồi, xen lẫn ruộng, rẫy; cư dân độ vài chục hộ. Ban lãnh đạo trại gồm có Phan Đình Công, phụ trách chung, Nguyễn Xuân Diệu, Nguyễn Trí Định, Nguyễn Đình Ưu và Huỳnh Văn Hớn. Ngày 26/9/1945, trại du kích Vĩnh Cửu khai giảng khóa học đầu tiên. Học viên được tổ chức làm 4 phân đội khoảng 100 người,





gồm thanh niên, nông dân các xã ở quận Châu Thành, công nhân nhà máy cơ BIF, thanh niên Sài Gòn, Biên Hòa, đặc biệt có một tiểu đội lính Nhật rã ngũ tham gia kháng chiến gia nhập trại làm nhiệm vụ hướng dẫn sử dụng vũ khí, dạy chiến thuật tác chiến. Trại có 78 khẩu súng gồm: 54 khẩu súng trường, 4 khẩu súng phóng lựu, 20 khẩu súng săn 12 ly, 16 ly, một số lựu đạn, mìn chống tăng.



Nhà máy BIF, cơ sở công nghiệp xây dựng sớm nhất ở Biên Hòa, nơi có phong trào cách mạng mạnh của Thành phố trong 2 cuộc kháng chiến chống Pháp, Mỹ 1945 - 1975

Học viên trại du kích Vĩnh Cửu được bố trí ăn ở trong nhà dân, được huấn luyện quân sự và chính trị. Ban huấn luyện quân sự gồm có Nguyễn Xuân Diệu, Nguyễn Trí Định và nhóm “Việt Nam mới” (tiểu đội lính Nhật kháng chiến). Tài liệu huấn luyện quân sự chủ yếu dựa vào quyển “chiến thuật du kích” của Nguyễn Ái Quốc và Infanterie militaire (kỵ binh) của quân đội Pháp. Học viên được học về đội ngũ, cách sử dụng vũ khí, kỹ thuật chiến đấu cá nhân, tiểu đội, trung đội, võ judo, kỹ thuật đánh cận chiến. Ban huấn luyện chính trị do giáo sư Phạm Thiệu, Thanh Sơn phụ trách. Nội dung chương trình chính trị bao gồm năm bước công tác, đạo đức cách mạng, chương trình Mặt trận Việt Minh, cách mạng dân chủ mới, lịch sử Việt Nam.

Tháng 10/1945, trại chuyển về An Hảo, đình Bình Đa (Tam Hiệp). Tại Bình Đa, trại được chi đội Nam Long (lực lượng Nam tiến) tăng cường thêm một số cán bộ quân sự, chính trị. Ngoài công tác huấn luyện quân sự, chính trị, trại còn phối hợp với Chi đội Nam Long đánh địch ở cầu Bình Lợi (Thủ Đức) ngày 20/10/1945 khi chúng định mở rộng lấn chiếm; nhiều lần tổ chức đánh các tàu địch thăm dò trên sông Đồng Nai. Sau ngày 25/10, khi Pháp đánh chiếm Biên Hòa, trại chuyển về Sở Tiêu Đất Cuộc (Tân Uyên) tiếp tục mở lớp huấn luyện và trở thành một đơn vị của Vệ Quốc đoàn Biên Hòa. Trong thời gian một tháng, trại du kích Vĩnh Cửu mở được hai khóa huấn luyện (mỗi khóa 15 ngày) với khoảng 100 học viên tốt nghiệp. Hầu hết cán bộ ra trường sau này đều trở thành những chỉ huy giỏi của nhiều đơn vị vũ trang khắp miền Đông Nam bộ như: chi đội 10, trung đoàn 310 Biên Hòa, trung đoàn 812 Bình Thuận, chi đội 16, trung đoàn 307 Bà Rịa, giữ vai trò nòng cốt xây dựng phong trào du kích chiến tranh ở các địa phương. Trại huấn luyện Vĩnh Cửu là trường huấn luyện quân sự chính trị đầu tiên ở Biên Hòa và miền Đông.



Một đơn vị Nam tiến tại ga Hàng Cỏ, Hà Nội trước khi lên đường vào Nam

### 3. Trận tấn công đầu tiên vào tỉnh lỵ Biên Hòa.

Cuối tháng 10/1945, được tăng viện, thực dân Pháp phá vỡ vòng vây quanh Sài Gòn. Trước tình hình đó, UBND tỉnh Biên Hòa quyết định chuyển các cơ quan lãnh đạo về Tân Uyên và các vùng ven thị xã như Bình Đa, Hồ Cạn xây dựng các





căn cứ du kích để chiến đấu lâu dài đồng thời hạ lệnh “tiêu thổ kháng chiến”, thực hiện “vườn không nhà trống”, bất hợp tác với giặc Pháp. Công nhân cao su chặt phá cây, đốt lương thực, tháo gỡ máy móc ra khu kháng chiến, công nhân nhà máy gỗ BIF đốt các kho gỗ ván sàn, gỗ thành phẩm, tháo máy tiện, máy bào và nhiều thiết bị chuyển về Bình Đa. Nhân dân vùng ven thị xã được Mặt trận Việt Minh vận động tự phóng lửa đốt nhà và một số đình chùa quyết không để giặc Pháp chiếm làm đồn bót. Ngày 25/10/1945, quân Anh - Ấn có xe thiết giáp mở đường vượt cầu Gành đánh chiếm tỉnh lỵ Biên Hòa rồi giao lại cho thực dân Pháp. Chúng rải quân chiếm giữ các đầu mối giao thông, các cơ quan, công sở, xây dựng bộ máy tay sai ở thị xã.

Đứng chân ở Biên Hòa lúc bấy giờ gồm có nhiều lực lượng vũ trang: Vệ Quốc đoàn Biên Hòa ở Tân Uyên, Vệ Quốc đoàn Châu Thành ở Thiện Tân, Vệ Quốc đoàn Long Thành, đội Xung phong cảm tử của Quốc gia Tự vệ cuộc ở Bình Thảo. Lực lượng vũ trang từ Sài Gòn rút về Biên Hòa gồm có Liên chi 2 - 3 Bình Xuyên ở Rừng Sác, Chi đội I Nam tiến, cùng lực lượng vũ trang Liên hiệp công đoàn ở An Lộc (Xuân Lộc). Sau Hội nghị Xứ ủy lâm thời Nam bộ ở Thiên Hộ (Mỹ Tho, ngày 25/10/1945), ngày 10/12, hội nghị Xứ ủy lâm thời Nam bộ mở rộng tổ chức ở Bình Hòa Nam (Chợ Lớn) kiểm điểm tình hình và bàn công tác tổ chức, lãnh đạo, chỉ huy. Chấp hành lệnh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, hội nghị chia Nam bộ làm ba chiến khu 7, 8, 9. Khu 7 do Nguyễn Bình làm khu trưởng xây dựng căn cứ ở Lạc An (Tân Uyên).

Từ cuối tháng 10/1945, khi đại bộ phận trại du kích Vĩnh Cửu chuyển về Tân Uyên, ở Biên Hòa, thực dân Pháp chỉ làm chủ được khu vực xã Bình Trước, trung tâm tỉnh lỵ. Các ấp ven như Lân Thành, Gò Me, Vĩnh Thị, Núi Đất; ở các xã vùng ven như Tân Vạn, Hiệp Hòa, Tam Hiệp cán bộ, các đội tự vệ vẫn trụ lại hoạt động, đột nhập nội ô diệt tề trừ gian. Tư lệnh khu 7 quyết định huy động lực lượng tổ chức trận tập kích vào tỉnh lỵ Biên Hòa. Phân đội 4, 5 Vệ Quốc đoàn Biên Hòa đột nhập nội ô nghiên cứu, vẽ sơ đồ các địa điểm đóng quân của địch, lên phương án tấn công.

Cuối tháng 12/1945, các lực lượng vũ trang Vệ Quốc đoàn Biên Hòa, Vệ Quốc đoàn Châu Thành, Liên quân Hóc Môn - Bà Điểm, liên chi 2 - 3 bộ đội Bình Xuyên từ Tân Uyên, Gia Định, Rừng Sác bí mật điều quân áp sát tỉnh lỵ Biên Hòa trên các hướng Hóa An, Tân Phong, Bình Đa. Đêm 1 rạng sáng ngày 2/1/1946, các lực lượng vũ trang đồng loạt tấn công vào thành Sắn Đá, các công sở như Tòa bố, bưu điện, nhà ga, đốt cháy nhà thông tin và các đồn địch ở đầu cầu Gành... Thực dân Pháp hoàn toàn bất ngờ. Tuy không chiếm giữ được một mục tiêu cụ thể nào, nhưng trận tập kích đầu tiên vào tỉnh lỵ lại gây một tiếng vang chính trị rất lớn. **“Tiếng súng Biên Hòa”** đập tan lời tuyên truyền huênh hoang của thực dân là Việt



Tướng Nguyễn Bình (đứng giữa) trong một lần gặp Bác Hồ





Minh đã bị tiêu diệt. Thu hút nhân dân vùng địch tạm chiếm, hội tụ về Biên Hòa, chiến khu Đ để tham gia kháng chiến.

## II- PHONG TRÀO TOÀN DÂN KHÁNG CHIẾN.

Pháp chiếm tỉnh lỵ Biên Hòa nhưng không thể mở rộng lấn chiếm ra khỏi khu vực xã Bình Trước (Châu Thành) do các hoạt động vũ trang rất tích cực của đội Xung phong cảm tử Quốc vệ đội quận Châu Thành, Vệ Quốc đoàn Biên Hòa, Vệ Quốc đoàn quận Châu Thành. Năm 1946, được tăng cường thêm binh lực, quân Pháp mới bắt đầu thực hiện hành quân lấn chiếm khu vực huyện Vĩnh Cửu và Tân Uyên, Long Thành, Xuân Lộc. Từ các bàn đạp căn cứ du kích như Bình Đa, Hố Cạn (Tân Phong), Vệ Quốc đoàn Châu Thành chặn đánh địch ác liệt ở cầu Rạch Gốc (Bình Hòa), Tân Phong; bộ đội quận Long Thành chặn đánh địch ở dốc 47. Trên quốc lộ 1 và 20, 15, tự vệ chiến đấu của công nhân cao su các đồn điền Trảng Bom, Dầu Giây, Suối Tre, Cốc Rang, Bình Lộc, Túc Trưng, Cây Gáo, Bình Sơn, An Viễn làm chướng ngại vật trên đường và liên tục chặn đánh địch. Tại núi Thị, núi Tung (An Lộc), tự vệ chiến đấu, công nhân cùng bộ đội Nam tiến (Nam Long) chặn đánh và làm bị thương trên 100 lính Anh, Pháp, Nhật.

Trong các cuộc hành quân, Pháp vào làng bắn giết hàng loạt dân lành vô tội, vì nghi họ là Việt Minh. Đồng chí Điều Xiển, đại biểu Quốc Hội khóa I của tỉnh Biên Hòa bị địch bắt tại Rừng Lá (Xuân Lộc). Địch dã man cột ông vào phía sau xe jeep kéo chạy đến chết nhưng đồng chí vẫn giữ vững tinh thần, khí tiết cộng sản. Thực hiện lời kêu gọi kháng chiến của Tổng công đoàn cao su Nam Bộ, công nhân cao su ở Biên Hòa đã thực hiện “tiêu thổ kháng chiến”. Hàng trăm công nhân thanh niên thoát ly gia nhập bộ đội Biên Hòa, du kích xã, quận, từng đồn điền, từng phân sở cao su, đều xây dựng được các tổ tiếp tế lương thực, nắm tình hình địch để thông báo tin cho lực lượng kháng chiến bên ngoài.

Ở các vùng đô thị, tạm chiếm, ta chú trọng xây dựng tổ chức cơ sở bên trong. Tại nhà máy cưa BIF, nhân lúc chủ tư bản đang tuyển thêm công nhân, Công đoàn Cứu quốc tỉnh cử cán bộ Phan Văn Thời, Nguyễn Văn Ký, Nguyễn Văn Biên vào làm thợ để xây dựng cơ sở trong nhà máy và các ấp xung quanh Tân Mai, Lân Thành, Vĩnh Thị, Gò Me. Tổ chức Công đoàn cứu quốc của nhà máy được thành lập. Công đoàn xây dựng được 43 tổ công đoàn bí mật (mỗi tổ từ 10 - 20 đoàn viên). Qua tổ chức công đoàn, công nhân BIF chuyển được rất nhiều nguyên liệu tiếp tế cho kháng chiến.

Trong nội ô tỉnh lỵ, ta xây dựng được cơ sở bí mật để liên lạc giữa chiến khu và nội thành ở tiệm cơ khí Trần Bùi để chuyển các hàng hóa thiết yếu như bàn máy đánh chữ, giấy, bút và nắm tin địch trong nội thành cho kháng chiến. Tại Bệnh viện



Nhà thương điên Biên Hòa  
(Đường Trí Viện Nam Việt)



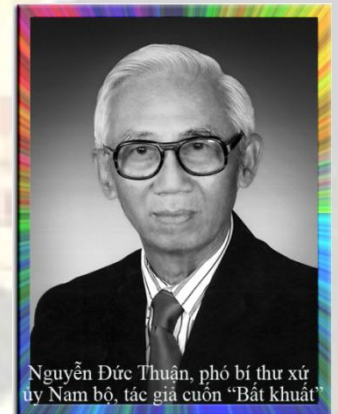


tâm thần Biên Hòa ta tổ chức nhiều cơ sở, chuyên công băng, thuốc kháng sinh ra căn cứ; đồng thời bảo vệ, che giấu nhiều cán bộ Việt Minh ngay trong bệnh viện. Chùa Long Thiên những ngày đầu kháng chiến là trụ sở của Hội Phật giáo kháng chiến do Thượng tọa Thích Huệ Thành làm Chủ tịch. Hội vận động thanh niên nam nữ Phật tử thoát ly kháng chiến, vận động đồng bào Phật tử làm cơ sở tiếp tế nuôi quân, liên lạc và trinh sát cho kháng chiến. Linh mục Nguyễn Đắc Cầu trông coi xứ đạo Công giáo Mỹ Hội, vận động tín hữu thoát ly kháng chiến, ủng hộ tích cực cho các lực lượng vũ trang, lực lượng dân chính của huyện, xã đứng chân ở Phước An.

Đồng bào các dân tộc Châu Ro, Xtiêng ở Tà Lài, Lý Lịch, Túc Trưng... rút về rừng sâu, vào các vùng kháng chiến. Nhiều người trở thành trinh sát của chi đội 10 Biên Hòa, tiểu đoàn vận tải chiến lược 320 của phân liên khu miền Đông. Trong năm đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, phong trào nhân dân từ công nhân, nông dân, dân tộc, trí thức, tôn giáo trong tỉnh Biên Hòa thể hiện lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết dân tộc, góp phần tạo nên sức mạnh tất thắng cho cuộc kháng chiến trường kỳ bảo vệ thành quả cuộc Cách mạng tháng Tám.

### **1. Thống nhất lực lượng vũ trang, bước đầu hình thành ba hình thức tổ chức vũ trang.**

Sau hội nghị Bình Trước, Tỉnh ủy, UBND tỉnh Biên Hòa đặt vấn đề xây dựng lực lượng vũ trang thành nhiệm vụ trung tâm. Trên địa bàn Biên Hòa có nhiều tổ chức vũ trang yêu nước gồm: Vệ Quốc đoàn quận Châu Thành gồm 5 tiểu đội, trang bị 30 khẩu súng, đứng chân huấn luyện tại Thường Lang, hữu ngạn sông Đồng Nai; Vệ Quốc đoàn quận Long Thành, thành lập tháng 9/1945, quân số 120 người, tổ chức thành 3 phân đội, vũ khí có 8 khẩu súng trường, còn lại là giáo mác, gậy tầm vông. Đến tháng 10/1945, lực lượng phát triển thành 4 phân đội; Vệ Quốc đoàn Biên Hòa, có khoảng 40 người, xây dựng căn cứ kháng chiến ở Tân Hòa, Tân Tịch, Mỹ Lộc, Đất Cuốc huyện Tân Uyên, thu hút nhiều thanh niên địa phương, công nhân cao su và các lực lượng du kích đến gia nhập, tổ chức thành 4 phân đội do Huỳnh Văn Nghệ chỉ huy.



Nguyễn Đức Thuận, phó bí thư ủy Nam bộ, tác giả cuốn "Bất khuất"

Cuối tháng 4/1946, đồng chí Nguyễn Đức Thuận thay mặt Khu ủy khu 7 triệu tập hội nghị cán bộ toàn tỉnh Biên Hòa tại cù lao Vịt (Bình Hòa). Tỉnh ủy Biên Hòa được chỉ định thành lập do Nguyễn Văn Ký bí thư, công tác Đảng lãnh đạo vũ trang được đặt ra. Huỳnh Văn Nghệ, chỉ huy Vệ Quốc đoàn Biên Hòa, được cử làm Ủy viên Ủy ban quân sự tỉnh. Tháng 5/1946, Hội nghị quân sự tỉnh Biên Hòa được tổ chức tại chiến khu Đ, quyết định thống nhất lực lượng vũ trang tỉnh. Vệ Quốc đoàn quận Châu Thành sát nhập với Vệ Quốc đoàn Biên Hòa do Huỳnh Văn Nghệ làm chỉ huy trưởng. Vệ Quốc đoàn Biên Hòa tổ chức thành lập 9 "quận quân sự". Mỗi "quận quân sự" phụ trách một số xã có từ 1 đến 2 tiểu đội vũ trang làm nòng cốt phát triển du kích xã, tiếp tế, chuẩn bị địa bàn cho Vệ Quốc đoàn Biên Hòa hoạt





động. Các quân quân sự ra đời góp phần đẩy mạnh hoạt động vũ trang trên địa bàn tỉnh. Trong lúc đó, do thiếu liên lạc, Vệ Quốc đoàn quận Long Thành vẫn còn hoạt động riêng lẻ.



Chỉ huy trưởng Vệ quốc đoàn  
Biên Hòa Huỳnh Văn Nghệ

Tháng 6/1946, Khu 7 mở hội nghị quân sự toàn Khu tại Đông Thành bàn vấn đề thống nhất tổ chức vũ trang toàn khu. Nghị quyết hội nghị có hai điểm chính: Ở mỗi tỉnh, lực lượng vũ trang thống nhất lại và tổ chức thành chi đội; Chi đội ở tỉnh nào làm nhiệm vụ địa phương bảo vệ chính quyền và nhân dân tỉnh đó. Thực hiện Nghị quyết quân sự khu, Vệ Quốc đoàn Biên Hòa sáp nhập thêm Vệ Quốc đoàn Long Thành tổ chức thành Chi đội 10. Ban chỉ huy chi đội gồm Huỳnh Văn Nghệ chỉ đội trưởng; Nguyễn Văn Lung chỉ đội phó, Phan Đình Công chính trị viên. Ban chỉ huy thành lập các tiểu ban: quân nhu, quân trang, quân y, tiểu ban sản xuất tự túc, binh công xưởng, kho vũ khí, quân báo để phục vụ các yêu cầu chiến đấu, sinh hoạt của chi đội. Quân số chi đội 10 trên 2.000 người tổ chức thành 3 đại đội.

Khi chính quyền cơ sở trong tỉnh đã phát triển tương đối mạnh, Ban chỉ huy chi đội quyết định chuyển 9 quân quân sự thành 9 ban công tác liên thôn (Ban chỉ huy quân sự liên thôn) chỉ hoạt động quân sự, và thành lập thêm một số ban mới. Chi đội xây dựng một quân y viện, các đại đội đều có trạm xá, trung đội có y tá, phân đội có cứu thương vừa làm nhiệm vụ cứu chữa cho bộ đội, điều trị bệnh cho nhân dân khu vực đóng quân. Việc thành lập chi đội 10 Biên Hòa đánh dấu sự thống nhất lãnh đạo, chỉ huy lực lượng vũ trang trong tỉnh. Đồng thời, với việc thành lập các ban công tác liên thôn, các đội du lịch xã, đến cuối năm 1946, Biên Hòa là địa phương sớm hình thành 3 loại hình tổ chức lực lượng vũ trang, đảm bảo đứng chân chiến đấu trên các địa bàn đạt kết quả cao.



Huấn luyện quân sự của LLVT Chi đội 10 Biên Hòa

## 2. Công nhân cao su với “Mặt trận cao su chiến”.

Khi thực dân Pháp mở rộng lấn chiếm các tỉnh miền Đông, các đồn điền An Lộc, Dầu Giây, Bình Sơn đều tổ chức được trung đội tự vệ chiến đấu sẵn sàng chặn địch. Công nhân đồn điền Túc Trưng đốn cây lãn ra mặt đường trên đoạn đường dài từ Dầu Giây lên cầu La Ngà (quốc lộ 20), tự vệ Kinh, Thượng chuẩn bị chai xăng, cung ná, tên tẩm thuốc độc phục sẵn bên đường để chặn giặc. Công nhân các sở khuôn vác, tháo gỡ các thiết bị máy tiện, khoan, máy cán mũ, sắt, thép, hóa chất ra rừng, làm cơ sở để xây dựng các binh công xưởng.

Tại Biên Hòa, cuối năm 1945, hướng quốc lộ 1 và 20, tự vệ công nhân các đồn điền Trảng Bom, Dầu Giây, Suối Tre, An Lộc, Bình Lộc, Túc Trưng liên tục





chặn đánh địch mở rộng lấn chiếm. Khi tư bản thực dân trở lại, các đồn điền cao su ở Biên Hòa đều bị phá hoại nghiêm trọng, hầu hết công nhân rút ra vùng căn cứ tham gia kháng chiến. Chiếm lại các đồn điền cao su, tại mỗi sở thực dân Pháp đóng một chi khu, lực lượng thường xuyên khoảng 2 đại đội để càn quét, gom công nhân, bảo vệ chủ đồn điền, vườn cây, hỗ trợ đắc lực cho việc khai thác. Giữa năm 1946, tư bản Pháp bắt đầu mở cửa đồn điền để khai thác cao su.



Sau Hiệp định sơ bộ ngày 6/3/1946, Tổng công đoàn Nam bộ chỉ đạo xây dựng rộng rãi tổ chức công đoàn để vận động công nhân tham gia kháng chiến. Tại Biên Hòa, giữa năm 1946, công đoàn cơ sở vùng đồn điền được xây dựng với 4.000 hội viên. Hàng loạt công nhân thoát ly tham gia Vệ Quốc đoàn. Một trung đội dân quân được liên đoàn giao nhiệm vụ phá hoại cao su, đánh vào kinh tế của thực dân Pháp ở Biên Hòa, mở đợt hoạt động **“biến đồn điền thành chiến trường diệt địch”** và phá hoại kinh tế địch. Hàng loạt cuộc đấu tranh của công nhân cao su Biên Hòa nổ ra vào các dịp lễ 1/5, 19/5, 14/7/1947 ở Suối Tre, Cốc Rang, Dầu Giây bằng hình thức đình công, lãn công, giấu dụng cụ cạo mũ, đòi nghỉ ngày Quốc tế lao động, đòi tăng lương. Ngày 14/7/1947, thợ chuyên môn ở các xưởng, phòng giấy đồn điền Bình Lộc, An Lộc, Dầu Giây gài chất nổ ở các nhà máy đèn, máy nước, kho dầu, kho mũ, phá hủy một lượng thiết bị, sản phẩm. Ngoài hoạt động của đội chuyên trách Liên đoàn, công nhân ở các đồn điền tham gia phá hoại bằng nhiều hình thức như vạt vỏ, chặt cây, đổ mũ nước, chôn mũ bèo, đập chén, tháo kiềng, đốt mũ thành phẩm, đốt lò xông. Chỉ riêng ngày 19/5/1947, công nhân cao su Biên Hòa chặt phá 300.000 cây cao su đã làm thu hẹp diện tích khai thác cao su và sản lượng mũ của tư bản đồn điền.

Sau thất bại ở Việt Bắc 1947, từ năm 1948, thực dân Pháp chuyển sang chiếm đóng và bình định Nam bộ, vùng đồn điền cao su là một trọng điểm. Pháp điều sư đoàn Lê dương thứ 2 về Xuân Lộc, càn quét ác liệt vùng cao su và vùng rẫy với phương châm “đốt sạch, phá sạch” hoa màu, cây trái, nhà cửa công nhân ở ngoài khu chúng kiểm soát để triệt phá kinh tế kháng chiến. Chỉ riêng đồn điền cao su An Lộc khoảng 2.400 công nhân, địch bố trí đến một tiểu đoàn bảo đảm an ninh, một trung đội cơ giới để kìm kẹp. Làng công nhân cao su trở thành nhà tù, có đồn binh và những lớp rào tre nhọn bao bọc, công nhân ra vào bị kiểm soát nghiêm ngặt. Địch càng khùng bố, phong trào công nhân cao su ở Biên Hòa vẫn không giảm sút, mà chuyển thành những hình thức đấu tranh chính trị khéo léo hơn. Từ giữa năm 1948, ngoài đội dân quân chuyên phá cao su của Liên đoàn, tất cả các lực lượng vũ trang, chiến đấu trên địa bàn tỉnh đều tổ chức đội đặc nhiệm phá cao su để đẩy mạnh công tác phá hoại kinh tế của địch.





Công nhân cao su tỉnh Biên Hòa còn là lực lượng tích cực xây dựng các vùng căn cứ kháng chiến. 2.000 công nhân cao su huyện Xuân Lộc được đưa về chiến khu Đ ở khu vực Hàng Dài, lập thành xã Cộng hòa. 2.000 công nhân khác về xã Long An, Long Thành; 800 công nhân về Bà Lâm xây dựng căn cứ Xuyên Phước Cơ (Bà Rịa). Hàng trăm công nhân Bình Lộc về Võ Đắc lập xã Tứ Hiệp, việc xây dựng làng xã và cuộc sống mới của công nhân cao su ở các vùng căn cứ kháng chiến vừa góp phần xây dựng hậu phương cách mạng, vừa cổ vũ phong trào công nhân các đồn điền do địch kiểm soát. Cuối năm 1949, trên cơ sở xác định cao su là tài nguyên đất nước, bí thư Xứ ủy Nam bộ Lê Duẩn chỉ thị các Liên đoàn cao su thay đổi phương thức phá hoại cây cao su. Từ nay trọng tâm phá hoại là nhằm làm giảm tốc độ sản xuất, giảm mức thu hoạch thành phẩm và lợi nhuận thu được của tư bản Pháp. Theo phương hướng này, trong 6 tháng đầu năm 1950, công nhân đồn điền An Lộc, Bình Lộc đốt cháy 2.100 tấn mù trong nhà kho, phá hủy 6 xe cam nhông, gây thiệt hại trên 2.000 đồng. Trong ngày 19/5/1950, công nhân đồn điền Trảng Bom thiêu hủy nhà xông mù lớn nhất của công ty cao su Đồng Nai, đốt 34.200 kg mù, 28 xe, giá trị tổng cộng trên 600.000 đồng.



Tháng 5/1951, tỉnh Biên Hòa và Thủ Dầu Một sáp nhập thành tỉnh Thủ Biên. Nhằm đẩy mạnh công tác xây dựng, khôi phục phát triển cơ sở trong công nhân và vùng đồng bào dân tộc, tỉnh thành lập hai đội vũ trang tuyên truyền Xuân Lộc và Trảng Bom. Thành phần gồm bộ đội, công an, cán bộ mặt trận, đoàn thể cứu quốc. Cả hai đội tổ chức nhiều đoàn xâm nhập vào các đồn điền mọc nổi, khôi phục cơ sở cũ, tạo địa bàn để lực lượng vũ trang tiến công địch; phát triển phong trào chống bắt lính trong công nhân. Cuối năm 1953, đầu năm 1954, tổ chức công đoàn, tổ chức Đảng ở các đồn điền Biên Hòa, Xuân Lộc được khôi phục, làm cơ sở quan trọng cho cuộc chiến đấu chống Mỹ, ngay sau khi có Hiệp định Genève tháng 7/1954.

### 3. Những trận đánh giao thông

#### 3.1- Đánh đường sắt:

Kháng chiến toàn quốc bùng nổ, Trung ương Đảng chỉ đạo Xứ ủy Nam bộ *“không để cho giặc Pháp lấy của cướp được ở Nam bộ ra đánh Trung và Bắc bộ”*. Biên Hòa nằm trên các tuyến đường chiến lược quan trọng như quốc lộ 20, quốc lộ 1, đường sắt xuyên Việt, là những đường giao thông vận chuyển quân sự của địch từ Nam ra Bắc. Ban chỉ huy chi đội 10 chủ trương mở một loạt trận đánh giao thông để tiêu diệt tiêu hao sinh lực địch. Từng trung đội, đại đội của chi đội 10 tổ chức một số trận đánh giao thông trên liên tỉnh lộ số 2, liên tỉnh lộ 24, quốc lộ 15, đồng thời tiến công một số đồn bót lẻ của địch như Cây Gáo, Bình Lộc (1/1947), La Ngà (6/1947). Chi đội 10 đưa các trung đội về cơ sở phối hợp cùng các Ban công tác liên thôn cùng cố, dẫn dắt các đội du kích xã và để lại một số trung đội ở địa bàn xung





yêu cùng du kích giữ căn cứ. Chi đội chủ trương vừa tập trung tác chiến vừa huấn luyện, lấy thực tế chiến đấu để xây dựng và huấn luyện chiến sĩ.



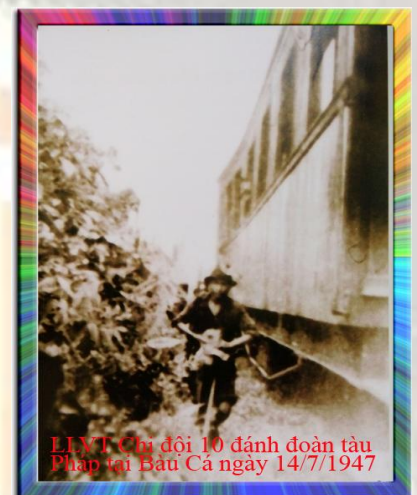
LLVT Biên Hòa đánh phá đường xe lửa địch ở Trảng Táo

Khắc phục điểm yếu về vũ khí, ban chỉ huy chủ trương chọn mục tiêu tiên công là các đoàn xe lửa vì địch chuyển quân, thiết bị ra Bắc chủ yếu phải dùng đường sắt, tuyến phục kích tương đối ngắn, thông tin liên lạc của địch còn hạn chế. Về vũ khí, chi đội chỉ có loại mìn tạo từ đầu đạn pháo 75 ly, nên đề ra cách đánh là kết hợp dùng mìn chế tạo từ đầu đạn pháo 75 ly, tháo ốc vít các thanh tà vẹt với đường ray, chờ

khi xe lửa địch đến thì nổ mìn đồng thời cột dây kéo mạnh đường ray làm đầu xe lửa trật bánh sắt phải dừng lại để bộ đội xung phong.

Tháng 5/1947, Ban chỉ huy chi đội 10 tập trung cả ba đại đội (thiếu) gồm 6 trung đội tổ chức đánh đường sắt tại Xuân Lộc, cách đánh là dùng mìn 75 ly kết hợp dây kéo. Trận mở đầu ở Bảo Chánh I (19/5/1947) đầu xe lửa của địch bị trật bánh khỏi đường ray phải dừng lại, bộ đội xung phong diệt địch thu nhiều vũ khí. Trận Trảng Táo (6/1947), bộ đội men theo bìa rừng truy kích, diệt được wagông bọc thép, thu nhiều súng đạn. Thực tế cho thấy cách đánh trận bằng mìn 75 ly kết hợp kéo dây hiệu quả đạt không cao. Trận Bảo Chánh II (tháng 6/1947), quả mìn 50kg do Binh công xưởng chế tạo được đưa vào sử dụng. Theo kế hoạch, ta đánh vào đoàn tàu thứ hai vì tin là đoàn tàu thứ nhất không dám quay lại ứng cứu. Một tình huống ngoài dự kiến xảy ra. Mỗi đoàn tàu, địch dùng đến hai đầu máy: một đầu máy kéo và một đầu máy đẩy. Do đó khi đầu máy đẩy xuất hiện, bộ đội tưởng là đầu đoàn tàu thứ hai, nổ mìn đánh. Đoàn tàu thứ hai còn cách 200 mét. Ban chỉ huy phải lệnh cho bộ đội vận động tấn công diệt wagông bọc thép và rút lui an toàn.

Ngày 11/7/1947, quân Pháp tổ chức càn quét quy mô lớn vào chỉ huy sở đóng tại chân núi Chứa Chan. Lực lượng ta đã di chuyển sang Bàu Cá. Tại đây, ban công tác liên thôn 11 chuẩn bị lương thực, địa bàn để chi đội đánh trận xe lửa thứ tư. Địa điểm phục kích là hai quả đồi cách nhau khoảng 300 mét, theo kế hoạch ta đánh vào cả hai đoàn tàu ở trận địa A và B. Lúc 12 giờ trưa ngày 14/7/1947, đoàn tàu thứ nhất tiến vào trận địa, quả địa lôi 50kg nổ phá hủy đầu máy, buộc tàu địch phải dừng lại. Từ trên cao, bộ đội dùng lựu đạn, súng tấn công diệt 200 lính (cả bảo vệ đoàn tàu và lính tăng viện ra Bắc) thu 1 trung liên, 3 tiểu liên thompson, 11 tiểu liên, 40 súng trường, 5 súng ngắn, 3 máy vô tuyến và nhiều lương thực. Đoàn tàu thứ hai rút chạy về Trảng Bom. Sau loạt trận đánh đường sắt ở Xuân Lộc, toàn chi đội về chiến khu Đ rút kinh



LLVT Chi đội 10 đánh đoàn tàu Pháp tại Bàu Cá ngày 14/7/1947





nghiệm và bước vào đợt huấn luyện mới. Qua thực tế chiến đấu và tiếp thu lý thuyết về sản xuất mìn, binh công xưởng đã chế tạo ra loại mìn lồm, gọi là bazomine vừa gọn nhẹ nhưng có sức công phá lớn. Sau đợt huấn luyện, ban chỉ huy chi đội 10 tổ chức một loạt trận đánh giao thông đường bộ từ quy mô nhỏ nâng dần lên đánh tập trung lớn. Tiêu biểu là hai trận đánh giao thông ở Phước Cang, Long Thành (tháng 11/1947) và trận giao thông Đồng Xoài (quốc lộ 14 ngày 19/12/1947).

Tháng 12/1947, theo chỉ đạo thống nhất từ Bộ Tư lệnh khu, tỉnh đội dân quân Biên Hòa thành lập do Cao Văn Bỏ (từ chi đội 10 bổ sung) làm Tỉnh đội trưởng, hai tỉnh đội phó là Nguyễn Văn Trị (thường vụ Tỉnh đoàn) và Nguyễn Thị Nguyệt (thường vụ Liên hiệp phụ nữ tỉnh), Nguyễn Văn Lai (tỉnh ủy viên) làm chính trị viên. Các Ban công tác liên thôn sát nhập theo địa bàn quận trở thành quận đội dân quân, các xã thành xã đội dân quân, bộ đội địa phương quận, du kích xã được hình thành trên cơ sở du kích của các ban công tác liên thôn trước đây. Chi đội 10 và hệ thống tỉnh đội dân quân, quận đội dân quân, du kích xã hợp thành tổ chức 3 thứ quân khá vững chắc ở Biên Hòa.

### 3.2- Trận phục kích La Ngà.

Đầu năm 1948, công tác chuẩn bị trận đánh giao thông trên quốc lộ 20 đi Đà Lạt được triển khai. Ngày 22/2/1948, lương thực đã chuẩn bị xong, các kho dự trữ đảm bảo cho 1.000 quân ăn trong 7 đến 10 ngày. Trinh sát chi đội nắm chắc quy luật các đoàn xe địch thường di chuyển trên quốc lộ 20. Địa điểm phục kích được chọn từ cầu La Ngà đến Định Quán (cây số 104 đến 113). Đảng ủy, Ban chỉ huy Chi đội 10 mở cuộc họp hạ quyết tâm và thông qua kế hoạch tác chiến gồm các điểm chính:

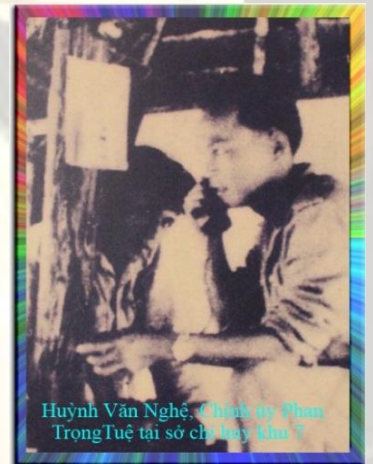
- Tiêu diệt gọn đoàn xe chở cán bộ quân sự địch đi dự hội nghị quân chính Đà Lạt vào đầu tháng 3/1948 trên quốc lộ 20.

- Phải thắng cả quân sự, chính trị, dân vận và địch vận. Do đó phải giáo dục bộ đội giữ nghiêm kỷ luật chiến trường, thực hiện tốt chính sách tù hàng binh và công tác dân vận.

- Phải bố trí lực lượng ở căn cứ để chống càn vì sau trận đánh, địch thua sẽ trả đũa càn quét vào căn cứ kháng chiến, có kế hoạch bám sát địch ngay từ đầu và đánh mạnh thị xã Biên Hòa, thị trấn Xuân Lộc buộc địch phải bị động ứng phó.

- Tập trung đủ lực lượng (kể cả Liên quân 17 của khu đang huấn luyện ở chi đội 10) gồm 9 trung đội: Đại đội A có 2 trung đội, Đại đội B có 2 trung đội, Đại đội C có 1 trung đội, Liên quân 17 có 3 trung đội, quốc vệ đội Xuân lộc có 1 trung đội.

Tuyến phục kích kéo dài 9km (cây số 104 đến 113) chia làm 3 trận địa: A - trận địa chặn đầu, C - trận địa khóa đuôi, B - trận địa ở giữa. Khi chưa nghe lệnh tấn







công bằng mình ở trận địa A, không được hành động mà phải tuyệt đối giữ bí mật để đoàn xe địch lọt hết vào trận địa phục kích. Không được bắn vào các xe ca đi trong đoàn để không gây thiệt hại cho hành khách. Cách đánh là bí mật, bất ngờ, xung phong mãnh liệt, giải quyết nhanh trận địa, tích cực truy kích địch kết hợp kêu gọi đầu hàng. Kế hoạch khắc phục máy bay địch lên phản kích gồm hai điểm:

- Trung đội 5 của đại đội B phối hợp cùng dân quân quận Châu Thành và Xuân Lộc chặt cây cho ngã ra đường, tổ chức bắn tia quấy rối địch đoạn từ Hồ Nai lên Dầu Giây. Mục đích là làm đoàn xe địch phải chậm từ 2 đến 3 giờ, buộc chúng vào trận địa khoảng 15 giờ trở đi vì giờ đó có nhiều sương mù, máy bay khó phát huy tác dụng. Mặt khác, hoạt động bắn tia, quấy rối sẽ làm cho binh lính địch mệt mỏi, tinh thần căng thẳng, sức chiến đấu sẽ giảm.

- Đặt một tổ nghi binh ở phía đông đường 20 (ta phục kích ở phía tây). Khi có hiệu lệnh tấn công, tổ nghi binh sẽ đốt nhiều đồng lửa dưới các tán cây rừng rậm rạp nhằm thu hút máy bay địch lên chi viện. Trong quá trình chuẩn bị trận đánh, Huỳnh Văn Nghệ được đề bạt làm Khu bộ phó khu 7, nhưng vẫn kiêm chỉ đội trưởng chi đội 10 Biên Hòa. Đồng chí Nguyễn Văn Lung, chỉ đội phó trực tiếp chỉ huy trận đánh giao thông.

Ngày 26/2/1948, đơn vị hành quân bí mật từ chiến khu Đ về trận địa tây quốc lộ 20 cách căn cứ 80km. Ngày 29/2, toàn lực lượng chiếm lĩnh trận địa chiến đấu, Binh công xưởng chi đội bố trí địa lôi ở 3 trận địa A, B, C, bên trên ngụy trang bằng những đồng phân voi. Tại sở chỉ huy, Ban chỉ huy nhận được điện của Khu bộ phó Huỳnh Văn Nghệ: Trận phục kích giao thông được mang tên Dương Văn Dương để kỷ niệm 2 năm ngày mất của ông, nguyên là Khu bộ phó Khu 7.



Trận đánh diễn ra đúng như kế hoạch. Lúc 15 giờ 2 phút ngày 1/3/1948, quả địa lôi ở mặt trận A nổ, chiếc xe bọc thép đi đầu bị phá hủy. Từ phía tây lộ 20, lực lượng ta xung phong ra đường tấn công địch quyết liệt, 15 giờ 27 phút, địa lôi trận địa C nổ, cả đoàn xe địch bị giam vào trong trận địa, chỉ còn lại hơn 10 chiếc hoảng sợ rút chạy ngược về hướng cầu La Ngà. Trên cả ba mặt trận, chi đội 10, liên quân 17 dũng mãnh xung phong. Địch hoàn toàn bất ngờ, chóng trả yếu ớt. Gần 1 tiếng đồng hồ, trận đánh kết thúc, ta phá hủy 59 xe quân sự của địch, diệt 150 binh lính hộ tống, 25 tên sĩ quan chỉ huy, hậu cần, tham mưu đi dự hội nghị quân chính, bắt sống trung úy Joeffrey chỉ huy đại đội hộ tống. Trong 25 sĩ quan chết có Đại tá De Sérigné chỉ huy bán lữ đoàn Lê Dương thứ 13, đại tá Paruit phó tham mưu trưởng thứ nhất quân đội Pháp ở Nam Đông Dương; thiếu tá chỉ huy phân khu quân sự Hóc Môn; đại úy Jean Couvreur trưởng phòng xe hơi.





Trong số 270 tù hàng binh và hành khách, có nhiều người và binh lính bị thương; người già và trẻ em sau khi được săn sóc, giải thích rõ chủ trương chính sách của Mặt trận Việt Minh ta phóng thích tại chỗ. Số còn lại được đưa về căn cứ ở Suối Cát, gồm nhiều thành phần trí thức, nữ tu, người buôn bán, hầu hết đều ở Sài Gòn. Tất cả được chia xẻ khẩu phần ăn đạm bạc của bộ đội. Trời mờ sáng, tất cả hành khách được hướng dẫn ra quốc lộ 20 để về Sài Gòn. Riêng Trung úy Joeffrey



Tượng đài chiến thắng La Ngà, 1948

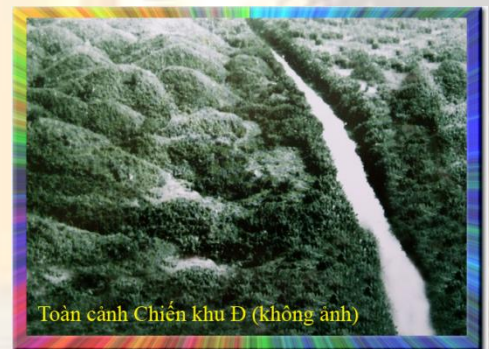
được điều trị vết thương gãy chân và trao trả sau này. Toàn bộ lực lượng ta cấp tốc hành quân trở về chiến khu Đ, kịp thời phối hợp cùng các đơn vị tại chỗ tổ chức đánh địch bẻ gãy trận càn của 4.000 quân Pháp vào căn cứ.

Chiến thắng La Ngà là trận đánh giao thông giành thắng lợi lớn về quân sự, diệt gọn đoàn xe quân sự địch, bắt sống tù binh, gây ảnh hưởng tốt, có tiếng vang trong nước và thế giới. Đây. Qua báo chí và lời kể của hành khách đi theo đoàn xe, nhân dân vùng tạm chiếm hiểu được chính nghĩa của cuộc kháng chiến giành độc lập dân tộc, không dễ dàng bị lừa bịp bởi các luận điệu tuyên truyền của thực dân và tay sai. Nhiều sĩ quan, binh lính Pháp trước tinh thần nhân đạo của bộ đội, nhận thức được tính chất phi nghĩa của cuộc chiến tranh xâm lược mà họ bị bắt buộc tiến hành. Không ít người sau này thoát ly theo Việt Minh kháng chiến và chống chiến tranh xâm lược của Pháp. Sau chiến thắng La Ngà, nhiều thanh niên trong vùng tạm chiếm tình nguyện ra chiến khu, bà con vùng tạm chiếm vận động nhau mua lương thực, thuốc men, chuyển ra ủng hộ kháng chiến.

Ngày 27/3/1948, trong cuộc hội nghị quân sự toàn khu, Bộ tư lệnh khu 7 đánh giá: *“đánh trận La Ngà, quân ta đạt yêu cầu đề ra, thắng cả về quân sự và chính trị. Thắng lợi về quân sự là lớn, nhưng thắng lợi về chính trị còn lớn hơn. Bằng những hành động thực tế của mình trong chiến đấu, trong việc chấp hành đúng đắn các chính sách dân vận, địch nguy vận của Đảng và Nhà nước, chiến sĩ La Ngà đã làm cho nhân dân tin tưởng, quý mến, kẻ địch khiếp sợ và khâm phục. Trận La Ngà chứng tỏ bộ đội khu 7 nói chung, bộ đội Biên Hòa nói riêng có bước trưởng thành về nhiều mặt”*.

#### 4. Căn cứ địa cách mạng.

Tân Uyên, một quận của tỉnh Biên Hòa xưa, ngoài thị trấn, địa bàn còn lại ở các xã hầu hết là rừng rậm; hướng bắc, đông bắc, đông nam và nam có sông Bé và sông Đồng Nai bao bọc, cách tỉnh lỵ Biên Hòa chỉ hơn 8km đường chim bay. Đó là khu vực có địa hình lý tưởng để cơ quan đầu não Khu ủy miền Đông, Tỉnh ủy Biên Hòa đứng chân lãnh đạo cuộc kháng chiến và lực lượng vũ trang hoạt động. Chính dựa vào địa hình này, tháng



Toàn cảnh Chiến khu Đ (không ảnh)





7/1940, Tỉnh ủy Biên Hòa đã xây dựng đội vũ trang (35 người) để chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa Nam kỳ. Cuộc khởi nghĩa thất bại, nhiều người lãnh đạo, chỉ huy đơn vị bị giết, bị bắt đày đi Côn Đảo. Ông Trần Văn Quý cùng với hơn một tiểu đội có vũ trang đã rút vào rừng Tân Uyên để giữ gìn lực lượng đợi thời cơ.



Lực lượng vũ trang đứng chân ở chiến khu Đ

Tháng Tám 1945, lực lượng vũ trang Chính Quý tham gia cướp chính quyền ở Tân Uyên. Khi bộ đội Tám Nghệ rút về Tân Tịch, lực lượng vũ trang Chính Quý, lực lượng vũ trang của Ủy ban kháng chiến Tân Uyên kéo đến gia nhập. Đông đảo thanh niên, công nhân trí thức từ Sài Gòn cũng đến đầu quân. Vệ Quốc đoàn Biên Hòa là đơn vị đứng chân ở Tân Uyên do Huỳnh Văn Nghệ chỉ huy, gồm 4 phân đội. Từ tháng 11/1945, Trung tướng Nguyễn Bình được Trung ương cử vào phụ trách công tác quân sự ở Nam bộ, ông quyết định chọn Tân Uyên làm căn cứ địa cho toàn khu. Sau hội nghị quân sự Nam bộ ở Đức Hòa (Long An), ngày 10/12/1945, chiến khu 7 được thành lập. Ngày 17/12/1945, cơ quan Khu bộ Khu 7 về đóng quân ở thị trấn Tân Uyên, tổ chức lực lượng bảo vệ căn cứ gồm 4 đại đội ở Tân Long, Tân Nhuận, Cây Đào, Tân Tịch, thị trấn. Cuối tháng 12/1945, một bộ phận của chi đội Thủ Dầu Một cũng về đứng chân ở Tân Uyên. Như vậy, chỉ sau hai tháng khi thực dân chiếm Biên Hòa, Tân Uyên đã trở thành căn cứ địa kháng chiến.

Ngày 25/1/1946, sau hai đợt hành quân thăm dò (ngày 20 và 22/1/1946), thực dân Pháp huy động 4.000 quân bao gồm cả thủy, lục, không quân tiến công vào căn cứ Tân Uyên. Nhân dân Tân Uyên đã thực hiện “tiêu thổ kháng chiến”, sơ tán vào rừng. Bộ đội Khu 7 và Vệ Quốc đoàn Biên Hòa đã triển khai lực lượng chống càn trên nhiều hướng, tổ chức tập kích bất ngờ gây cho địch nhiều thiệt hại.



Công binh xưởng Chi đội 10 ở Chiến khu Đ

Ngày 20/2/1946, Khu bộ Khu 7 tổ chức cuộc họp tại Lạc An. Hội nghị đặt vấn đề cải tổ bộ máy lãnh đạo Khu, thảo luận những biện pháp nhằm xây dựng địa bàn đứng chân, các khu vực doanh trại, bố trí hệ thống phòng thủ đảm bảo chiến đấu ngăn chặn tiêu diệt địch và bảo vệ an toàn căn cứ. Hội nghị Khu bộ khu 7 ở Lạc An, đánh dấu một bước quan trọng cho sự ra đời của chiến khu Đ. Sau hội nghị, công tác quy hoạch, xây dựng căn cứ được triển khai một cách hệ thống. Các cơ quan, đơn vị, công xưởng được bố trí từng khu vực, mỗi khu vực đều có phương án di chuyển và mang một mật danh là A, B, C, Đ. A là căn cứ giao thông liên lạc đóng ở Giáp Lạc; B là căn cứ hậu cần đóng ở Thường Lan; C là khu vực bộ đội đóng thường trực ở sở Ông





Đội; Đ là khu vực tổng hành dinh Khu 7 đóng ở hồ Ngãi Hoang. Từ cuối tháng 2/1946, căn cứ tổng hành dinh Khu 7 thường được gọi là “chiến khu Đ”.

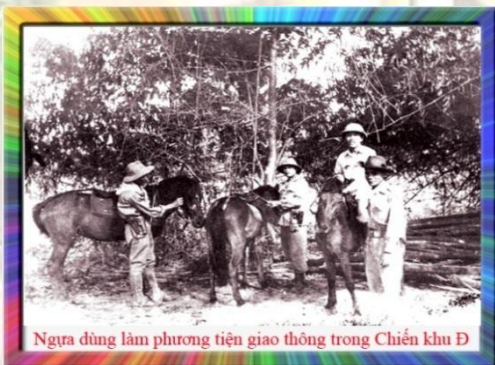
Liên tiếp sau trận càn quét mở rộng địa bàn Tân Uyên từ ngày 15/3/1946 đến ngày 18/4/1946, tướng Leclerc chỉ huy 8.000 quân Pháp với máy bay, xe tăng, tàu chiến tiến công vào chiến khu Đ, nhằm bao vây tiêu diệt cơ quan chỉ huy và lực lượng kháng chiến miền Đông Nam bộ. Ngày 19/4/1946, quân Pháp chia làm nhiều mũi bắt đầu tiến công. Lực lượng bảo vệ Khu bộ cùng Vệ Quốc đoàn Biên Hòa tổ chức bố trí lực lượng các khu trọng yếu như Lạc An, Giáp Lạc; xóm Sinh, Mỹ Lộc, Tân Lợi, Tân Tịch. Trận chống càn diễn ra hết sức ác liệt. Dựa vào ưu thế tại chỗ, bộ đội ta linh hoạt phân tán, chia cắt đội hình tập kích đánh địch. Trận phục kích Giáp Lạc diệt 60 tên; tập kích ở Đất Cuốc diệt 100 tên.

Ngày 21/4/1946, giặc chiếm được xưởng quân giới ở Bưng Tre, đóng quân tại xóm Voi, bộ đội ta tập kích diệt 80 tên. Do tương quan lực lượng, Khu bộ Khu 7 và Vệ Quốc đoàn Biên Hòa quyết định rút lui khỏi vòng vây của địch để bảo toàn lực lượng. 21 giờ ngày 22/4/1946, sau khi đánh lừa địch bằng một lệnh điều động quân giả, toàn bộ các cơ quan đơn vị bộ đội, hậu cần ở chiến khu gần 2.000 người bí mật rời xóm Sinh và các điểm khác tiến lên xóm Ông Linh, từ đó thoát an toàn ra khỏi vòng vây của kẻ thù. Tháng 5/1946, tại xóm Đền xã Tân Hòa, hội nghị quân sự tỉnh Biên Hòa tổ chức, thông qua hai vấn đề chính: thống nhất các đơn vị vũ trang trong tỉnh thành Vệ Quốc đoàn Biên Hòa và xây dựng chiến khu Đ thành căn cứ chính thức của tỉnh Biên Hòa. Cơ quan Khu bộ Khu 7 rút về Vườn Thom, sau về Đức Hòa lập căn cứ mới gọi là Quân khu Đông Thành, để lại tỉnh Biên Hòa một số phân đội quốc tế, xưởng quân giới, quân trang và quân y viện.



Bác sĩ mổ cấp cứu cho thương binh trong phòng mổ dã chiến giữa rừng Chiến khu Đ, năm 1966

Tháng 6/1946, Chi đội 10 được thành lập. Sau tạm ước 14/9, Pháp rút bớt lực lượng chuyển quân ra Bắc mở rộng chiến tranh xâm lược. Tại khu vực căn cứ và ngoại vi chiến khu Đ, địch rút bớt một số đồn bót. Phạm vi kiểm soát của địch đối với chiến khu bị thu hẹp. Năm cơ hội đó, tỉnh chỉ đạo xây dựng và phát triển căn cứ, các cơ quan kháng chiến của tỉnh, huyện từ rừng sâu chuyển ra ngoài xây dựng lán trại dọc Đất Cuốc, Tân Lợi, Mỹ lộc, Tân Tịch. Sở chỉ huy chi đội 10 từ Bình Chánh chuyển về Tân Tịch. Các đơn vị bước vào đợt huấn luyện và được đưa về cơ sở để xây dựng phong trào. Công tác xây dựng mạng lưới hậu cần căn cứ mở rộng nhờ tạo được mối quan hệ chặt chẽ với cơ sở ở vùng tạm chiếm. Quân y viện mở các lớp huấn luyện y tá, cứu thương, bào chế nhiều loại thuốc thông dụng cung cấp cho bộ đội.



Ngựa dùng làm phương tiện giao thông trong Chiến khu Đ





Khi cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ, lực lượng kháng chiến Biên Hòa đẩy mạnh hoạt động để tìm chân địch, mở rộng tiến công ra ngoài căn cứ, kết hợp chống càn bảo vệ căn cứ. Tại chiến khu Đ, đại đội A tiến công ở bót Tân Uyên, phục kích các đoàn giao thông trên lộ 16; đại đội B tiến công bót miếu Bà Cô (Thiên Tân), phục kích trên đoạn đường Cây Đào - Rạch Đông (lộ 24, lộ 8); diệt bót Cây Gáo (2/1947), bót Bình Lộc, đồn Đất Cuốc (3/1947), bót cầu La Ngà (6/1947). Nhân dân vùng căn cứ có sáng kiến nhận chìm các xà lan chất đầy đá làm đập chắn ngang sông Đồng Nai chặn tàu giặc. Trên cơ sở tổ chức được hệ thống phòng thủ, mở rộng căn cứ, xây dựng được ba thứ quân và phát triển phong trào du kích chiến tranh. Chi đội 10 Biên Hòa mở một loạt trận đánh giao thông đường sắt, đường bộ xa căn cứ như Bảo Chánh, Trảng Táo, Bàu Cá, Đồng Xoài, bẻ gãy các trận càn quét của thực dân vào chiến khu Đ trong năm 1948. Quân dân Biên Hòa xây dựng thành công chiến khu Đ, một căn cứ hậu phương của kháng chiến một bàn đạp tiến công kẻ thù.

Từ tháng 5/1951, chiến khu Đ được Xứ ủy xác định là một trong những căn cứ lớn của Nam bộ. Tại chiến khu Đ, ban căn cứ địa Nam bộ do Đào Văn Quang phụ trách cùng ban căn cứ tỉnh Thủ Biên quy hoạch thành huyện căn cứ Đồng Nai, tổ chức bố trí từng khu vực cho các đơn vị, có hệ thống giao thông, liên lạc, trinh sát và bảo vệ. Các cơ quan đều tổ chức lực lượng du kích để bảo vệ căn cứ với hệ thống hầm hào khá hoàn chỉnh. Đến cuối 1953, phạm vi chiến khu Đ được mở rộng và hoàn chỉnh: phía tây giáp đường 16 và liên tỉnh IA, phía đông lên đến vùng Tà Lài, diện tích khoảng 4.000 km<sup>2</sup>.

Thực dân Pháp trong quá trình xâm lược ở miền Đông Nam bộ, luôn xem chiến khu Đ là trọng điểm phải tiêu diệt. Chúng dùng đủ mọi thủ đoạn từ hành quân càn quét kết hợp cả bộ binh, hải quân, không quân, đến thủ đoạn tâm lý chiến, gián điệp, biệt kích để đánh phá nhưng đều thất bại. Đặc biệt lợi dụng bão lụt năm Thìn 1952, Pháp mở cuộc đánh phá vào chiến khu Đ liên tục 52 ngày đêm. Cán bộ, chiến sĩ, đồng bào chiến khu Đ bám trụ vừa khắc phục bão lụt, vừa chống địch để giữ vững căn cứ. Sau thất bại cuộc càn lớn này, hầu như quân Pháp không còn mở được một cuộc hành quân lớn vào chiến khu. Sự tồn tại một vùng căn cứ địa chiến khu Đ chỉ cách Biên Hòa 8km, và cách Sài Gòn hơn 30km đường chim bay là một thách thức và nỗi thất vọng cho thực dân, tay sai. Chính chúng đã phải tổng kết và rút ra kết luận “chiến khu Đ còn, Sài Gòn mất” và “chiến khu Đ đi dễ khó về. Lính đi mất mạng, quan về mất lon”.



Dâng hương trước Nhà truyền thống Chiến khu Đ

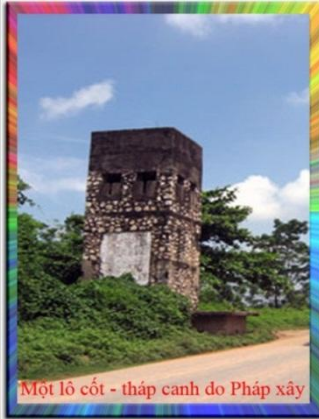
### 5. Biên Hòa - nơi hình thành cách đánh đặc công.

Cuối năm 1947, sau thất bại thảm hại ở Việt bắc, đánh dấu sự phá sản chiến lược “đánh nhanh, thắng nhanh”, thực dân Pháp phải chuyển hướng chiến lược sang “đánh lâu dài”, lấy chiến trường Nam bộ thực hiện chiến lược bình định “dùng





người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh”. Ở miền Đông Nam bộ, một mặt thực dân tăng cường xây dựng lực lượng thân binh, sử dụng lực lượng giáo phái chống lại kháng chiến; mặt khác tăng cường bảo vệ giao thông, bảo vệ các cơ sở kinh tế; đánh mạnh các khu căn cứ, du kích, thực hiện gom dân và phong tỏa kinh tế kháng chiến. Tướng De Latour, tư lệnh quân viễn chinh Pháp ở Nam bộ chọn miền Đông làm trọng điểm bình định, thực hiện chiến lược “vét dầu loang”, bằng cách xây dựng đồn bót dày đặc dọc theo các lộ giao thông huyết mạch, được gọi là chiến thuật “điểm và đường” hay chiến thuật De Latour. Địch xây dựng hệ thống tháp canh nhằm bảo vệ các đường giao thông và vùng kinh tế quan trọng, đồng thời lấn sâu vào vùng căn cứ và du kích kháng chiến.



Một lô cốt - tháp canh do Pháp xây

Tháp canh được xây dựng bằng gạch hoặc đá, tường dày từ 0,6 đến 0,8 mét, độ cao từ 8 đến 10 mét (tháp nhỏ), từ 10 đến 12 mét (tháp lớn), được bố trí nhiều tầng (tầng ngủ, tầng canh gác) xung quanh có các lỗ châu mai, trang bị súng trọng liên, phóng lựu, lựu đạn, do một tiểu đội canh giữ. Mỗi tháp canh cách nhau 1km, có nơi chỉ cách 300 - 500 mét. Về sau, địch đắp thêm lũy đất dày xung quanh 4 tường tháp canh, xung quanh có hàng rào tre, hàng rào kẽm gai có gai mìn, lựu đạn, địa hình phát trổng, có hệ thống đèn soi sáng. Nhờ vào chiều cao của tháp canh, tầm quan sát của địch xa và rộng, khống chế các đường giao thông gây cho ta nhiều khó khăn.

Để đánh phá âm mưu bình định của Pháp, nhiệm vụ phá hệ thống tháp canh cấp thiết và khó khăn bởi thực tế chiến trường bấy giờ ở miền Đông chưa có loại vũ khí đủ uy lực công phá được tường tháp dày. Những ngày đầu năm 1948, khi địch xây dựng tháp canh, du kích huyện Tân Uyên được nhân dân giúp đỡ nắm chắc lượng địch ở tháp canh cầu Bà Kiên (đường 16) và quy luật sinh hoạt hàng ngày để có thể tiếp cận tháp đánh địch. Đồng chí Trần Công An, trợ lý tác chiến huyện đội huấn luyện du kích đánh tháp canh. Đội chọn một cây độc mộc cao ở Đất Cuốc, cho du kích leo lên rọi đèn xuống các hướng. Bên dưới một số du kích thực tập bò vào tiếp cận nhiều lần đến khi nào người ngồi trên soi đèn không còn phát hiện được người ở dưới.

Gần một tháng nghiên cứu thực tập, du kích Tân Uyên đề nghị huyện đội cho đánh tháp canh cầu Bà Kiên. Phương thức đánh là áp sát tường, dùng lựu đạn đánh vào các lỗ châu mai và được huyện đội Tân Uyên chấp thuận. Đêm 18, rạng 19/3/1948, du kích Tân Uyên sử dụng 8 quả lựu đạn chia làm hai tổ, một tổ chặn viện và một tổ trực tiếp đánh tháp canh gồm Hồ Văn Lung, Trần Văn Uyên và Trần Công An chỉ huy. Cả 3 đồng chí bôi một lớp bùn ngụy trang vượt qua lớp rào bên ngoài, dùng thang áp vào tường tháp, leo lên ném lựu đạn vào cả 3 tầng của tháp, tiêu diệt mười một tên lính. Trận tấn công tháp canh đầu tiên ở cầu Bà Kiên có tác





động lớn. Nhưng thực dân Pháp rút kinh nghiệm tăng cường phòng thủ tháp canh vững chắc hơn.

Tháng 11/1949, trước yêu cầu phải phá vỡ hệ thống tháp canh, Bộ tư lệnh Quân khu 7 mở hội nghị chuyên đề về đánh tháp canh tại xã Tân Hòa, chiến khu Đ. Kinh nghiệm đánh tháp canh cầu Bà Kiên của du kích Tân Uyên được chú ý. Hội nghị kết luận hai vấn đề để có thể đánh được tháp canh: một là phải tiếp cận được tường tháp và phải có loại vũ khí sức công phá mạnh tường tháp. Để phát hiện được sơ hở của địch phải dựa vào quần chúng, thực hiện trinh sát, nắm chắc địch từ tổ chức lực lượng, bố phòng, thông thạo địa hình và giới nguy trang. Chiến sĩ trinh sát phải vững vàng, dũng cảm, gan dạ và linh hoạt. Phải sản xuất được loại vũ khí vừa dễ mang theo, vừa có thể áp sát tường và có sức công phá lớn. Kết luận của hội nghị quân sự khu 7 đặt cơ sở lý luận đầu tiên cho cách đánh mới. Bộ Tư lệnh Khu 7 giao nhiệm vụ cho tỉnh đội Biên Hòa và Binh công xưởng Khu chịu trách nhiệm huấn luyện cách đánh và chế tạo loại vũ khí đánh tháp canh phù hợp.

Cuối năm 1949, lớp huấn luyện cách đánh tháp canh tổ chức tại Bà Đã (chiến khu Đ). Đội du kích Tân Uyên đánh tháp canh cầu Bà Kiên làm đội mẫu dưới sự hướng dẫn huấn luyện của Bùi Cát Vũ và Trần Công An. Ba trăm cán bộ, chiến sĩ tham gia lớp huấn luyện, gồm bộ đội địa phương Biên Hòa, Tân Uyên, liên trung đoàn 310-301, các tiểu đoàn chủ lực khu 302, 304. Cách huấn luyện là xây dựng mô hình tháp canh có quy mô tương đương của Pháp. Học viên được huấn luyện kỹ thuật hóa trang, vượt chướng ngại vật, khắc phục ánh sáng, đối phó khi địch từ tháp canh ném lựu đạn xuống; tổ chức thực tập kết hợp xây dựng lý thuyết, rút kinh nghiệm bổ sung hoàn chỉnh lý thuyết và kỹ thuật. Song song công tác huấn luyện, binh công xưởng nghiên cứu chế tạo một loại trái phá có khả năng phá tường dày, đặt tên là FT (phá tường). Từng bước cải tiến, dựa vào nguyên lý chế tạo đạn lõm tạo thành quả mìn lõm FT gọn nhẹ đánh bằng kíp nổ điện.



Đêm 22/3 rạng sáng 23/3/1950, trận đánh đồng loạt đầu tiên vào tháp canh dọc các trục lộ diễn ra, 300 chiến sĩ chia làm 50 tổ tấn công cùng lúc 50 tháp canh của địch. Theo chỉ đạo, quả mìn FT được gắn vào đầu sào cây tầm vông và áp vào tường tháp canh ở độ cao từ 2 mét trở lên tính từ chân tường. Năm mươi tháp canh của giặc Pháp đều bị đánh thủng. Trên 70 tên lính trong tháp canh bị chết, ta thu nhiều súng các loại. Trận đánh vào 50 tháp canh ở Biên Hòa làm dao động tinh thần binh lính Pháp, nguy, nhất là số canh giữ tháp. Cách đánh tháp canh mới này được gọi là **“công đồn đặc biệt”** gọi tắt là **“đặc công”**. Chiến sĩ đánh tháp canh được gọi là chiến sĩ đặc công. Binh công xưởng tiếp tục nghiên cứu chế tạo khối nổ không có





miếng sát thương gọi là Pétard dùng để đánh bồi vào lỗ thủng do mìn FT tạo ra. Sức công phá của Pétard từ bên trong sẽ có khả năng đánh sập tháp canh.

Đêm 18/4/1950, tổ đặc công Tân Uyên do Trần Công An chỉ huy với vũ khí FT và Pétard đánh sập hoàn toàn tháp canh cầu Bà Kiên lần thứ hai, diệt toàn bộ lính địch canh gác. Đêm 24/4/1950, tổ đặc công huyện Tân Uyên phá hủy hoàn toàn tháp canh Vàm Giá (xã Phước Vĩnh) trên quốc lộ 14, diệt một trung đội lê dương Pháp. Tháng 5/1950, trên cơ sở kinh nghiệm đánh tháp và phát triển lực lượng, Tân Uyên xây dựng một đại đội đặc công gồm 162 chiến sĩ được Tỉnh ủy Biên Hòa đặt tên là đại đội Nguyễn Văn Nghĩa, do Trần Công An làm đại đội trưởng là đại đội đặc công đầu tiên ở Nam bộ. Từ kinh nghiệm đánh tháp canh ở Biên Hòa, kỹ thuật đặc công đã phát triển rộng trong toàn khu miền Đông, góp phần làm thất bại hoàn toàn chiến thuật De Latour của Pháp.

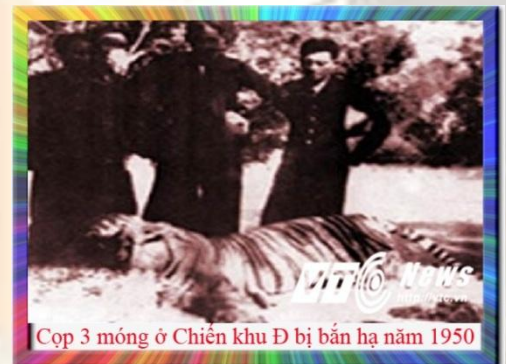


Trong chiến dịch Bến Cát do khu 7 mở (tháng 10 và 11/1950), đặc công tiểu đoàn 302 đột

nhập bót Rạch Kiến dùng Pétard phá hủy khẩu pháo 155 ly mở ra khả năng dùng đặc công đánh sâu vào hậu cứ địch, đặc biệt là mũi nhọn xung kích mở đường cho bộ binh diệt địch. Các trận đánh của đặc công sau đó như trận Bùng Binh (Thủ Dầu Một), chi khu quân sự Trảng Bom càng thể hiện vai trò của cách đánh đặc công. Từ năm 1952, theo chỉ đạo của Trung ương cục miền Nam, Bộ tư lệnh phân liên khu miền Đông cử các đoàn cán bộ đặc công về khu 8, khu 9 (Tây Nam Bộ), ra khu 6, khu 5 (cực nam Trung bộ và trung bộ), mở lớp huấn luyện kỹ thuật đặc công. Đến tháng 9/1953, kỹ thuật đặc công được phổ biến ra chiến trường miền Bắc. Cách đánh đặc công là một kỹ thuật tác chiến độc đáo sáng tạo của quân dân Biên Hòa, được nhân rộng ra cả nước, được tiếp tục phát triển, hoàn thiện và trở thành binh chủng đặc biệt tinh nhuệ của QĐND Việt Nam.

## 6. Diệt cọp ba móng ở chiến khu Đ.

Rừng chiến khu Đ thuộc loại rừng già, với quần thể động vật, thực vật hoang dã. Cọp 3 móng là thú nuôi của một chủ đồn điền cao su, cao 1,2m, chiều dài từ đầu đến đuôi khoảng 2,1m. Sau Cách mạng tháng Tám, cọp trở lại đời sống hoang dã. Sau trận càn ngày 5/3/1948, cọp 3 móng đã ăn cả xác người thành quen. Từ giữa năm 1948, cọp 3 móng như một hung thần, hằng đêm bắt người ăn thịt, trở thành nỗi ám ảnh cán bộ, chiến sĩ, nhân dân trong căn cứ. Khu, tỉnh chỉ đạo tất cả các cơ quan quân dân chính Đảng trong căn cứ đều phải làm nhà sàn cao để ở, toàn bộ các khu vực dân cư, cơ quan đều chặt cây, làm hàng rào chống cọp. Nhưng vẫn không ngăn được “cọp 3







móng” hung dữ và khôn ngoan, vượt hàng rào cây cao 2, 3 mét bắt người rồi thoát ra ngoài.

Nhân dân, cán bộ, chiến sĩ trên đường công tác, kể cả ban ngày cũng bị mất tích. Thêm vào đó, thực dân Pháp tung bọn biệt kích vào căn cứ làm giả dấu chân cọp 3 móng khắp nơi để hù dọa nhằm lôi kéo nhân dân bỏ căn cứ kháng chiến về vùng tạm chiếm. Vấn đề trừ khử ác thú cọp 3 móng trở thành nhiệm vụ cấp bách. Tỉnh Biên Hòa thành lập đội đặc nhiệm diệt cọp 3 móng do Bùi Cát Vũ, Giám đốc binh công xưởng chỉ huy. Ngày 11/2/1950, đội diệt cọp của binh công xưởng gài mìn dưới xác người được đóng chặt vào mặt đất. Cọp 3 móng xuất hiện, cố sức để vồ xác người lên vai, quả mìn đã nổ tung. Cọp bị thương dưới bị bụng một đường dài, vẫn cố sức chạy đến một gò mỗi cách trận địa 100m mới chịu ngã quy. Cọp 3 móng bị tiêu diệt, cán bộ, chiến sĩ nhân dân trong chiến khu Đ vui mừng an tâm trong sinh hoạt, công tác.

### **III- Vượt qua thiên tai, xây dựng lực lượng, bố trí chiến trường đánh địch.**

#### **1. Bố trí lại chiến trường, lực lượng.**

Tháng 5/1951, tỉnh Thủ Biên được thành lập trên cơ sở sát nhập hai tỉnh Thủ Dầu Một và Biên Hòa, thêm huyện Thủ Đức (tỉnh Gia Định cũ), cắt huyện Long Thành (về tỉnh Bà Rịa - Chợ Lớn). Công tác tổ chức, bố trí nhân sự lãnh đạo các ban ngành cấp tỉnh, huyện được củng cố sắp xếp lại theo hướng tinh giảm nhằm tăng cường cho lực lượng vũ trang trực tiếp chiến đấu, bảo đảm “3 quân sự, 1 dân chính”. Thực tế cho thấy đến tháng 9/1951, bộ máy kháng chiến của Thủ Biên từ tỉnh đến huyện, xã mới thực sự hoạt động đều và có hiệu quả. Công tác thực hiện phương châm ba vùng căn cứ, du kích và tạm chiếm được triển khai chặt chẽ nhằm chống địch càn quét lấn chiếm vùng căn cứ và du kích, gây dựng cơ sở vùng địch tạm chiếm. Tỉnh Thủ Biên thành lập các đội vũ trang tuyên truyền ở huyện Xuân Lộc, thị xã Biên Hòa và Trảng Bom nhằm khôi phục cơ sở bên trong, củng cố địa bàn cao su và xây dựng các bàn đạp quanh thị xã để xâm nhập đánh địch bên trong nội ô. Bộ đội địa phương tập trung của tỉnh là tiểu đoàn 303, tiểu đoàn trưởng Lê Văn Ngọc. Các đại đội độc lập sát nhập cùng du kích tập trung thành bộ đội huyện. Sau khi thành lập tỉnh, tiểu đoàn 303 phối hợp bộ đội địa phương huyện Vĩnh Cửu, Tân Uyên và biệt động đội tổ chức hai trận đánh tạo được tiếng vang lớn.

Tháng 6/1951, biệt động và bộ đội Lam Sơn huyện Vĩnh Cửu bất ngờ tấn công và diệt bót Long Điền (thực dân lấy nhà thờ làm đồn) làm thất bại âm mưu lợi dụng tôn giáo xây dựng lực lượng vũ trang chống phá cách mạng của địch. Chi khu quân sự Trảng Bom cách thị xã Biên Hòa 20km về hướng Bắc án ngữ quốc lộ 1 và tây nam chiến khu Đ, do một đại đội lính Âu Phi canh giữ. Sau thời gian nghiên cứu chu đáo, 17 giờ ngày 29/7/1951, đặc công và biệt động của ta tập kích bất ngờ, tiêu diệt các lô cốt, tháp canh bên ngoài, tiểu đoàn 303 xung phong diệt 50 tên lính lê





ương. Chi khu Trảng Bom bị tiêu diệt, ta thu nhiều vũ khí và trang bị quân sự của địch.

## 2. Vượt qua thiên tai.

Tháng 10/1952, một trận bão lụt đổ ập vào miền Đông gây thiệt hại lớn, nhất là tỉnh Thủ Biên. Nước sông Đồng Nai, sông Bé dâng tràn hai bờ, tạo thành bể nước mênh mông. Toàn bộ nhà của nhân dân, các cơ quan, đơn vị trong chiến khu Đ, Vĩnh Cửu đều bị ngập, trôi, cây rừng ngã đổ, đê sập gây thiệt hại lớn. Trong chiến khu Đ, toàn bộ các kho quân nhu, quân giới, kho gạo, lương thực đều bị ngập nước, hư hại. Hàng ngàn héc-ta hoa màu của các đơn vị, cơ quan và của nhân dân ở các huyện đều bị nước tàn phá. Tính chung mùa màng bị thiệt hại đến 70%, vườn tược bị phá hủy, thiệt hại đến 90%. Hơn 4.000 ngàn đồng bào, chiến sĩ ở hai huyện Đồng Nai, Vĩnh Cửu bị nạn đói đe dọa nghiêm trọng. Nhân dân, cán bộ vùng căn cứ phải ăn cháo khoai và củ rừng, bệnh tật phát sinh và đe dọa đến sinh mạng của đồng bào, chiến sĩ. Ủy ban tỉnh huy động ghe thuyền cứu giúp đồng bào thoát bão lụt, báo cáo về Trung ương Cục miền Nam, Phân liên Khu ủy xin viện trợ, nhất là về gạo và lương thực; kêu gọi đồng bào trong tỉnh “nhường cơm sẻ áo”. Huyện Long Thành, dù bị thiệt hại do bão lụt, đã quyên góp được 2.500 giạ lúa chuyển về căn cứ giúp đỡ quân dân vùng chiến khu. Ủy ban kháng chiến - hành chính tỉnh xuất quỹ giúp nhân dân có vốn để sản xuất ngay khi nước rút. Nước vừa rút, cán bộ, chiến sĩ căn cứ tổ chức từng đoàn gặt lúa còn sót lại, đồng thời trồng mì lấy lương thực chống đói.



Thực dân Pháp lợi dụng khó khăn do bão lụt gây ra không ngớt đẩy mạnh chiến tranh tâm lý nhằm gom dân ra vùng tạm chiếm. Tỉnh phải dùng “biện pháp tình thế”, đồng ý cho gần 300 nhân dân tạm về vùng tạm chiếm, đi các huyện khác



Biên Hòa trong trận lụt năm Thìn 1952. (Bên trong chợ Biên Hòa)

tìm kế sinh nhai, cử cán bộ theo dân để nắm tình hình, hướng dẫn quần chúng. Cán bộ, chiến sĩ, các cơ quan và lực lượng vũ trang ở chiến khu tuy khó khăn, nhưng tinh thần vẫn vững vàng. Đại đội Lam Sơn của Vĩnh Cửu phối hợp cùng huyện đội Đồng Nai tiến công phá sạch bót Rạch Đông và toàn bộ hệ thống tháp canh của địch từ Rạch Đông (Tân Định) đến Cây Đào (Bình Thạnh). Tháng 1/1953, quân Pháp mở cuộc càn quét quy mô lớn có không quân, cơ giới, pháo yểm trợ đánh vào chiến khu Đ liên tục 52 ngày đêm. Các vùng căn cứ du kích ở Bình Đa, Hồ Cạn, Đại An, Tân Định, địch sử dụng biệt kích kết hợp bộ binh từ một đại đội đến một tiểu đoàn liên tục càn quét, gom dân nhằm tạo vành đai cô lập chiến khu Đ. Bốn tháng đầu năm 1953, 6.000 đồng bào huyện căn cứ Đồng Nai và trên 4.000 dân các huyện Bến Cát, Hớn Quản, Vĩnh





Cử bị địch gom ra các vùng tạm chiếm xung quanh các đồn bót, các trục lộ giao thông và thực hiện phong tỏa giao thông chuyên vận của ta, bắt 2.000 thanh niên đi lính.

Tháng 8/1953, Phân liên khu ủy miền Đông kiểm điểm tình hình và quyết định đẩy mạnh hoạt động vũ trang chống càn, đẩy mạnh công tác binh vận, thu thuế nông nghiệp, đưa dân trở về ruộng đất cũ nhằm phối hợp chiến dịch thu đông 1953 của cả nước. Bộ đội địa phương, dân quân du kích, các cơ quan dân quân chính Đảng tỉnh vừa sản xuất vừa chiến đấu. Trong năm 1952, lực lượng kháng chiến Thủ Biên vừa đối phó với thiên tai bão lụt, vừa nỗ lực không ngừng chống địch càn quét và lấn chiếm, giữ được vùng căn cứ, bước đầu gây dựng lại được phong trào và cơ sở vùng tạm chiếm, giành một số thắng lợi có ý nghĩa quan trọng; khôi phục lại phong trào sản xuất tự túc, tạo ra dự trữ cần thiết để có thể và lực phối hợp với toàn miền trong chiến dịch Đông Xuân 1953 - 1954.

### **3. Phối hợp chiến trường cả nước, giành thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Pháp.**

Tháng 5/1954, tướng Navar được chính phủ Pháp cử làm tổng chỉ huy quân viễn chinh Pháp ở Đông Dương, đề ra kế hoạch Navar chia làm hai bước: (1) Giữ vững thế phòng ngự chiến lược phía Bắc, tránh đương đầu với chủ lực quân kháng chiến, thực hiện lấn chiếm đồng bằng liên khu 5 và Nam bộ; ra sức xây dựng nguy binh, xây dựng lực lượng cơ động mạnh. (2) Mùa thu 1954 sẽ chuyển quân ra Bắc, mở cuộc tiến công chiến lược giành thắng lợi lớn về quân sự buộc ta phải nhận đàm phán theo điều kiện của chúng.

Đối phó với âm mưu của Pháp, tháng 9/1953, Bộ Chính trị quyết định mở cuộc tiến công chiến lược đông xuân 1953 - 1954 theo phương hướng chiến lược: tránh chỗ mạnh, đánh chỗ yếu, đánh chắc thắng. Ở chiến trường Nam bộ, Bộ Chính trị chủ trương lợi dụng địch tập trung trên chiến trường miền Bắc, đẩy mạnh đánh du kích để tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch, đẩy mạnh công tác địch nguy vận, mở rộng vùng căn cứ. Tại Thủ Biên, đến cuối năm 1953, thực dân Pháp rút 3 tiểu đoàn tinh nhuệ tăng cường ra chiến trường miền Bắc. Tổng số quân địch toàn tỉnh cuối năm 1953 còn 26.000 (bằng 3/5 năm 1952). Để bổ sung quân số, địch tăng cường bắt lính. Tính đến tháng 4/1953, toàn tỉnh địch bắt 573 thanh niên đi lính. Do số quân giảm và bị ta tấn công, địch rút bỏ 4 bót, 17 tháp canh để tổ chức những đơn vị cơ động và phòng thủ trên các trục giao thông chính. Mức độ càn quét của địch vào vùng căn cứ giảm. Tỉnh ủy Thủ Biên đề ra các nhiệm vụ chính là đẩy mạnh du kích chiến tranh, mở rộng công tác địch nguy vận, mở rộng căn cứ kháng chiến.







Đến tháng 4/1954, toàn tỉnh xây dựng thêm 32 đội du kích xã, đưa số lượng du kích từ 140 lên 513, dân quân tự vệ từ 453 lên 1862, du kích mật từ 219 lên 517. Phong trào quần dân xây dựng làng xã chiến đấu được đẩy mạnh. Nhân dân chiến khu Đ dọc sông Đồng Nai rào trên 1000 mét dây thép gai kết hợp hầm chông hố đinh, lựu đạn gài góp phần hạn chế hoạt động địch. Bộ đội Lam Sơn huyện Vĩnh Cửu, đưa một trung đội về hoạt động sâu vùng địch tạm chiếm (Bình Long, Lợi Hòa, Tân Triều, Bình Phước), một trung đội hoạt động hướng đường số 1 vừa áp sát địch ở Bắc thị xã Biên Hòa, 1 trung đội đứng chân ở Đại An, Tân Định chống cản bảo vệ vùng căn cứ du kích. Trong tháng 4/1954, đại đội tiến công đánh địch ở bót Cẩm Vinh, Rạch Đông phục kích giao thông, đánh diệt 183 tên, bị thương 15 tên, kêu hàng 5 tên, bắn cháy 3 xe tăng thiết giáp, 1 xe GMC, 1 xe cam nhông, 2 xe jeep, thu nhiều vũ khí.

Tỉnh chỉ đạo các huyện Vĩnh Cửu, Long Thành, thị xã Biên Hòa đưa cấp ủy về các xã lãnh đạo công tác vũ trang tuyên truyền, đẩy mạnh công tác địch nguy vận, tuyên truyền, vận động nhân dân chống bắt lính, trở về vùng căn cứ sản xuất. Toàn tỉnh mọc nổi, xây dựng được 600 cơ sở bên trong vùng địch tạm chiếm. Lực lượng vũ trang tỉnh đẩy mạnh hoạt động tiến công, áp sát địch. Tại Vĩnh Cửu, bộ đội bao vây bót Cây Đào, Rạch Đông, áp sát bót Bà Miêu (Bình Long, Lợi Hòa), đánh địch tuần ruồng. Tại Xuân lộc, đội vũ trang tuyên truyền khôi phục được cơ sở trong các sở cao su, tiến công các tháp canh, bót, tua của địch trên quốc lộ 20. Tháng 4/1954, tiểu đoàn 303 Thủ Biên phục kích diệt đội biệt kích do tên ác ôn Suacot chỉ huy tại Phú Mỹ. Các căn cứ Phước An, Bình Đa, Hồ Cạn, Đại An được khôi phục lại. Phối hợp chiến trường chung trong Đông xuân 1953 - 1954, lực lượng vũ trang toàn tỉnh thực hiện 137 trận đánh lớn nhỏ, loại 1148 tên, làm bị thương 194 tên, bắt sống 11, thu 183 súng các loại, phá hủy 19 xe, đánh sập 3 bót, 5 tháp canh, bức rút 25 tháp canh khác. Các đội vũ trang tuyên truyền tổ chức 147 cuộc đột nhập tuyên truyền, diệt tề trừ gian vùng tạm bị chiếm. Căn cứ chiến khu Đ hoàn toàn do ta làm chủ, mở ra giáp sông Đồng Nai về phái Nam, phía Bắc đã mở vượt qua sông Bé, phía tây giáp lộ 16.



Ngày 7/5/1954, chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng, cứ điểm kiên cố của địch bị đập tan, buộc thực dân Pháp phải vào đàm phán. Ngày 20/7/1954, Hiệp định Genève được ký kết. Để tạo thuận lợi cho việc thi hành hiệp định, Tỉnh ủy Thủ Biên chỉ đạo đình chỉ mọi hoạt động vũ trang trên địa bàn tỉnh. Công tác tổ chức, sắp xếp cán bộ, chiến sĩ được triển khai. Toàn tỉnh Thủ Biên được tổ chức một trung đoàn quần dân chính Đảng lên đường tập kết ra Bắc. Tháng 8/1954, tại Nhà Nai (chiến khu Đ), hàng ngàn người tham dự cuộc mít tinh tiễn đưa đoàn quân của địa phương lên đường hành quân về Xuyên Mộc, tập kết xuống tàu ra Bắc. Quân dân Biên Hòa -





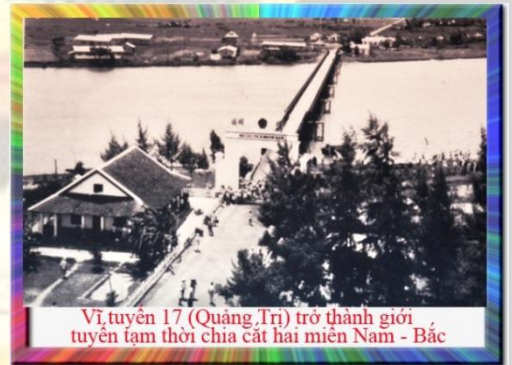
Đồng Nai, qua chín năm kháng chiến với bao gian khổ hy sinh, mất mát, đau thương, vượt bao thử thách góp phần vào thắng lợi chung của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, làm rạng danh đất “**Miền Đông gian lao mà anh dũng**” của Nam bộ thành đồng Tổ quốc mà Bác Hồ đã phong tặng từ những ngày đầu kháng chiến.

## C.- THỜI KỲ KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ 1954 - 1975

### I- Đấu tranh chống đế quốc Mỹ và tay sai.

#### 1. Đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ, đòi thi hành Hiệp định Genève.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp mà đỉnh cao là chiến dịch Điện Biên Phủ buộc chính phủ Pháp ký Hiệp định Genève ngày 20/7/1954. Đất nước ta tạm chia làm hai miền lấy vĩ tuyến 17 làm ranh giới tạm thời, miền Bắc hoàn toàn được giải phóng, miền Nam tạm thời đặt dưới quyền quản lý của đối phương. Hai năm sau (1956) sẽ tổ chức tổng tuyển cử thống nhất nước nhà. Thế nhưng đế quốc Mỹ đã âm mưu thôn tính miền Nam, nhằm ngăn chặn phong trào giải phóng dân tộc, biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự, tiền đồn của Mỹ ở Đông Nam Á. Chúng đào tạo và đã đưa Ngô Đình Diệm về Việt Nam thiết lập bộ máy thống trị từ trung ương đến địa phương, làm tay sai đắc lực cho đế quốc Mỹ.



Vĩ tuyến 17 (Quảng Trị) trở thành giới tuyến tạm thời chia cắt hai miền Nam - Bắc

Tháng 7/1954, Hội nghị lần thứ VI Trung ương Đảng thảo luận tình hình và nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, khẳng định đế quốc Mỹ trở thành kẻ thù chính và trực tiếp của nhân dân ta. Tháng 9/1954, Bộ chính trị ra nghị quyết về “**Tình hình nhiệm vụ mới và chính sách của Đảng**”, xác định “**...nhiệm vụ đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta chưa phải đã hoàn thành, cuộc đấu tranh ái quốc không vì đình chiến mà kết thúc, cuộc đấu tranh đó còn đang tiếp tục nhưng phương thức đấu tranh cần phải thay đổi... lãnh đạo nhân dân miền Nam đấu tranh thực hiện Hiệp định Genève, củng cố hòa bình, thực hiện tự do dân chủ, cải thiện dân sinh, thực hiện thống nhất và tranh thủ độc lập...**”. Tình thế cách mạng miền Nam đã thay đổi, nhiệm vụ chính trị chuyển từ kháng chiến vũ trang sang đấu tranh chính trị đòi dân sinh, dân chủ, đòi thi hành Hiệp định Genève.

Ngày 30/7/1954, Tỉnh ủy Thủ Biên tổ chức cuộc họp bất thường bàn biện pháp thực hiện chủ trương và chỉ thị của cấp trên. Hội nghị tập trung bàn về việc chuyển hướng từ đấu tranh toàn diện (quân sự, kinh tế, chính trị, binh vận) sang đấu tranh chính trị đơn thuần, sắp xếp lại lực lượng, chuyển quân tập kết trên địa bàn tỉnh, bố trí cán bộ ở lại hoạt động. Tỉnh ủy khẩn trương tổ chức học tập quán triệt tình hình mới, phổ biến nội dung Hiệp định Genève cho cán bộ, đảng viên và cơ sở





cốt cán được bố trí ở lại, kiện toàn cán bộ các huyện, thị xã, đưa đảng viên về bám cơ sở, lãnh đạo nhân dân đấu tranh cách mạng.

Tháng 1/1955, Xứ ủy quyết định tách Thủ Biên thành hai tỉnh: Biên Hòa và Thủ Dầu Một. Tỉnh Biên Hòa gồm các huyện: Long Thành, Vĩnh Cửu, Tân Uyên, Xuân Lộc và thị xã Biên Hòa. Ta tổ chức sắp xếp lại lực lượng, chuẩn bị vào cuộc đấu tranh mới cũng là lúc địch tiến hành xây dựng hệ thống kèm kẹp từ trung ương cho đến tận xã ấp. Ngoài bộ máy tề nguỵ các cấp, chúng tổ chức các đoàn “xây dựng hương thôn”, “diệt trừ sốt rét” điều tra thăm dò, lập danh sách những người kháng chiến, những gia đình có liên hệ đến cách mạng, phân loại dân, chuẩn bị các chiến dịch “tố cộng”, “diệt cộng” và ráo riết mở các chiến dịch tuyên truyền lừa mị dân chúng, tổ chức các đảng phái, đoàn thể phản động như “Đảng cần lao nhân vị”, “Phong trào cách mạng quốc gia”, các đoàn thể “Thanh niên cộng hòa”, “Phụ nữ liên đới”, các “Công đoàn vàng”. Chúng lập ra tổ chức “ngũ gia liên bảo” để kiểm soát mọi hoạt động, sinh hoạt của mỗi người dân nhất là tập trung khống chế, theo dõi số gia đình cán bộ tập kết và còn hoạt động cách mạng.

Ngay từ đầu Mỹ - Diệm tập trung xây dựng lực lượng tề nguỵ, xây dựng cơ sở chính trị xã hội để đàn áp phong trào. Cuối năm 1954, địch cưỡng ép hơn 150.000 đồng bào Thiên Chúa giáo ở các tỉnh miền Bắc di cư vào Biên Hòa và bố trí dọc theo các trục lộ giao thông chiến lược, xung quanh các căn cứ quân sự và vùng căn cứ của ta tạo thành vành đai bảo vệ Sài Gòn, Biên Hòa ngăn chặn phong trào đấu tranh cách mạng, âm mưu biến số dân này thành cơ sở chính trị xã hội trung thành đối với chế độ Mỹ - Diệm. Địch tập trung xây dựng thị xã Biên Hòa thành một cứ điểm, một trung tâm đầu não quân sự, chính trị ở miền Đông Nam bộ, chúng thiết lập những cơ quan như: Nha đặc cảnh miền Đông, Trung tâm huấn chính Biên Hòa và đặc biệt có cơ quan cố vấn viện trợ quân sự Mỹ MAAG; căn cứ quân sự lớn của Mỹ - nguỵ cũng được xây dựng và mở rộng thêm như sân bay Biên Hòa, căn cứ sư đoàn 4 dã chiến. Trong vòng hai năm 1955 - 1956, bộ máy kèm kẹp các cấp của Mỹ - nguỵ được tổ chức xây dựng ở hầu khắp các địa phương trong tỉnh Biên Hòa.

Ngay sau khi Hiệp định Genève được ký kết, khắp nơi trong tỉnh Biên Hòa nhân dân hân hoan tổ chức mít tinh mừng hòa bình, mừng chiến thắng, một lòng tin tưởng vào đường lối chủ trương của Đảng. Đấu tranh để củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập, dân chủ cũng là một cuộc đấu tranh lâu dài và gian khổ. Tết Ất Mùi (1955), Tết hòa bình đầu tiên, nhiều cuộc mít tinh, nhiều hoạt động văn hóa truyền thống như đua thuyền, múa lân, cúng đình, cúng miếu được tổ chức ở một số vùng căn cứ nhằm ca ngợi kháng chiến, mừng hòa bình, biểu dương tinh thần đoàn kết hữu ái trong các tầng lớp nhân dân. Trong khí thế của người chiến







thắng, nhiều địa phương công khai treo cờ Đảng, cờ Tổ quốc, căng biểu ngữ trên các trục lộ, các đình, chùa, nhà thờ, nhà hội. Tại một số cuộc mít tinh, cán bộ còn diễn thuyết kêu gọi quần chúng nhân dân đoàn kết đấu tranh đòi các quyền lợi dân sinh dân chủ, đòi Mỹ - Diệm thực thi các điều khoản của hiệp định Genève để sớm thống nhất đất nước, mong chờ ngày hiệp thương tổng tuyển cử.

Cuối năm 1954 đầu năm 1955, hàng chục cuộc đấu tranh của công nhân cao su đòi dân sinh dân chủ ở các đồn điền trong tỉnh và đến giữa năm 1955 đã trở thành cao trào đấu tranh chính trị sôi động ở các tỉnh miền Đông Nam bộ. Ngày 1/5/1955 cùng với toàn miền, công nhân cao su Biên Hòa dưới sự lãnh đạo của các đồng chí trong Ban công vận Xứ và huyện ủy Xuân Lộc, Long Thành đồng loạt đình công 24 giờ, tổ chức mít tinh tại các trung tâm đồn điền An Lộc, Bình Sơn đưa ra một số yêu sách. Cuộc đấu tranh bước đầu giành được thắng lợi, giới chủ đồn điền buộc phải giải quyết một số yêu sách của công nhân. Ngày Quốc tế lao động, hàng ngàn công nhân cao su Biên Hòa từ các đồn điền tổ chức thành đội ngũ chính tề kéo về Sài Gòn phối hợp với công nhân cao su toàn miền Đông Nam bộ biểu tình thị uy đưa bản kiến nghị với 16 yêu sách buộc chính quyền Diệm, các chủ sở và đại diện công nhân ký vào văn bản. Đây là thắng lợi vô cùng to lớn của đội ngũ công nhân cao su miền Đông trong tiến trình đấu tranh đòi thực hiện các quyền lợi dân sinh dân chủ.



Công nhân khu kỹ nghệ Biên Hòa đình công, đấu tranh đòi cải cách dân chủ, dân sinh

Trong thời gian này, nhiều cuộc đấu tranh của nông dân đòi các quyền dân sinh dân chủ, chống bọn cường hào, tư sản và ngụy quyền cướp ruộng đất nở rộ ở hầu khắp các huyện trong tỉnh. Huyện ủy Long Thành vận động tổ chức hàng trăm nông dân kéo xuống quận lỵ, đấu tranh quyết liệt với địch, không cho chúng cướp 300 ha để mở rộng vùng kiểm soát kho đạn Thành Tuy Hạ. Ở thị xã Biên Hòa, nghiệp đoàn xích lô phản đối cảnh sát bắt phạt vô cớ, đòi lập bến bãi đậu xe và hạ giá thuê xe. Nghiệp đoàn tạp phẩm chợ Biên Hòa đòi giảm thuế hoa chi. Nghiệp đoàn xe đò đòi tăng lương và không được vô cớ sa thải thợ máy và lái xe. Phong trào đấu tranh của công nhân nhà máy cưa BIF phát triển mạnh. Kỷ niệm ngày Quốc tế lao động, nghiệp đoàn lao động nhà máy cưa vận động công nhân đưa yêu sách lương tối thiểu cũng phải nuôi được 1 vợ 3 con, đòi thực hiện ngày làm 8 giờ, mỗi tuần làm 6 ngày, nếu ngày chủ nhật, ngày lễ thì hưởng tiền phụ trợ gấp đôi. Bọn chủ nhân nhượng và để “xoa dịu” tinh thần công nhân nên nhanh chóng chấp nhận yêu sách. Ngày 1/5/1955, nghiệp đoàn lao động BIF tổ chức một đoàn biểu tình hơn 600 người gồm thợ và nhân dân các ấp xung quanh Tân Mai, Lân Thành, Vĩnh Thị về sân bóng đá Biên Hòa dự cuộc mít tinh do Tổng liên đoàn lao động tổ chức.

Từ tháng 6/1955 nhân dân Biên Hòa gửi hàng trăm bản kiến nghị, đến trụ sở Ủy hội quốc tế đấu tranh, bày tỏ nguyện vọng chính đáng của đồng bào. Ngày



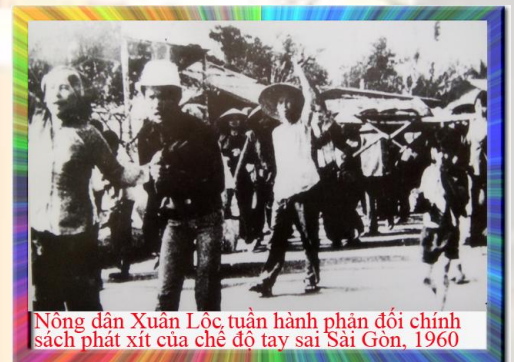


20/7/1955, kỷ niệm một năm ngày ký Hiệp định Genève, hàng ngàn truyền đơn được rải khắp nơi công bố công hàm của chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đòi lập quan hệ bình thường giữa hai miền Nam - Bắc. Hàng chục khẩu hiệu, cờ Đảng, cờ Tổ quốc xuất hiện. Tỉnh trưởng Biên Hòa tổ chức một cuộc mít tinh tại trường Nam tiểu học phô trương thanh thế, xuyên tạc nội dung hiệp định Genève, phá hoại hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước. Theo sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Thị ủy Biên Hòa, các nhóm đoàn viên thanh niên lao động bí mật rải hàng trăm truyền đơn ngay tại sân lễ và các đường phố trong thị xã và chiều tối gây tiếng nổ trước Ty cảnh sát làm thất bại cuộc mít tinh do địch tổ chức.

Ngày 23/10/1955, Ngô Đình Diệm bày trò “trung cầu dân ý” nhằm truất phế Bảo Đại. Tỉnh ủy Biên Hòa vận động quần chúng tẩy chay bầu cử. Đêm 22 rạng 23/10/1955, lực lượng vũ trang Biên Hòa lấy danh nghĩa lực lượng Bình Xuyên ly khai nã đạn vào sân bay Biên Hòa, gây hoang mang bọn tề nguỵ. Nhân dân Biên Hòa bằng nhiều hình thức không tham dự bầu cử, địch phải huy động binh lính và cảnh sát đến từng xóm ấp, khu phố buộc đồng bào đến hòm phiếu. Tháng 10/1955, Ngô Đình Diệm ra dụ số hai tước quyền sở hữu ruộng đất của nông dân, buộc nông dân phải làm khế ước ruộng đất với địa chủ, truy nộp đủ thuế trong những năm kháng chiến, thu hồi số ruộng đất mà cách mạng đã cấp phát cho nông dân.

Ngày 4/3/1956, Mỹ - Diệm tổ chức bầu cử Quốc hội bù nhìn. Tỉnh ủy Biên Hòa chỉ thị các cấp vận động nhân dân chống lại, hàng ngàn truyền đơn tố cáo âm mưu thủ đoạn của giặc được rải nhiều nơi. Tại thị xã Biên Hòa, đêm 3/3/1956, các tổ đoàn viên thanh niên lao động đã dùng khoai môn kẻ khẩu hiệu trên các trục đường nhựa, dán nhiều áp phích kêu gọi nhân dân tẩy chay bầu cử. Rút kinh nghiệm lần trước, lính và cảnh sát canh gác nghiêm ngặt ở các thùng phiếu, đồng thời vào từng nhà thúc ép dân đi bầu. Tuy vậy, nhân dân vẫn tìm mọi cách trốn tránh, không đi bỏ phiếu. Nhân dân đấu tranh trực diện với địch, chất vấn, vạch mặt bọn nguỵ quyền tay sai, đòi địch phải tổ chức hiệp thương tổng tuyển cử giữa hai miền, đòi thi hành của Hiệp định Genève.

Đầu năm 1956, phong trào đấu tranh chính trị ở Biên Hòa tiếp tục diễn ra mạnh mẽ. Công nhân các đồn điền cao su, nhà máy, các nghiệp đoàn và nông dân đoàn kết đấu tranh chống địch cướp đất. Ngày 7/7/1956, ở Xuân Lộc, hàng ngàn công nhân cao su ở các đồn điền Cẩm Mỹ, Ông Quế, Hàng Gòn, Bình Lộc, An Lộc, Dầu Giây và nông dân các xã Bảo Vinh, Bình Lộc, Gia Ray, Bảo Chánh tuần hành về Tân Phong và thị xã Long Khánh biểu tình đòi hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước, phản đối Mỹ - Diệm khủng bố nhân dân, bắt bớ cán bộ kháng chiến. Ngụy quyền quận Xuân Lộc huy động binh lính, cảnh sát đến







đàn áp nhưng đồng bào vẫn hiên ngang hô vang các khẩu hiệu đấu tranh, buộc địch phải rút lực lượng về, cố thủ trong các đồn bót, công sở.

Ngày 7/7/1956, Ngô Đình Diệm chính thức lên nắm quyền tổng thống, công khai tuyên bố “không tổ chức tổng tuyển cử”, đẩy mạnh chiến dịch “tô cộng”, “diệt cộng”. Thời kỳ 1954 - 1956, Đảng bộ Biên Hòa kiên toàn củng cố được hệ thống cơ sở Đảng, xây dựng được mạng lưới cơ sở cách mạng trong công nhân, nông dân và trí thức. Từ đội quân chính trị đông đảo này, Đảng phát động phong trào đấu tranh chính trị mạnh mẽ với khẩu hiệu trung tâm là đòi các quyền lợi dân sinh dân chủ, đòi hiệp thương tổng tuyển cử.

## 2. Nổi dậy phá khám Tân Hiệp (12/1956).

Đầu năm 1956, Mỹ - Diệm tập trung lực lượng đánh phá cách mạng, đẩy mạnh các chiến dịch “tô cộng”, “diệt cộng” trên toàn miền Nam. Chúng đánh vào đối tượng chủ yếu là cán bộ, đảng viên, những người kháng chiến cũ và những gia đình cơ sở cách mạng. Mỹ - Diệm mở đầu chính sách “tô cộng, diệt cộng” bằng nhiều hình thức như tuyên truyền xuyên tạc lịch sử, phủ định công lao của Đảng Cộng sản Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp và thanh lọc chia dân để kiểm soát. Tháng 7/1956, Mỹ - Diệm mở chiến dịch Trương Tấn Bửu đánh phá khốc liệt nhằm đàn áp phong trào và tiêu diệt cán bộ, đảng viên, cơ sở cách mạng. Chúng dùng lực lượng chủ lực kết hợp với bọn bảo an dân vệ, công an cảnh sát chà đi xát lại hầu hết các xã ấp ở Biên Hòa, tập trung là các đồn điền cao su, các vùng căn cứ kháng chiến ở Tân Uyên, Vĩnh Cửu, Long Thành. Hàng trăm cán bộ, đảng viên và quần chúng cơ sở khắp các huyện thị ở Biên Hòa bị bắt bớ, tù đày.

Nhà tù Tân Hiệp mà chế độ Mỹ - Diệm gọi là “Trung tâm huấn chỉnh Biên Hòa” có diện tích 36.000m<sup>2</sup> nằm cạnh quốc lộ 1 đối diện Bệnh viện tâm thần Biên Hòa, cách trung tâm thị xã Biên Hòa 2km về phía Đông. Đây là một trong sáu nhà tù lớn của địch ở miền Nam nước ta lúc bấy giờ. Sau Hiệp định Genève, Mỹ - Diệm đã bắt hàng ngàn cán bộ đảng viên, đồng bào yêu nước khắp miền Nam giam giữ tại đây. Đến thời điểm tháng 12/1956 nhà tù Tân Hiệp địch giam 1.872 người trong đó có nhiều nhân sĩ, trí thức yêu nước. Trước những hành động khủng bố, tàn sát ngày càng trắng trợn của Mỹ - Diệm, thực lực cách mạng ngày càng tổn thất nghiêm trọng. Không ảo tưởng trong cuộc “đấu tranh chính trị đơn thuần” đối với kẻ thù ngày càng lộ rõ bộ mặt phát xít, từ giữa năm 1956, Đảng ủy nhà tù Tân Hiệp chủ trương tổ chức phá khám trở về với cách mạng, với nhân dân.



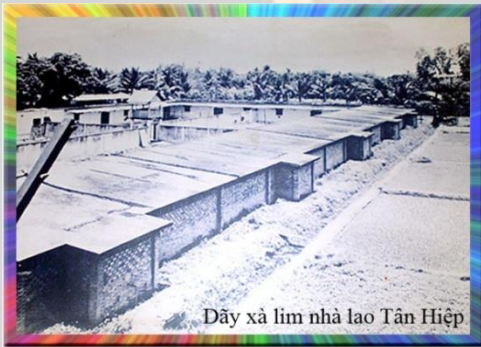
Cán bộ, đảng viên bị bắt tập trung tại nhà lao Tân Hiệp

Tháng 11/1956, phương án nổi dậy phá khám Tân Hiệp hoàn thành. Công tác chuẩn bị được tiến hành chặt chẽ và chu đáo. Đội xung kích gồm những đồng chí





khỏe mạnh, có kinh nghiệm chiến đấu do đồng chí Nguyễn Văn Cội, nguyên huyện đội phó huyện Củ Chi làm đội trưởng, đồng chí Lê Minh Toàn làm chính trị viên. Tổ liên lạc có 6 người do đồng chí Ngô Văn Quảng, Bí thư huyện ủy Vĩnh Cửu làm tổ trưởng. Đồng chí Nguyễn Văn Chuộng được Đảng ủy cử làm trưởng đoàn tù vượt ngục trở về căn cứ. Giờ G, phá khám ấn định là chiều ngày chủ nhật 2/12/1956.



Chiều chủ nhật, sinh hoạt của tù nhân nhà tù Tân Hiệp vẫn diễn ra theo giờ giấc qui định của trại. Sau buổi cơm chiều, đúng 17 giờ 30 đài phát thanh Sài Gòn phát chương trình cổ nhạc. Anh chị em tù nhân tập trung ngồi trước cửa trại vừa nghe nhạc vừa đợi giờ vào trại. 17 giờ 40 phút, tất cả các đồng chí trong lực lượng xung kích, các tổ chiến đấu đều ở trong tư thế sẵn sàng, áp sát những mục tiêu đã được phân công. 17 giờ 50

phút, sau tiếng keng báo tù nhân vào trại thì tiếng hô “xung phong” vang dậy khắp nơi. Tổ xung kích do các đồng chí Lê Toàn Thư, Tư Tăng, Cội, Mìn, Nhàn, Sỏi, Còn Lém xông thẳng vào kho vũ khí bắt trói trưởng toán gác lấy toàn bộ vũ khí. Cùng lúc đó một tổ xông thẳng đến nhà tên giám đốc Tính, tên công an tài xế chạy đến ứng cứu bị anh em ta đánh gục. Một bộ phận xung kích xông thẳng vào trại giam bắt trói tên thượng sĩ chỉ huy lính bảo an và cắt dây điện thoại.

Phải mất mấy phút sau cánh cổng mới mở được. Anh em tù nhân từ các trại D, E, G ào ạt tuôn ra cửa. Trước làn sóng người tràn ra như nước vỡ bờ, tên lính gác bên ngoài cổng chính giương súng bắn, lập tức bị một xung kích quật ngã và đoạt lấy súng. Dòng người tuôn ra cửa mỗi lúc một đông. Tiếng hô xung phong vang dội, tiếng gọi nhau, tiếng chân chạy rầm rập của hàng trăm người. Lúc đầu lực lượng xung kích của ta hoàn toàn làm chủ tình hình. Hơn 15 phút sau bọn chúng mới hoàn hồn, vội vã nổ súng phản kích và truy đuổi. Trước làn đạn xối xả của địch, số anh chị em ta chạy ra sau trúng đạn, gần 30 đồng chí vừa hy sinh, vừa bị thương nằm trước cổng trại, bên ngoài sân banh và ven bờ suối. Cuộc nổi dậy phá khám nổ ra trong vòng 40 phút. Đến 18 giờ 30 số tù nhân còn lại bị địch gom vào các trại, binh lính canh giữ nghiêm ngặt.

Sau khi thoát khỏi trại giam, đoàn vượt ngục chia làm nhiều cánh để tìm về căn cứ. Mặc dầu địch tăng cường lực lượng truy đuổi, phục kích bố ráp gắt gao, nhưng không một ai nản lòng, có 462 cán bộ, đảng viên với 41 khẩu súng các loại thu được là nguồn bổ sung vô giá cho phong trào vũ trang Đồng khởi ở miền Nam. Trong lịch sử đấu tranh cách mạng của nhân dân ta, đây là cuộc nổi







dậy phá khám đê tự giải phóng có quy mô lớn nhất, đưa được số lượng lớn cán bộ nòng cốt của Đảng về với cách mạng và cướp được số lượng vũ khí nhiều nhất.

### 3. Trận đánh Mỹ tại Nhà Xanh (BIF).

Tháng 12/1956, Xứ ủy họp đánh giá tình hình và đề ra chủ trương “... cần có lực lượng tự vệ và vũ trang tuyên truyền để hỗ trợ cho đấu tranh chính trị và tiến tới sau này dùng lực lượng vũ trang đó để làm cách mạng đánh đổ Mỹ - Diệm ...”. Đầu năm 1957, “Đề cương cách mạng miền Nam” và nghị quyết của Xứ ủy được Liên tỉnh ủy miền Đông triển khai cho cán bộ chủ chốt của Biên Hòa. Lo sợ trước làn sóng đấu tranh cách mạng của nhân dân ta đang dâng lên mạnh mẽ, cay cú trước những thất bại về quân sự, chính trị, ngoại giao, ngày 1/12/1958, Mỹ - Diệm dã man đầu độc giết hại hàng trăm cán bộ, đảng viên và đồng bào yêu nước ở nhà tù Phú Lợi (Bình Dương). Cả nước căm phẫn. Tỉnh ủy Biên Hòa chỉ đạo ngay cuộc đấu tranh chính trị với quy mô lớn trong toàn tỉnh. Bất chấp sự ngăn cấm khủng bố của địch, hàng ngàn đồng bào ở các huyện thị ở Biên Hòa, Long Khánh kéo về Sài Gòn, các thị xã, thị trấn biểu tình vạch trần bộ mặt phát xít tàn bạo của chế độ Mỹ - Diệm.



Di tích lịch sử cấp quốc gia Nhà Xanh, Biên Hòa

Tháng 5/1959, Mỹ - Diệm ban hành luật 10/59 lê máy chém đi khắp miền Nam gây nhiều tội ác với đồng bào ta, hành hình cán bộ, đảng viên không cần xét xử. Thế nhưng, Mỹ - Diệm càng điên cuồng khủng bố dã man thì lòng căm thù của nhân dân ta đối với bọn chúng càng cao, ý chí cách mạng càng thêm kiên định. Để ngăn chặn những hành động tội ác của giặc mà bọn đầu sỏ chỉ huy là cố vấn Mỹ, ban lãnh đạo Liên tỉnh ủy miền Đông quyết định tổ chức lực lượng tập kích vào trụ sở phái đoàn cố vấn quân sự Mỹ (MAAG) đóng tại nhà máy cưa BIF Biên Hòa. Ban quân sự miền Đông giao trách nhiệm cho đồng chí Lâm Quốc Đăng tổ chức thực hiện nhiệm vụ quan trọng này với phương châm là tuyệt đối bí mật, an toàn, chắc thắng. Cuối tháng 6/1959, Liên tỉnh ủy và Ban quân sự miền Đông thông qua phương án tập kích và ấn định vào 19 giờ ngày 7/7/1959 nổ súng.

Chiều tối ngày 5/7/1959, từ căn cứ chiến khu Đ, phân đội vũ trang gồm 6 đồng chí nhận lệnh xuất phát. Khuya ngày 5/7, đơn vị đã về gò Cây Trâm Muối rừng Tân Phong, Khu căn cứ của Thị ủy Biên Hòa. Ngày 6/7, đồng chí Ba Lễ vào căn cứ gặp mặt toàn đội, trao đổi về tình hình và kế hoạch tác chiến. Đêm 6/7, đội vũ trang tiếp tục bí mật hành quân về rừng chồi Gò Me ém quân trong căn hầm bí mật phía sau nhà má Nguyễn Thị Xuân, một cơ sở cách mạng của Thị ủy Biên Hòa. Ngày 7/7, khoảng 19 giờ, trời nhá nhem tối, phân đội vũ trang cải trang thành toán lính đi tuần tới Gò Me men theo bờ ruộng tiến thẳng vào mục tiêu. Bên trong cư xá, sáu cố vấn Mỹ đang chăm chú xem phim ở trong phòng khách tầng trệt. Bọn lính đến đôi phen gác. Đồng chí Nguyễn Thành Long, tự vệ mật kịp thời nổ súng diệt





tên lính gác cổng. Một số tự vệ mật khác cũng nhanh chóng chặn kho súng, cho nổ thủ pháo ở khu nhà tên sĩ quan chỉ huy và dãy nhà lính, làm nhiệm vụ kèm chân địch, không cho chúng phản công đánh vào sau lưng các chiến sĩ vũ trang. Các chiến sĩ vũ trang nhanh chóng theo lối công phụ tiến vào áp sát cư xá.

Trận đánh diễn ra chưa đầy 15 phút, những loạt tiểu liên từ phía hai cửa sổ bắn chéo vào phòng làm Thiếu tá B.Buis và trung sĩ C. Ovmand trúng đạn chết tại chỗ, đại úy Boston bị thương. Một quả lựu chóp sáng lòa kèm theo một tiếng nổ mạnh của quả mìn làm rung chuyển cả một khu vực cư xá, hệ thống đèn phụt tắt. Đồng chí Nguyễn Văn Huệ anh dũng hy sinh, đồng chí Sắc bị thương. Địch không kịp trở tay, kể cả số lính bảo vệ nằm sát cư xá. Theo phương án, 5 đồng chí còn lại trong đội vũ trang vượt rào, sân banh, ra lộ 15 hướng suối Săng Máu, rút về chiến khu an toàn. Tự vệ mật Thị ủy Biên Hòa nhanh chóng tản về các nơi, giấu vũ khí, thay đổi trang phục trở về cuộc sống thường ngày. Suốt đêm lính địch nhón nháo khắp nơi nhưng chẳng phát hiện được gì ngoài một số vết tích nghi trang còn lưu lại. Sau mấy tháng trời âm thầm chuẩn bị với bao công sức của cán bộ, chiến sĩ và nhân dân miền Đông, trực tiếp là đơn vị đặc công C250 và Đảng bộ nhân dân thị xã Biên Hòa, trận tập kích địch vào cư xá phái đoàn cố vấn Mỹ ở BIF (Nhà Xanh) hoàn thành thắng lợi. Đây là trận đánh Mỹ đầu tiên của nhân dân miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

## II- Biên Hòa từ Đồng Khởi đến phá Áp chiến lược (1961 - 1965).

### 1. Đồng Khởi.

Sau những đợt đánh phá khốc liệt của địch, đến cuối năm 1959, tỉnh Biên Hòa chỉ còn 1 chi bộ Đảng bí mật ở Thái Hòa, 1 chi bộ ở vùng Bù Cháp, Lý Lịch và một số đảng viên hoạt động đơn tuyến. Trong tình thế hiểm nghèo tưởng chừng không thể vượt qua được ấy, số cán bộ đảng viên và cơ sở còn lại vẫn kiên cường, giữ vững ý chí cách mạng, vượt qua nhiều cam go, thử thách để gầy dựng lại cơ sở, khôi phục phong trào đấu tranh. Tháng 1/1959, Ban chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 15 xác định con đường phát triển cơ bản của cách mạng miền Nam là dùng bạo lực, đó là lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ sự thống trị của đế quốc, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân. Đầu tháng 2/1960 tại rừng Thái Hòa (Tân Uyên), Tỉnh ủy Biên Hòa họp triển khai nghị quyết 15 và nghị quyết của Xứ ủy Nam bộ. Biên Hòa gặp nhiều khó khăn, Tỉnh ủy chỉ còn 5 đồng chí. Các huyện thị trong tỉnh, số cán bộ đảng viên còn lại ít ỏi.

Đơn vị vũ trang tập trung của tỉnh lúc này phát triển được hơn một trung đội. Tỉnh ủy chủ trương sử dụng lực lượng vũ trang của tỉnh tiến hành đợt vũ trang tuyên





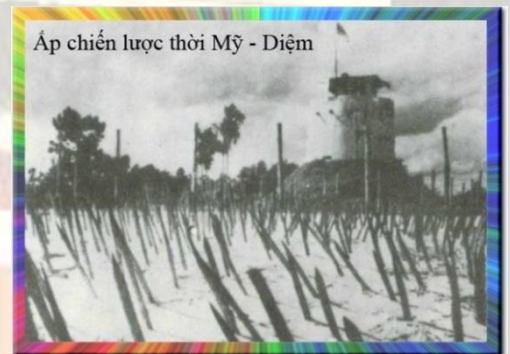


truyền, trọng điểm là các xã vùng chiến khu Đ khẩn trương mở rộng địa bàn hoạt động xuống các huyện. Tin chiến thắng Tua 2 ở Tây Ninh, thắng lợi của phong trào Đồng Khởi ở Bến Tre và nhiều nơi khác làm nức lòng quân dân tỉnh Biên Hòa. Tháng 3/1960, với sự hỗ trợ của bộ đội tỉnh, nhân dân các xã Thường Lang, Tân Tịch, Tân Hòa, Mỹ Lộc đồng loạt nổi dậy diệt tề trừ gian, trấn áp bọn phản cách mạng. Làn sóng khởi nghĩa nhanh chóng lan rộng khắp trong vùng. Chỉ trong một thời gian ngắn ta giành quyền làm chủ trên một vùng rộng lớn, thanh niên hăng hái thoát ly gia nhập lực lượng vũ trang. Lực lượng vũ trang phát triển xuống các vùng giáp ranh chiến khu tuyên truyền, phát động, phối hợp quân chúng nổi dậy phá rã bộ máy kìm kẹp của địch ở xã ấp, giành quyền làm chủ.

Tháng 9/1960, hai tỉnh Biên Hòa và Thủ Dầu Một được Xứ ủy sát nhập làm tỉnh Thủ Biên, Lê Quang Chữ Bí Thư, các huyện thị trong tỉnh Biên Hòa được sắp xếp lại. Được Xứ ủy tăng cường một trung đội vũ trang, tỉnh Thủ Biên thành lập đơn vị vũ trang tập trung của tỉnh: Đại đội 380 chính thức ra đời và chỉ đạo các huyện khẩn trương tổ chức, xây dựng bộ đội địa phương huyện, du kích xã làm nòng cốt cho phong trào vũ trang khởi nghĩa. Tháng 7/1961, Xứ ủy quyết định tách tỉnh Thủ Biên. Tỉnh Biên Hòa được lập lại bao gồm các huyện Vĩnh Cửu, Long Thành, Nhơn Trạch, huyện cao su Bình Sơn và thị xã Biên Hòa. Lực lượng vũ trang của tỉnh lấy phiên hiệu đại đội 240 (C240). Tháng 9/1961, bộ đội chủ lực Miền đánh tiểu khu Phước Thành giành thắng lợi. Lần đầu tiên ta đánh chiếm, giải phóng một tỉnh lỵ, mở rộng vùng căn cứ cách mạng. Chiến thắng Phước Thành tác động trực tiếp đến địa bàn tỉnh Biên Hòa. Từ khi có Nghị quyết 15, chủ trương đấu tranh chính trị kết hợp đấu tranh vũ trang dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, quân dân Biên Hòa đã anh dũng nổi dậy, đập tan bộ máy kìm kẹp xã, ấp ở nhiều vùng mà địch xây dựng, xoay chuyển tình thế vũ trang khởi nghĩa, giành nhiều thắng lợi.

## 2. Phá áp chiến lược.

Phong trào Đồng khởi đẩy nguy quyền Sài Gòn đứng trước nguy cơ sụp đổ, đế quốc Mỹ ngoan cố leo thang thực hiện chiến lược “chiến tranh đặc biệt”. Tháng 11/1961, kế hoạch Staley - Taylor, được Mỹ thông qua. Địch sử dụng nhiều âm mưu thâm độc trên các mặt chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa mà trong đó “xương sống” của chương trình “bình định” là gom dân lập ấp chiến lược. Ấp chiến lược thực chất là khoanh dân, gom dân vào “khu bình định”, “khu trù mật”, “khu định cư”, tạo vành đai trắng để kìm kẹp, tách dân với cách mạng. Kế hoạch gom dân lập ấp chiến lược được Mỹ - nguy nâng lên thành “quốc sách”. Chính quyền Ngô Đình Diệm cho rằng về quân sự, lập ấp chiến lược là tách Cộng sản ra khỏi nhân dân, làm cho Cộng sản mất lợi thế, không còn chỗ dựa, không được







tuyển người và “ấp chiến lược” cũng chính là điểm tựa của lực lượng vũ trang Việt Nam Cộng hòa.

Tháng 3/1962, Mỹ - Diệm mở chiến dịch “Mặt trời mọc” tung lực lượng kể cả lực lượng quân tổng trừ bị, bảo an, dân vệ liên tiếp mở hàng chục cuộc hành quân, càn quét với quy mô từ cấp đại đội đến cấp trung đoàn khủng bố bắn giết gom dân, khoanh dân vào các ấp chiến lược. Ở tỉnh Biên Hòa, Long Khánh địch xây dựng nhiều loại hình ấp chiến lược khác nhau: vùng nông thôn, rừng núi, vùng thị xã, thị trấn, vùng đồn điền cao su, vùng di cư Thiên Chúa giáo.

Ở nông thôn địch gom dân, xúc tạt dân về các trục lộ giao thông, các khu định cư chung quanh các căn cứ quân sự, rồi cưỡng bức nhân dân đào hào, dựng rào, đắp lũy. Mỗi người dân trong ấp từ 18 tuổi trở lên đều phải nộp cây, chông tre, phải đào từ 3 đến 5 mét hào giao thông sâu 2 mét, rộng 5 mét, đáy 3 mét. Khối lượng đất đào được đắp thành một bờ đê cao từ 1 mét đến 1,5 mét. Bên trên các bờ đê, chúng xây dựng các ô, ụ công sự. Bao quanh giao thông hào là hàng rào gần 2 mét, mặt bên trong là hàng rào bằng cây hoặc tre đan chéo thành hình mắt cáo cao 3 mét chĩa mũi nhọn lên trời, mặt ngoài là hàng rào cọc thép, kẽm gai kiên cố. Có nơi địch thả thêm kẽm gai bùng nhùng và trồng tre xung quanh và phía dưới giao thông hào địch cắm chông tre, gài mìn, lựu đạn dày đặc.



Mỗi ấp chỉ chừa 2 hoặc 3 cổng ra vào, có nhiều vọng gác để kiểm soát chặt chẽ việc đi lại của nhân dân. Bên trong ấp, địch tổ chức bộ máy kèm kẹp bao gồm những tên tề nguỵ ác ôn, bọn cán bộ bình định nông thôn. Chúng xây dựng mạng lưới mật vụ dày đặc, lực lượng thanh niên chiến đấu có vũ trang và nhiều tổ chức phản động khác. Chúng phân loại dân, phân ô, phân vùng, theo dõi sát mọi sinh hoạt của nhân dân. Ở một số nơi chúng tách các gia đình cách mạng vào “khu biệt lập” để khống chế, đồng thời làm “hàng rào thịt” mỗi khi ta tiến công. Mỗi ấp có 2 đến 3 đồn bốt được xây dựng kiên cố do một tiểu đội đến một trung đội bảo an hoặc dân vệ chốt giữ. Ở những ấp “trọng yếu” chúng tăng thêm một tiểu đội đến một trung đội lính đặc vụ của Ngô Đình Nhu và bọn lính bình định nông thôn.

Ở các sở cao su, Mỹ - Diệm buộc chủ sở phải gom công nhân về các trung tâm để xây dựng ấp. Một số đồn điền như Cẩm Mỹ, An Lộc, Trảng Bom, Bình Sơn chúng tập trung lực lượng xây dựng thành các yếu khu quân sự. Ở các vùng dân di cư Thiên Chúa giáo, Mỹ - Diệm dùng chiêu bài “chống cộng bảo vệ đạo”, lừa bịp đồng bào. Chúng trang bị vũ khí cho thanh niên, biến các ấp chiến lược thành các ấp chiến đấu chống cách mạng. Có một số ấp chiến lược như ở Hố Nai, Trảng Bom, Gia Kiệm, Bảo Thị, Bảo Định, chúng tổ chức hai đến ba trung đội dân vệ và thanh niên chiến đấu trang bị súng đạn đầy đủ. Địch kiểm soát gắt gao việc đi lại, lục xét





kỹ lưỡng những ai chúng tình nghi là cơ sở cách mạng. Đồng bào hậu như bị tước đoạt quyền sống, áp chiến lược thực sự là trại giam, là cứ điểm quân sự của địch.

Trước âm mưu và thủ đoạn mới của Mỹ - ngụy, tháng 2/1962, Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng ra nghị quyết về công tác trước mắt của cách mạng miền Nam: kiên quyết đẩy mạnh đấu tranh chính trị, quân sự giành và giữ thế chủ động, tích cực xây dựng lực lượng về mọi mặt, ra sức phá hoại kế hoạch Staley - Taylor, mở rộng hơn nữa phong trào giải phóng dân tộc, khơi sâu hơn nữa mâu thuẫn nội bộ của địch, tranh thủ mạnh mẽ sự ủng hộ và đồng tình của lực lượng hòa bình, dân chủ và chủ nghĩa xã hội trên thế giới, chống sự can thiệp vũ trang quy mô của đế quốc Mỹ vào miền Nam Việt Nam, tiến lên giành những thắng lợi to lớn hơn nữa. Ngày 15/3/1962, Ủy ban Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam ra lời kêu gọi: Nếu đế quốc Mỹ ngoan cố điên cuồng vũ trang quy mô xâm lược miền Nam để thực hiện mưu đồ nô dịch nhân dân thì nhân dân ta quyết đoàn kết một lòng, hy sinh chiến đấu đến cùng để giữ vững nền độc lập dân tộc, giành quyền sống, tự do dân chủ cho mình.

Tháng 4/1962, Thường vụ Trung ương Cục miền Nam ra nghị quyết đẩy mạnh đấu tranh chính trị và vũ trang lâu dài, đánh lùi địch từng bước, giành thắng lợi từng phần, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn. Xác định ba công tác trọng yếu là kiên quyết phá áp chiến lược gom dân của địch, ra sức mở rộng căn cứ địa toàn diện vững mạnh, khẩn trương xây dựng lực lượng vũ trang ba thứ quân. Trong 3 nhiệm vụ, phá áp chiến lược là nhiệm vụ quan trọng nhất.

Từ giữa năm 1962, phong trào đấu tranh 3 mũi giáp công: vũ trang, chính trị, binh vận được phát động rộng khắp trên hai huyện Long Thành và Nhơn Trạch. Mũi đấu tranh quân sự luôn đi đầu. Bộ đội và du kích liên tiếp diệt ác ôn, trấn áp tề ngụy phản động, vận động binh sĩ ngụy giác ngộ mang súng trở về với cách mạng. Ở xã Phước An, địch tập trung xây dựng khu trù mật Hang Nai. Đây là “trọng điểm” bình định



của địch ở khu lòng chảo Nhơn Trạch. Bằng các biện pháp lừa mỵ đi đôi với không chế, chúng khủng bố, gom dân ở hai ấp Vũng Gấm và Bào Bông phải dồn về khu trù mật. Huyện ủy Nhơn Trạch chỉ đạo chi bộ xã Phước An quyết tâm phá vỡ kế hoạch lập khu trù mật của địch ngay từ lúc chúng bắt đầu. Nhân dân các ấp đấu tranh liên tục, đưa yêu sách đòi tự do đi lại làm ăn, viện lý do bà con trong xã đều làm nghề chài lưới theo con nước không thể tập trung về khu trù mật. Chúng đưa lính đồn Gò Cát, Vũng Gấm đến từng nhà, quăng đồ đạc lên xe trước rồi thúc người lên sau. Nhân dân chống xúc tạt dân diên ra quyết liệt. Nay địch bắt lên, mai nhiều gia đình lại chờ đồ đạc về đất cũ, có gia đình bỏ luôn đồ đạc về người không.





Tháng 6/1962, nhân dân và du kích, lực lượng vũ trang huyện, bộ đội tỉnh (C240) bao vây bức hàng đồn Gò Cát. Thắng lợi bức hàng đồn Gò Cát, phá khu trù mật Phước An (Nhơn Trạch) và phong trào du kích chiến tranh phát triển ở các xã Tam An, Tam Phước (Long Thành), Phú Hội, Phú Hữu (Nhơn Trạch) đã kết hợp chặt chẽ 3 mũi giáp công đánh địch, phá áp chiến lược tạo thế cho dân bung ra sản xuất làm ăn. Các xã Thiện Tân, Tân Định, Lợi Hòa (Vĩnh Cửu) phong trào chống địch gom dân lập ấp chiến lược rất mạnh mẽ. Lực lượng cách mạng tỉnh Biên Hòa cho đến những tháng cuối năm 1962 được phát triển. Các huyện Long Thành, Nhơn Trạch, Vĩnh Cửu, thị xã Biên Hòa đều xây dựng được trung đội bộ đội địa phương. Cuối tháng 6/1962, Tỉnh ủy Biên Hòa thành lập Ban cán sự Đảng cao su vùng Bình Sơn, Siph, An Viễn và xây dựng được đại đội 207; các sở cao su đều xây dựng các đội du kích thoát ly và du kích mật. Vùng cao su Bình Sơn, đồng bào, công nhân đấu tranh quyết liệt phá áp chiến lược đòi được đi sớm về tối. Ban cán sự di cư vùng Hồ Nai được thành lập và đội võ trang tuyên truyền phát triển được 1 tiểu đội.

Năm 1962 Ban cán sự tỉnh Long Khánh được thành lập, do đồng chí Lê Văn Thâm làm bí thư. Thực lực cách mạng trong tỉnh Long Khánh phát triển nhanh, mạnh. Các đội vũ trang huyện, tỉnh tổ chức đánh địch, diệt ác ôn, phá kềm kẹp ở khắp nơi và thu nhiều thắng lợi. Đầu tháng 2/1962, đồng chí Phạm Lạc cải trang quận trưởng Xuân Lộc dẫn một tiểu đội vũ trang đột nhập áp Bảo Vinh bắt gọn 21 tên tề xã, áp đang họp bàn kế hoạch gom dân lập ấp. Đội vũ trang tuyên truyền huyện Xuân Lộc do đồng chí Phan Thành Phụ chỉ huy đánh bót Hưng Nghĩa và diệt tên trưởng ấp ác ôn, hơp dân vận động 10 thanh niên thoát ly gia đình gia nhập bộ đội. Ngày 27/2/1962, tiểu đoàn 500 Quân khu và lực lượng vũ trang tỉnh Long Khánh tập kích tiêu diệt một đại đội biệt động quân đóng dã ngoại ở núi Mây Tàu. Tháng 3, đại đội vũ trang tuyên truyền huyện Xuân Lộc cải trang giả lính bảo an giữa ban ngày đột kích dinh điền Bình Phú diệt một trung đội Bảo an, thu 27 súng. Với những trận đánh liên tiếp ta làm thất bại kế hoạch gom dân lập ấp chiến lược vùng Long Khánh, khai thông tuyến hành lang liên lạc chiến khu Đ về Bà Rịa - Vũng Tàu.

Cuộc đấu tranh chống địch gom dân, lập ấp chiến lược của quân và dân Biên Hòa, Long Khánh diễn ra giằng co quyết liệt trong suốt những tháng cuối năm 1962. Ta phát động quần chúng nổi dậy phá áp chiến lược, phá đi phá lại nhiều lần gây cho địch nhiều khó khăn trong kế hoạch bình định nông thôn thôn của Mỹ - Diệm. Tuy nhiên, địch quyết tâm thực hiện cho bằng được “quốc sách áp chiến lược” trên các vùng trọng điểm nhất là trên các tuyến hành lang chiến lược, các trục lộ giao thông quan trọng. Đầu năm 1963, tỉnh Biên Hòa địch xây dựng được 162 ấp, tỉnh Long Khánh 43 ấp. Gần 70% nhân dân các







làng xã, công nhân các đồn điền cao su bị dồn vào các “trại tập trung”, vùng giải phóng của ta bị thu hẹp.

Một sự kiện quan trọng, tỉnh Biên Hòa tổ chức Đại hội thành lập mặt trận dân tộc giải phóng tỉnh vào ngày 27/7/1962. Đại hội tiến hành trong 3 ngày, tham dự có đủ đại diện các tầng lớp đồng bào trong tỉnh. Đại hội bầu ra Ủy ban Mặt trận giải phóng tỉnh Biên Hòa gồm 17 người do ông Tô Văn Thanh làm chủ tịch. Đại hội kêu gọi các tầng lớp nhân dân trong tỉnh đoàn kết đấu tranh đánh bại xâm lược Mỹ và tay sai Ngô Đình Diệm.

Tháng 3/1963, Trung ương Cục miền Nam và Khu ủy miền Đông chủ trương sát nhập 2 tỉnh Biên Hòa và Bà Rịa thành tỉnh Bà Biên nhằm khắc phục những khó khăn về địa bàn, tập trung lực lượng, phối hợp mở hành lang chiến lược, xây dựng và phát triển căn cứ cách mạng. Đồng chí Nguyễn Sơn Hà Bí thư Tỉnh ủy. Hưởng ứng phong trào “thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công” do Trung ương Cục miền Nam phát động, Tỉnh ủy Bà Biên chủ trương đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống phá kế hoạch bình định nông thôn của địch bằng hai lực lượng chính trị và quân sự, kết hợp 3 mũi tiến công phá ấp chiến lược giữ vững và mở rộng vùng giải phóng. Ban chỉ đạo phá ấp chiến lược tỉnh và các huyện được thành lập. Tháng 4/1963, lực lượng võ trang, ta đánh diệt đồn dân vệ và phát động quần chúng nổi dậy phá banh ấp chiến lược Hưng Nghĩa ở Xuân Lộc, bắt sống toàn bộ tề ấp và bọn phản động gồm 13 tên thu 13 súng các loại. Tại xã Bảo Vinh, du kích và tự vệ mật liên tục đánh địch phá ấp chiến lược Bảo Vinh C, vận động nhân dân phá từng đoạn rào, dẫm nát cỏ để tung tin giải phóng về phá ấp chiến lược. Sau nhiều lần bị đánh phá, địch phải bỏ luôn ấp chiến lược Bảo Vinh C.



Cuộc đấu tranh quyết liệt chống địch gom dân lập ấp chiến lược của quân và dân ta trong năm 1963 đã làm phá sản cơ bản kế hoạch của Mỹ - ngụy “bình định miền Nam trong vòng 18 tháng” Ngô Đình Diệm và bè lũ tay sai tỏ ra bất lực, đế quốc Mỹ phải “thay ngựa giữa dòng”. Ngày 1/11/1963, Tổng thống Ngô Đình Diệm bị lật đổ. Ngụy quyền ở Sài Gòn lâm vào thời kỳ khủng hoảng nghiêm trọng với nhiều cuộc đảo chính quân sự. Để phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ mới, tháng 12/1963, Trung ương Cục tách tỉnh Bà Biên tổ chức lại tỉnh Biên Hòa, tỉnh Bà Rịa.

Năm thời cơ, Tỉnh ủy Biên Hòa chủ trương phát động phong trào nổi dậy kết hợp chặt chẽ 3 mũi quân sự, chính trị, binh vận, kiên quyết phá ấp chiến lược, mở rộng vùng giải phóng. Hai huyện Long Thành và Nhơn Trạch với sự hỗ trợ của đại đội 240, quần chúng nổi dậy phá banh toàn bộ ấp chiến lược; du kích và quần chúng bao vây đồn bót địch, ta làm chủ ngày đêm ở các xã Phước An, Phước Thọ, Phước Thiên, Phước Nguyên, Phú Hội, Phú Hữu, Tam An, Tam Phước, đồn điền cao su





Bình Sơn, An Viễn. Tại Vĩnh Cửu, Huyện ủy chọn xã Đại An làm điểm phá ấp chiến lược. Bộ đội huyện, du kích và nhân dân dùng rơm rạ buộc thành từng bó, tẩm dầu chất quanh ấp. Đêm 24/1/1964 hàng rào ấp chiến lược Đại An phút chốc biến thành vòng lửa cháy sáng một góc trời. Lính bảo an, dân vệ hốt hoảng nổ súng loạn xạ. Lựu đạn, mìn gặp lửa nổ liên tục. Bọn lính địch hoảng loạn tìm đường trốn chạy. Ngay trong đêm, ấp chiến lược Đại An bị phá banh.

Chiều ngày 2/2/1964, bộ đội tỉnh Biên Hòa cùng với bộ đội huyện Vĩnh Cửu và du kích các xã đào công sự sát chân đồn Trị An. Du kích đốt cầu 20, cắt đứt lộ 24. Hàng trăm người dân và gia đình binh lính ngại cầm đuốc tuần hành thị uy quanh chân đồn Trị An, phát loa kêu gọi binh lính địch buông súng đầu hàng. Hoang mang cực độ, 11 giờ đêm ngày 3/2/1964, lính trên đồn xin đầu hàng, xã Trị An hoàn toàn giải phóng. Thất bại nặng nề, kế hoạch Staley - Taylor hoàn toàn bị phá sản, nguy quyền Sài Gòn đứng trước nguy cơ bị sụp đổ. Để cứu vãn tình hình, tháng 3/1964, Tổng thống Jhonson đưa ra “kế hoạch Jhonson - Mc Namara” với âm mưu “bình định” có trọng điểm miền Nam trong vòng hai năm (1964 - 1966). Biên Hòa là một trọng điểm. Mỹ tăng viện trợ, tăng cô vấn đến cấp tiểu đoàn để nắm chặt lực lượng quân sự và bộ máy hành chính, mở rộng chiến tranh xâm lược, chuẩn bị kế hoạch leo thang chiến tranh. Trên chiến trường miền Đông, Mỹ - nguy huy động cả lực lượng tổng trừ bị nguy tổ chức nhiều cuộc hành quân vào vùng căn cứ, lấn chiếm vùng giải phóng, vào chiến khu Đ, mở rộng, củng cố đồn bót hai bờ sông Đồng Nai, hỗ trợ tề nguy khôi phục các ấp chiến lược bị ta phá, lập lại vành đai để bảo vệ các căn cứ, sân bay, kho tàng của chúng ở Biên Hòa và Sài Gòn.

Ngày 28/1/1964, địch tổ chức một trận càn quét lớn vào căn cứ của Tỉnh ủy Biên Hòa ở Suối Cả (Long Thành). Chúng sử dụng phi cơ, pháo binh bắn phá ác liệt vào các mục tiêu dọn đường cho bộ binh tiến quân suốt 3 ngày đêm liên bao vây, càn quét. Do chủ động trước, Ban chỉ huy tỉnh đội bố trí lực lượng chặn đánh, bẻ gãy các mũi tấn công của địch. Đến ngày thứ tư, cuộc càn không đạt kết quả, địch rút quân. Cuộc hành quân với quy mô lớn của địch hoàn toàn thất bại. Phía Bắc Biên Hòa, địch đổ quân chiếm lại đồn Kim Liên, Trị An, bố trí một đại đội bảo an và một đại đội biệt động đóng giữ.

Tháng 3/1964, Trung ương Cục miền Nam đề ra nhiệm vụ năm 1964 là “... *giữ vững mở rộng các khu căn cứ rừng núi và đồng bằng theo kịp sự phát triển của cách mạng nhất là trên các địa bàn chiến lược... Đẩy mạnh phá ấp chiến lược để mở rộng vùng giải phóng, liên hoàn tiếp giáp với vùng căn cứ*”. Thực hiện nhiệm vụ của Trung ương cục, giữa năm 1964, lực lượng vũ trang quân khu kết hợp với bộ đội địa phương các tỉnh miền Đông và du kích diệt gọn tiểu đoàn 37 biệt động nguy, giải phóng hàng loạt xã, mở rộng vùng giải phóng ở chiến khu Đ. Đầu tháng 7/1964, bộ đội quân khu tấn công tiêu diệt đồn Cây Gáo. Trên quốc lộ 20, lực lượng vũ trang phối hợp cùng nhân dân nổi dậy tiếp tục phá banh các ấp chiến lược Thanh Giang, Thanh Bình, Phú Cát, Bàu Đồi, Đồng Hiệp tạo thành một vùng giải phóng





rộng lớn từ Trị An đến Túc Trung. Đêm 12/9/1964, tiểu đoàn 800 (Quân khu) kết hợp với bộ đội địa phương tấn công tiêu diệt chi khu Hiếu Liêm. Bộ đội địa phương huyện Vĩnh Cửu và du kích các xã hỗ trợ quần chúng nhân dân phá ấp chiến lược Thiện Tân, Bình Long, Lợi Hòa, Tân Phú. Sau 57 ngày đêm bao vây và đánh viện binh, đêm 19/11/1964, lần thứ 2 xã Trị An hoàn toàn giải phóng. Tại Long Thành và Nhơn Trạch đầu năm 1964, hầu hết ấp chiến lược đều bị phá banh. Cuối năm 1964, thế và lực của cách mạng ở tỉnh Biên Hòa và Long Khánh có những bước phát triển đáng kể. Lực lượng chính trị, quân sự lớn mạnh, phong trào phá ấp chiến lược phát triển ở hầu hết các xã trong tỉnh.

### 3. Đánh sân bay Biên Hòa.

Tháng 9/1964, Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng đẩy mạnh tiến công và nổi dậy tiến lên giành thắng lợi quyết định ở miền Nam trong một vài năm tới. Ngày 10/10/1964, Quân ủy Trung ương chỉ thị mở đợt hoạt động mùa khô 1964 - 1965 trên khắp chiến trường miền Nam nhằm tiêu diệt một bộ phận chủ lực nguy,



kết hợp tiêu hao rộng rãi, thúc đẩy sự tan rã của lực lượng địch, phá ấp chiến lược, phá thế kìm kẹp, giành thêm nhiều nhân lực, mở rộng vùng giải phóng, thu hẹp vùng kiểm soát của địch, đẩy mạnh hơn nữa đấu tranh chính trị, làm tăng thêm sự khủng hoảng chính trị và mâu thuẫn nội bộ địch. Bộ Chỉ huy quân sự Miền Nam (B2) chủ trương mở chiến dịch tiến công tiêu diệt địch, mở rộng vùng giải phóng. Hướng tập trung là các tỉnh Biên Hòa, Bà Rịa, Long Khánh. Tháng 10/1964, Tỉnh ủy Biên Hòa tiến hành Đại hội tại căn cứ Suối Cả (Long Thành). Kể từ 1954, đây là lần đầu tiên Biên Hòa tổ chức Đại hội tỉnh Đảng bộ, đồng chí Phan Văn Trang được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy.

Trước khả năng đế quốc Mỹ tăng cường chiến tranh, đưa quân Mỹ trực tiếp tham chiến ở miền Nam Việt Nam. Thực hiện chỉ thị của Trung ương Cục và Khu ủy miền Đông, Tỉnh ủy Biên Hòa tập trung chỉ đạo việc phát triển lực lượng, chuẩn bị nhân tài, vật lực để đánh Mỹ trên mọi mặt trận, mọi lúc. Từ tháng 10/1964, phối hợp với các lực lượng trinh sát Miền, Tỉnh ủy, Thị ủy Biên Hòa chỉ đạo kết hợp điều nghiên địa hình, bố phòng sân bay Biên Hòa và chuẩn bị trận địa cho lực lượng pháo binh Miền và quân khu tấn công địch. Sân bay Biên Hòa cách Sài Gòn 30km về phía Đông Bắc là một trong những sân bay quân sự lớn nhất của Mỹ - nguy ở miền Nam, rộng khoảng 49km<sup>2</sup> với 2 đường băng dài 3.600m và 1.000m. Sân bay được trang bị hệ thống radar, hệ thống chỉ huy liên lạc tối tân. Bên trong sân bay có 6 khu rộng chứa từ 170 - 190 máy bay, thường xuyên có 500 sĩ quan, phi công, nhân viên kỹ thuật và hàng trăm binh lính Mỹ - nguy đồn trú bảo vệ. Hệ thống phòng thủ sân bay được địch bố trí kiên cố và nghiêm ngặt gồm nhiều lớp hàng rào kẽm gai với chiều rộng gần 1km, bãi mìn, lựu đạn dày đặc và nhiều lô cốt, bót gác xung





quanh. Ban đêm, sân bay được soi sáng bằng một hệ thống đèn pha cực mạnh. Lực lượng bảo vệ sân bay gồm đại đội pháo binh, một đại đội xe tăng, một tiểu đoàn quân khuyến (100 con chó becgie). Bên cạnh sân bay là sở chỉ huy quân đoàn 3 ngụy, bên ngoài sân bay có một tiểu đoàn quân Mỹ và một tiểu đoàn lính bảo an ngụy thường xuyên tuần tra canh gác.



Bộ chỉ huy Miền chỉ định các đồng chí Lương Văn Nho và Nguyễn Văn Bứa tổ chức chỉ huy trận đánh. Huyện ủy Vĩnh Cửu huy động gần 100 dân công tham gia tải đạn từ chiến khu Đ để phục vụ cho trận đánh. Lực lượng tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu gồm một đại đội cối 81 (7 khẩu), một đại đội DKZ 75 (2 khẩu) của Miền kết hợp một đại đội cối 81 (3 khẩu), một trung đội đặc công tiểu đoàn 800 của quân khu miền Đông (T1), đại đội địa phương tỉnh Phước Thành và lực lượng vũ trang huyện Vĩnh Cửu, thị xã Biên Hòa.

Chiều 31/10/1964, từ căn cứ chiến khu Đ, các đơn vị xuất phát, bí mật hành quân đến vị trí tập kết, bố trí trận địa tại Hóc Bà Thúc (phường Tân Phong) phía Đông - Bắc sân bay Biên Hòa. 23 giờ 30 đêm 31/10/1964, pháo cối ta bắt đầu cấp tập bắn vào sân bay. Từng cụm lửa bốc cháy sáng rực cả một góc trời. Cả thị xã Biên Hòa và các vùng phụ cận rung lên vì những tiếng nổ long trời lở đất. Chỉ trong vòng 15 phút gần 130 quả đạn cối rơi gọn và chính xác xuống các mục tiêu, phá hủy 59 máy bay, trong đó có 21 máy bay B57, loại máy bay tối tân của Mỹ lúc bấy giờ mới đưa từ Philippines sang, 11 máy bay AD6, 1 máy bay do thám (U2); diệt và làm bị thương 253 tên địch, thiêu hủy và nổ tung hoàn toàn 2 kho đạn lớn, 1 kho xăng, 1 đài quan sát và 18 căn trại lính. Địch không kịp phản ứng, ta rút về căn cứ an toàn.

Sáng 1/11/1964, đại sứ Mỹ Taylor từ Sài Gòn tức tốc đến sân bay Biên Hòa, thốt lên: *“Rõ ràng Việt Cộng làm một việc chưa hề có...”* và *“Tôi không muốn nhìn thấy cảnh tượng này nữa”*. Báo Thế giới Tây Đức nhận xét rằng *“Trận đòn của Việt Cộng đánh vào sân bay của Mỹ ở Biên Hòa làm cho các nhà quân sự ở Hoa Thịnh Đốn rất đau đầu. Người ta cho rằng không còn có gì thêm nữa, Việt Cộng cũng có khả năng lập lại cuộc tấn công như vậy vào các vị trí quan trọng khác trong khi không bị thương vong một người nào. Việt Cộng ở Biên Hòa đã thực hiện một điều lý tưởng về chiến thuật quân sự là dùng phương tiện tối thiểu để thu được kết quả tối đa và gây tác hại hàng chục triệu đô la cho không quân Mỹ”*. Đây là một trận đánh táo bạo, bất ngờ. Lần đầu tiên, pháo binh Miền đã tận dụng yếu tố bí mật, kết hợp với lực lượng địa phương và phong trào quần chúng, mở đầu hàng loạt trận pháo kích







vào các mục tiêu chiến lược quan trọng của Mỹ - ngụy. Chiến thắng tại sân bay Biên Hòa làm nức lòng quân dân cả nước. Lực lượng pháo binh Miền được tặng thưởng Huân chương quân công hạng nhất, huân chương cao nhất lần đầu tiên được tặng thưởng ở miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Bác Hồ kính yêu với bút danh “Chiến Sĩ” đã viết bài ca ngợi chiến thắng này trên báo Nhân dân số 3878 ngày 12/11/1964:

*Uy danh lừng lẫy khắp năm châu*

*Đạn cối tuôn cho Mỹ bể đầu*

*Thành đồng trống thắng lay lắt trắng*

*Điện Biên, Mỹ chẳng phải chờ lâu.*

#### **4. Phối hợp chiến dịch Bình Giã.**

Cuối năm 1964, Quân ủy và Bộ chỉ huy Miền Nam quyết định mở chiến dịch Bình Giã ở Bà Rịa. Chiến dịch mở màn ngày 5/12/1964 đến ngày 3/1/1965 giành thắng lợi to lớn. Để đánh lạc hướng địch, trước khi chiến dịch Bình Giã nổ súng, theo sự chỉ đạo của Quân khu miền Đông, Tỉnh ủy Biên Hòa mở một đợt hoạt động quân sự mạnh ở vùng Long Thành - Nhơn Trạch để thu hút quân chủ lực của địch. Ngày 15/11/1964, lực lượng vũ trang Quân khu phục kích đoàn xe quân sự trên đường 15 (xã Phước Hòa) diệt 12 xe quân sự, có 4 xe thiết giáp, thu 52 súng. Đại đội công binh tỉnh Biên Hòa liên tục tổ chức đánh giao thông địch, bắt sống 4 cố vấn Mỹ, thu hàng chục tấn gạo và quân trang quân dụng. Ở Xuân Lộc, ta tấn công địch ở các xã trên trục lộ số 1, số 2, giải phóng các xã Cẩm Đường, Thừa Đức, Bình Phú, bức rút trung đội dân vệ đóng ở đồn Bảo Chánh, bắt sống hàng chục dân vệ, tề xã, ấp. Tại Long Thành, đội vũ trang huyện cao su Bình Sơn và du kích các đồn điền cải trang dùng 6 xe chở công nhân đi cạo mủ về bất ngờ tập kích đồn biệt kích A16 đóng tại sở cao su Bình Sơn, bắt sống 19 tên, thu 10 súng. Bộ đội huyện Long Thành và du kích tập kích diệt đồn Tam An.

Phát triển thắng lợi của chiến dịch Bình Giã, quân và dân huyện Xuân Lộc với sự hỗ trợ của bộ đội chủ lực Miền nổi dậy phá tan các ấp chiến lược ngay sát thị xã Long Khánh và các khu vực trọng điểm bình định của địch ở Bảo Vinh, Bình Lộc, Cẩm Mỹ, Bảo Thị, Bảo Định. Ngày 7/5/1965, trung đoàn 4 (chủ lực khu) liên tiếp đánh địch ở Tà Lài, Ba Sa, chi khu Định Quán, làm chủ quốc lộ 20. Ngày 15/5/1965, quân cứu viện của địch lọt vào trận địa Là Ngà. Cả tiểu đoàn biệt động quân và một đại đội bảo an bị tiêu diệt. Trên trận chuyên dài 2 km, xác giặc ngổn ngang, 26 xe quân sự gồm cả xe tăng thiết giáp bị bắn cháy. Ta tịch thu hơn 100 súng, chiến sĩ gọi trận này là chiến thắng “Là Ngà 2”.



Hỏa lực DKZ 75mm của ta trong trận Bình Giã





Đêm 8 rạng ngày 9/6/1965, trung đoàn 4 và bộ đội huyện Xuân Lộc tập kích yếu khu quân sự và trường huấn luyện Gia Ray, diệt 3 đại đội hạ sĩ quan, một đại đội bảo an và một trung đội dân vệ, thu 150 súng, 5 tấn đạn dược, 3 toa xe chở hàng quân sự, chiếm lĩnh hoàn toàn yếu khu quân sự và trung tâm huấn luyện của địch, giải phóng hơn 7.000 dân. Các xã Bảo Chánh, Bảo Bình, Tân Phong được giải phóng, ta làm chủ quốc lộ số 1 từ ngã ba Tân Phong đến Rừng Lá (dài 80km). Địch buộc phải co cụm hầu như toàn bộ lực lượng gom về thị xã Long Khánh. Tháng 2/1965, Bộ chỉ huy Quân sự Miền Nam quyết định đồng chí Trần Công An và 50 chiến sĩ thông thạo địa hình về thị xã Biên Hòa với nhiệm vụ tổ chức đánh đặc công vào các cơ quan đầu não, các căn cứ quân sự, kho tàng của Mỹ - ngụy. Ngày 2/2/1965, Thị ủy Biên Hòa quyết định hợp nhất đội biệt động thị xã và 50 chiến sĩ đặc công được Miền tăng cường thành một đơn vị đặc công dưới sự lãnh đạo trực tiếp của thị ủy Biên Hòa.

Trải qua bốn năm đấu tranh chống chiến lược chiến tranh đặc biệt của Mỹ - ngụy, được sự hỗ trợ đắc lực của lực lượng vũ trang Miền, Quân khu, quân dân Biên Hòa, Long Khánh đã phá rã, phá banh toàn bộ hệ thống áp chiến lược của địch, giải phóng 2/3 vùng nông thôn. Vùng giải phóng được mở rộng liên hoàn. Hàng ngàn ha ruộng đất được phân cấp cho nông dân, trường học, trạm xá được xây dựng, các đội văn nghệ, chiếu phim thường xuyên phục vụ nhân dân. Phong trào tòng quân, xã ấp chiến đấu sôi nổi đều khắp. Thế trận chiến tranh nhân dân phát triển vững chắc.

### **III- Đánh Mỹ diệt Ngụy trong chiến lược Chiến tranh cục bộ.**

#### **1. Thế trận mới.**

Sau chiến dịch Bình Giã, Trung ương Cục miền Nam chủ trương mở tiếp các chiến dịch Đồng Xoài, Phước Long khẳng định xu thế phát triển mạnh mẽ của các phong trào cách mạng miền Nam. Quốc sách áp chiến lược, xương sống của chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của địch bị phá sản, chính quyền ngụy Sài Gòn bước vào cuộc khủng hoảng chính trị trầm trọng. Đó chính là bức tranh toàn cảnh của chế độ tay sai ở Sài Gòn mà McNamara và Taylor đã báo cáo về Nhà trắng tháng 4/1965: *“Tình hình Việt Nam nghiêm trọng và sẽ nghiêm trọng hơn nữa, quân đội Việt Nam Cộng hòa không thể đương đầu với Việt Cộng, tương quan lực lượng ở mức báo động, quyền chủ động đã quay về tay cộng sản”*. Tháng 5/1965, tướng Westmoreland lại báo cáo về Nhà trắng: *“Hà Nội khuyến đảo 1/2 Nam Việt Nam, chính phủ Sài Gòn sụp đổ, hành quân cấp quân đoàn của cộng sản có thể mở ở cả 4 vùng chiến thuật, hành quân cấp tiểu đoàn mở ở khắp các tỉnh Nam Việt Nam, chính phủ Sài Gòn rối loạn về chính trị, yếu hèn về chính quyền, sa sút về quân đội”*.

Tại nước Mỹ, phong trào chống chiến tranh làm cho nội bộ chính quyền bắt đầu phân hóa. Sau khi Jhonson đắc cử tổng thống, năm 1965, Mỹ quyết định triển khai 44 tiểu đoàn chiến đấu vào miền Nam Việt Nam, chuyển từ chiến lược “chiến tranh đặc biệt” sang chiến lược “chiến tranh cục bộ” hy vọng tìm được thắng lợi ở





miền Nam Việt Nam bằng quân sự. Thông qua chiến lược quân sự “tìm và diệt” của tướng Westmoreland với mục tiêu bao trùm là tiến hành cuộc chiến tranh trên bộ, kết hợp đẩy mạnh chiến tranh bằng không quân ra miền Bắc buộc ta phải thương lượng theo điều kiện của Mỹ. Đế quốc Mỹ đề ra kế hoạch chiến lược 3 giai đoạn dự định thắng ta trong 2 năm rưỡi với trên 40 vạn quân Mỹ. Trọng điểm “tìm và diệt” của Mỹ là miền Đông Nam bộ, trong đó có Biên Hòa, Long Khánh. Ngày 1/5/1965, Mỹ đưa lữ dù 173 và 1 tiểu đoàn quân hoàng gia Úc vào đóng ở sân bay Biên Hòa nhằm mục đích càn quét khu vực Bắc sân bay, đẩy lùi chủ lực ta ra xa, yểm trợ cho việc triển khai quân Mỹ và xây dựng các căn cứ, kho tàng cho quân viễn chinh. Sân bay Biên Hòa được mở rộng, nâng cấp thành sân bay chiến lược quân sự.

Tại kho Long Bình, ngày 21/7/1965, đế quốc Mỹ lập Bộ tư lệnh hậu cần số I; Ngày 15/3/1966, Mỹ lập bộ tư lệnh dã chiến II để chỉ huy quân viễn chinh Mỹ ở miền Nam. Ngoài tổng kho Long Bình, Mỹ còn mở rộng xây dựng kho bom Thành Tuy Hạ ở Nhơn Trạch. Tháng 9/1966, Mỹ xây dựng căn cứ thiết giáp số 11 ở Suối Râm (Long Khánh). Biên Hòa còn có căn cứ Nước Trong (Long Thành), hậu cứ sư 18 bộ binh, căn cứ liên đoàn biệt động. Ngoài ra, chiến trường Biên Hòa còn có căn cứ lính chur hầu Thái Lan ở Long Thành, trung đoàn hoàng gia Úc ở Núi Đất, một tiểu đoàn pháo Tân Tây Lan ở chiến trường Bà Rịa - Long Khánh. Ở thời điểm này, địch đã hình thành 2 tiểu khu quân sự Biên Hòa, Long Khánh và 5 chi khu, yếu khu; quân bảo an gồm 4 tiểu đoàn, 35 đại đội, 54 trung đội dân vệ và trên 200 đồn, bót, tua, tháp canh.



Tổng kho Long Bình nhìn từ trên cao

Tại thị xã Biên Hòa có sở chỉ huy quân đoàn 3 vùng III chiến thuật, nha cảnh sát miền Đông, Trung tâm chiêu hồi và lực lượng yểm trợ quân đoàn 3. Tại sân bay Biên Hòa có 2 không đoàn số 23, 33 và 2 lữ đoàn thiết giáp 1 và 5; 4 tiểu đoàn pháo binh (số 32, 35, 38, 52); hai lữ đoàn công binh (số 5 và 30); hai hải đoàn (số 305 và 25); 3 hải thuyền và 5 đội tuần giang; một tiểu đoàn truyền tin; một tiểu đoàn quân cảnh; tiểu đoàn 31 vận tải; tiểu đoàn 16 công vụ; 3 quân y viện. Địch còn có khả năng yểm trợ không quân từ Tân Sơn Nhất, các lực lượng tổng trừ bị như sư đoàn dù, thủy quân lục chiến ngụy và các đơn vị của khu 33 chiến thuật, và bộ máy ngụy quyền từ tỉnh xuống quận, xã, ấp, cảnh sát dã chiến, mật vụ, bình định nông thôn và nhân dân tự vệ. Với một bộ máy đàn áp quy mô của Mỹ - ngụy, tỉnh lỵ Biên Hòa, tỉnh lỵ Long Khánh trở thành thành phố quân sự phục vụ chiến tranh.

## 2. Âm mưu mới của địch.

Trên chiến trường Biên Hòa - Long Khánh, Mỹ tập trung “tìm diệt” và “bình định”. Mỹ - ngụy mở liên tục những cuộc hành quân quy mô vừa và lớn nhằm diệt lực lượng vũ trang của cách mạng. Hướng tập trung là chiến khu Đ, chiến khu rừng





Sác, khu vực đông tây lộ 15 (Tam An, Phước Thái, Long Phước), quốc lộ 20 (cây số 110, 116, 125), quốc lộ 1 (Cây Gáo, Bàu Hàm, Bắc Trảng Bom, Hưng Lộc, Gia Ray, Xuân Trường), tỉnh lộ 24 (Đại An, Tân Định, Thiện Tân), khu vực lòng chảo (tỉnh lộ 19), Nhơn Trạch (Phước Thọ, Phước An, Phú Hữu). Vùng cao su, địch tập trung Bình Sơn (Long Thành), Bình Lộc (Xuân Lộc), Cẩm Mỹ, Hàng Gòn, Ông Quê (liên tỉnh lộ 2). Địch dùng thuốc khai quang rộng khắp hủy diệt cây trái, ruộng vườn, phá toàn bộ địa hình gây khó khăn cho lực lượng cách mạng.

Đối với vùng nông thôn, vùng cao su, địch tăng cường ủi phá địa hình, dùng quân chủ lực cùng lực lượng bảo an dân vệ càn quét gom dân, lập ấp chiến lược, xây dựng đồn bót, bảo vệ giao thông, củng cố bộ máy tê ngụy ở cơ sở. Mỗi sở cao su địch bố trí từ 1 trung đội đến 1 đại đội bảo an. Mỗi quận 1 đội bình định. Địch phân loại dân, cấu kết chặt chẽ các chủ đồn điền kiểm soát gặt gao cả kinh tế và sự đi lại, ngăn chặn dân tiếp tế cho cách mạng. Vùng đô thị, thị xã, thị trấn, địch tăng cường bộ máy cảnh sát, công an, mật thám, chỉ điểm theo dõi nhân dân, tuyên truyền, xuyên tạc cách mạng; tổ chức nghiệp đoàn công nhân lao động và các hội đoàn tôn giáo thu hút, tập hợp quần chúng làm hậu thuẫn chính trị.



Địch mở hai cuộc phản công chiến lược mùa khô trên chiến trường Biên Hòa - Long Khánh. Cuộc phản công lần 1 bắt đầu từ tháng 1/1966, tập trung lữ dù 173 Mỹ, trung đoàn hoàng gia Úc, sư đoàn 18 ngụy làm nhiệm vụ “tìm diệt” ta ở chiến khu Đ, khu vực bắc Biên Hòa (Vĩnh Cửu). Một mặt địch tổ chức các cuộc hành quân “yểm trợ bình định” ở quận Long Thành, Nhơn Trạch, Công Thành (Vĩnh Cửu), Long Khánh. Cuộc phản công lần II bắt đầu từ tháng 2/1967, gồm quân Mỹ, Úc, ngụy vào các khu vực tam giác quốc lộ 1, 15, liên tỉnh lộ 2, Sông Ray, lòng chảo Nhơn Trạch, phía Bắc Biên Hòa (Cây Gáo, Trảng Bom).

### 3. Lập vành đai diệt Mỹ ở Biên Hòa.

Với những chiến thắng ở Biên Hòa, Bình Giã, Đồng Xoài, chiến trường miền Đông có những bước chuyển động mới, tiêu diệt, tiêu hao sinh lực địch, phá được ấp chiến lược, mở rộng và nối liền nhiều vùng căn cứ và kiểm soát của ta. Phong trào chiến tranh du kích phát triển, lực lượng vũ trang sẵn sàng đánh địch, thực hiện lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 20/7/1965: *“Dù để quốc Mỹ có tăng thêm 10 vạn, 20 vạn quân Mỹ, thậm chí nhiều hơn nữa, dù phải chiến đấu 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa, chúng ta cũng cương quyết chiến đấu đến thắng lợi hoàn toàn”*. Trung ương Cục miền Nam xác định không chế, tiêu diệt nhiều sinh lực và phương tiện chiến tranh của Mỹ ở Biên Hòa sẽ có tác dụng to lớn, hỗ trợ tích cực cho chiến trường toàn miền.





Tháng 9/1965, Trung ương Cục, Quân ủy Miền quyết định thành lập một đơn vị chiến trường tương đương cấp tỉnh lấy tên U1 bao gồm thị xã Biên Hòa, huyện Vĩnh Cửu, Nguyễn Sơn Hà, Khu ủy viên làm Bí thư Tỉnh ủy U1, Trần Công An làm tỉnh đội trưởng. Trung ương Cục tăng cường 50 cán bộ, chiến sĩ đặc công kết hợp với bộ đội huyện Vĩnh Cửu thành lập đơn vị đặc công lấy phiên hiệu C238 do Nguyễn Văn Bảo chỉ huy. Nhiệm vụ của đặc công U1 là phát triển lực lượng, huấn luyện nâng cao trình độ kỹ thuật chiến đấu, xây dựng bàn đạp tiến công các cơ quan chỉ huy đầu não địch đánh gây thiệt hại nặng hai mục tiêu sân bay Biên Hòa, Tổng kho hậu cần Long Bình và hỗ trợ phong trào quần chúng đánh phá bình định, phát triển chiến tranh nhân dân ở các địa phương.



Tháng 12/1965, Hội nghị Trung ương lần thứ 12 (khóa III) ra nghị quyết khẳng định lại quyết tâm đánh Mỹ và khả năng thắng Mỹ. Tháng 2/1966, Quân ủy trung ương đề ra 6 phương thức tác chiến chiến lược trong đó có 3 phương thức được bộ đội đặc công không ngừng hoàn thiện đạt hiệu suất cao là: phương thức (3) Đánh phá các căn cứ hậu cần, kho tàng, sân bay, hải cảng, cơ quan đầu não địch; (4) Triệt phá các đường giao thông thủy, bộ quan trọng, tạo ra thế bao vây chia cắt địch; (5) Đẩy mạnh hoạt động quân sự ở các đô thị, từ hình thức tác chiến nhỏ kết hợp đấu tranh chính trị đến tác chiến lớn, kết hợp tiến công và khởi nghĩa.

Từ năm 1965, sông Lòng Tàu ngày càng trở thành đường vận chuyển chiến lược của Mỹ đưa khối lượng thiết bị phương tiện chiến tranh xâm lược quy mô lớn vào miền Nam Việt Nam. Trên sông Lòng Tàu, địch xây dựng nhiều quân cảng như Nhà Bè, Cát Lái, Rạch Dừa, cộng với quân cảng Sài Gòn thành một hệ thống cảng lớn, gắn liền với tổng kho hậu cần Long Bình, Thành Tuy Hạ. Từ năm 1964, Bộ Chỉ huy Miền đã đưa xuống rừng Sác một đơn vị công binh, đến 1965 tăng cường thêm một số đơn vị đặc công, pháo binh thành lập tiểu đoàn 125 triển khai đánh địch trên mặt trận này.



Ngày 15/6/1966, Bộ chỉ huy Miền thành lập Đặc khu rừng Sác, đặt phiên hiệu T10, sau đổi là Đoàn 10 đặc công. Nhiệm vụ của Đoàn 10 là bám trụ địa bàn rừng Sác tiến công vào hướng Đông Nam Sài Gòn, chặn đánh tàu địch trên sông Lòng Tàu, các cảng quân sự, kho Nhà Bè, Cát Lái, Sài Gòn, Thành Tuy Hạ, đánh sâu vào nội đô Sài Gòn. Đặc công Biên Hòa (U1), Đoàn 10 rừng Sác có nhiệm vụ xây dựng vành đai diệt Mỹ ở Biên Hòa. Ngoài ra Biên Hòa còn có đoàn pháo binh 69 của Miền kết hợp chặt chẽ đặc công, pháo binh đánh địch trên chiến trường Biên Hòa.





## 4. Những cuộc tiến công tiêu biểu.

### 4.1- Đặc công đánh tổng kho Long Bình.

Tổng kho Long Bình diện tích khoảng 24km<sup>2</sup>, nằm cách Sài Gòn về phía đông 20km, thành phố Biên Hòa 7km. Trong tổng kho Long Bình có Bộ tư kệnh dã chiến II Mỹ, Bộ tư lệnh hậu cần số I của Mỹ, đồng thời là kho bom, đạn lớn của Mỹ ở miền Nam Việt Nam được xây dựng từ giữa năm 1965. Lực lượng Mỹ - Ngụy thường xuyên có 2.000 tên. Địch tổ chức phòng thủ chặt chẽ, bao bọc xung quanh từ 7 đến 12 lớp rào kết hợp gài mìn trái. Các lô cốt tiền duyên cách nhau 30 - 40 mét nằm cách lớp rào cuối cùng từ 40 - 50 mét. Bên trong có nhiều tuyến hào nối các lô cốt, đường đi, lối lại ngang dọc, hai bên đường đều rải hàng rào kẽm gai. Hai khu kho quan trọng trong tổng kho là khu kho đồi 50 và đồi 53, có 18 dãy nhà kho với khoảng 200 gian chia làm 3 khu (mỗi khu 6 dãy), mỗi dãy cách nhau 100 mét, các nhà cách nhau 60 mét. Nhà kho xây hình khối chữ nhật (30m x 25m x 5,5m), cửa thép có khóa sắt, xung quanh có ụ đất dày 4 - 5 mét.



Ngày 22/6/1966, 6 chiến sĩ đặc công chia làm 3 tổ: tổ 1 do Nguyễn Tấn Vàng tổ trưởng, tổ 2 do Nguyễn Văn Thái tổ trưởng, tổ 3 do Bùi Văn Hòa tổ trưởng, vượt rào và chướng ngại vật tiếp cận khu kho đồi 53 đặt mìn có gắn kíp nổ hẹn giờ bằng đồng hồ. Sáng 23/6, toàn bộ khu kho đồi 53 bắt đầu nổ, trùm trong khói lửa. Các phương tiện cứu hỏa của địch đều bất lực. Trận đánh gây thiệt hại nặng cho địch, hủy diệt 40.000 quả đạn pháo các loại của Mỹ.

Đây là trận tiến công đầu tiên của đặc công Biên Hòa vào tổng kho Long Bình, mở đầu cho hàng loạt trận đánh sau này.

Để phối hợp với chiến trường chung đánh bại hai cuộc phản công chiến lược mùa khô của đế quốc Mỹ (1965 - 1966; 1967 - 1968), Tỉnh đội Biên Hòa U1 chỉ đạo đặc công tỉnh liên tục tiến công vào kho Long Bình. Phương châm đánh là táo bạo, chắc, đánh bồi, phá hủy bom đạn, phương tiện chiến tranh của địch. Cuối năm 1966, đặc công U1 đã bí mật tiến công 3 lần (tháng 10, 11, 12) vào tổng kho Long Bình, hủy diệt 353.000 quả đạn pháo và bom của địch, thể hiện sự dũng cảm, mưu trí, sáng tạo và quyết tâm cao của đặc công U1. Đêm 3/2/1967, đặc công U1 lại đột nhập khu kho đồi 53 đặt mìn hẹn giờ. Bốn mươi dãy kho bị nổ tung với 800.000 quả đạn pháo các loại. Một tổ đặc công U1 từ chốt Bình Trị, Hóa An đột nhập vào sân bay quân sự Biên Hòa đặt mìn làm nổ tung kho chứa nhiên liệu, đốt cháy 10 triệu lít xăng dầu.

### 4.2- Tạt kích bằng pháo binh vào sân bay quân sự Biên Hòa.

Thực hiện chiến lược “chiến tranh cục bộ” trên chiến trường miền Nam, Mỹ - ngụy nâng cấp sân bay Biên Hòa thành sân bay quân sự hiện đại nhất Đông Nam Á. Bộ Chỉ huy Quân sự Miền xác định sân bay quân sự Biên Hòa là mục tiêu tiến công





quan trọng hàng đầu, bố trí và giao nhiệm vụ cho đoàn pháo binh U80. Công tác điều nghiên được đoàn triển khai để chuẩn bị cho trận pháo kích lần thứ hai. Tiểu đoàn 34 pháo binh (đoàn U80) do tiểu đoàn trưởng Trần Mân chỉ huy trận đánh. Lực lượng pháo gồm hai khẩu sơn pháo 75, hai khẩu DKZ 75, 4 khẩu cối 82.

24 giờ ngày 23/8/1965, từ bốn trận địa, đồng loạt pháo kích vào sân bay Biên Hòa, phá hủy 68 máy bay Mỹ, 8 giàn hỏa tiễn, 22 bồn chứa dầu, 30 xe vận tải, diệt nhiều sinh lực địch. Sau chiến thắng, đoàn pháo binh U80 phát triển thành đơn vị tương đương cấp sư đoàn lấy phiên hiệu Đoàn 69, làm nhiệm vụ chi viện hỏa lực cho bộ đội chủ lực quân giải phóng miền Nam trên khắp chiến trường miền Đông. Ban chỉ huy gồm Đào Sơn Tây tư lệnh, Nguyễn Xuân Phúc phó tư lệnh, Nguyễn Văn Kiên tham mưu trưởng.



Ngày 5/6/1966, trung đoàn pháo 274 (tên lửa ĐKB) được thành lập nằm trong đội hình đoàn pháo binh 69 do đồng chí Tô Đê làm trung đoàn trưởng. Ngày 11/5/1967, trung đoàn pháo 274 tiến công sân bay Biên Hòa. Quân khu miền Đông huy động toàn bộ cán bộ quân dân chính Đảng mang vác đạn pháo từ Mã Đà xuống tận bờ sông Đồng Nai để phục vụ trận đánh. 23 giờ đêm 11 rạng sáng 12/5/1967, các khẩu ĐKB với 119 quả đạn nổ đồng loạt vào sân bay Biên Hòa. Hợp đồng tác chiến với trung đoàn 274 còn có 6 khẩu cối 82 ly (336 đạn) 61 khẩu ĐKZ (95 đạn) của trung đoàn 3 bộ binh và tiểu đoàn Phú Lợi. Địch hoàn toàn bất ngờ, pháo tên lửa ta lần đầu tiên xuất hiện ở chiến trường miền Đông, phá hủy 150 máy bay các loại và nhiều phương tiện chiến tranh và sinh lực của Mỹ - ngụy.

### 4.3- Đánh địch trên sông Lòng Tàu.

Sau khi thành lập, Bộ chỉ huy Đặc khu Rừng Sác quyết định mở đợt tiến công tiêu diệt, tiêu hao một bộ phận sinh lực địch trên sông Lòng Tàu. Đầu tháng 7/1966, kế hoạch đánh tàu địch trên sông Lòng Tàu được triển khai, lực lượng bố trí ở hai khu: đoạn sông từ ngã ba sông Đồng Tranh đến Đỗ Hòa và đoạn từ sông Lôi Giang đến vàm sông Giàn Xay. Ta bắn cháy một tàu 10.000 tấn và bốn tàu tuần tiễu, hai tàu quét mìn, một tàu hộ tống.



Tháng 8/1966, Đảng ủy, Bộ chỉ huy Đoàn 10 tổ chức trận đánh lớn trên sông Lòng Tàu. Lần đầu tiên, ta sử dụng hai quả thủy lôi K.B, mỗi quả nặng trên một tấn bố trí trận địa ở Vàm ngã Bảy và phối hợp với các trận địa trên bờ. Ba chiếc tàu hàng quân sự của Mỹ từ cảng Vũng Tàu vào sông Lòng Tàu. Mục tiêu chọn đánh là chiếc tàu đi sau





cùng mang tên Baton Ruge Victory. Ngày 23/8/1966, đoàn tàu địch lọt vào trận địa của ta. Ta tiến công và đánh chìm tàu vận tải hậu cần Baton Ruge Victory của sư đoàn 4 Mỹ mang theo 45 thủy thủ, gần 100 thiết giáp M 113, 3 máy bay phản lực còn trong kiện và một khối lượng quân dụng, lương thực lớn đủ cho 1 sư đoàn Mỹ sử dụng trong cả chiến dịch mùa khô. Địch đã phản kích quyết liệt suốt 7 ngày. Pháo binh Đoàn 10 bám trụ đánh trả, bắn cháy thêm 7 tàu trong đó có chiếc trọng tải 8.000 tấn.

#### 4.4- Phối hợp đánh địch ở Sài Gòn.

Tin quân báo của ta chính xác ngày 1/11/1966, địch sẽ tổ chức lễ quốc khánh lớn nhằm phô trương sức mạnh của quân đội Sài Gòn, lễ đài thiết lập ở khu nhà thờ Đức Bà trước dinh Độc Lập. Theo đề nghị của Bộ chỉ huy quân khu Sài Gòn - Gia Định, Bộ chỉ huy đoàn 10 tổ chức đội pháo binh gồm 8 pháo thủ tham gia trận pháo kích vào buổi lễ quốc khánh của ngụy quyền Sài Gòn, phối hợp cùng với các trận địa pháo cối Nhà Bè, quận 3, quận 1. Đêm 31/10/1966, đội pháo luôn lách bí mật tập kết vào trận địa cách mục tiêu từ 5.000 đến 6.000m trên bờ Rạch Vạ, xã An Phú quận Thủ Đức. Đây là điều bất ngờ với địch.

6 giờ sáng ngày 1/11/1966, địch mở cuộc hành quân về hướng Thủ Đức nhưng không phát hiện được trận địa pháo của ta. Lễ diễu binh của địch bắt đầu lúc tên thủ tướng Nguyễn Cao Kỳ đọc diễn văn. Khẩu ĐKZ 75 của đoàn 10 bắn liên tục 12 quả đạn pháo vào mục tiêu lễ đài. Cùng lúc pháo Nhà Bè bắn phá các mục tiêu khác. Sáu trận địa bộc phá nghi binh đồng thời phát nổ. Bộ đội, du kích Thủ Đức nổ súng kèm chân địch để đội pháo Đoàn 10 rút lui an toàn. Đạn pháo Đoàn 10 bắn trúng vào mục tiêu, quan khách dự lễ quốc khánh có tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, đại sứ Mỹ, tướng Westmoreland nhón nháo chui xuống gầm lễ đài. Các đơn vị diễu hành chạy tán loạn. Phóng viên hãng thông tấn AFP nhận xét: *“Đường đạn đại bác đã bắn rất chính xác trong chu vi đường kính 300 mét thuộc khu diễu binh”, “Đây là đòn lớn đánh vào các kế hoạch của chính phủ định phô trương ở thành phố Sài Gòn”* và *“Cuộc pháo kích đã gây ra những cảnh hoảng sợ khủng khiếp và chứng tỏ rằng Việt Cộng đã có thể mang vũ khí nặng vào thủ đô Nam Việt Nam”*.



#### 5. Cuộc tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968.

Thất bại trong cuộc phản công chiến lược mùa khô của Mỹ làm cho chiến lược “chiến tranh cục bộ” của địch đứng trước nguy cơ phá sản. Tháng 10/1967, Bộ Chính trị ra Nghị quyết *“Nhiệm vụ trọng đại cấp bách của ta là động viên những nỗ lực lớn nhất của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ở hai miền, đưa cuộc cách mạng*





*của ta lên bước phát triển cao nhất, dùng phương pháp tổng công kích - tổng khởi nghĩa để giành thắng lợi quyết định”.*

Trung ương Cục miền Nam đề ra kế hoạch tổng công kích - tổng khởi nghĩa ở miền Nam, trọng điểm là Sài Gòn và miền Đông Nam bộ. Mục tiêu là đánh chiếm các thành phố, thị xã, thị trấn; làm tan rã đại bộ phận quân ngụy, đánh đổ ngụy quyền các cấp; tiêu diệt đại bộ phận quân Mỹ, làm chuyển biến cục diện chiến trường, tiến lên giành thắng lợi quyết định. Khu miền Đông và Khu Sài Gòn - Gia Định giải thể, tổ chức lại thành 5 phân khu tạo thành 5 mũi tiến công vào Sài Gòn và phân khu 6 thuộc nội đô Sài Gòn. Do có sự bố trí lại trên chiến trường, địa bàn Biên Hòa, gồm có các tổ chức tương đương cấp tỉnh: Phân khu 4, tỉnh Bà Rịa - Long Khánh và Biên Hòa U1.

Thị xã Biên Hòa được xác định là địa bàn quan trọng ở miền Đông Nam bộ. Đồng chí Lê Đức Anh phó Tư lệnh Tham mưu trưởng Bộ chỉ huy Miền về căn cứ Bà Sao (Trảng Bom) triển khai nhiệm vụ, phương án tiến công và nổi dậy ở Biên Hòa. Bộ chỉ huy cuộc tiến công nổi dậy ở U1 được thành lập do đồng chí Trần Minh Tâm, sư trưởng sư 5, tư lệnh. Trần Công An, tỉnh đội trưởng U1, phó tư lệnh. Trần Văn An, chính ủy sư đoàn 5, chính ủy. Phan Văn Trang, phó bí thư U1, phó chính ủy. Căn cứ Bộ tư lệnh tiền phương Mặt trận đứng chân ở đồi Bà Già (Trảng Dài).

Lực lượng tham gia gồm có sư đoàn 5 (trung đoàn 4 và 5), trung đoàn pháo 274; lực lượng địa phương có tiểu đoàn 1 và 2 đặc công U1, biệt động thị xã Biên Hòa, đội vũ trang tuyên truyền thị xã, bộ đội huyện Vĩnh Cửu, huyện Trảng Bom, du kích các xã. Các mục tiêu tiến công là sân bay Biên Hòa, Bộ tư lệnh quân đoàn III ngụy, Bộ tư lệnh dã chiến 2 Mỹ, tổng kho Long Bình, Tòa hành chính, Ty cảnh sát Biên Hòa, chi khu Trảng Bom. Công tác chuẩn bị được tiến hành khẩn trương. Để đảm bảo cho sư đoàn 5 chủ lực Miền, đoàn hậu cần 814 mở các cửa khẩu ở nam - bắc lộ 20; bố trí ba tuyến hậu cần ở quanh huyện Xuân Lộc, ở Túc Trưng, Vĩnh An, ở Phương Lâm, Trà Cỏ, Định Quán. Trong tháng 1/1968, đoàn 814 đã chuẩn bị được 500 tấn lương thực, 100 tấn thực phẩm và các đồ dùng khác.



Biệt động thị xã Biên Hòa từ Hưng Lộc (Trảng Bom) đưa vũ khí vào nội ô thị xã, xây dựng hầm bí mật ở Gò Me (Thống Nhất), Hiệp Hòa, Bình Đa dẫn đường cho trình sát nghiên cứu các mục tiêu trong thị xã Biên Hòa. Đầu năm 1968, đặc phái viên Trung ương Cục làm việc với phân khu 4, đặc khu Rừng Sác, thành lập Bộ chỉ huy thống nhất. Ngày 26/1/1968, thành lập Ban chỉ huy ở mặt trận Bà Rịa - Long Khánh. Bộ tư lệnh Miền tăng cường cán bộ chiến sĩ thành lập thêm tiểu đoàn 440 phụ trách thị xã Long Khánh. Ngày N giờ G được Bộ tư lệnh miền Nam quy định là 0 giờ đêm 30 rạng sáng 31/1, tức mừng một Tết Mậu Thân năm 1968.





**Tại mặt trận thị xã Biên Hòa:** 0 giờ sáng 31/1/1968, trung đoàn 274 pháo binh, với 52 khẩu ĐKB, 30 khẩu 130 ly và 82 ly, 10 khẩu ĐKZ 75 bắn cấp tập vào sân bay Biên Hòa, đồng thời là hiệu lệnh tấn công cho các đơn vị tiến đánh các mục tiêu theo kế hoạch. Pháo của đoàn 274 đánh trúng sở chỉ huy sân bay, khu nhân viên kỹ thuật, kho xăng, kho chứa máy bay. Các đơn vị tiếp cận được mục tiêu đồng loạt nổ súng: Tiểu đoàn 1, đặc công U1, trung đoàn 4 sư 5 tiến vào sân bay phá hủy 120 máy bay các loại của Mỹ. Địch bắt đầu phản kích bằng xe tăng, máy bay phản lực. Đặc công sư đoàn, đội biệt động thị xã Biên Hòa nổ súng tiến công vào phía tây sở chỉ huy quân đoàn III ngụy. Sáng 31/1/1968, đặc công sư đoàn và tiểu đoàn 2 của trung đoàn 5 tiến đánh sở chỉ huy Bộ tư lệnh dã chiến 2 của Mỹ ở Long Bình. Địch phản kích gây tổn thất nặng cho lực lượng của ta tại đây. Tiểu đoàn 2 đặc công U1 bí mật đột nhập vào khu kho bom đạn ở đồi 53, đánh phá hủy 127 dãy kho bom đạn địch, làm chấn động cả Biên Hòa và Sài Gòn.



Lễ truy điệu và an táng 72 liệt sĩ hy sinh trong trận đánh sân bay Biên Hòa năm 1968 tại nghĩa trang liệt sĩ tỉnh ĐN

Rạng sáng 31/1/1968, bộ đội huyện Vĩnh Cửu và 1 đơn vị của sư 5 tiến công bao vây chi khu Công Thanh, làm chủ khu vực thị trấn 4 ngày, nhân dân ở Tân Phú, Bình Long nổi dậy diệt ác giành quyền làm chủ. Du kích Thiện Tân, Tân Định, Đại An tiến công đồn bót, diệt bọn dân vệ, ác ôn. Bộ đội huyện và lực lượng sư 5 bám trụ bắn máy bay, xe tăng địch phản kích, bắn cháy 8 xe tăng, thiết giáp và mở vòng vây vượt sông Đồng Nai về chiến khu Đ. Bộ đội huyện Trảng Bom tấn công bao vây chi khu Trảng Bom, làm chủ thị trấn, phối hợp nhân dân các xã nổi dậy truy lùng bọn ác ôn. Khu vực nội ô thị xã Biên Hòa, biệt động, đội vũ trang tuyên, phát động quần chúng, treo cờ, diệt ác ôn ở khu vực Bình Đa, Tân Thành, Gò Me, xã Hiệp Hòa.



12 quách chứa hải cốt của các liệt sĩ Tiểu đoàn 1, Trung đoàn 4 sư đoàn 5 và Đặc công U1 Biên Hòa tại lễ truy điệu và an táng

Trước sức phản kích mạnh của Mỹ - ngụy, mừng 3 tết (2/2/1968), Bộ chỉ huy mặt trận Biên Hòa ra lệnh rút khỏi thị xã để bảo toàn lực lượng. Nhân dân nội ô thị xã Biên Hòa đã xuống đường tiếp tế lương thực; bảo vệ, cứu chữa nhiều bộ đội bị thương bám trụ trong thị xã. Các lực lượng vũ trang, cán bộ, đảng viên, cơ sở cốt cán của thị xã đã chuyển 250 thương binh vượt vòng vây của địch, qua sông Đồng Nai về chiến khu Đ an toàn.

**Trên mặt trận phân khu 4:** Rạng sáng ngày 31/1/1968, pháo binh ta nã đạn vào chi khu Long Thành. Bộ đội địa phương tiến công địch ở Nhà Mồ, Phước Long, Cầu Đen, bao vây cuộc canh sát khu vực Phước Hải, phát động quần chúng nổi dậy làm chủ thị trấn Long Thành. Lực lượng du kích các xã tấn công tất cả các đồn bót





của địch. Ở cao su Bình Sơn chi bộ Đảng lãnh đạo đại đội du kích phối hợp bộ đội cao su, công nhân bao vây địch ở nhà máy, làm chủ suốt 3 ngày liền. Đoàn 10 Rừng Sác tiến công diệt đồn Phú Hữu, đồn bảo an Lý Nhơn, phát động quần chúng nổi dậy làm chủ ở 6 ấp chiến lược.

**Mặt trận Long Khánh:** Cuộc tiến công và nổi dậy chậm hơn 1 ngày so với Biên Hòa và phân khu 4. Rạng sáng ngày 2/2/1968, tiểu đoàn 440 tổ chức hai mũi tiến công vào các mục tiêu trụ sở tình báo CIA, tiểu khu Long Khánh, khu chợ, khu thông tin, tập kích dinh tỉnh trưởng, chiếm một số tua, chốt của địch. Cụm pháo của địch ở sân bay thị xã Long Khánh bị phá hủy ngay từ đầu bởi pháo của tiểu đoàn 440. Từ căn cứ Suối Râm (lộ 2), trung đoàn 11 thiết giáp Mỹ cho 100 xe tăng phản kích nhằm giải tỏa thị xã Long Khánh. Ta chặn đánh địch quyết liệt, bắn cháy 12 xe. Tại xã Bảo Vinh A, trung đội dân vệ mang súng trở về với cách mạng, cùng du kích tiến công làm tan rã đơn vị bảo an Bảo Vinh. Xã Bảo Bình, du kích cùng nhân dân nổi dậy tiến công bức rút đồn bảo an Suối Cát. Các sở cao su dọc lộ 1, lộ 2 như Cẩm Mỹ, Ông Quế, Hàng Gòn, Suối Tre du kích mật, công nhân nổi dậy chiếm khu trung tâm sở. Đơn vị 502 hậu cần 814 Miền cùng bộ đội huyện tiến công địch ở chi khu Định Quán diệt ác bao vây yếu khu Túc Trưng làm chủ ở xã Túc Trưng 1 tuần lễ.



Nữ biệt động LLVT Long Khánh trong Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân năm 1968

Vào đợt 3, vào 4 giờ sáng ngày 22/8/1968, từ trận địa xã Phước Lương (Nhơn Trạch) 2,5 tấn đạn pháo phản lực ĐKB của Đoàn 10, có sự phối thuộc của trung đoàn pháo 274, lần đầu tiên xuất hiện sát nách Sài Gòn - Gia Định rớt đạn trúng vào dinh Độc Lập, tòa đại sứ Mỹ làm chấn động dư luận trong và ngoài nước. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy của quân dân Biên Hòa, phân khu 4, thị xã Long Khánh hòa cùng khí thế tiến công và nổi dậy toàn Miền là đòn tiến công chiến lược bất ngờ tấn công địch. Lần đầu tiên ta tấn công vào tận hang ổ kẻ thù. Cuộc tiến công và nổi dậy tuy không đạt được mục tiêu “giành thắng lợi quyết định”, giành quyền làm chủ hoàn toàn của dân, nhưng đã thể hiện được tinh thần, quyết tâm của quân dân ta. Cùng toàn miền Nam, cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1968 của quân dân Biên Hòa, Long Khánh, Phân khu 4 góp phần đánh bại ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, buộc Mỹ phải xuống thang chiến tranh, làm thất bại chiến lược “chiến tranh cục bộ” của Mỹ - ngụy ở miền Nam Việt Nam.

#### **IV- Góp phần đánh bại chiến lược chiến tranh Việt Nam hóa.**

##### **1. Đợt tiến công xuân Kỷ Dậu trên địa bàn tỉnh Biên Hòa, Long Khánh.**

Cuộc tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân làm phá sản “chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ. Đế quốc Mỹ phải chấp nhận ngồi vào bàn đàm phán tại hội nghị Paris, đồng thời từng bước xuống thang chiến tranh, chuyển từ chiến lược



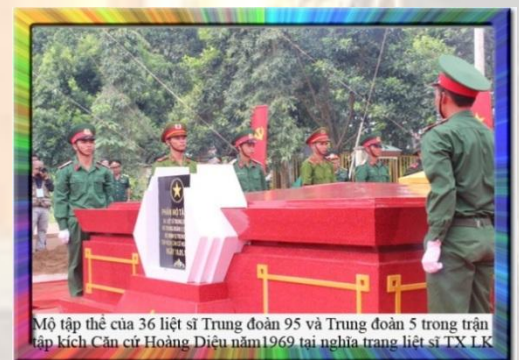


“chiến tranh cục bộ” sang chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, dùng người Việt đánh người Việt với sự yểm trợ của Mỹ. Sau ba đợt mở các cuộc tiến công vào hầu hết các đô thị miền Nam, ta tuy giành được thắng lợi về mặt chiến lược, nhưng lực lượng bị tổn thất. Sau khi củng cố lực lượng, Trung ương Cục miền Nam quyết định mở tiếp đợt tiến công đánh bồi xuân Kỷ Dậu 1969. Tham gia trên địa bàn Biên Hòa, Long Khánh, phân khu 4 gồm các lực lượng: sư đoàn 5 chủ lực Miền, lực lượng đặc công U1, trung đoàn 33 và trung đoàn 4 và lực lượng phân khu 4, biệt động thị xã Biên Hòa, các lực lượng vũ trang địa phương.

**Mặt trận thị xã Biên Hòa:** Mục tiêu then chốt là sân bay Biên Hòa và sở chỉ huy Bộ tư lệnh quân đoàn 3 nguy, tổng kho Long Bình, ty cảnh sát Biên Hòa. Ngày N giờ G chiến dịch tiến công xuân Kỷ Dậu là 0 giờ ngày 23/2/1969. Đúng ngày N giờ G, đội biệt động thị xã Biên Hòa và một đại đội của sư đoàn 5 ở Gò Me tiến công Ty cảnh sát Biên Hòa, chiếm được ga xe lửa và một số mục tiêu chính trong ty cảnh sát. Địch dùng xe tăng, bộ binh và cả máy bay vũ trang phản kích mạnh, lực lượng ta phải rút lui. Ở tổng kho Long Bình, Đại đội 9 tiểu đoàn 2 đặc công Biên Hòa đánh phá hủy dãy nhà kho ở đồi 53. Địch dùng một trung đoàn xe thiết giáp kết hợp với trực thăng vũ trang bao vây. Đại đội 9 anh dũng chiến đấu diệt nhiều sinh lực địch trong suốt 7 ngày đêm, nhưng vì lực lượng không cân sức, nhiều cán bộ chiến sĩ hy sinh. Đồng chí Bùi Văn Hòa và đại đội 9 được tặng danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân”. Trung đoàn 4, trung đoàn 33 đánh địch từ bên ngoài, chuyển hướng đánh địch ở ngã ba Thái Lan và Long Thành tiêu diệt nhiều sinh lực địch. Đại đội đặc công U1 đánh vào nhà giam Tân Hiệp bị địch phục kích, đã đánh trả quyết liệt, đại đội bị nhiều tổn thất.

Vào đợt tiến công, tên Bùi Xuân Chuyên, trưởng ban tác chiến sư đoàn 5 giao động ra đầu hàng địch, do đó Chủ lực sư đoàn 5 của ta 3 ngày sau mới vượt sông Đồng Nai đánh tiêu diệt một tiểu đoàn Biệt động quân tại Suối Máu. Do không vào được mục tiêu Kho Long Bình, sân bay Biên Hòa và quân đoàn 3, sư đoàn 5 chuyển hướng sang lộ 20 Định Quán đánh tiêu diệt sư đoàn 18 nguy. Cuộc tiến công xuân Kỷ Dậu vào thị xã Biên Hòa gây cho địch những thiệt hại trong giai đoạn đầu chuyển sang chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”. Ta gặp phải những tổn thất, quân số, vũ khí tiếp tục bị tiêu hao. Các cơ sở, tự vệ mật, biệt động vùng đô thị bị lộ, bị đánh dạt ra. Để củng cố lực lượng và giữ thế đứng chân ở các vùng ven, Bộ chỉ huy Miền điều sư đoàn 5 tiến công ở địa bàn Long Khánh.

**Mặt trận Long Khánh:** đêm 17 rạng sáng ngày 18/5/1969 biệt động, trinh sát vũ trang thị xã Long Khánh phối hợp với sư đoàn 5 tiến công đồn Hoàng Diệu phá hủy hầu hết trận địa pháo và gây thiệt hại nặng cho địch. Ngày 25/5 sư đoàn 5 tập kích yếu khu Gia Ray, bắn cháy 4



Một tập thể của 36 liệt sĩ Trung đoàn 95 và Trung đoàn 5 trong trận tập kích Căn cứ Hoàng Diệu năm 1969 tại nghĩa trang liệt sĩ TX LK





xe tăng diệt 30 tên địch. Trung đoàn thiết giáp số 11 địch đóng tại suối Râm phối hợp với một đại đội bảo an cứu nguy Gia Ray, lọt vào trận địa phục kích của ta ở Suối Cát, ngã ba Ông Đồn; ta bắn cháy 8 thiết giáp, diệt hàng chục lính bảo an, buộc địch phải mở đường máu tháo chạy. Cuối tháng 5 đến đầu tháng 6/1969, sư đoàn 5 liên tục tổ chức bố trí lực lượng tiến công địch ở Tầm Bung, Khe Giao (lộ 20) và Trà Tân 3 (lộ 3), đánh quy chiến đoàn 43 và chiến đoàn 52 sư đoàn 18 nguy, đánh thiệt hại nặng một tiểu đoàn Mỹ.

Được sự hỗ trợ của bộ đội chủ lực, lực lượng vũ trang địa phương ở các xã Bảo Chánh, Suối Cát, Tân Phong, Bảo Vinh phối hợp với bộ đội huyện Xuân Lộc tiến công địch liên tục, phá rã hàng mảng hàng rào “áp chiến lược”, bức rút 1 đồn bảo an, giải tán nhiều toán “phòng vệ dân sự”. Quân Mỹ càn vào Bình Lộc, du kích địa phương đánh trả diệt gần một trung đội. Du kích xã Bảo Chánh mưu trí, sáng tạo dùng mìn ĐH 10 phá tan một máy bay trực thăng HU1A. Ban binh vận tỉnh phối hợp bộ đội huyện, du kích đánh chiếm đồn dân vệ Tân Thủy, diệt và bắt hết tề ấp, tề xã, thu toàn bộ vũ khí. Ở mặt trận Long Thành, trung đoàn 4 phối hợp với bộ đội địa phương đánh thiệt hại nặng một tiểu đoàn lính Thái Lan tại Bình Sơn, làm chúng không tổ chức hành quân lung sục.

## 2. Bám trụ địa bàn, khôi phục lực lượng tạo thế và lực mới.

### 2.1- Vượt qua khó khăn, chống địch càn quét.



Giữa năm 1969 trên địa bàn Biên Hòa - Long Khánh, địch phản kích tập trung lực lượng càn quét đánh phá và bình định rất ác liệt. Quân Mỹ và chư hầu, quân chủ lực nguy đánh vào các căn cứ của ta. Lực lượng bảo an, dân vệ càn quét các thôn ấp, vùng giải phóng, nhằm đạt mục tiêu giai đoạn đầu của chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”. Lữ đoàn 173 Mỹ có 7 tiểu đoàn. Ba tiểu đoàn càn quét khu vực bắc sân bay Biên Hòa, hai tiểu đoàn ở khu vực chiến khu Đ, hai tiểu đoàn ở khu vực Định Quán. Lữ đoàn 1 sư đoàn bộ binh số 9 Mỹ có 5 tiểu đoàn. Một tiểu đoàn cùng với 1 tiểu đoàn lính Thái Lan chà xát khu vực Lòng chảo Nhơn Trạch. Một tiểu đoàn ở khu vực Nước Trong. Ba tiểu đoàn phối hợp với quân Thái Lan đánh phá khu vực Bình Sơn, Bàu Cạn, Hắc Dịch và núi Thị vải.

Lữ đoàn 199 Mỹ có 5 tiểu đoàn, tập trung đánh phá quốc lộ 1 trọng điểm là khu vực núi Chứa Chan - Mây Tàu. Trung đoàn thiết giáp số 11 Mỹ cơ động trên các quốc lộ 1, 20, 15 và liên tỉnh lộ 2 để yểm trợ cho bộ binh. Quân đội Hoàng gia Úc đặc trách đánh phá bình định vùng Long Đất - Xuyên Mộc và Đông Tây lộ 2. Sư đoàn 18 nguy phối hợp với quân Mỹ và quân chư hầu hoạt động trên ba địa bàn chính là bắc Trảng Bom, Xuân Lộc, Long Thành. Thời kỳ này địch tăng cường sử dụng chiến thuật phục kích, biệt kích kết hợp với tập kích bằng xung lực, hỏa lực





khi phát hiện được lực lượng của ta. Kết hợp với việc dùng bom đạn hủy diệt, địch sử dụng chất độc hóa học phá hủy các khu rừng ở chiến khu Đ, dọc bờ sông Đồng Nai, sông La Ngà và Mây Tàu, chiến khu Rừng Sác, lập vành đai trắng dọc các quốc lộ 1, 15, 20 và đoạn đường sắt Hồ Nai - Gia Ray; đồng thời triệt phá phong tỏa mọi nguồn tiếp tế hậu cần của ta.

Trong vùng tạm chiếm, địch khám xét từng nhà, thẳng tay đàn áp những gia đình mà chúng nghi là có liên quan, tiếp tế cách mạng. Các đơn vị Mỹ như lữ dù 173, lữ đoàn 199 và sư đoàn 101 liên tiếp mở các cuộc hành quân kết hợp lực lượng bộ binh, máy bay B52, pháo binh, càn quét vào các vùng căn cứ của Tỉnh ủy Biên Hòa ở bắc Trảng Bom, Bàu Hàm, Hưng Lộc và phong tỏa các trục lộ. Ở Xuân lộc, địch tăng cường sử dụng các lực lượng chủ lực đánh phá



sâu vào các vùng căn cứ của ta, sử dụng lực lượng bảo an, dân vệ, bình định, lấn chiếm các xã ấp giải phóng gây cho ta nhiều khó khăn. Ở Long Thành cùng với việc sử dụng các đơn vị quân viễn chinh Mỹ, quân chư hầu Úc, Thái Lan và quân ngụy, địch tập trung lực lượng lớn kết hợp máy bay bỏ bom, bắn phá liên tục các khu rừng lùm, sông rạch với ý đồ “triệt phá khu Lòng Chảo”.

Trung ương Cục miền Nam quyết định bố trí lại chiến trường: thành lập Ban cán sự Đảng T7 và bộ tư lệnh T7 để trực tiếp chỉ đạo địa bàn Bà Rịa - Long Khánh và phân khu 4 và Biên Hòa (U1). Đồng chí Nguyễn Trọng Tân bí thư Ban cán sự, đồng chí Lương Văn Nho làm tư lệnh. Tỉnh ủy U1 (Biên Hòa) và Tỉnh ủy Bà Rịa - Long Khánh quán triệt động viên các cơ quan, các đơn vị lực lượng vũ trang kiên cường bám trụ chống càn diệt địch. Tháng 6/1969 tiểu đoàn 2 đặc công U1 đánh một đơn vị Mỹ càn quét vào căn cứ ở đồi 30 Hưng Nghĩa (Trảng Bom). Hai ngày chiến đấu, ta loại khỏi vòng chiến đấu trên 200 tên Mỹ, bắn rơi một máy bay. Du kích Bến Nôm (Định Quán) chặn đánh đơn vị kỵ binh thiết giáp Mỹ diệt 25 tên. Ngày 14/7/1969 địch dùng bom đạn đánh phá khốc liệt để “dọn bãi” cho đầu cầu rút quân Mỹ ở cảng Gò Dầu (Phước Thái), huyện ủy Long Thành, trung đoàn 4, tiểu đoàn 2 phân khu 4, tiểu đoàn 240 đã phối hợp mở đợt đánh địch lấn chiếm bảo vệ khu căn cứ Lòng chảo rừng Sác Phước An, kiên quyết bám trụ.

Trước phản kích ác liệt của địch, tuy chúng không đạt được ý đồ đánh bật các lực lượng ta ra khỏi các địa bàn trọng yếu, tiêu diệt các cơ quan đầu não nhưng đã gây cho ta nhiều khó khăn, tổn thất. Các căn cứ từ quân khu xuống đến xã ấp, phải di chuyển liên tục. Đường giao liên từ chiến khu Đ về Biên Hòa - Bà Rịa - Long Khánh, chiến khu Rừng Sác bị gián đoạn do quân Mỹ và lực lượng chư hầu phục kích. Cơ sở vật chất - hậu cần ta bị thiệt hại. Những đoàn hậu cần lớn của Miền như đoàn 814 bị địch đánh phá phải lui dần về hướng Bình Tuy, Lâm Đồng. Gần 300 tấn lương thực, thực phẩm cất giấu ở đông lộ 2 bị bọn “chiêu hồi” khai báo, địch thu và





phá hủy. Đến quý 3/1969 toàn bộ gạo muối dự trữ của chiến trường miền Đông không còn. Các lực lượng T7 và các tỉnh phải ăn độn chuối, rau quả thay cơm.



Củ mài (củ chup), lương thực chống đói cho bộ đội, dân quân du kích, nhân dân thời kháng chiến

## 2.2- Phá lũng, phá rã bộ máy kèm kẹp của địch vùng trọng yếu.

Tháng 7/1969 Trung ương Cục miền Nam ra nghị quyết 9, nội dung vượt qua mọi khó khăn gian khổ, các lực lượng vũ trang và nhân dân bám chắc căn cứ, địa bàn trọng điểm, đồng thời đẩy mạnh chiến tranh du kích, liên tục bung ra đánh phá “bình định”, trọng tâm là phải phá banh, phá lũng, phá rã bộ máy kèm kẹp của địch ở vùng nông thôn ven. Cuối năm 1969 địch hoàn chỉnh “Ủy ban phượng hoàng” các cấp làm phương thức trung tâm của chương trình bình định. Thời kỳ này địch ráo riết thực hiện kế hoạch “bình định phát triển” ở Biên Hòa - Long Khánh.

Thực hiện chủ trương phá banh, phá lũng, phá rã bộ máy kèm kẹp của địch trên địa bàn Long Khánh, lực lượng huyện đội phối hợp với du kích các xã Bảo Chánh, Sỏi Cát, Tân Phong, Bảo Vinh, Bảo Bình, Cẩm Mỹ ban đêm đột kích áp phát động nhân dân diệt 28 tên “phượng hoàng”, cảnh cáo những tên ác ôn khác. Đội biệt động, đội trinh sát vũ trang thị xã Long Khánh phát huy được lợi thế của địa bàn “vừa là đô thị, vừa là rừng núi” tổ chức nhiều trận đánh có hiệu quả. Đêm 12/9/1969 đội viên trinh sát Long Khánh bí số 12 dùng lựu đạn đánh vào trụ sở tình báo CIA Mỹ ở thị xã diệt 4 tên làm bị thương 3 tên. Ngày 13/9/1969 một đội viên trinh sát khác mang bí số 13 ném lựu đạn vào 1 xe quân cảnh ngụ diệt và làm bị thương 7 tên địch. Đêm 11/11/1969 sáu chiến sĩ biệt động thị xã đánh vào căn cứ pháo binh địch ở Đông Nam thị xã Long Khánh. Trong trận đánh này, lần đầu tiên biệt động thị xã sử dụng súng B40 đánh địch, có hiệu suất chiến đấu cao, ta phá sập 2 dãy nhà, giết và làm bị thương 50 tên địch.

Tại Long Thành, trung đoàn 33 tập kích diệt gọn 1 tiểu đoàn lính Thái Lan ở Bàu Côi. Trận đánh làm cho lính Thái Lan còn lại không dám bung ra càn quét. Ngày 25/9/1969 trung đoàn 4 cùng với lực lượng vũ trang huyện Long Thành phục kích trên quốc lộ 15 đoạn Phước Thái phá hủy 15 xe, diệt nhiều sinh lực địch. Ở Rừng Sác, trong năm 1969, đoàn 10 đánh phá hủy 29 tàu vận tải quân sự cỡ lớn của địch, bắn cháy, chìm hàng trăm tàu chiến của địch. Đến cuối năm 1969 ta đã phá lũng, phá rã bộ máy kèm kẹp của địch ở những nơi trọng điểm Long Khánh, Long Thành, tình hình chiến trường vẫn còn diễn biến phức tạp.

## 3. Cuộc đấu tranh trong vùng địch.

Hội nghị lần thứ 18 Ban chấp hành Trung ương Đảng đề ra chủ trương: *“Đẩy mạnh tiến công quân sự và tiến công chính trị kết hợp với ngoại giao. Vừa tiến công địch, và ra sức xây dựng lực lượng quân sự và chính trị của ta ngày càng lớn mạnh,*



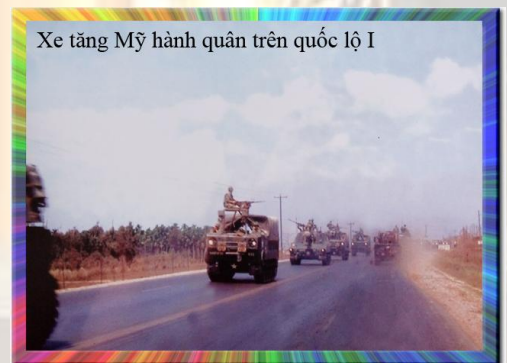


**để đánh bại chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của đế quốc Mỹ...”** Thực hiện chủ trương của Bộ chỉ huy Miền, Bộ tư lệnh T7 mở chiến dịch CD trên địa bàn Bà Rịa - Long Khánh, Biên Hòa, mà trọng điểm là Long Khánh. Mục tiêu của chiến dịch nhằm tiêu diệt sinh lực địch, củng cố thế đứng chân trên địa bàn đông bắc Sài Gòn, hỗ trợ đắc lực cho các lực lượng vũ trang địa phương đẩy mạnh du kích chiến tranh phá lũng, phá rã bộ máy kèm kẹp của địch ở một số xã ấp vùng nông thôn chiến lược. Bộ đội chủ lực của T7 gồm trung đoàn 4, trung đoàn 33 và tiểu đoàn 6 đặc công, phối hợp với lực lượng vũ trang huyện Xuân Lộc, Cao su, đánh địch trên hai hướng chính là quốc lộ 1 và liên tỉnh lộ 2.

Tháng 5/1970, trung đoàn 4 vây ép đồn Bình Lộc, diệt gọn 1 tiểu đoàn thuộc sư đoàn 18 nguy đi cứu viện và bắt sống một số tù binh. Trên tỉnh lộ 3 trung đoàn 33 diệt 2 đồn cấp trung đội ở Hàng Gòn và Bảo Bình, sau đó đánh thiệt hại nặng 2 đại đội địch đi giải tỏa. Phối hợp với bộ đội chủ lực quân khu, du kích các ấp Bảo Vinh A, Bảo Vinh B, Bảo Hòa, Bảo Liệt đồng loạt tiến công bọn “Phượng hoàng” và phòng vệ dân sự, diệt 2 tên ác ôn, bắt sống 8 tên phòng vệ dân sự. Những hoạt động đó đã hỗ trợ kịp thời cho hàng trăm đồng bào cùng với du kích phá banh trên 2000 mét rào gai ấp chiến lược, rải nhiều truyền đơn, thư cảnh cáo bọn ác ôn, bọn chúng khiếp sợ không dám lộng hành càn quét bình định. Ở các xã ấp Suối Chồn, Tân Phong, Ngãi Giao, Cẩm Mỹ đồng bào phá rã gần 100 phòng vệ dân sự, diệt 3 tên ác ôn, mở rộng quyền làm chủ các ấp trong vùng kiểm soát của địch.

Ở Biên Hòa, một số cán bộ hoạt động bí mật bị lộ, bị bắt, phong trào đấu tranh trong nội ô gặp nhiều khó khăn. Thị ủy Biên Hòa chủ trương củng cố xây dựng lực lượng trong nội ô đã đẩy mạnh công tác dân vận. Tuyên truyền giác ngộ một số đồng bào Hoa Nùng ở Bàu Hàm, Sông Thao, Gia Kiệm làm cơ sở tốt cho ta, nhất là tích trữ lương thực, thực phẩm cung cấp cho căn cứ. Các lực lượng vũ trang U1 (Biên Hòa) hỗ trợ nhân dân phá lũng thế kèm kẹp của địch, diệt ác ôn ở một số ấp thuộc địa bàn Trảng Bom và Vĩnh Cửu. Chiến dịch CD của Ban cán sự T7 thu được thắng lợi khả quan, ngăn chặn có hiệu quả kế hoạch “bình định phát triển” của địch ở Biên Hòa - Long Khánh, chuyển được trên 100 ấp lên thế tranh chấp với địch ở nhiều mức độ. Đặc biệt vùng Long Khánh, liên lộ 2 đã giải phóng được 3 ấp Bình Lộc, Bảo Bình, Suối Tre. Điểm nổi bật là lực lượng chủ lực T7 hỗ trợ có hiệu quả cho bộ đội huyện, du kích diệt ác ôn, phá rã nhiều bộ máy kèm kẹp của địch, xây dựng được một số lực lượng ngay trong vùng kiểm soát của chúng.

Vào năm 1971 trước khi triệt thoái toàn bộ quân Mỹ và chur hầu về nước, địch tổ chức một số cuộc vãn quét lớn đánh vào các căn cứ quan trọng của ta ở Biên Hòa và Long Khánh. Tháng 1/1971 hàng ngàn quân Mỹ, nguy có xe tăng, pháo binh yểm trợ càn quét khu vực núi Sóc Lu







hồng tiêu diệt cơ quan Tỉnh ủy U1 Biên Hòa. Tỉnh đội Biên Hòa đánh lui hàng chục lần phản kích của địch trong suốt một ngày, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 100 tên địch bảo vệ cho thị ủy rút lui khỏi căn cứ an toàn. Tháng 5/1971 Trung ương Cục miền Nam quyết định bố trí lại chiến trường: Sáp nhập phân khu 5 và U1 (Biên Hòa) thành Phân khu Thủ Biên; Các huyện Long Thành, Nhơn Trạch và một số huyện của Sài Gòn thành phân khu Bà Rịa. Cả hai phân khu đều trực thuộc Trung ương Cục miền Nam.

Phân khu Thủ Biên gồm thị xã Biên Hòa, huyện Vĩnh Cửu, huyện Trảng Bom và một số huyện thuộc tỉnh Thủ Dầu Một do đồng chí Nguyễn Văn Trung Bí thư; Nguyễn Hồng Lâm Tư lệnh; Phan Văn Trang phó Bí thư kiêm Bí thư Thị ủy Biên Hòa. Lực lượng vũ trang phân khu Thủ Biên có tiểu đoàn Phú Lợi, 1 đội biệt động, 1 tiểu đoàn pháo binh, hai tiểu đoàn đặc công (U1 cũ) và các đại đội huyện. Phân khu Bà Rịa gồm có các huyện Xuân Lộc (gồm cả huyện Định Quán), Long Thành, Nhơn Trạch, Cao su, Thủ Đức, Duyên Hải, Long Đất, Xuyên Mộc, Châu Đức, các thị xã Long Khánh, Bà Rịa, Vũng Tàu. Bí thư phân khu đồng chí Lê Đình Nhơn, Trần Sơn Tiêu, Tư lệnh phân khu, Phạm Văn Hy, phó Bí thư. Các đơn vị chủ lực của T7 được biên chế về phân khu Bà Rịa: Trung đoàn 33, trung đoàn 4, tiểu đoàn 6 đặc công trực thuộc phân khu Bà Rịa. Trung đoàn pháo 274 của Miền bổ sung cho mỗi phân khu 1 tiểu đoàn.

Phân khu ủy Thủ Biên và Thị ủy Biên Hòa đề ra chủ trương cho thời kỳ này là tập trung cho công tác đô thị, bằng mọi cách phải xây dựng, phát triển mạnh mẽ các cơ sở mật trong nội ô, bao gồm cả công nhân và nông dân, chú trọng xây dựng cơ sở trong lòng địch ở khu Long Bình, quân đoàn 3, sân bay Biên Hòa, tòa hành chánh. Thị ủy Biên Hòa chia ra ba khu vực trọng yếu và phân công phụ trách. Công tác đô thị được đặt lên hàng đầu, Thị ủy củng cố được hai chi bộ ở Bửu Long và chợ Biên Hòa, tổ chức thêm được 34 cơ sở mật trong nội ô và vùng ven. Ở khu kỹ nghệ Biên Hòa, ta xây dựng cơ sở mật trong 8 nhà máy. Đến giữa năm 1971 các xã phía nam Long Bình như Phước Tân, Long Bình Tân, An Hòa, Long Hưng đều có chi bộ, xã đội và du kích.

Quán triệt chỉ thị 01 của Trung ương Cục (tháng 4/1971) phân khu ủy Thủ Biên và Thị ủy Biên Hòa chủ trương phối hợp chặt chẽ ba thứ quân (bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích) ba lực lượng (quân sự, chính trị và binh vận) tác chiến trên các địa bàn trọng điểm, nhằm phá lỏng, phá rã bộ máy kèm kẹp của địch trên diện rộng, tạo thế làm chủ liên hoàn vùng căn cứ, hành lang, mở nhiều "lõm" chính trị ven các thị trấn, thị xã. Nhằm nối thông hành lang chiến lược Biên Hòa - Bà Rịa - Long Khánh về chiến khu Đ, tháng 6/1971, phân khu Bà Rịa tập trung lực lượng đánh địch ở lộ 2, loại khỏi vòng chiến đấu 1.873 tên địch. Ở Định Quán, Xuân Lộc, các lực lượng vũ trang địa phương đẩy mạnh các hoạt động diệt ác ôn. Ta diệt 14 tên ác ôn, phá rã hàng chục toán phòng vệ dân sự các ấp từ Hưng Lộc đến ngã ba Ông Đồn. Hành lang từ chiến khu Đ xuống Long Thành, rừng Sác được





nội thông. Bộ chỉ huy quân sự Miền đã kịp thời bổ sung cho phân khu Bà Rịa và Thủ Biên 260 tân binh, 44 đặc công thủy. Đoàn hậu cần 814 (của Miền) cùng với đoàn hậu cần 500 (phân khu Bà Rịa) đã tiếp tục cắm sâu lực lượng ở Định Quán (lộ 20), đông lộ 2, Phước Thái (Long Thành), Long Hội Mỹ (Long Đất). Những khó khăn về lương thực, thực phẩm, được dần dần giảm bớt.

Mũi đầu tranh chính trị, binh vận được đẩy mạnh. Ta sử dụng nhiều phương thức, biện pháp sáng tạo để phân hóa làm tan rã lực lượng địch. Ở khu vực Bình Sơn, Ban cán sự Đảng tổ chức nhiều chị em biết tiếng Thái Lan tìm cách buôn bán, tiếp xúc với lính Thái Lan, mua thực phẩm, vừa vận động, tuyên truyền để hạn chế những hành động tội ác của chúng. Một số công nhân cao su học tiếng Anh để làm công tác binh vận. Các cuộc đấu tranh chính trị của nhân dân thị xã Long Khánh diễn ra gay go, quyết liệt. Ngày 21/9/1971 tại ấp Bảo Bình A bọn phòng vệ dân sự bắn chết 2 cô gái và làm bị thương 1 người khác. Thị ủy Long Khánh lãnh đạo nhân dân tổ chức biểu tình thu hút hàng ngàn người tham gia. Địch huy động cảnh sát, quân cảnh, hăm dọa đàn áp nhưng cuối cùng phải chấp thuận các yêu sách của đồng bào, trừng trị kẻ giết người và bồi thường cho gia đình người bị giết. Ở thị xã Long Khánh cơ sở nội tuyến của ta trong đại đội bảo an số 22 khôn khéo thuyết phục làm cho cả đại đội chống lệnh hành quân.

Ở Biên Hòa chú trọng xây dựng cơ sở “nội tuyến” trong các cơ quan đầu não của địch như Bộ tư lệnh quân đoàn III, sân bay Biên Hòa, Khu kho Long Bình, biệt động quân, lực lượng bảo an, Liên hiệp nghiệp đoàn tỉnh Biên Hòa. Những cơ sở trong lòng địch giúp ta nắm tình hình địch chính xác, đánh địch có hiệu quả. Ta tổ chức được cơ sở nắm các nghiệp đoàn xe lô, xích lô, nghiệp đoàn hút tóc, khuôn vác. Trong Khu công nghiệp Biên Hòa ta lãnh đạo đấu tranh đòi thành lập các nghiệp đoàn Cogido, Vicasa, Vikyno, Ethernic, tập hợp lực lượng công nhân đấu tranh. Ở khu kỹ nghệ Biên Hòa, Ban công vận Thị ủy tổ chức cuộc mít tinh lớn nhân ngày 1/5 Quốc tế lao động, thu hút 2.500 công nhân và 50 người lái xe lam, với các biểu ngữ đòi dân sinh dân chủ, đòi tăng lương, giảm giờ làm cho công nhân. Cuộc mít tinh biến thành cuộc tuần hành hàng nghìn người kéo dài từ quận Đức Tu đến phường Tân Mai, phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng nhân dân trong tỉnh phát triển mạnh.

Chi bộ xã Bửu Long lãnh đạo công nhân của 18 cơ sở xây đá khu vực Bửu Long, Tân Thành yêu sách đòi phụ cấp độc hại, đòi tăng lương; hình thức đấu tranh đình công nhiều ngày gây nhiều thiệt hại cho các chủ nhà máy. Để đẩy mạnh phong trào đấu tranh kết hợp giữa công nhân, nông dân và tạo thế hợp pháp, Thị ủy Biên Hòa chỉ đạo cho các chi bộ khu vực Bình Đa - Tam Hiệp vận động thành lập được “nghiệp đoàn nông dân Biên Hòa”. Ngày 10/6 Nghiệp đoàn nông dân Biên Hòa ra mắt nhân dân tại nhà hội Tam Hiệp đề ra tôn chỉ, mục đích một số yêu sách chính đáng về quyền lợi, đời sống nông dân, buộc địch phải chấp thuận.





Trò bầu cử “độc diễn” của Nguyễn Văn Thiệu là mục tiêu đấu tranh ngày càng sôi nổi của nhân dân. Tại Long Thành ngày 16/9/1971 một biểu ngữ lớn vắt ngang qua quốc lộ 51 “Đả đảo trò bầu cử độc diễn của Nguyễn Văn Thiệu”. Ngày 23/9/1971 ở thị xã Long Khánh thường vụ Thị ủy trực tiếp chỉ đạo cuộc biểu tình hơn một nghìn người. Đoàn biểu tình kéo về hướng chùa Vĩnh Khánh hô vang các khẩu hiệu: “Đả đảo Thiệu - Hương - tay sai đế quốc Mỹ”, “Bầu cử độc diễn là chà đạp tự do dân chủ”. Địch dùng máy bay bắn vào đoàn biểu tình làm cho 2 người chết và hàng chục người bị thương. Bất chấp sự đàn áp, cuộc biểu tình diễn ra quyết liệt, náo động cả thị xã, lên án hành động giết người man rợ của địch.

Tại Biên Hòa, Thị ủy mở cuộc vận động vạch trần bộ mặt phản động của chính quyền Sài Gòn. Một khối lượng lớn truyền đơn, khẩu hiệu được chuyển từ căn cứ Hưng Nghĩa, Hưng Lộc vào rải, dán khắp nơi trong thị xã Biên Hòa. Các cuộc mít tinh, biểu tình diễn ra sôi nổi ở khu kỹ nghệ Biên Hòa, khu chợ Biên Hòa và các trường học. Ngày 3/10/1971 gần một ngàn công nhân, nông dân, học sinh biểu tình chống trò hề bầu cử của Thiệu từ Tam Hiệp lên Biên Hòa. Địch đưa lực lượng cảnh sát dã chiến đàn áp. Cuộc biểu tình biến thành cuộc đấu tranh quyết liệt với địch

Đề phối hợp với mũi đấu tranh chính trị, binh vận, mũi hoạt động quân sự của ta cũng diễn ra dồn dập và đạt nhiều thắng lợi. Ngày 15/9/1971 trung đoàn 33 phục kích diệt địch tại đường Hàm Ninh (Xuân Lộc) diệt 40 địch, phá hủy 8 xe quân sự. Đêm 17/9/1971 tiểu đoàn 6 đặc công tập kích chi khu Định Quán diệt 90 tên, trong đó có 6 cố vấn Mỹ. Cuối tháng 9 đầu tháng 10/1971 pháo binh Biên Hòa pháo kích sân bay Biên Hòa và Bộ tư lệnh quân đoàn 3 nguy, phá hủy một số máy bay, diệt 107 tên địch. Tại căn cứ Hoàng Diệu (Long Khánh) sáng 3/10/1971, địch đang tập trung bầu cử, trung đoàn 33 ta pháo kích dồn dập, diệt 21 tên địch, phá tan cuộc bầu cử. Lực lượng trinh sát của phân khu Bà Rịa tập kích một đại đội Mỹ tại Trà Tân (Bắc lộ 1) diệt 35 tên, bắn rơi 1 máy bay.

Trên chiến trường Rừng Sác, trong ba năm liền bị địch phản kích quyết liệt, Đoàn 10 tuy hy sinh trên 400 cán bộ, chiến sĩ, nhưng vẫn kiên cường bám trụ, tiến công liên tục hoàn thành mọi chỉ tiêu tác chiến cấp trên giao; liên tiếp pháo kích vào nội đô Sài Gòn đánh chìm tàu địch trên các bến cảng. Chiến công nối tiếp chiến công, trung đoàn 10 đặc công Rừng Sác đã được Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tuyên dương danh hiệu đơn vị Anh hùng năm 1973. Trải qua thời kỳ khó khăn ác liệt, lực lượng vũ trang và nhân dân Biên Hòa - Long Khánh - Bà Rịa đã kiên cường chiến đấu đánh tan các cuộc hành quân, ngăn chặn âm mưu bình định, làm tan rã bộ máy kèm kẹp của địch; củng cố và phát triển ba thứ quân trên ba vùng chiến lược, cùng toàn Miền chuyển sang thời kỳ tiến công chiến lược trên toàn chiến trường.

#### **4. Chiến dịch Nguyễn Huệ 1972.**

##### **4.1- Tiến công địch đều khắp trên các địa bàn.**





Năm 1972, địch tăng cường bắt lính, đôn quân. Tổng số quân nguy đã lên đến 1.093.000 tên, cao nhất so với trước đây. Từ tháng 10/1971 Trung ương Cục miền Nam mở hội nghị lần thứ 11 quán triệt chủ trương của Bộ Chính trị Trung ương Đảng mở cuộc tiến công chiến lược năm 1972 trên toàn chiến trường. Trên chiến trường Biên Hòa - Bà Rịa - Long Khánh ta chủ trương phối hợp ba thứ quân tiến công mạnh quân địch trên các địa bàn tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng một số xã, ấp, chi khu, mở mảng, mở vùng. Đầu năm 1972, Bộ Tư lệnh phân khu Bà Rịa mở đợt cao điểm 15 ngày, lấy địa bàn Xuyên Mộc - Long Đất làm “điểm”, vùng Xuân Lộc, Cao su là “diện 1”, vùng Long Thành là “diện 2”. Lực lượng địa phương phối hợp với trung đoàn 33 đánh địch ở khu vực Cẩm Mỹ (Xuân Lộc), Định Quán gây cho địch nhiều thiệt hại. Du kích, bộ đội địa phương phối hợp với bộ đội chủ lực phân khu, diệt ác ôn, phá bộ máy kèm kẹp của địch dọc lộ 20. Tại Long Thành, bộ đội địa phương phối hợp với trung đoàn 4 phục kích địch đi càn quét ở khu vực xã Phước Thái diệt một trung đội bảo an, thu 4 súng, phá rã nhiều toán phòng vệ dân sự và bộ máy kèm kẹp của địch.

Phối hợp với phân khu Bà Rịa, phân khu Thủ Biên sử dụng lực lượng bí mật tập kích phá hủy 2 kho đạn của địch ở Bình Ý, tấn công lính bảo an, dân vệ Hưng Nghĩa, tập kích quân Mỹ thuộc lữ 3 không vận, diệt 11 tên, cùng đồng bào đấu tranh chống càn quét ủi phá rừng và nương rẫy. Trong thị xã Biên Hòa, các cuộc đấu tranh chính trị của quần chúng nhân dân, nhất là công nhân khu kỹ nghệ, kho Long Bình, nhà máy xay đá Bửu Long nổ ra rầm rộ, buộc địch phải thực hiện một số yêu sách của đồng bào. Hàng trăm đồng bào bao vây trụ sở quận Đức Tu biểu tình, bắt trói 4 cảnh sát đấu tranh chống địch bắt lính.



Ngày 1/4/1972 chiến dịch Nguyễn Huệ nổ ra ở miền Đông Nam bộ, hướng chính là Lộc Ninh. Quân ta đánh chiếm chi khu và quận lỵ Lộc Ninh, sau đó tiến công thị xã An Lộc (Bình Long). Trong lúc địch bị cuốn vào hướng chính của chiến dịch Nguyễn Huệ, Bộ Tư lệnh phân khu Thủ Biên và Bà Rịa sử dụng ba thứ quân, tiến công địch liên tục, đánh phá bình định của chúng ở Đức Thạnh và Xuyên Mộc. Ta tấn công đồn Bảo Chánh, diệt 1 đại đội địch ở đồn Lạc Sơn và Trường Sơn (Xuân Lộc), bức rút địch ở chốt Gia Lào và tua Nam Hà. Đồng bào nổi dậy phá bộ máy của địch ở Túc Trung, Bến Nôm, cây số 116, xây dựng nhiều cơ sở nội tuyến trong lực lượng dân vệ và phòng vệ dân sự của địch. Ở Long Thành, Nhơn Trạch ta tiến công 16 bót địch và kho bom Thành Tuy Hạ. Tổ đặc công nước huyện Nhơn Trạch do đồng chí Nguyễn Văn Quyết chỉ huy đặt 5 khối thuốc nổ gắn kíp hẹn giờ trong 10 dãy nhà kho, phá hủy trên 40.000 tấn bom đạn các loại và hóa chất gây thiệt hại lớn cho địch.

#### 4.2- Đánh phá kho tàng, hậu cứ sân bay địch.





Để kịp thời đẩy mạnh phong trào cách mạng, tạo điều kiện giành thắng lợi trên mặt trận đấu tranh ngoại giao ở Paris, tháng 10/1972, Trung ương Cục miền Nam quyết định bố trí lại chiến trường. Khu ủy miền Đông Nam bộ được lập lại. Các phân khu Thủ Biên, phân khu Bà Rịa được giải thể, thành lập lại tỉnh Biên Hòa và tỉnh Bà Rịa - Long Khánh. Tỉnh Bà Rịa - Long Khánh gồm các huyện Xuân Lộc, Định Quán, Long Đất, Xuyên Mộc, Châu Đức, Duyên Hải, các thị xã Bà Rịa, Long Khánh và Vũng Tàu. Ban chấp hành Tỉnh ủy được Khu ủy Miền Đông chỉ định do đồng chí Phạm Văn Hy bí thư, Phạm Lạc tỉnh đội trưởng.

Tỉnh Biên Hòa gồm các huyện Long Thành, Nhơn Trạch, Vĩnh Cửu, Thống Nhất (huyện Trảng Bom cũ), Tân Uyên, Dĩ An và thị xã Biên Hòa. Ban chấp hành Tỉnh ủy được chỉ định do đồng chí Nguyễn Trọng Cát làm Bí thư; Nguyễn Văn Thông phó Bí thư; Phan Văn Trang phó Bí thư kiêm Bí thư Thị ủy Biên Hòa; Nguyễn Việt Hoa tỉnh đội trưởng. Đến tháng 6/1973, Trung ương Cục lại tách tỉnh Biên Hòa thành hai bộ phận: Biên Hòa nông thôn do đồng chí Nguyễn Văn Thông quyền Bí thư; Biên Hòa đô thị gọi là thành phố Biên Hòa do đồng chí Phan Văn Trang bí thư trực thuộc Khu ủy Miền Đông.

Ngày 3/6/1972 Bộ Tư lệnh Miền quyết định thành lập đoàn đặc công 113 có nhiệm vụ tiến công các căn cứ quân sự, kho tàng hậu cứ sân bay địch ở Biên Hòa. Đầu tháng 8/1972 Bộ Tư lệnh miền Nam bố trí Trung đoàn 4 đứng chân ở Long Thành - Nhơn Trạch, trung đoàn 33 đứng chân ở Trảng Bom - Hồ Nai. Đoàn đặc công 113 đánh kho tàng hậu cứ ở Biên Hòa. Ngày 10/9/1972 cơ sở nội tuyến của Ban Binh vận Trung ương Cục được chuyển giao cho Thị ủy Biên Hòa là H16 dùng một quả mìn hẹn giờ do công binh Biên Hòa chế tạo giấu trong để giày qua mắt địch, gài vào một trái bom trong kho bom tại sân bay. 3 giờ 45 phút ngày 11/9/1972, quả mìn nổ, kích nổ cả kho bom, lập tức từ trận địa pháo ở dốc Ông Hoàng, tiểu đoàn pháo 174 nã đạn dồn dập vào sân bay để đánh lạc hướng điều tra của địch, bảo vệ nội tuyến. Ta phá hủy 4 kho bom, 200 máy bay diệt 24 sĩ quan Mỹ, 46 sĩ quan nguy và nhiều nhân viên kỹ thuật, giặc lái. Sân bay Biên Hòa bị tê liệt suốt một tuần lễ.



Ba ngày sau, đoàn đặc công 113 đánh khu kho 53 Long Bình. 57 chiến sĩ chia làm 3 mũi đột nhập đặt an toàn 108 khối thuốc nổ hẹn giờ. 4 giờ sáng ngày 14/9 các khối thuốc nổ đồng loạt nổ tung, phá hủy 200 kho, 17 dãy nhà, thiêu hủy 15.000 tấn bom đạn, xăng dầu, loại khỏi vùng chiến đấu hơn 300 tên địch. Đêm 12/11, đoàn 113 pháo kích sân bay Biên Hòa phá hủy 23 máy bay, hai kho bom đạn, diệt gần 100 tên địch. Đêm 14/12 đặc công 113 đột nhập vào bãi để xe ở cao điểm 53 tổng kho Long Bình gài 61 quả mìn tiêu hủy gần 200 xe quân sự. Những trận đánh vang dội ở tổng kho Long Bình và sân bay Biên Hòa thể hiện rõ khả năng phối hợp, hiệp





đồng tác chiến giữa đặc công Miền, cơ sở nội tuyến và lực lượng vũ trang tại chỗ gây thiệt hại nặng nề cho địch.

Trên đoạn quốc lộ 1 (Hố Nai - Trảng Bom - Hưng Lộc) trung đoàn 33 phối hợp với lực lượng vũ trang địa phương, du kích và nhân dân tiến hành thực hiện chủ trương “mở mảng, mở vùng”. Đêm 3/10 trung đoàn 33 tập kích diệt đồn Hưng Lộc, tiểu đoàn 7 và bộ đội huyện đánh chiếm giải phóng ấp Hưng Lộc, bức hàng đồn Lò Than - Sông Thao, làm chủ trận địa pháo Sông Thao, diệt 110 tên địch. Ở Xuân Lộc ta liên tục tiến công địch, vùng giải phóng được nới rộng, tạo thế liên hoàn ở hướng đông thị xã Long Khánh. Ta uy hiếp mạnh đường giao thông huyết mạch về Sài Gòn, tạo thế chia cắt và áp sát lực lượng vào 2 thị xã Biên Hòa và Long Khánh.

Với quyết tâm đánh địch chia lửa với hậu phương đang bị máy bay Mỹ ném bom bắn phá, đêm 11/11/1972, 4 chiến sĩ đặc công Đoàn 10 (C32) với 16 khối thuốc nổ đột nhập kho bom Thành Tuy Hạ phá hủy toàn bộ khu hóa chất và kho bom napal. Tiếp theo đêm 12/12, Đoàn đặc công Rừng Sác với 5 chiến sĩ đánh trận thứ hai. Các đồng chí ém lại trong kho 1 ngày đêm, đặt 25 khối thuốc nổ phá hủy gần như toàn bộ kho bom Thành Tuy Hạ với 60.000 quả bom, 106.000m<sup>3</sup> đạn pháo, đặc biệt có 33.000m<sup>3</sup> loại bom CBU.

Từ năm 1969 đến năm 1972, 4 năm kiên cường bám trụ, vượt lên gian khổ, hy sinh ác liệt của cuộc chiến tranh, quân và dân Biên Hòa - Bà Rịa - Long Khánh đã giữ vững được địa bàn chiến lược cực kỳ quan trọng, hướng đông bắc Sài Gòn. Cùng với chủ lực Quân khu và Miền, đập tan các cuộc phản kích của địch, từng bước đánh bại âm mưu chiến thuật của địch. Từ bị động, ta chuyển sang thế chủ động phản công, mở rộng vùng giải phóng, đồng thời tiến công hàng loạt kho tàng, hậu cứ, sân bay, tiêu diệt sinh lực, phá hủy phương tiện chiến tranh, gây cho địch nhiều tổn thất, góp phần cùng với toàn miền giành thắng lợi quyết định trong cuộc tiến công chiến dịch Nguyễn Huệ 1972.

## **V- Chống địch lấn chiếm bình định, thu hồi mở rộng vùng giải phóng.**

### **1. Địch vi phạm Hiệp định Paris.**

Cuộc tiến công chiến lược năm 1972 của quân và dân ở miền Nam thắng lợi cộng với cuộc đánh bại trận tập kích bằng không quân của đế quốc Mỹ ở miền Bắc có ý nghĩa quyết định, buộc địch phải ký hiệp định Paris chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam. Ngày 27/1/1973 Hiệp định Paris về “chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam” được ký kết. Đế quốc Mỹ phải rút quân viễn chinh và quân chư hầu ra khỏi miền Nam Việt Nam, chấm dứt chiến tranh xâm lược Việt Nam, chấm dứt can thiệp vào nội bộ của miền Nam Việt Nam. Mặc dù có Hiệp định Paris nhưng đế quốc Mỹ vẫn chưa từ bỏ dã tâm xâm lược nước ta, chúng tiếp tục thực hiện âm mưu kéo dài chiến tranh chia cắt lâu dài đất nước ta bằng tăng viện trợ, vũ khí phương tiện chiến tranh cho chính quyền Thiệu. Chính quyền Sài Gòn được Mỹ giúp sức triển khai hàng loạt kế hoạch phá hoại Hiệp định hòa bình.





Đầu năm 1973 chúng tập hợp khẩn cấp gần 550 sĩ quan tình báo bàn chương trình đánh phá ở cơ sở, điều động 40% cảnh sát xuống huyện, xã. Bộ tổng tham mưu ngụy vạch các kế hoạch “Hùng Vương 2”, “Trần ngập lãnh thổ” để lần chiếm vùng giải phóng. Ngày 28/1/1973 quân ngụy mở nhiều cuộc hành quân lần chiếm vùng giải phóng ở các vùng then chốt như Cửa Việt - Quảng Trị, Tây Nguyên, Trung bộ, Đông Nam bộ và đồng bằng sông Cửu Long. Trên địa bàn tỉnh Biên Hòa - Bà Rịa - Long Khánh, chúng tập trung lực lượng vũ trang thực hiện lần chiếm nhằm xóa thế “da beo” trên các lộ giao thông. Các liên đội bảo an được nâng lên thành các tiểu đoàn cơ động. Sư đoàn bộ binh 18 là lực lượng chủ công hành quân lần chiếm trên các trục lộ giao thông quan trọng.

Trên quốc lộ 1 đoạn Dầu Giây - Trảng Bom, sáng 28/1/1973 địch sử dụng 2 tiểu đoàn bảo an hành quân lần chiếm, bất chấp thiện chí hòa bình của ta. Lực lượng vũ trang tại huyện Trảng Bom chiến đấu kiên cường, đánh trả quyết liệt giữ vững vùng giải phóng. Ngày hôm sau địch sử dụng cả ba tiểu đoàn thuộc chiến đoàn 43 sư 18 phối hợp với 1 chi đoàn, xe bọc thép cùng lực lượng bảo an, dân vệ tiếp tục lần chiếm. Bom đạn địch tàn phá hầu hết nhà cửa của đồng bào làm hàng trăm người chết và bị thương. Địa bàn huyện Nhơn Trạch, du kích xã Phước An ngoan cường chiến đấu suốt ba ngày liền giữ vững vùng giải phóng. Vùng Gia Ray - Xuân Lộc, địch sử dụng hai tiểu đoàn bảo an lần chiếm có phi pháo yểm trợ. Ở ấp Bảo Vinh A, thị xã Long Khánh địch dùng tiểu đoàn “Cọp đen” và đại đội bảo an đánh phá. Chúng dùng lựu đạn cay, chất độc bắn vào xóm ấp, gây thiệt hại cho đồng bào. Đến tháng 2/1973 chiến sự vẫn nổ ra quyết liệt. Trên vùng lộ 2 địch lần chiếm vùng giải phóng thuộc huyện Cao su, Châu Đức. Trên toàn tỉnh, địch mở 27 cuộc hành quân càn quét cấp tiểu đoàn, trung đoàn và 139 cuộc hành quân, giải tỏa, khai thông các quốc lộ 1, 15, 20 bất chấp Hiệp định Paris đã ký kết.



Đại tướng Hoàng Văn Thái

## 2. Chống địch lần chiếm, bình định.

Ngày 2/3/1973 Hội nghị quân sự miền Nam tại Bù Đốp (Sông Bé), đại tướng Hoàng Văn Thái, Tư lệnh Bộ chỉ huy quân sự Miền đã triển khai chỉ thị 02 của Trung ương Cục miền Nam kiên quyết đánh địch lần chiếm vi phạm hiệp định, khôi phục thể chủ động, từng bước ổn định đời sống nhân dân trong vùng giải phóng. Tháng 3/1973 Tỉnh ủy Biên Hòa, Bà Rịa - Long Khánh đánh giá tình hình sau hai tháng thi hành Hiệp định Paris, chỉ đạo đợt sinh hoạt chính trị trong lực lượng vũ trang, giáo dục, vạch trần bản chất ngoan cố, hiếu chiến của kẻ thù, những âm mưu thủ đoạn xảo quyệt của chúng, từ đó phải nâng cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu chống địch lần chiếm, vi phạm Hiệp định. Kết hợp với vũ trang phải tổ chức nhiều cuộc mít tinh, biểu tình của quần chúng tố cáo âm mưu kéo dài chiến tranh của địch, đòi thi hành Hiệp định Paris.





Địch sử dụng nhiều thủ đoạn lấn chiếm đất, giải tỏa các trục lộ giao thông, đóng thêm đồn bót mới. Đồng thời phân loại từng hộ dân, khủng bố các gia đình cách mạng, tăng cường đánh phá vùng cao su, căn cứ của ta. Địch tăng cường thực hiện các kế hoạch đánh phá phong tỏa hành lang, cửa khẩu để triệt phá nguồn tiếp tế của ta. Tại xã Bàu Hàm, Hưng Lộc (Thống Nhất), xã Phước Thái (Long Thành) và huyện Định Quán chúng triển khai sư đoàn 18, biệt kích luân phiên chốt giữ. Nhằm ổn định đời sống nhân dân, đối phó với âm mưu di dân của địch, ta áp dụng nhiều chính sách khuyến khích nhân dân bung về ruộng vườn cũ làm ăn. Bộ đội giúp đỡ nhân dân cất nhà, ổn định cuộc sống ở Bàu Hàm, Phước Thái, Cẩm Mỹ, Bảo Vinh, Định Quán. Chính quyền cách mạng đã cấp 17.000 ha đất cho nhân dân, đồng bào bung ra vùng giải phóng làm ăn ngày càng đông. Đến đầu mùa mưa 1973 ở tỉnh Biên Hòa có 125 gia đình, tỉnh Bà Rịa - Long Khánh có 156 gia đình ra vùng giải phóng, gần 160.000 người bung ra làm ăn vừa có nhà ở vùng địch kiểm soát, vừa có nhà ở nương rẫy, vùng giải phóng.



Giữa năm 1973 ta bố trí lại lực lượng để phù hợp yêu cầu tác chiến mới. Ở Long Khánh, tiểu đoàn 500 sát nhập với tiểu đoàn 445, rút gọn tiểu đoàn 246 công binh, 634 đặc công thành 2 đại đội. Lực lượng vũ trang tỉnh Biên Hòa gồm tiểu đoàn 240, tiểu đoàn 6 đặc công, đại đội 27 công binh. Lực lượng biệt động Biên Hòa, lực lượng vũ trang Quân khu có trung đoàn 4, trung đoàn 33 hoạt động độc lập.

Mùa mưa năm 1973, địch tăng cường lực lượng lấn chiếm khu vực đường sắt Long Khánh, cao su vùng lộ 2. Tại Long Khánh địch tăng cường tiểu đoàn 64 biệt động quân và một tiểu đoàn bảo an từ Bình Dương lên khôi phục đường sắt. Trong hai tháng đại đội công binh tỉnh phối hợp đội biệt động, đội trinh sát vũ trang thị xã Long Khánh, K8 Xuân Lộc phối hợp với du kích đánh 22 trận, diệt 176 tên địch, bắn cháy 5 đầu máy, 12 toa xe lửa, phá tan kế hoạch của địch. Ở Long Thành, tên Hai Tấn nguyên Bí thư huyện ủy ra đầu hàng làm tay sai giặc, chỉ địch đánh phá rã 8 chi bộ mật trong toàn huyện, bắt đi 113 cán bộ trong đó có 16 đảng viên. Phong trào cách mạng tiếp tục gặp khó khăn.

Tháng 7/1973 Nghị quyết 21 Ban chấp hành Trung ương Đảng, Nghị quyết 12 của Trung ương Cục miền Nam (tháng 2/1974) chỉ rõ lực lượng vũ trang cần phải có chuyển biến mới trong hành động; tiên công địch liên tục khi địch ra sức phá hoại Hiệp định. Nghị quyết nêu rõ, dù phát triển theo khả năng nào, con đường cách mạng miền Nam vẫn là con đường bạo lực cách mạng. Bất kể trong tình hình nào ta cũng phải nắm vững thời cơ, giữ vững đường lối chiến lược tiến công và chỉ đạo linh hoạt để đưa cách mạng miền Nam tiến lên, kiên quyết phản công, tiến công, giữ





vững và phát triển thế chủ động về mọi mặt của ta, đánh bại cuộc hành quân lần chiếm của địch.

Huyện ủy Long Thành - Nhơn Trạch đã phát động phong trào “Tiêu diệt bình định áo đen”, tập trung tấn công đánh phá bọn càn quét. Ngày 5/10 du kích xã Phước Thọ diệt 5 tên bình định và 2 phòng vệ dân sự khi chúng sục sạo ấp Cái Vạn. Du kích xã Phước Khánh phục kích diệt bọn “biệt kích thủ đô” từ hướng Sài Gòn, bắn hỏng 6 xuồng địch, diệt 37 tên, thu 32 súng. Đội đặc công trung đoàn 116 Bộ chỉ huy miền Nam đột nhập trường thiết giáp, thám báo ở Long Thành phá sập 2 dãy nhà kho với hàng trăm tấn bom đạn, diệt 2 trung đội địch. Ở Nhơn Trạch, đội du kích thị trấn phục kích đánh đoàn bình định từ Phước An về diệt 6 tên, bắt sống 1 thiếu úy, thu 8 súng. Tại Phước Thái tiểu đoàn 2 thuộc trung đoàn 4, du kích bao vây đoàn bình định tại ấp Thái Thiện diệt 7 tên. Tại Phước Tân, đại đội 2 tiểu đoàn 240, phối hợp với bộ đội huyện tiến công đoàn xe ủi địch, bắt 3 xe, diệt 1 trung đội lính. Ngày 3/12/1973 đoàn 10 Rừng Sác với 8 dũng sĩ từ bàn đạp huyện Nhơn Trạch tiến công kho xăng Nhà Bè, phá hủy 72 bồn xăng trên 200 triệu lít. Sức nổ của kho xăng còn làm hư hại hai nhà máy phát điện loại nhỏ và 1 tàu vận tải có sức chứa 12 ngàn tấn đậu tại cảng.



Đoàn 10 Rừng Sác trước giờ xuất kích đánh kho xăng Nhà Bè



Ngày 3/12/1973 đoàn 10 Rừng Sác với 8 dũng sĩ tiến công kho xăng Nhà Bè, phá hủy 72 bồn xăng trên hai trăm triệu lít

Ngày 15/10/1973 Trung ương Cục miền Nam thành lập tỉnh căn cứ cách mạng Tân Phú gồm huyện Phú Giáo, Tân Uyên (của tỉnh Thủ Dầu Một) và hai huyện Định Quán, Độc Lập. Ban chấp hành Tỉnh ủy do đồng chí Nguyễn Văn Luông Bí thư; Tỉnh đội trưởng đồng chí Võ Chấn. Tỉnh ủy Biên Hòa tăng cường cán bộ cho huyện Thống Nhất, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, xây dựng cơ sở trong đồng bào Thiên Chúa giáo. Đầu năm 1974 ta xây dựng được 60 cơ sở cách mạng, 39 nòng cốt, tạo nên những “lõm” chính trị ở các ấp Bùi Chu, Bắc Hòa, Thanh Hóa, Ngũ Phúc, Tân Bắc, Kẻ Sặt. Chính những cơ sở này đã giúp ngành hậu cần Biên Hòa giải quyết vấn đề tài chính, lương thực, thực phẩm. Sau khi bố trí lại chiến trường, Tỉnh ủy Biên Hòa, Long Khánh đề ra những chủ trương kế hoạch mùa khô 1973 - 1974 nhằm đánh địch thu hồi lại vùng giải phóng, đánh vào hậu cứ, kho tàng, làm suy yếu địch.





### 3. Thu hồi và mở rộng vùng giải phóng.

Tháng 7/1974, quân và dân toàn tỉnh náo nức chuẩn bị cho mùa khô phản công địch giành lại thế chủ động chiến trường. Trên địa bàn Biên Hòa, Long Khánh, Khu ủy, Bộ tư lệnh Quân khu miền Đông chủ trương mở chiến dịch lộ 2 thu hồi vùng giải phóng bị địch lấn chiếm, tiêu diệt 1 bộ phận quan trọng sinh lực địch, đẩy mạnh chiến tranh du kích ở vùng sâu, vùng tranh chấp, mở rộng quyền làm chủ cho nhân dân. Về phía địch, chúng tăng cường lực lượng và tập trung đại bộ phận của sư đoàn 18 càn quét hai khu vực Cây Gáo - Bàu Hàm thuộc tỉnh Biên Hòa và Long Đất, Xuyên Mộc thuộc tỉnh Bà Rịa - Long Khánh.

Khu vực Bàu Hàm, Cây Gáo (Trảng Bom) địch tập trung hai tiểu đoàn thuộc chiến đoàn 48 (sư 18) đánh phá các cửa khẩu và căn cứ ta. Lực lượng vũ trang ta đánh trả quyết liệt, loại khỏi vòng chiến đấu trên 400 tên địch chặn đứng các cuộc hành quân càn quét của chúng. Địch sử dụng hai chiến đoàn 43 và 48 thuộc sư đoàn 18 đánh chiếm hai xã Long Tân, Long Phước (Long Đất) với ý đồ “giăng bẫy” thu hút đơn vị chủ lực cấp quân khu ta để tiêu diệt. Quân khu 7 vừa chuẩn bị lực lượng cho chiến dịch lộ 2, vừa tăng viện cho Long Tân, Long Phước để giữ cho được vùng giải phóng, kèm chân quân chủ lực địch, thu hút sự chú ý của chúng trước khi chiến dịch lộ 2 mở màn. Ngày 25/3/1974 trên địa bàn các huyện Thống Nhất, Vĩnh Cửu, Long Thành, Xuân Lộc tiếng súng tiến công địch của các lực lượng vũ trang ta đồng loạt nổ ra làm cho địch vô cùng bối rối. Hai chiến đoàn 43 và 48 thuộc sư 18 ngại ở Long Tân, Long Phước (Bà Rịa) vội vã rút về Long Điền để chuẩn bị đối phó tình hình, các chiến đoàn bảo an cũng hoảng sợ rút khỏi mặt trận Long Tân.

Ngày 26/3/1974 chiến dịch lộ 2 mở màn. Sở chỉ huy chiến dịch lộ 2 đặt tại cánh rừng cao su phía đông xã Cẩm Mỹ (Xuân Lộc) Bộ chỉ huy chiến dịch gồm đại tá Lê Văn Ngọc, Tư lệnh quân khu làm chỉ huy trưởng. Đồng chí Phạm Văn Hy, Bí thư Tỉnh ủy Bà Rịa - Long Khánh chính ủy và đồng chí Phạm Lạc tỉnh đội trưởng chỉ huy phó. Kế hoạch được chuẩn bị chu đáo. Phương án 1, tiểu đoàn 18 đặc công đảm nhiệm tập kích chiếm đồn Kim Long, sau đó bàn giao trận địa lại cho trung đoàn 33 chốt giữ. Hai giờ sáng 26/3, tiểu đoàn 18 đặc công đang bí mật cất hàng rào bãi mìn thì bị địch phát hiện. Tình thế buộc ta phải chuyển sang đánh “cường tập”, nên không phát huy được sức mạnh. Chiến sự xảy ra quyết liệt. Ta chiếm được một số vị trí quan trọng nhưng không chiếm được đồn Kim Long.

Bộ chỉ huy chiến dịch chuyển sang phương án 2 vây ép, bức hàng, bức rút đồn địch. Ba ngày đầu ta vây ép không chặt, địch bổ sung, chi viện thêm, nên ta thay đổi phương án tác chiến: cắt đứt hai đầu, cô lập 2 tiểu đoàn bảo an 372 và 324 ở giữa. Thực hiện phương án này, một tiểu đoàn của trung đoàn 4 cùng du kích xã Cẩm Mỹ đánh chiếm các bót dân vệ, bảo an và chốt chặn hướng bắc Kim Long. Hai tiểu đoàn của trung đoàn 33 cùng bộ đội huyện Châu Đức chốt chặn hướng nam Kim Long, một tiểu đoàn của trung đoàn 33 và 1 tiểu đoàn của trung đoàn 4 trực tiếp công kích điểm là đồn Kim Long và Tầm Bó. Sau 7 ngày vây chặt, công kích





manh ta chiếm được các đồn Mười Tường, Bà Cùi, Rô Be. Tiêu diệt nhiều sinh lực địch, cô lập không cho chúng chi viện, ứng cứu. Chiến đoàn 43 và 48 sư 18 từ Long Đất về Long Khánh giải tỏa lộ 2 bị ta chặn đánh thiệt hại nặng. Chiến dịch lộ 2 kết thúc, ta diệt 890 tên địch, bắt sống 37 tù binh, có 1 trung tá, 6 cấp úy, thu trên 200 súng và 20 máy thông tin, bắn cháy 17 máy bay và 16 xe tăng, giải phóng lộ 2, bức rút 12 đồn bót. Vùng giải phóng Bà Rịa - Long Khánh - Biên Hòa được nối liền.

Phối hợp với chiến dịch lộ 2, ở Biên Hòa, Tỉnh ủy tăng cường chỉ đạo đánh mạnh địch ở vùng ven thị xã, đấu tranh chính trị được đẩy mạnh. Trên địa bàn huyện Long Thành, Nhơn Trạch lực lượng vũ trang huyện cùng du kích phá hủy 3 trạm radar địch ở Phú Hữu và Cát Lái, gài mìn chống địch ủi phá rừng, tập kích hàng loạt các trạm kiểm soát của địch để tạo điều kiện cho vận chuyển trên 1000 tấn lương thực ở các cửa khẩu đưa về hậu cứ an toàn.

Phát huy thắng lợi chiến dịch lộ 2, Bộ chỉ huy chiến dịch tiếp tục mở đợt hoạt động mùa mưa năm 1974, với yêu cầu giải phóng một số ấp nằm sâu trong vùng căn cứ Bà Rịa - Long Khánh, giải tán các khu “Dinh điền” của địch ở các khu vực phía Nam lộ 1 nhằm mở rộng địa bàn đứng chân, áp sát, uy hiếp thị xã Long Khánh từ hướng nam. Huyện ủy Xuân Lộc và Thị ủy Long Khánh tập trung lực lượng thực hiện các trận đánh nghi binh thu hút địch. Ngày 18/5, du kích ấp Nam Hà và trinh sát huyện đội cải trang tiến công địch khi chúng tổ chức đá bóng, diệt 76 tên địch, bắt sống ba tên, thu 44 súng và máy thông tin. Trận cải trang tiến công địch giữa ban ngày giành thắng lợi, có tác động tâm lý lớn làm cho bọn bảo an, dân vệ quanh vùng lo sợ. Trên quốc lộ 1 du kích phối hợp huyện đội diệt 2 tua ở Bình Phú, giải tán 2 khu tập trung dân của địch. Phong trào du kích chiến tranh được đẩy mạnh.

Cũng thời điểm này, hướng Bến Cát (Thủ Dầu Một) bộ đội chủ lực Miền mở nhiều cuộc tiến công tiêu diệt một số đồn bót quan trọng của địch trên quốc lộ 13. Sư đoàn 18 nguy buộc phải tăng cường lực lượng. Chớp thời cơ, Bộ chỉ huy chiến dịch điều trung đoàn 4 từ lộ 2 lên lộ 1 cùng lực lượng vũ trang Xuân Lộc thực hiện “cao điểm tháng 5”. Đồng thời Bộ chỉ huy cũng điều tiểu đoàn 18 đặc công xuống hỗ trợ cho huyện Long Đất, vừa để căng kéo thu hút sự đối phó của địch. Giữa lúc địch bị căng kéo đối phó ở nhiều nơi thì ngày 24/5/1974 ta tiến công địch làm chủ đồn bót và giải phóng ấp Bảo Bình 2, làm chủ ấp Bảo Bình 1 được một ngày. Ta tiếp tục vây ép ấp Bảo Bình 3, bẻ gãy các cuộc phản kích của địch chi viện giải phóng được ấp 2 và ấp 3 xã Bảo Bình. Đội biệt động, đội trinh sát vũ trang Long Khánh liên tục tập kích các căn cứ địch trong nội ô diệt 122 tên. Cơ sở nội tuyến của ta trong sư đoàn 18 nguy đặt mìn phá nổ tung 1 kho đạn diệt 27 tên địch.

Sau thắng lợi đợt hoạt động “cao điểm tháng 5”, Bộ chỉ huy chiến dịch chủ trương mở tiếp các đợt đánh địch trong suốt mùa mưa tạo điều kiện thuận lợi cho mùa khô 1974 - 1975 mà mục tiêu trọng điểm là quốc lộ 1 và địa bàn Xuân Lộc. Từ mặt trận lộ 2, trung đoàn 33 được điều về đứng chân ở lộ 1. Đêm 10/6 đặc công trung đoàn 33 đánh chiếm chốt ấp Bia diệt 1 trung đội địch; cùng du kích Xuân lộc





phục kích trên quốc lộ 1 diệt gọn 2 đại đội địch trên đường hành quân giải tỏa thu 45 súng các loại. Trước tình hình quốc lộ 1 bị uy hiếp, địch phải điều động chiến đoàn 8 sư đoàn 5 và tiểu đoàn 32 thuộc liên đoàn 7 biệt động đến giải tỏa lộ 1. Ta chiến đấu liên tục một tuần lễ, bẻ gãy hầu hết các đợt hành quân địch, diệt nhiều sinh lực, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh, phá bộ máy kèm kẹp của địch ở “khu dinh điền” An Lộc, đồng bào trở về quê cũ làm ăn sinh sống. Địch tăng cường lực lượng liên đoàn biệt kích số 81 và các lực lượng bảo an liên tục lấn chiếm vùng giải phóng. Ta phối hợp chiến đấu chặt chẽ, đánh lui địch, giữ vững vùng giải phóng Bảo Bình và nhiều vị trí then chốt trên quốc lộ 1 mở thêm 8 “lõm” giải phóng quanh vùng ven thị xã Long Khánh, xây dựng thêm 105 cơ sở cách mạng.

Địa bàn Biên Hòa đầu tháng 7/1974, cơ sở mật đã lãnh đạo hàng ngàn công nhân ở hãng giấy Cogido, hãng thép Vicasa, các nhà máy sản xuất xà bông, cá hộp đấu tranh với địch phản đối cuộc bầu cử dân biểu; trên 2.000 quần chúng nhân dân ở Tam Hiệp, Tân Mai biểu tình chống bầu cử và đòi quyền dân sinh dân chủ. Thị ủy Biên Hòa chỉ đạo xây dựng cơ sở nội tuyến trong lòng địch tại sân bay Biên Hòa, ở Bộ tư lệnh quân đoàn 3 nguy, Tòa hành chính tỉnh Biên Hòa. Phối hợp với các cuộc đấu tranh chính trị, ngày 10/8 đại đội pháo binh Biên Hòa pháo kích phá hủy 5 máy bay F5 ở sân bay Biên Hòa. Đêm 26/8 đoàn đặc công 113 Miền tập kích trung tâm huấn luyện biệt kích Nước Trong (Long Thành) diệt 200 tên địch, trong đó có 2 trung tá, 3 thiếu tá. Trên các quốc lộ 15, 1, 20 và tỉnh lộ 24, 17, 19 ta tiến công diệt nhiều xe và binh lính địch.

Tại thị xã Biên Hòa, đêm 7/10/1974 ba đồng chí đặc công thuộc đoàn 113 là Thường, Thông, Thường xuất phát từ bến sông Tân Định (Vĩnh Cửu) dùng 700 kg thuốc nổ dưới sông để đánh cầu Hóa An. Địch canh phòng rất nghiêm ngặt. Cách cầu vài chục mét, địch phát hiện. Hội ý nhanh, đồng chí Thường nổi lên mặt nước thu hút sự chú ý của địch. Đồng chí Thông và Thường đốc toàn lực đẩy khối thuốc nổ đến chân cầu và giật ngòi nổ, cầu Hóa An sập một nhịp ở giữa, làm cho địch hết sức hoang mang. Tiểu đoàn 9 đoàn đặc công 113 xây dựng ở rừng Bùng Binh xã Thiện Tân cách Biên Hòa 3km về hướng Bắc một hệ thống địa đạo dài 450m. Từ căn cứ Bùng Binh, tiểu đoàn 9 tập kích diệt 1 đại đội bảo an ở đồn Cây khô, du kích bộ đội huyện phá sập cầu Rạch Khô, tiến công địch ở bót cầu Rạch Đông.

Tại tỉnh căn cứ cách mạng Tân Phú, tháng 10/1974, Trung ương Cục miền Nam điều chỉnh lại chiến trường, cắt hai huyện Phú Giáo và Tân Uyên về tỉnh Thủ Dầu Một. Tỉnh căn cứ Tân Phú còn hai huyện Định Quán và Độc Lập. Đồng chí Võ Tấn Vịnh được cử làm Bí thư Tỉnh ủy thay đồng chí Nguyễn Văn Luông. Quân khu điều tiểu đoàn 18 đặc công, tiểu đoàn 2 trung đoàn 4 cùng 1 đại đội súng cao xạ thuộc tiểu đoàn 24 đánh mạnh địch ở lộ 20 mở rộng địa bàn bắc Định Quán. Tiểu đoàn 18 đặc công bí mật tập kích địch ở đồn Đa Kai xã Phương Lâm, loại khỏi vòng chiến đấu 78 tên, phá hủy hoàn toàn trận địa pháo của địch. Tiểu đoàn 2 phục kích chặn đánh lực lượng địch ứng cứu cho Đa Kai, diệt gọn một trung đội, thu 24 súng





và 2 máy thông tin, chia cắt lộ 20 từ hướng Lâm Đồng, uy hiếp chi khu Định Quán, tạo thuận lợi cho giải phóng Định Quán trong chiến cuộc mùa khô 1974 - 1975.

Mùa khô 1973 - 1974 và mùa mưa 1974, ta tiến công địch liên tục giành thế chủ động chiến trường; phát triển được thế đứng chân trên các địa bàn trọng yếu, nối thông hành lang từ chiến khu Đ xuống Biên Hòa Bà Rịa, Long Khánh; tiêu diệt nhiều sinh lực địch, phá vỡ bộ máy địch trên các vùng tranh chấp.

## **VI- Tham gia chiến cuộc mùa khô 1974 - 1975 Giải phóng toàn tỉnh.**

### **1. Chiến dịch lộ 3 - Mở rộng địa bàn Đông Bắc Xuân Lộc.**

Cục diện chiến trường miền Nam từ mùa khô 1974 - 1975 có nhiều thay đổi. Vùng giải phóng mở rộng từ Lộc Ninh - Bình Long đến Bến Cát - Tây Ninh, Bà Rịa - Long Khánh - Biên Hòa - Sài Gòn. Trung ương Cục, Bộ chỉ huy Miền, Bộ tư lệnh quân khu 7, tỉnh ủy Biên Hòa - Bà Rịa - Long Khánh xác định mục tiêu tập trung lực lượng ba thứ quân, mở rộng địa bàn đông bắc thị xã Long Khánh, đánh vỡ bộ máy của địch và giải phóng xã ấp quanh các thị xã Long Khánh - Bà Rịa - Biên Hòa chuẩn bị điều kiện bước vào cuộc tổng tiến công và nổi dậy. Tháng 11/1974 Bộ Chỉ huy Miền quyết định thành lập sư đoàn 6 bộ binh trực thuộc quân khu 7 hoạt động phía bắc lộ 1. Đồng thời tổ chức lực lượng đặc công 429 lại thành sư đoàn 2 đặc công (thay Đoàn 27). Sư đoàn 2 đặc công gồm 7 trung đoàn đặc công đánh bộ, đặc công nước, 1 trung đoàn cơ động sâu xuống vùng ven đô, bao quanh Sài Gòn - Gia Định chuẩn bị cho phương án tổng công kích, tổng khởi nghĩa. Riêng phía đông có ba trung đoàn 10, 113, 116 vừa độc lập tác chiến, vừa phối thuộc cho địa phương, do đồng chí Nguyễn Văn Mây sư trưởng, Lê Bá Ước chính ủy.

Trong khi các lực lượng vũ trang địa phương tiến công địch dồn dập ở nhiều nơi thì rạng sáng ngày 24/12/1974 chiến dịch lộ 3 của quân khu mở màn. Hai trung đoàn bộ binh của sư đoàn 6 cùng lực lượng vũ trang địa phương tiến công làm chủ hai chi khu Hoài Đức và Tánh Linh. Ta chặt đứt một “mắt xích” quan trọng trong hệ thống phòng thủ phía bắc Xuân Lộc uy hiếp thị xã Long Khánh từ hướng bắc. Phối hợp với chiến dịch lộ 3, đội biệt động thị xã Long Khánh và du kích trực tiếp tiến công địch ở nội ô thị xã. Ngày 2/1/1975 chiến sĩ biệt động Nguyễn Phú Huỳnh ba lần tiến công địch ở các quán ăn và đường Hồng Thập Tự, diệt và làm bị thương hàng chục tên địch. Ngày 18/1/1975 Hồ Thị Hương cùng Nguyễn Thị Thận nhận nhiệm vụ đánh quán ăn Viễn Đông, cảnh sát đặc biệt thường lui tới tại đây. Khi đến sát mục tiêu, cô ôm mìn lao vào quán cho mìn nổ làm mảng tường quán ăn sập và một số tên địch bị thương. Trước sức tiến công liên tục của ta, tiểu khu Long Khánh và Bộ tư lệnh sư đoàn 18 lo sợ tăng cường bố trí phòng thủ thị xã Long Khánh.

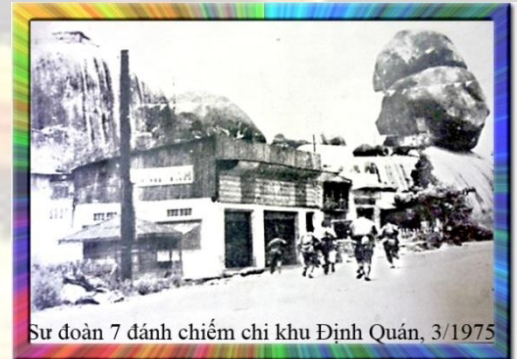
Ngày 6/1/1975 ta giải phóng thị xã Phước Long. Ngày 17/3/1975 giai đoạn 2 của chiến dịch lộ 3 bắt đầu. Ta đồng loạt chiếm ngã ba Ông Đồn, núi Chứa Chan, đồi 52, với lối đánh hiệp đồng tác chiến chặt chẽ giữa đặc công với bộ binh, sau 1 ngày chiến đấu ta đã diệt toàn bộ địch ở Đồi 52. Ngày 18/3 tiểu đoàn 9 trung đoàn





33 làm chủ yếu khu quân sự Gia Ray, giải phóng ấp Gia Ray và cắt đứt lộ 3. K8 Xuân Lộc và tiểu đoàn 3 trung đoàn 4 cùng lực lượng du kích tiến công địch ở các ấp Suối Cát, Lều Xanh, Mai Thọ Bích, Bình Phú ta hoàn toàn làm chủ cắt đứt đoạn quốc lộ 1 dài trên 5km, diệt quân cứu viện. Tiểu khu Long Khánh đã điều 2 tiểu đoàn bảo an số 332 và 324 ứng cứu bị các lực lượng ta chặn đánh diệt 2 đại đội. Sau 4 ngày đêm chiến đấu (từ 17 đến 21/3) ta quét sạch địch ở các mục tiêu trọng điểm, giải phóng tỉnh lộ 3 từ Trà Tân đến ngã ba Ông Đồn, đến căn cứ 5 giáp Bình Thuận, làm chủ các xã ấp trên quốc lộ 1.

Ngày 17 đến 20/3 lực lượng vũ trang tỉnh Tân Phú kết hợp một bộ phận sư đoàn 7 đánh chiếm chi khu Định Quán, giải phóng quốc lộ 20 từ Lâm Đồng đến cầu La Ngà. Địch đang phải dốc toàn bộ lực lượng chống đỡ trên mặt trận tỉnh lộ 3, quốc lộ 1 và quốc lộ 20. Tranh thủ thời cơ thị ủy Long Khánh chủ trương giải phóng 4 ấp phía bắc thị xã Long Khánh. Ta tiến công địch ở Bảo Vinh B rồi đến Bình Lộc, thứ tự phá từng “mắt xích” tiến tới dứt điểm toàn bộ. Cán bộ binh vận vận động các gia đình binh lính nguy, kêu gọi con em họ trở về với nhân dân. Cuối tháng 3/1975 các ấp Bình Lộc, Bảo Vinh A, Bảo Vinh B, Suối Chồn hoàn toàn giải phóng. Cửa ngõ phía bắc thị xã Long Khánh đã mở, chuẩn bị cho sư đoàn 341 tiến công vào thị xã Long Khánh. Để chuẩn bị cho cuộc tổng công kích, Bộ chỉ huy Miền tổ chức mặt trận cánh đông gồm 3 trung đoàn đặc công 10, 113, 116, 3 đơn vị biệt động, tiểu đoàn địa phương Thủ Đức do đồng chí Tổng Viết Dương sư phó sư 2 làm chỉ huy trưởng, đồng chí Lê Bá Ước chính ủy. Đây là những đơn vị sẽ phối thuộc cho quân đoàn 4 và quân đoàn 2 có nhiệm vụ đánh chiếm các cây cầu, giữ cửa mở trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.



Sư đoàn 7 đánh chiếm chi khu Định Quán, 3/1975

## 2. Chiến dịch Xuân Lộc giải phóng thị xã Long Khánh.



Xe tăng và bộ binh Sư đoàn 7, Quân đoàn 4 thần tốc tiến về giải phóng Xuân Lộc, tháng 4/1975

Cuộc tiến công chiến lược giải phóng miền Nam được khởi đầu bằng trận đột phá Buôn Ma Thuột ngày 4/3/1975 trong chiến dịch Tây Nguyên. Chưa đầy một tháng với sức tiến công “Thần tốc” ta đã quét sạch địch từ Quảng Trị đến Phan Rang. Trước tình thế nguy ngập, ngày 28/3/1975 C. Weyand, Tham mưu trưởng lực lượng quân Mỹ cùng với Cao Văn Viên, Tổng tham mưu trưởng quân nguy ra Xuân Lộc khảo sát chiến trường, hình thành “Bức tường thép Xuân Lộc”, phòng tuyến số một nằm trong 3 hướng phòng ngự trọng yếu của Sài Gòn. Chuẩn tướng Lê Minh Đảo tư lệnh sư





đoàn 18 và đại tá Phạm Văn Phúc tỉnh trưởng Long Khánh được giao nhiệm vụ “tử thủ” Xuân Lộc.

Ngày 31/3/1975 tại thủ đô Hà Nội, Bộ Chính trị Trung ương Đảng quyết định **“Năm vững thời cơ chiến lược hơn nữa, với tư tưởng chỉ đạo thần tốc, táo bạo, bất ngờ chắc thắng, thực hiện tổng công kích, tổng khởi nghĩa trong thời gian sớm nhất. Tốt nhất là trong tháng 4/1975 không thể để chậm”**. Đầu tháng 4/1975 quân ngụy ở Long Khánh có sư đoàn 18 gồm 3 chiến đoàn: chiến đoàn 43, 48 đóng tại hậu cứ hướng đông thị xã Long Khánh. Chiến đoàn 52 đóng ở Kiêm Tân. Trung đoàn thiết giáp số 5 có trên 100 xe tăng và thiết giáp, 9 tiểu đoàn bảo an và 3 đại đội biệt lập trực thuộc tiểu khu Long Khánh; cùng lực lượng cảnh sát và bộ máy kèm kẹp khác chốt giữ nhiều điểm quan trọng trong thị xã.



Thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị Trung ương Đảng, Quân ủy Trung ương, Bộ chỉ huy Miền quyết định mở chiến dịch Xuân Lộc đập tan tuyến phòng thủ của địch ở phía đông Sài Gòn. Sở chỉ huy quân đoàn 4 đặt tại bắc sông La Ngà; sở chỉ huy tiền phương đặt tại ấp Bảo Vinh. Ngày 4/4/1975 nhiệm vụ tác chiến của từng đơn vị được triển khai. Sư đoàn bộ binh số 7 tăng cường 12 xe tăng (T59) 3 khẩu pháo 85 ly (bắn thẳng) 2 khẩu cối 160 ly, 12 khẩu cao xạ (37 - 57 ly) có pháo của quân đoàn chi viện đánh chiếm hậu cứ sư đoàn 18. Sư đoàn bộ binh 341 từ hướng bắc đánh chiếm ty cảnh sát, khu cố vấn Mỹ, dinh tỉnh trưởng. Sư đoàn bộ binh số 6 (quân khu 7) có nhiệm vụ tiêu diệt địch từ ấp Hưng Lộc đến đèo Mẹ bông con, chặn đánh địch chi viện từ phía Biên Hòa. Tiểu đoàn 445 tỉnh Bà Rịa - Long Khánh, đại đội 41, đại đội 34 huyện Châu Đức, đại đội 207 huyện Cao su, K8 huyện Xuân lộc, đội biệt động, đội trinh sát vũ trang Long Khánh phối hợp, căng kéo chia cắt địch, dẫn đường cho bộ đội chủ lực tiến công phía nam Xuân Lộc. Tại sở chỉ huy quân đoàn ngày N - 1 (8/4) các sư đoàn chủ lực đã tập kết cách thị xã Long Khánh từ 4 đến 10km. Đêm mùng 8/4/1975, xe pháo của quân đoàn cùng lực lượng vũ trang địa phương, tiến quân như vũ bão hợp thành trận đánh mang tầm vóc lịch sử.



5 giờ 30 sáng ngày 9/4/1975 pháo chiến dịch 130 ly ở tọa độ 17 - 55°7 (Túc Trưng - Bảo Vinh) gầm vang báo hiệu trận tiến công tuyến phòng thủ Xuân Lộc mở màn. Sau hơn một tiếng đồng hồ pháo cấp tập vào các mục tiêu trong thị xã Long Khánh, Xuân Lộc, phía ta chuyển làn bắn chế áp pháo địch ở Núi Thi, hỗ trợ xe tăng, bộ binh ở các hướng đồng loạt tiến công. Ngay phút đầu tiên, cột ăng ten trong tiểu khu Long Khánh bị gục đổ, các kho đạn nổ tung. Mũi hướng bắc các chiến sĩ biệt động Long





Khánh nhanh nhẹn hướng dẫn sư đoàn 341 đánh chiếm các mục tiêu ở trung tâm thị xã. Địch chống trả quyết liệt, nhưng với khí thế tiến công mạnh mẽ, đến 7 giờ 45 phút, chiến sĩ Nguyễn Thanh Sơn, tiêu đoàn 5 trung đoàn 116, sư 7 cầm cờ trên dinh tỉnh trưởng Long Khánh.

Hướng đông thị xã do địa hình quá trống trải, địch dùng xe tăng phản kích dữ dội, sư đoàn 7 bị thương vong nặng, đến chiều tối vẫn không chọc thủng được phòng tuyến của hậu cứ sư đoàn 18. Hướng tây sư đoàn 6 cùng du kích, đánh chiếm ấp Trần Hưng Đạo, đèo Mẹ bồng con, ấp Hưng Lộc giải phóng quốc lộ 1 đoạn trên 10km. Hướng nam tiểu đoàn 445 phối hợp với tiểu đoàn 9 trung đoàn 209 sư đoàn 7 đánh viện binh địch từ Suối Cát, tiêu hao nặng 2 tiểu đoàn địch, bắt sống tù binh, giải phóng ấp Bảo Toàn. Sau một ngày đồng loạt tiến công, địch bị thiệt hại nặng nề. Hệ thống bố phòng ở Xuân Lộc bị phá vỡ. Cờ giải phóng tung bay trên các tòa nhà dinh tỉnh trưởng, khu cố vấn Mỹ, ty cảnh sát, trụ sở tình báo CIA. Hậu cứ sư đoàn 18 bị chọc thủng một mảng.



Địch phát hiện ra ý đồ chiến thuật của ta, chúng lập tức điều chỉnh lực lượng, điều tiểu đoàn 1 chiến đoàn 48 từ Tân Phong về, để tiểu đoàn 3 chiến đoàn 48 chốt tại Tân Phong. Chiến đoàn 52 từ Túc Trưng về Kiệm Tân, tiểu đoàn 2 chiến đoàn 52 về tiếp ứng cho thị xã. Tiểu đoàn 1 chiến đoàn 52 giải tỏa ấp Trần Hưng Đạo, các tiểu đoàn bảo an được chấn chỉnh, tăng cường phòng thủ hướng đông thị xã. Bộ chỉ huy sư đoàn 18 di chuyển về hướng đông Tân Phong, tiểu khu trưởng Long Khánh chuyển về Núi Thị, phi pháo tăng cường đánh phá hậu phương ta ở mũi tiến công hướng đông. Ngày 10/4 tiểu đoàn 7 trung đoàn 33 cùng du kích ấp Trần Hưng Đạo tiến công làm chủ phân chi khu quân sự Dầu Giây. Hướng bắc sư đoàn 341 cùng biệt động thị xã đánh địch ở khu vực nhà nhà thờ, địch chiếm lại ngã tư đường sắt. Hướng nam tiểu đoàn 445 đại đội 41 và K8 Xuân lộc tiếp tục, chia cắt đánh địch ở Tân Phong, Suối Cát. Đội nữ pháo binh Xuân Lộc liên tục pháo kích vào chỉ huy sở hành quân của địch.



Chiến sự xảy ra vô cùng ác liệt ở trung tâm thị xã. Địch giãn bộ binh ra và dùng phi pháo oanh kích hủy diệt các mục tiêu ta đã chiếm được. Các loại máy bay AD6, A7, F5A liên tục ném bom, bắn hỏa tiễn dùng loại máy bay vận tải C130 rải bom tọa độ. Các con đường Phan Thanh Giản, Hồng Thập Tự, đoạn cua heo nhà cửa bị đánh phá tan hoang. Ta kịp thời sơ tán trên 2.000 dân ra hướng Bình Lộc, Bà Sen.





Ngày 11/4 quân đoàn 3 nguy tăng viện cho Xuân Lộc 1 chiến đoàn bộ binh 3 thiết đoàn, nhưng lực lượng này bị ta chặn đứng tại Hưng Lộc. Ngày 12/4, mũi hướng tây ta làm chủ hoàn toàn ngã ba Dầu Giây và đánh bật hầu hết các đợt phản kích từ hướng nam lên chi viện cho thị xã.

Mũi hướng đông và bắc chiến sự ngày càng quyết liệt. Địch tăng cường phi pháo oanh tạc các mục tiêu ta đã chiếm và đánh vào phía sau đội hình tiến công của ta. Trên 70 khẩu pháo và 50 phi vụ oanh kích vào đội hình ta. Đặc biệt 14 giờ chiều 12/4 địch ném 2 quả bom CBU xuống cách thị xã 800m về hướng bắc. Đây là loại bom hơi ngạt giết người bằng bức xạ đốt cháy oxy. Thương vong mũi bắc của ta lên đến 1.100 người trong ngày. Chiều 12/4, hàng trăm lần chiếc máy bay lên thẳng đổ lữ đoàn 1 dù xuống nam Tân Phong, nguy quyền Sài Gòn sử dụng át chủ vào chiến trường Xuân Lộc.

Trước tình huống nghiêm trọng đồng chí Hoàng Cầm trực tiếp xuống Xuân Lộc nắm tình hình và chỉ đạo thay đổi phương án tác chiến: Tạm thời rút lực lượng chủ lực ra khỏi trung tâm thị xã để củng cố; sử dụng lực lượng dự bị mạnh bất ngờ tiến công địch, tiêu diệt chiến đoàn 52/18 tại Kiệm Tân và Dầu Giây, chiếm cao điểm Núi Thị, tách Xuân Lộc khỏi sự chi viện từ hướng tây. Xuân Lộc bị cô lập sẽ hoang mang, ta tung lực lượng đánh địch bật khỏi Xuân Lộc. Rạng sáng 15/4 trung đoàn 33 và lực lượng du kích tiêu diệt 1 tiểu đoàn của chiến đoàn 52 và 1 chi đoàn xe bọc thép tại ngã ba Dầu Giây, chiếm Núi Thị. Trung đoàn 4 diệt gọn 2 tiểu đoàn bộ binh, 1 tiểu đoàn pháo binh, 1 chi đoàn xe bọc thép thu 12 khẩu pháo, bắt sống hàng trăm tù binh, giải phóng chi khu Kiệm Tân. Chiến đoàn 52 sư 18 bị đánh tan. Để cứu vãn tình thế, ngày 16/4, Tư lệnh quân đoàn 3 nguy vội vã thành lập Bộ chỉ huy tiền phương ở Trảng Bom.



Phối hợp với bộ đội chủ lực, Huyện ủy Cao su thực hiện chủ trương tranh thủ thời cơ, du kích tự vệ khẩn trương hỗ trợ công nhân chiến đấu và nổi dậy giải phóng các sở, ấp cao su. Ngày 16/4 tự vệ, du kích phối hợp với công nhân nổi dậy giải phóng sở cao su Bình Lộc; Ngày 19/4 giải phóng ấp Suối Tre; Ngày 20/4 giải phóng Cốc Rang và An Lộc. Trước khí thế tiến công và nổi dậy mạnh mẽ của tự vệ, du kích và công nhân, bọn chủ sở chạy về Sài Gòn. Toàn bộ tài sản, vật tư máy móc của các sở cao su được công nhân quản lý giữ gìn chu đáo.

Sau một tuần lễ chuyển phương án tác chiến, ta đánh quy chiến đoàn 52 và chiến đoàn 8 nguy. Quân địch ở Long Khánh không còn hy vọng sự cứu viện của Bộ tư lệnh quân đoàn 3 và Sài Gòn. Cùng với thời gian này, tuyến phòng thủ Phan Rang bị phá vỡ. Đại quân ta từ miền Trung thần tốc tiến vào Nam bộ. Tinh thần binh sĩ nguy ở Long Khánh hoang mang cực độ. Ngày 18/4, quân đoàn 3 địch phải





dùng máy bay lên thẳng bốc một bộ phận từ Xuân Lộc về Trảng Bom để củng cố tuyến phòng thủ mới.



Bộ chỉ huy chiến dịch quyết định “tiến công dứt điểm, giải phóng Xuân Lộc”. Ngày 18 và 19/4/1975, pháo địch tập trung bắn ở hướng tây thị xã. Bộ chỉ huy nhận định “địch đã bắn pháo nghi binh, có khả năng tháo chạy về 2 hướng: theo đường số 2 về Vạn Kiếp - Bà Rịa, hoặc theo hướng nam Sở Ông Quê về Nước Trong (Long Thành) hoặc Trảng Bom...”, ra mệnh lệnh triển khai đánh địch tháo chạy hướng nam Xuân Lộc. Một giờ sáng 21/4/1975 quân ta mở đợt tiến công cuối cùng vào Xuân Lộc, nhưng toàn bộ sư đoàn 18 và tiểu khu Long Khánh đã rút chạy khỏi Xuân Lộc từ 10 giờ đêm 20/4. Trên hướng liên tỉnh lộ số 2, đại đội 41 chặn đánh tàn quân địch bắt sống hàng trăm tên, trong đó có đại tá Phạm Văn Phúc tỉnh trưởng tỉnh Long Khánh.

Tám giờ sáng ngày 21/4/1975, nguy quân, nguy quyền ở thị xã Long Khánh tháo chạy và tan rã hoàn toàn. Tuyến phòng thủ cuối cùng của địch ở Xuân Lộc bị đập tan, cửa ngõ tiến quân vào Sài Gòn của đại quân ta được mở. Trong lúc chiến dịch Xuân Lộc đang diễn ra ác liệt, Bộ Chỉ huy Miền đã chỉ đạo mặt trận cánh đông triển khai các trung đoàn đặc công, biệt động thọc sâu áp sát để đánh chiếm đầu cầu ở quân đoàn 3, Bộ tư lệnh hải quân nguy, chiếm giữ cầu Sài Gòn đảm bảo cho quân ta tiến vào dinh Độc Lập.

### 3. Tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh, giải phóng toàn tỉnh.

Sau thất bại ở Xuân Lộc, ngày 23/4 tổng thống Mỹ tuyên bố “cuộc chiến tranh ở Việt Nam đã chấm dứt đối với người Mỹ”, Nguyễn Văn Thiệu vội vã công bố từ chức tổng thống. Trần Văn Hương lên thay, đến ngày 28/4/1975, Dương Văn Minh thay Hương làm tổng thống. Địch và vớ 5 sư đoàn chủ lực tan rã từ miền Trung và Xuân Lộc về chốt giữ vòng cung Biên Hòa - Long Bình - Tây Ninh - Long An. Ở Biên Hòa, sư đoàn 18 sau khi tháo chạy khỏi Xuân Lộc, được củng cố lại thành 3 chiến đoàn án ngữ quốc lộ 1. Tàn quân bảo an Xuân Lộc chạy về kết hợp với bảo an thị xã Biên Hòa thành 2 liên đoàn 933 và 318, cùng với lữ đoàn 468 thủy quân lục chiến án ngữ quốc lộ 15. Lữ đoàn 3 kỵ binh và lữ đoàn 258 thủy quân lục chiến chốt giữ khu vực Biên Hòa - Long Bình. Hai lữ đoàn dù đảm nhiệm giữ các cầu Đồng Nai, Rạch Chiếc, cầu Gành, cầu Hóa An và tuyến ngoại vi Sài Gòn.

Bộ Chính trị Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam quyết định chiến dịch giải phóng Sài Gòn - Gia Định mang tên Chiến dịch Hồ Chí Minh. Lực lượng quân chủ lực ta tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh tương đương 5 quân đoàn và tiến vào Sài Gòn từ 4 hướng: Hướng bắc từ Bình Dương (theo quốc lộ 13) do quân đoàn 1 đảm nhiệm; Hướng đông, đông bắc từ Biên Hòa theo quốc lộ 1 và 15 do quân đoàn 4 và





quân đoàn 2 đảm nhiệm; Hướng tây bắc từ Tây Ninh do quân đoàn 3 đảm nhiệm; Hướng tây nam, Long An do đoàn 232 đảm nhiệm.

Để chuẩn bị cho chiến dịch cuối cùng quét sạch quân thù, từ ngày 9/4, đồng chí Phan Văn Trang, Bí thư Thành ủy Biên Hòa vào nội thành triển khai kế hoạch chuẩn bị phát động quần chúng nổi dậy, thành lập 10 Ủy ban khởi nghĩa trong nội ngoại thành phố. Ngày 16/4, Thành ủy Biên Hòa ra nghị quyết về “Tổng công kích và nổi dậy ở thị xã Biên Hòa”. Chiến dịch Hồ Chí Minh trên địa bàn Biên Hòa hình thành hai mũi tiến công của 2 quân đoàn chủ lực. Quân đoàn 4 tiến vào Sài Gòn - Gia Định theo quốc lộ 1 và xa lộ Biên Hòa. Quân đoàn 2 sau khi đập tan tuyến phòng thủ ở Phan Rang vào đến Xuân Lộc, tiến công vào Sài Gòn - Gia Định theo hai mũi là quốc lộ 15 và bến phà Cát Lái. Sư đoàn 2 đặc công (mới thành lập) có nhiệm vụ đánh chiếm các cầu Đồng Nai trên xa lộ, cầu Rạch Chiếc, cầu Gành, cầu Rạch Cát và quốc lộ 1 đảm bảo cho đại quân ta tiến về Sài Gòn được thuận lợi.



Ngày 26/4/1975 chiến dịch lịch sử mang tên chủ tịch Hồ Chí Minh bắt đầu. 2 giờ sáng ngày 26/4 tiểu đoàn 9 trung đoàn đặc công 113 tập kích căn cứ thiết đoàn 15 tại Hóc Bà Thúc bắt sống tên chỉ huy. Tại Biên Hòa trận địa pháo tầm xa 130 ly ở Hiếu Liêm (chiến khu Đ) nã đạn dồn dập vào các căn cứ sân bay Biên Hòa, các sư đoàn bộ binh đồng loạt tấn công. Sư đoàn 6 tiến công yếu khu Trảng Bom. Sư đoàn 7 tiến công các căn cứ địch dọc lộ 1 đến Hồ Nai trước sự chống cự điên cuồng của địch. Từ 17 giờ ngày 26/4 đạn pháo 130 ly của ta trùm lên căn cứ Nước Trong (Long Thành). Pháo vừa ngưng, bộ binh xe tăng ta từ nhiều hướng tiến công mãnh liệt. Sư đoàn 304 Quân đoàn 2 đánh chiếm căn cứ Nước Trong. Sư đoàn 325 Quân đoàn 2 tiến vào chi khu Long Thành. Lực lượng vũ trang địa phương tiểu đoàn 240 Biên Hòa phối hợp với quân chủ lực đánh phân khu Phước Thiện.

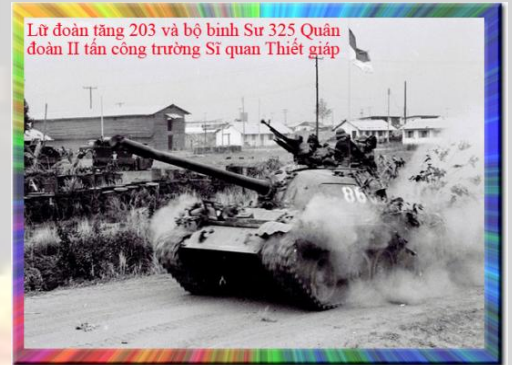
Đêm 26 rạng 27/4, trung đoàn đặc công 116 đánh chiếm khu trung tâm tổng kho Long Bình, cụm bố phòng Bến Gỗ, tiến chiếm và chốt giữ cầu Đồng Nai. Ngày 27/4 sư đoàn 6 và sư đoàn 7 Quân đoàn 4 quét sạch địch ở ngã ba Dầu Giây, trận địa pháo Sông Thao, tiến lên tiêu diệt địch và làm chủ chi khu Trảng Bom, Bàu Cá; sư đoàn 325 Quân đoàn 2 làm chủ chi khu Long Thành. Sân bay quân sự Biên Hòa hoàn toàn bị tê liệt. Lực lượng vũ trang huyện Thống Nhất và nhân dân nổi dậy giải phóng toàn huyện vào ngày 27/4/1975.





Đêm 27 rạng 28/4 tiểu đoàn 174 và tiểu đoàn 23 đánh chiếm cầu Hóa An, cầu Gành, cầu Rạch Cát. Ngày 28/4 hướng Biên Hòa sư đoàn 6, sư đoàn 7 đánh các cụm quân địch dọc theo quốc lộ 1 từ Suối Địa, Trà Cổ và truy kích địch về căn cứ ở Hồ Nai. 8 giờ 30 phút, trung tướng Nguyễn Văn Toàn tư lệnh quân đoàn 3 đến Long Bình giao nhiệm vụ “tử thủ” cho tướng Lê Minh Đảo tư lệnh sư đoàn 18 rồi lên máy bay chuẩn thẳng.

Tại khu kỹ nghệ Biên Hòa, Ủy ban khởi nghĩa của Thành ủy Biên Hòa phát lệnh đánh địch. Lập tức cơ sở mật trong 17 nhà máy lãnh đạo tự vệ và công nhân nổi dậy. Trên 200 công nhân và nông dân khu vực Bình Đa, Tam Hiệp cùng nổi dậy hỗ trợ cơ sở mật ở khu kỹ nghệ. Cờ giải phóng được kéo lên trung tâm Sonadezi và các nhà máy. Cơ sở nội tuyến của Thành ủy Biên Hòa lái 2 chiếc xe thiết giáp M113 của địch đầy ắp súng đạn, dẫn đầu đoàn người tiếp tục truy kích tàn quân địch trong khu kỹ nghệ, bắt sống tên Lành cảnh sát trưởng khu kỹ nghệ, thu toàn bộ hồ sơ. Đến chiều 29/4, hầu hết các nhà máy Khu kỹ nghệ Biên Hòa và một số ấp lân cận hoàn toàn giải phóng.



Sau hơn một ngày liên tục tiến công, đến 11 giờ ngày 29/4 sư đoàn 304 làm chủ căn cứ ngã ba Thái Lan, quét sạch địch từ căn cứ Nước Trong đến tổng kho Long Bình, phát triển về xa lộ Biên Hòa. Sư đoàn 325 đã làm chủ khu Nhơn Trạch và tiếp tục tiến công Thành Tuy Hạ, chiếm được đồi Bình Phú đặt trận địa pháo 130 ly. Đêm 29/4 tại đồi Bình Phú pháo binh ta nã đạn dồn dập vào sân bay Tân Sơn Nhất. Đến chiều 29/4 toàn bộ địch ở Long Thành - Nhơn Trạch bị quét sạch, sư đoàn 325 tập kết ở bến phà Cát Lái, nơi đây Huyện ủy Nhơn Trạch đã chuẩn bị trên 100 ghe thuyền sẵn sàng đưa lực lượng quân đoàn 2 tiến vào Sài Gòn.



15 giờ ngày 29/4/1975, tù nhân trong nhà tù Tân Hiệp nổi dậy phá khám ra quốc lộ 1 về hướng Trảng Bom. Đến tối ngày 29/4 đoàn đến Bộ chỉ huy tiền phương Mặt trận Biên Hòa, được đưa về chỉ huy sở sư đoàn 6 tại nhà thờ Bắc Hòa (Hồ Nai). Pháo địch vẫn còn bắn xối xả dọc quốc lộ 1. Bộ phận tiếp nhận đưa tù nhân về hướng Gia Kiệm, lực lượng ta tiếp tục tiến công.

Sáng 30/4 từ Long Thành, Nhơn Trạch - lữ đoàn tăng 203 đến cầu Đồng Nai. Trung đoàn đặc công 116 sau 3 ngày đêm đánh chiếm giữ cầu đã lên xe tăng dẫn đường cho lữ đoàn 203 hành quân vào đánh chiếm dinh Độc Lập. Sư đoàn 325 dùng xuồng, ghe máy, ghe chèo tay ào ạt vượt sông tại bến phà Cát Lái cùng tiến vào Sài Gòn.





6 giờ sáng ngày 30/4/1975, Bộ Tư lệnh sư đoàn 6 đến ngã ba Kê Sắt, cùng lúc đài phát thanh Sài Gòn thông tin tổng thống ngưng Dương Văn Minh đầu hàng. Quân đoàn 4 nhanh chóng triển khai lực lượng tiến về Sài Gòn. Sư đoàn 6 tiếp quản sân bay Biên Hòa, tổng kho Long Bình. Đảng viên mật Trương Thị Sáu (chi bộ Đảng chợ Biên Hòa) được cơ sở nội tuyến bảo vệ đã hạ cờ ba que thượng cờ Tổ quốc ở Tòa hành chính tỉnh Biên Hòa.



Bộ đội tiến công vào Biên Hòa ngày 30/4/1975

10 giờ 30 phút sáng 30/4/1975, Ủy ban Quân quản thành phố Biên Hòa, trung đoàn 5 tiến vào tiếp quản Tòa hành chính Biên Hòa trong tiếng reo hò, hoan hô của hàng ngàn quần chúng trong thành phố Biên Hòa. Lịch sử đã lặp lại một cách kỳ diệu. Ba mươi năm trước (26/8/1945), nhân dân Biên Hòa đã chiếm Tòa bố giành chính quyền trong cách mạng tháng Tám. Ba mươi năm sau, một lần nữa quân dân Biên Hòa

cắm cờ ở Tòa hành chính, hoàn thành nhiệm vụ giải phóng quê hương, cùng cả nước bước vào kỷ nguyên độc lập thống nhất đất nước và đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

## **D.- CẢM NHẬN CỦA BẢN THÂN VỀ TRUYỀN THỐNG ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG CỦA NHÂN DÂN BIÊN HÒA - ĐỒNG NAI.**

Nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, Khu ủy miền Đông, các tỉnh ủy Biên Hòa, Bà Rịa - Long Khánh luôn thể hiện tinh thần yêu nước, đoàn kết một lòng, thể hiện niềm tin vững chắc vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Ý chí và niềm tin mãnh liệt đó đã giúp cho người dân Biên Hòa - Đồng Nai vượt qua những gian khổ hy sinh, sự khốc liệt của chiến tranh trong cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc. Những chiến công chói lọi của Đảng bộ và nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai ghi đậm truyền thống “Miền Đông gian lao mà anh dũng”, đồng thời xây dựng nên những truyền thống đấu tranh cách mạng vô giá của nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai, đó là:

### **1. Nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai có tinh thần yêu nước nồng nàn.**

Yêu nước là một truyền thống quý báu của dân tộc Việt Nam qua hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước, được kết tinh, hội tụ lại ở những người con dân Việt xa quê. Tình yêu vùng đất mới cộng với truyền thống yêu nước trở thành điều kiện, là động cơ để những người dân Biên Hòa - Đồng Nai vốn yêu chuộng hòa bình sẵn sàng xả thân, cầm vũ khí, trở thành người lính đứng lên chống kẻ thù xâm lược và



Nhân dân Biên Hòa vui mừng trong ngày giải phóng 30/4/75





bè lũ tay sai. Trong đấu tranh chống Pháp lần thứ nhất, Biên Hòa - Đồng Nai là căn cứ của nghĩa quân Trương Định. Nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai, những người tay lấm chân bùn, những nho sĩ, lao động không phân biệt dân tộc, tín ngưỡng đã tham gia chống giặc ngoại xâm, chính là nguồn nhân lực đảm bảo cho cuộc kháng chiến lâu dài. Đó là đội Xích vệ hình thành từ đội ngũ công nhân cao su ở Phú Riềng; là đội du kích trong khởi nghĩa Nam kỳ với nguồn gốc là những nông dân bị bóc lột tận cùng bởi địa chủ, tư bản thực dân.

Trong kháng chiến chống Pháp và Mỹ, bằng tình yêu nước nồng nàn, nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai đã gác bút nghiên, ngừng tay cày, tay búa thoát ly kháng chiến. Hàng loạt nhóm vũ trang nhân dân, tự vệ do những người yêu nước tổ chức đã hình thành. Những đơn vị “Bộ đội Cụ Hồ” khi thành lập ở chiến trường Biên Hòa - Đồng Nai đông đảo là công nhân, nông dân, học sinh, trí thức. Họ cũng đã động viên con em tham gia dân quân du kích địa phương, lực lượng vũ trang chính quy cùng những đơn vị đặc biệt như Trung đoàn đặc công 113, Đoàn 10 Đặc công Rừng Sác anh hùng. Dựa vào địa hình tự nhiên, rừng núi, sông nước với lòng yêu nước luôn hướng về cách mạng, người dân không tiếc công sức, máu xương để đóng góp vào việc xây dựng nên những hậu phương vững mạnh, xây dựng được thế trận vững chắc, không chỉ tiến công địch trên địa bàn mà còn tạo ra một bàn đạp tiến công thẳng lợi vào sào huyệt của địch ở Sài Gòn như căn cứ địa Chiến khu Đ làm cho quân thù khiếp sợ phải thốt lên: *“Chiến khu Đ còn, Sài Gòn mất”*.



Tuy nhiên, điều quan trọng hơn vẫn là *“Căn cứ lòng dân”* của người dân Biên Hòa - Đồng Nai mới là hậu phương bền vững nhất. Ở đó, những người dân yêu nước đã che chở, giúp cán bộ, chiến sĩ ta bám trụ, hoạt động công khai trong lòng địch. Không có tai mắt của nhân dân không thể có chiến thắng La Ngà, tập kích Nhà Xanh, Tổng kho long Bình nhiều lần bị phá hủy hay đập tan cách cửa thép Xuân Lộc lịch sử. Từ những cửa khẩu, căn cứ lòng dân này, hàng hóa, lương thực, những thiết bị cần thiết cho kháng chiến đều được chuyển ra an toàn, bí mật, công khai hoặc hợp pháp, huy động được sức mạnh toàn dân đáp ứng yêu cầu kháng chiến lâu dài. Cũng từ căn cứ của lòng dân, được nhân dân đồng tình ủng hộ, trên địa bàn Biên Hòa - Đồng Nai đã tổ chức rất sớm ba loại hình vũ trang: Chi đội 10, Quận quân sự, Ban công tác liên thôn; và hình thành cách đánh độc đáo “kết hợp ba mũi giáp công” của ba lực lượng vũ trang, chính trị, binh vận tạo thành sức mạnh tổng hợp để đánh địch thẳng lợi.

Trong kháng chiến chống xâm lược, lòng yêu nước được thể hiện thành khí phách anh hùng, ý chí bất khuất, tinh thần hy sinh cao cả. Ngày nay, lòng yêu nước của người dân Biên Hòa - Đồng Nai còn có thêm nội dung mới, đó là sự quyết tâm, chung lòng, chung sức đóng góp phần mình trong xây dựng quê hương đất nước,





làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh. Yêu nước ngày nay là đem hết tinh thần và nghị lực, sức mạnh và tài năng của từng người để bảo vệ độc lập dân tộc, gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong sự phát triển đất nước; vươn lên mạnh mẽ trong sản xuất, kinh doanh theo phương châm “ích nước, lợi nhà”; tăng cường đoàn kết dân tộc thành một khối thống nhất cùng nhau xây dựng đất nước giàu mạnh; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc trong suốt quá trình hội nhập để vị thế của Việt Nam ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế.

## **2. Một lòng theo Đảng, nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai quyết đấu tranh cách mạng đến cùng, triệt để thực hiện tốt nhiệm vụ của Đảng và Tổ quốc giao.**

Nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai vốn là những người nông dân nghèo cùng cực, cùng với tổ tiên đến miền Đông lập nghiệp hơn 320 năm trước đây, khai phá rừng hoang, nước độc, bị áp bức bóc lột bởi hai tầng địa chủ phong kiến, thực dân đế quốc. Tình yêu với vùng đất mới nảy sinh trong quá trình khai phá và truyền thống yêu nước của dân tộc quyện chặt huyết quản người dân Biên Hòa - Đồng Nai đã hình thành nên truyền thống xả thân, sẵn sàng hy sinh đấu tranh để gìn giữ những giá trị văn hóa vật chất mà các lớp người đi trước đã khởi dựng. Khi thực dân Pháp nổ súng tấn công Biên Hòa năm 1861, nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai đã đứng lên kháng chiến, xây dựng căn cứ, tổ chức tiến công địch, gây cho Pháp nhiều thiệt hại.

Đảng cộng sản Việt Nam ra đời là một bước ngoặt của cách mạng Việt Nam nói chung, của Biên Hòa - Đồng Nai nói riêng. Với điều kiện kinh tế phong phú, các thành phần giai cấp xã hội, tôn giáo phát triển đa dạng, vừa có đô thị, vừa có rừng núi, nông thôn, do vậy cuộc đấu tranh cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng ở Biên Hòa - Đồng Nai diễn ra hết sức phong phú, đa dạng với nhiều hình thức phù hợp, có ý nghĩa tác động chung đến phong trào đấu tranh cách mạng của cả miền Nam. Bằng nhiều hình thức đấu tranh công khai hợp pháp, bán công khai đã tập hợp được quần chúng đông đảo, từ đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ đến đấu tranh chính trị, tiến lên dùng bạo lực vũ trang nổi dậy giành chính quyền là bước tập dượt quan trọng để tiến đến tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 thắng lợi, mở ra cho đất nước ta một kỷ nguyên độc lập.



Tượng đài chiến thắng Long Bình

Cách mạng thành công, độc lập mới giành được chưa đầy một tháng, ngày 23/9/1945, Pháp nổ súng xâm lược Nam bộ lần thứ hai, nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai cùng cả nước đứng lên kháng chiến. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai tham gia vào các lực lượng vũ trang, đóng góp sức người, sức của để xây dựng các chiến khu với quyết tâm **“Thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”**, kháng chiến lâu dài, toàn dân, toàn diện dựa vào sức mình là chính. Trong kháng chiến chống Mỹ, trước cuộc chiến ác





liệt do Mỹ ngụy gây ra mà quy mô và sức tàn phá vô cùng tàn khốc, nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai cũng một lòng theo Đảng đấu tranh trực tiếp với quân xâm lược, với ý chí quyết tâm chiến đấu vì độc lập dân tộc và thống nhất đất nước. Trong cuộc đấu tranh một mất một còn đó, một lần nữa cho thấy sự bền lòng, vững chí của người dân Biên Hòa - Đồng Nai theo Đảng, góp phần làm nên những chiến thắng lịch sử, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Sự thật cũng minh chứng được, đi theo Đảng, nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai ngày nay được sống một cuộc sống ấm no, bình đẳng, hạnh phúc. Dưới sự lãnh đạo của tỉnh ủy Đồng Nai hiện nay, người dân Biên Hòa - Đồng Nai đã phát huy tinh thần làm chủ, năng động, sáng tạo trong lao động sản xuất, làm ra những sản phẩm có chất lượng cao, cùng với cả nước bước vào thời kỳ tăng tốc, hội nhập quốc tế với mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, bảo vệ thành quả cách mạng, bảo vệ mục tiêu lý tưởng của Đảng, xây dựng xã hội *“dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”*. Niềm tin và sự gắn bó sắt son giữa nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai với Đảng, và ngược lại, sự quan tâm của Đảng đến người dân Biên Hòa - Đồng Nai đã, đang và đang là nguồn sinh lực vô tận của nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai để khó khăn nào cũng vượt qua, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, kẻ thù nào cũng chiến thắng.

### **3. Nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai có tinh thần đoàn kết gắn bó sắt son Quân, Dân, Chính, Đảng.**

Mang theo hành trang truyền thống dân tộc Việt Nam vào vùng đất mới, người dân Biên Hòa - Đồng Nai đồng cam cộng khổ, đấu tranh với thiên nhiên khắc nghiệt, mở đất xây dựng làng xóm, phát triển cuộc sống. Những truyền thống cộng với kinh nghiệm phong phú ở vùng đất mới đã giúp cho người dân Biên Hòa - Đồng Nai hiểu được rằng đoàn kết chính là yếu tố sống còn, là điều kiện để vượt qua mọi trở lực trong cuộc sống. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, sự đoàn kết, gắn bó giữ Quân - Dân - Chính - Đảng ở Biên Hòa - Đồng Nai, trước hết xuất phát từ đặc điểm của dân tộc luôn phải đối đầu với những thế lực thù địch và xâm lược lớn mạnh. Chỉ có đoàn kết cả dân tộc, chung sức, đồng lòng mới đánh đổ được các thế lực ngoại xâm. Sự gắn bó này còn được bắt nhịp từ đường lối kháng chiến đúng đắn của Đảng: toàn dân, toàn diện, lấy chiến tranh nhân dân đánh thắng chiến tranh xâm lược của thực dân, đế quốc và tay sai.

Ngay từ thời kỳ đầu kháng chiến, người dân Biên Hòa - Đồng Nai không phân biệt già trẻ, gái trai, tôn giáo, dân tộc, thành phần đều hăng hái tham gia kháng chiến dưới ngọn cờ của Mặt trận Việt minh, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam. Các phong trào như “tuần lễ vàng, tuần lễ bạc”, “tiêu thổ kháng chiến”, “mùa đông binh sĩ”, phong trào kết nghĩa giữa các đoàn thể kháng chiến cho thấy giữa người dân Biên Hòa - Đồng Nai với bộ đội và Đảng chỉ có một lý tưởng, một con đường chiến đấu vì độc lập, tự do. Người dân là tai mắt của quân đội, là nguồn hậu cần thường xuyên, là trinh sát viên, là lực lượng bảo vệ cho vũ trang, phối hợp chặt chẽ





với lực lượng vũ trang trong đấu tranh ba mũi giáp công và khi cần, nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai là những chiến sĩ trực tiếp chiến đấu cùng bộ đội.

Lực lượng vũ trang Biên Hòa - Đồng Nai từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu, do đó đoàn kết quân dân không chỉ là phương châm, nguyên tắc hoạt động của chiến sĩ mà còn là tình cảm rất tự nhiên trong chiến đấu của mỗi cán bộ, chiến sĩ. Các đơn vị bộ đội đã kiên trì bám trụ vào dân, thọc sâu vùng địch kiểm soát để tuyên truyền, giải thích đường lối kháng chiến, vạch trần âm mưu xâm lược của kẻ thù. Bộ đội với hình thức ba cùng (cùng ăn, cùng ở, cùng làm) gần dân, thân dân, giúp dân đã từng bước làm thất bại các âm mưu xuyên tạc, nói xấu cách mạng của địch và bằng hành động thực tế làm chuyển biến nhận thức của người dân, từng bước xây dựng cơ sở cách mạng trong dân, mở rộng phong trào quần chúng ủng hộ, tham gia kháng chiến. Trong giai đoạn hiện nay, các phong trào của bộ đội đến với dân, giúp dân trong cuộc sống thường ngày đã tăng cường niềm tin của dân với bộ đội, xiết chặt mối quan hệ quân dân ngày càng bền vững, sâu sắc hơn.

#### **4. Người dân Biên Hòa - Đồng Nai có ý chí cách mạng tiến công cao, đấu tranh liên tục, bền bỉ, quyết liệt trong chiến đấu.**

Tinh thần chiến đấu quên mình cho độc lập của dân tộc, tự do cho nhân dân là biểu hiện của ý chí cách mạng tiến công cao, quyết liệt của người dân Biên Hòa - Đồng Nai. Sống và chiến đấu trên một chiến trường khó khăn, gian khổ, đòi hỏi người dân Biên Hòa - Đồng Nai phải luôn phát huy tinh thần tự lực tự cường, có ý chí cách mạng tiến công, đấu tranh liên tục, bền bỉ, quyết liệt. Trong những giai đoạn chiến tranh ác liệt, khó khăn nhất người dân Biên Hòa - Đồng Nai vẫn bền gan chiến đấu, giữ vững tiến công, góp phần cùng bộ đội làm thất bại các chiến lược chiến tranh của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, khiến cho kẻ thù không thể dễ dàng đạt được mục tiêu chiến lược đề ra ban đầu.

Giải phóng, bảo vệ đất nước là nhiệm vụ quan trọng, là mục tiêu cao nhất của nhân dân Việt Nam trong chiến tranh giữ nước, vì thế nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai luôn nắm vững tư tưởng tiến công, coi đó như một quy luật để giành thắng lợi trong suốt quá trình chiến tranh. Thực hiện tiến công liên tục mọi lúc, mọi nơi, từ cục bộ đến toàn bộ, để quét sạch quân thù ra khỏi quê hương. Tư tưởng tiến công được xem như sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong quá trình chuẩn bị và thực hành chiến tranh trên địa bàn Biên Hòa - Đồng Nai. Tư tưởng đó thể hiện rất rõ trong việc đánh giá đúng kẻ thù, chủ động đề ra kế sách đánh, phòng, khẩn trương chuẩn bị lực lượng kháng chiến, tìm mọi biện pháp làm cho địch suy yếu, tạo ra thế và thời cơ có lợi để tiến hành phản công, tiến công.

Biên Hòa - Đồng Nai là nơi có phong trào cách mạng liên tục, bền bỉ qua các thời kỳ lịch sử, dù phải trải qua nhiều hy sinh gian khổ nhưng vẫn kiên cường, bất khuất, cùng nhân dân cả nước quyết tâm đánh thắng thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược. Khí thế cách mạng của nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai qua nhiều năm





đấu tranh với kẻ thù đã được tôi luyện và phát huy cao độ, nhất là từ khi có Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng. Với nhiều cách đánh du kích, đặc công, táo bạo, bất ngờ, thần tốc và dứt điểm mãnh liệt, giải quyết chiến tranh nhanh gọn trong một đợt tổng giao chiến, chủ động tiến công địch để giành thắng lợi trọn vẹn. Phát huy tinh thần của một dân tộc có truyền thống bất khuất, anh dũng, kiên cường, dám nghĩ, dám làm, biết lấy vũ khí thô sơ thắng vũ khí, trang bị kỹ thuật hiện đại, ngay cả những lúc phong trào cách mạng ở miền Nam bị chìm trong biển máu, kẻ thù tiến hành các đợt hành quân “tìm diệt” và “bình định”, người dân Biên Hòa - Đồng Nai vẫn luôn có bản lĩnh chính trị vững vàng, ý chí quyết tâm chiến đấu cao, đề cao cảnh giác, sẵn sàng nhận và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

Không chỉ tiến công trên mặt trận quân sự, mà phải tiến công toàn diện trên mọi mặt trận, đặc biệt là mặt trận chính trị, binh vận, thực hiện “mưu phạt công tâm”, đánh vào lòng người, góp phần thay đổi cục diện chiến tranh. Với sức mạnh của cả nước đánh giặc dưới sự lãnh đạo của Đảng, người dân Biên Hòa - Đồng Nai càng có điều kiện phát huy mặt mạnh của mình, khoét sâu chỗ yếu của địch để “kiên quyết không ngừng thế tiến công”, tiến công địch vào đúng thời cơ, địa điểm thích hợp. Với tinh thần cách mạng, lòng dũng cảm, khí phách anh hùng của dân tộc Việt



Công viên Tượng đài Chiến thắng Long Khánh

Nam dám đánh và biết thắng; Quân và dân Biên Hòa - Đồng Nai quyết thừa thắng xông lên, liên tục tiến công và nổi dậy ngày càng mạnh, tiêu diệt và làm tan rã đại bộ phận nguy quân, đánh đổ nguy quyền các cấp, giành chính quyền về tay nhân dân; tiêu diệt nhiều sinh lực và phương tiện chiến tranh của Mỹ, làm cho chúng không thể thực hiện được những mưu đồ quân sự và chính trị của chúng ở miền Nam; trên cơ sở đó, đập tan

ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, hoàn toàn giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới hòa bình thống nhất nước nhà.

### **5. Dũng cảm, kiên cường, bất khuất, sáng tạo, nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai luôn nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong chiến đấu.**

Từ khi có Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, chủ nghĩa anh hùng cách mạng của nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai được nâng lên bội phần, góp phần cùng cả nước giành những thắng lợi vẻ vang đến ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước. Chủ nghĩa anh hùng cách mạng và lòng yêu nước đã tạo động lực để người dân Biên Hòa - Đồng Nai phát huy sáng tạo vượt qua gian nguy, thoát được vòng kìm kẹp, bao vây kiểm soát của kẻ thù thực hiện các nhiệm vụ trinh sát, giao liên, hậu cần để chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Tính năng động cách mạng cao, phương pháp đấu tranh sáng tạo, thông minh của người dân Biên Hòa - Đồng Nai đã góp phần phá vỡ các chiến lược chiến tranh của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Trên cơ sở không ngừng nâng cao cảnh giác cách mạng, phát huy lòng dũng cảm, trí





thông minh sáng tạo, nắm vững tư tưởng tích cực tiến công, nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai hoàn toàn có thể giành quyền chủ động trên chiến trường và kết thúc chiến tranh trong điều kiện có lợi nhất.

Chịu đựng mọi hy sinh gian khổ, khắc phục vượt qua mọi khó khăn, kiên trì bám trụ, tìm ra muôn vàn biện pháp tiến công địch. Địch bắt tù đầy, tra tấn dã man vẫn trung kiên với Đảng, với cách mạng. Vượt qua tai mắt lưới đạn địch, tiếp tế, đưa tin cho cách mạng thật ngoan cường. Đó là những hành động dũng cảm nhưng cũng rất đổi bình thường của người dân Biên Hòa - Đồng Nai trong hai cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc. Trên mảnh đất Biên Hòa - Đồng Nai hôm nay, nơi nào cũng là trận địa, từng gốc cây, xóm làng, phố thị đều thấm đẫm mồ hôi, máu và nước mắt người dân nhưng ở đó cũng ghi đậm dấu ấn của những cuộc đấu tranh thắng lợi, của những chiến tích oai hùng làm kẻ thù run sợ, thế giới thán phục. Thấm nhuần chân lý *“Không có gì quý hơn độc lập tự do”*, cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cực kỳ gian khổ đầy hy sinh, thử thách nhưng cũng hết sức vẻ vang và đáng tự hào của quân và dân tỉnh nhà. Đồng chí Lê Duẩn, Tổng bí thư của Đảng đã nói: *“Trong chống Mỹ cứu nước, trên chiến trường “miền đông gian lao mà anh dũng” Đồng Nai là một mảnh đất kiên cường mà biết bao khu rừng, ngọn lửa, khúc sông đã trở thành tên gọi của chiến công lừng lẫy”*. Nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai luôn kiên trì mục tiêu, lý tưởng cách mạng, chịu đựng nhiều gian khổ, hy sinh ác liệt, không tiếc xương máu, của cải và cả những người thân yêu ra đi vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, là những tấm gương tiêu biểu của chủ nghĩa anh hùng cách mạng.

Đó là sự thể hiện tuyệt vời của tinh thần yêu nước, tinh thần xả thân vì độc lập dân tộc, của chủ nghĩa anh hùng cách mạng của nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai dưới sự lãnh đạo của Đảng, có thể nói đến liệt sĩ Hồ Thị Hương đã nêu một tấm gương sáng ngời về dũng khí và tinh thần yêu nước,... và bao nhiêu đồng bào, đồng chí khác. Đó là sự thể hiện đến đỉnh cao sự trưởng thành và lớn mạnh của nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai dưới sự lãnh đạo của Đảng, từ những ngày đầu kháng chiến, trải qua rất nhiều thử thách, giành những chiến công vang dội, góp phần cùng cả nước giáng đòn quyết định vào việc đánh bại âm mưu xâm lược và chia cắt lâu dài đất nước ta của Mỹ ngụy ở miền Nam, đánh bại hoàn toàn ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ. Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, Biên Hòa - Đồng Nai là chiến trường nóng bỏng. Sau 21 ngày đêm quyết chiến, quân cách mạng đã mở tung cánh cửa thép Xuân Lộc ngày 21/4 để đại quân tiến vào giải phóng Sài Gòn, kết thúc chiến tranh. Ngày 30/4/1975 lịch sử, lá cờ Tổ quốc được nữ đồng chí Trương Thị Sáu treo cao ở Tòa hành chính ngụy ở thị xã Biên Hòa. Từ đây, nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai cùng cả nước sống trong hòa bình, độc lập dân tộc, thống nhất đất nước, thỏa lòng mong ước của Bác Hồ.





**CÂU 2:** Hãy cho biết và nêu cảm nhận về những tập quán, tín ngưỡng dân gian của người dân Biên Hòa - Đồng Nai; từ đó giới thiệu một hoạt động tập quán, tín ngưỡng dân gian gắn với cộng đồng xã hội mà anh (chị) từng biết hoặc tham gia? Để phát huy và bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc trong giai đoạn hiện nay anh (chị) sẽ làm gì?

## **A- VỀ NHỮNG TẬP QUÁN, TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN CỦA NGƯỜI DÂN BIÊN HÒA - ĐỒNG NAI.**

Sự tồn tại mang tính lịch sử và vai trò, ý nghĩa của những tập quán, tín ngưỡng dân gian trong đời sống xã hội là *“Niềm tin và khát vọng bình an của con người gửi gắm vào các biểu tượng nằm ngoài con người”*. *“Biểu tượng”* có thể thay đổi tùy thuộc vào trình độ phát triển của xã hội, nhưng lòng tin và khát vọng thì luôn luôn sống cùng con người, nó tham gia vào việc hình thành các chuẩn mực, nhân cách và quy định các ứng xử xã hội. GS.TS Tô Ngọc Thanh nói niềm tin mang tín ngưỡng dân gian có tính hợp lý của nó, ở chỗ *“nó chứng minh cho sự tồn tại của một đời sống tâm linh như là một cứu cánh, một chỗ dựa tinh thần, một hạt nhân cố kết xã hội của cha ông”*. Bởi vậy, tập quán, tín ngưỡng dân gian là hiện tượng xã hội không thể giải thích chỉ bằng công thức khoa học và kiểu tư duy duy lý, mà còn phải bằng sự trải nghiệm thực tế và sự cộng cảm của trái tim nhân văn. Với tỷ lệ chiếm trên 90%, nói đến tập quán, tín ngưỡng dân gian của người dân Biên Hòa - Đồng Nai thì cũng có thể nói đến tập quán, tín ngưỡng của cư dân Việt trên địa bàn. Tuy nhiên, nó vẫn chịu ảnh hưởng các yếu tố tập quán, tín ngưỡng của những dân tộc khác như người Hoa, các dân tộc bản địa Mạ, Stiêng, Châu ro, K’ho, Chăm vì thế, những tập quán, tín ngưỡng dân gian của người dân Biên Hòa - Đồng Nai mang tính hỗn dung, đa hệ trong cơ cấu cũng như trong cách thể hiện.

### **1. LỄ THỨC VÀ TẬP QUÁN TRONG MỘT VÒNG ĐỜI NGƯỜI**

#### **1.1- Việc sinh, dưỡng**

Vòng đời người được tính từ khi *“đậu thai”* trong bụng mẹ cho đến khi *“mãn tang”*. Bắt đầu là chuyện *“dưỡng thai”*. Khi có biểu hiện *“đậu thai”*, người phụ nữ có mang phải kiêng giữ, tập trung ở các mặt ăn uống, cử động và giao tiếp. Về ăn uống, phải kiêng cử như không ăn cua để tránh đẻ ngang, không ăn tôm để tránh đẻ con lưng còng, ăn cá không được trở xương để bào thai khỏi động, không ăn sò, ốc, hến để con không dãi nhớt, không ăn trái cây sinh đôi để tránh đẻ song thai, không ăn chuối già để kiêng kỵ chuyện tục tằn, không ăn những thứ dị hình dị dạng để con khỏi khuyết tật, tránh ăn nhiều gia vị để con cái hiền lành; một số người còn kiêng ăn trầu cau và những loại trái *“gai góc”* (như sầu riêng, chôm chôm) để việc sinh nở được *“trơn tru”*.



Phụ nữ mang thai (ảnh nghệ thuật)





Ngược lại, người phụ nữ có mang được động viên ăn nhiều muối để con cái có tình cảm mặn mà, ăn nhiều trứng để “*mẹ tròn con vuông*”. Việc cử động cũng nhiều điều kiêng giữ: không được chửi mắng hoặc cười nói lớn tiếng, không được đến những nơi thờ cúng, không được bước qua mương hoặc nhảy qua hào, không được chui qua sào (dây) phơi quần áo; không được ngủ trưa quá buổi, không được đứng lâu ở ngã ba đường hoặc bến, ngã ba sông; không được dắt hoặc đuổi theo trâu, đi xuống ghe không được chèo hoặc ngồi mũi. Họ luôn làm việc chân tay nhẹ nhàng để sinh nở được dễ dàng. Việc giao tiếp thường phải kiêng gặp người nóng nảy, nặng vía, tính khí lì lợm hoặc đã có nhiều lần sinh nở không thành.

Việc “*đưỡng thai*” được xem trọng, việc sinh nở còn quan trọng hơn. Giai đoạn “*đưỡng thai*” gắn với mẹ ruột, mẹ chồng, việc sinh nở gắn với vai trò của các “*mụ vườn*”. Mỗi làng thường có một bà mụ lo việc sinh đẻ cho cộng đồng; mụ thường tự tích lũy và được học tập kinh nghiệm ở các mụ tiền bối, biết đỡ đẻ, làm thuốc và cúng bái. Sinh con đầu lòng thường ở nhà mẹ ruột, lần sinh thứ hai mới ở nhà chồng “*con so nhà mẹ, con rạ nhà chồng*”. Khoảng một tháng trước khi sinh, bà mụ tiến hành lễ đầu tiên, gọi là lễ đơm lể, bà mụ khẩn có vắn, có điệu “*Mười hai mụ Bà mười ba Đức Thầy*” phù hộ độ trì cho mẹ tròn con vuông. Theo dân gian, mười hai Bà Mụ được Trời giao nhiệm vụ chọn đất tinh túy nặn thành con người nên mười hai Bà Mụ ứng với con số 12 tháng trong năm trở thành người mẹ sanh trong niềm tin của người dân Biên Hòa - Đồng Nai. Đúng hơn là “*mười hai Mụ Bà và Ba Đức Thầy*”. Ba Đức Thầy là Tiên sư, Tổ sư và Thánh sư, cùng lo việc “*giáo*”, còn Mười hai Mụ Bà lo việc “*sinh*”.

Khi sản phụ lâm bồn, chỉ bà mụ và người trợ giúp (mẹ ruột hoặc chị em ruột) ở lại với sản phụ. Huỳnh Tịnh Của giải thích: “*lâm bồn là đẻ*”. Người địa phương giải thích theo cách của người Hoa, sản phụ sinh con vào một cái chậu (bồn) bằng sành hay gỗ nên gọi là lâm bồn. Cách gọi khác là vượt cạn. “*Rún*” được cắt bằng miếng sành hay miếng tre nửa sắc cạnh. Nhau đứa trẻ được cẩn thận cho vào hũ sành hoặc nôi đất đập nắp kỹ, kín đáo chôn kỹ trong vườn nhà, với ý nghĩa gắn con người với mảnh đất quê hương “*chôn nhau cắt rún*” của mình. Khoảng ba ngày sau khi sanh, bà mụ tiến hành lễ móc miếng với mục đích “*gọi ra*” làm sạch nước ối còn trong miệng đứa trẻ, bày hương hoa và khẩn gọi Mụ Bà, Đức Thầy như ở lễ đơm lể, nhưng lần này cúng trong chỗ “*nằm lửa*” của sản phụ.

Thời gian “*nằm lửa*” của phụ nữ trong buồng kín gọi là ở cữ, thường kéo dài suốt một tháng, có thể lâu hơn nếu người mẹ và đứa bé chưa đủ khỏe. Theo Trịnh Hoài Đức, tục xưa “*sản phụ nằm trên giường, bên dưới để lửa than đỏ ngày đêm không dứt, lại lấy nôi lửa để chận hơi trên bụng mỗi ngày 1,2 lần, ăn những vật cay mặn khô táo, uống nước thì tùy theo hương tục, gia tục hoặc quen dùng thuốc Nam lấy rễ cây vằm nhỏ nấu nước uống thường. Khi đầy tháng ra ngoài thì dùng củ nghệ thoa đầy mình để ngăn gió...*”





Dấu hiệu của nhà có người ở cũ là đoạn củi đã tắt lửa trước cửa nhà, gọi là *vỏ lửa*. Vỏ lửa đầu đã cháy quay vào là sinh con trai, quay ra là sinh con gái. Theo Trịnh Hoài Đức, nhằm “...*để làm dấu hiệu ngăn đón những người có vía không tốt như bị sấm nạn không nuôi con được, bịnh huyết vừng (xây xẩm), bịnh nhì chằm (tục gọi là máu nhà con) và có hung tán v.v... đều không cho vào...*” Ngày đầy tháng được xem là ngày đầy cũ, không tính cũ theo vía “*nam bảy nữ chín*” như ở Bắc bộ mà tính sứt ngày sinh “*gái sứt hai, trai sứt một*”.

Trong lễ đầy tháng, ông bà, người thân đến mừng cháu bằng quà tặng, lời chúc tốt đẹp hoặc thơ mừng. Tên khai sinh của đứa bé được chọn chính thức trong dịp này. Việc đặt tên cũng được chọn lọc, kiêng húy thánh thần, ông bà, người lớn tuổi như nhiều nơi khác. Quan trọng nhất của ngày đầy tháng là lễ cúng mụ nhằm tạ ơn Mụ Bà đã “*nặn ra đứa bé, mẹ tròn con vuông*”. Lễ cúng mụ gồm nhang, đèn, hoa, trái cây, chè xôi, bộ đồ mã (gồm áo, quần, khăn, hài bằng giấy; bánh gói, miếng trà tằm sắn), mỗi vật cúng đều tròn con số 12 ứng với 12 bà mụ; có thêm 3 chén chè, 3 đĩa xôi hoặc bộ ba các món khác dành cho 3 Đức Thầy.



Ngày đứa bé tròn năm, có lễ thôi nôi, Trịnh Hoài Đức gọi là lễ tởi bàn, lễ tởi tôi. Lễ thôi nôi đơn giản hơn lễ đầy tháng, cũng khấn vái ông bà, cúng mụ bằng chè xôi. Nhà khá giả có thể có tiệc mừng con trai hoặc mừng con đầu lòng. Khác với lễ đầy tháng, lễ thôi nôi có trò thử nghề, nói theo người Hoa là thí nghệ, tức bày ra các vật dụng: gương, lược, kim, chỉ, đũa, muỗng... (nếu là con gái); bút, giấy, đàn, cờ... (nếu là con trai) cho trẻ tự chọn. Người ta tin rằng, món nào đứa bé chạm đến đầu tiên sẽ ứng với nghề nghiệp thích hợp sau này. Bởi vậy, những món bày ra cho bé thường tránh dao, búa, gươm, giáo để không vướng vào nghiệp binh đao.

Sau ngày thôi nôi, việc nuôi dưỡng đứa bé dễ hơn nhưng vẫn phải thường giữ những việc kiêng kỵ và cầu cúng theo thông lệ. Ngày xưa, nhiều gia đình giữ lệ cúng mụ 3 tháng một lần cho đến khi đứa bé tròn một con giáp (12 tuổi). Trẻ từ đầy tháng đến 12 tuổi vẫn còn trong vòng bảo trợ của Mụ Bà, Đức Thầy. Ra khỏi nhà phải quét lọ trên trán trẻ để Thổ Công khỏi nhâm, không được gọi tên thật của trẻ và kiêng đặt tên đẹp vì sợ ma quỷ biết mà chọc phá; trưa đúng Ngọ không được ra nắng, không giỡn nắng; nếu trẻ khóc đêm (gọi là dạ đề) phải lấy một chiếc cọc chuồng heo hoặc chuồng gà để dưới gầm giường, cho trẻ đeo vòng bằng cây dâu tằm để ngừa ma quỷ, có khi còn thỉnh bùa ở các thầy phù thủy hoặc các đình ông đeo cho trẻ (gọi là đeo niệc) để tránh ma tà. Những gia đình sùng tín còn đi gieo quẻ, xin lá số tử vi cho trẻ và hàng năm cúng sao vào ngày ứng với sao hộ mạng của đứa bé theo số tử vi bằng một lễ cúng đơn giản chủ yếu là nhang, đèn, vàng mã.





Gặp trẻ ốm yếu khó nuôi, người xưa có tục “gởi nuôi” hoặc “đem bỏ” bằng cách hẹn ngầm với người thân vào ngày giờ nhất định, người mẹ ẵm con đến “gởi” hoặc “bỏ” một nơi nào đó, người thân đến “nhận” hoặc “lượm” về nuôi. Thay đổi bảo mẫu như thế, người ta tin rằng đứa trẻ sẽ dễ nuôi hơn. Trường hợp đứa trẻ đột ngột té ngã hay sợ hãi một điều gì đó mà thần sắc thất thường, người ta cho rằng trẻ đã bị “lạc vía” hoặc “cướp vía” mà có lẽ hú vía bằng cách đem nhang đèn, một đĩa gạo muối, một trứng vịt xẻ làm 3 cúng ở đầu đường hoặc ngã ba đường khấn Thổ Công, cô hồn nhờ gọi vía về. Khi được lưỡi tầm sét của thiên lôi đánh quí cắm vào đất (thật ra, đó là những rìu đá dễ tìm thấy ở nhiều nơi trên đất Đồng Nai), người ta thường mài vào mảnh ghè bẻ cho trẻ con uống để ma quí phải tránh. Nếu cướp được lưỡi ông tiêu ở các lễ cúng chợ, cúng cô hồn, đem lưỡi ấy bọc vải đeo cổ cho trẻ hoặc lót trong gối ngủ, đứa trẻ sẽ gặp điều tốt lành.

Đến mười hai tuổi, gia đình mừng vui cúng lễ “tròn con giáp” bằng gà, vịt hay đầu heo khấn vái tạ ơn ông bà, Thổ Công, Thổ Địa, mười hai Mụ Bà và ba Đức Thầy đã phù hộ, độ trì cho đứa bé thật sự trở thành người. Từ đây, đứa trẻ mới được xem là “còn”, là thành viên chính thức của gia đình. Do tri thức khoa học phát triển, hiện nay những điều kiêng giữ và những lễ cầu cúng trong việc sinh dưỡng trẻ ngày càng thu gọn theo hướng lược bỏ những điều lạc hậu, nặng về mê tín.

## 1.2- Việc hôn nhân

Quan niệm về hôn nhân không khe khắt, chỉ những nhà gia thế mới tính chuyện môn đăng hộ đối, còn lại số đông trong dân đã vốn ít phân biệt giàu - nghèo, chủ - tớ, sang - hèn, chuyện hôn nhân thường chọn lựa theo tiêu chuẩn “vừa đôi phải lứa”, không cùng trục hệ và “được tuổi”. Trường hợp chênh lệch tuổi giữa trai gái, người ta dễ dàng chấp nhận sự lệch chuẩn “**Gái hơn hai, trai hơn một**”. Việc tìm hiểu giữa trai gái cũng được tự do, phóng khoáng; ít có chuyện ràng buộc phải tìm hiểu người cùng làng. Làng Việt ở Đồng Nai có cơ cấu mở, thường gồm nhiều họ, đa nguồn gốc, nhiều người làng khác đến phụ canh. Thanh niên nam nữ được dịp giao tiếp rộng cho nên việc tìm hiểu cũng trong mối quan hệ rộng và trong vòng kiểm soát nói lỏng của gia đình.



Một đám cưới xưa ở nông thôn

Trai gái tìm hiểu khi thuận lòng nhau, về thưa với ba má để gia đình nhà trai “bước tới”. Ngày xưa, người Đồng Nai theo tập tục Trung Hoa, thực hiện đủ sáu lễ: nạp thái, vấn danh, nạp kiết, nạp tỳ, thỉnh kỳ, thân nghinh. Theo thời gian, các lễ thức cưới xin phức tạp giảm dần. Theo Lương Văn Lựu, một đám cưới bình thường của cư dân Việt thường được chú trọng các lễ: lễ hỏi, lễ biếu (xêu), lễ xuất giá (cô gái khấn cáo ông bà, cha mẹ sáng mai về nhà chồng), lễ rước dâu, lễ lại mặt. Gần đây, lễ thức còn đơn giản hơn, chủ yếu là lễ hỏi và lễ cưới. Có nơi thêm lễ thăm nhà, còn gọi là lễ chạm ngõ trước lễ hỏi. Trước ngày cưới 8 ngày, có nơi còn





làm lễ khai bát nhật (lập hôn ước, khai tên tuổi, sức khỏe của trai gái), xuất hiện từ khi thực dân Pháp cầm quyền.

Trong lễ hỏi, nhà trai chọn ngày lành tháng tốt, cậy mai dong đến nhà gái để đặt vấn đề xin cưới. Mai dong là người cao tuổi (ông mai, bà mai) có uy tín, có duyên ăn nói trong họ, trong làng. Lễ vật ăn hỏi đơn giản nhất gồm: một đôi đèn, một cặp trà, một cặp rượu, hai quả bánh, một đôi bông tai. Tục xưa, nhất thiết phải có một búp sen to bằng giấy, hai người khiêng. Búp sen treo ở gian chính để chứng tỏ nhà đang có con gái đã đính hôn. Trường hợp hỏi hôn, đàng gái sẽ nêu lý do, trả của (lễ vật) cho đàng trai, nhất thiết là trả cho được búp sen ấy. Việc trả của sau lễ hỏi khi hôn nhân không thành, có nơi giữ tục của Trung bộ, nếu nguyên nhân từ phía đàng trai, lễ vật coi như mất, nếu nguyên nhân từ phía đàng gái, của một phải trả hai, cho nên dân gian có câu **“Trai chê vợ của đổ xuống sông, gái hỏi chồng của một đèn hai”**. Sau lễ hỏi, trai gái được xem là vợ chồng chưa cưới. Trường hợp có đại tang, việc cưới xin vẫn có thể được tiếp tục nếu đã được tang chủ cho phép xả tang ngay khi sắp cử hành lễ động quan; hoặc sớm hơn thì có thể chuyển ngày cưới trước khi có đại tang gọi là cưới chạy tang.



Lễ cưới được họ hàng, làng xóm cùng chăm lo. Trai lo việc dựng cổng, trang trí bàn ghế; gái lo việc làm bánh, bếp núc. Chăm lo phụ giúp cho lễ cưới là niềm vui và trách nhiệm của cộng đồng. Đôi vợ chồng mới cưới cảm thấy hãnh diện, ấm cúng và có trách nhiệm với nhau hơn trong cuộc sống. Đàng trai đến nhà gái được tiếp đón bằng tràng pháo giòn giã (ngụ ý vui mừng, xua đuổi xui xẻo nếu có) và đàng gái cử người ra đón tận ngõ; khi vào nhà có người rước dù, rước quả lễ vật. Nhà gái đã bố trí sẵn, thành phần chính gồm: ông (bà) mai, cha mẹ, đại diện họ hàng được mời vào nơi bàn chính đối diện với bàn thờ tổ tiên. Đàng trai được ngồi vào vị trí, dấu hiệu là chiếc bình bông trên bàn thờ. Bình bông thường đặt theo hướng “*đông bình, tây quả*”. Đông theo cách của thợ mộc là hướng của cây đòn dông trên nóc nhà, tức bên trái, hay nói cách khác “*Nam tả nữ hữu*”, đàng trai ngồi phía bên trái, đàng gái ngồi phía bên phải. Lễ vật bày ra, ông (bà) mai tuyên bố lý do, nêu lễ vật. Lời nói khéo léo thường dẫn dắt lễ vật đi liền với ý nghĩa luân lý, mỹ tục. Nhà gái nhận lễ (có lại quả như ở lễ hỏi). Chủ gia thấp ba cây nhang khẩn vái ông bà báo việc hôm nay gả con gái lấy chồng. Cô dâu được mời ra trong trang phục cổ truyền có dâu phụ đi kèm. Lễ lên đèn được thực hiện trang trọng; ông (hoặc bà) mai cầm đôi đèn từ lễ vật của nhà trai đốt cho cháy cùng một lúc, khẩn vái:



Đám cưới người Việt ở miền Nam





*Thần đăng chứng giám / Thọ lưỡng tánh nhứt gia*

*Ông tu la, bà tu tiên / Ông tu hiền, bà tu đức*

*Ông giúp sức, bà giúp công / Ông Tư hồng, bà Nguyệt lão*

*Xe dâu cầm sắt, kết chặt vợ chồng / Sống bách niên giai lão.*

Rồi, mỗi tay cầm một cây đèn cùng chuyển cho đại diện nhà trai, nhà gái; tay trái chuyển cho nhà trai, tay phải chuyển cho nhà gái. Đèn được trình trọng thay vào chân đèn ở bàn thờ tổ tiên. Hai họ nhìn vào đôi đèn ấy mà đoán định hạnh phúc của cô dâu chú rể: đèn cháy thẳng ngọn, cùng sáng như nhau thì hòa hợp, bình đẳng; ngọn bên nào cháy nhiều hơn thì bên đó sẽ lấn lướt. Bởi vậy, việc chọn đèn, lên đèn trong đám cưới được thực hiện rất cẩn trọng. Đến khi đoàn đưa dâu ra khỏi nhà, ông mai luôn là người đi ra sau cùng để tự tay tắt đôi đèn bằng cách bóp bằng hai ngón tay hoặc chụp tắt bằng hai đồng xu sao cho sự tắt cũng cùng lúc như sự cháy. Đoàn người rước dâu gồm đại diện họ hàng, cơ cấu cũng đi lẻ về chẵn. Người mẹ không đưa dâu, thường cài vào áo cưới của con gái một chiếc kim băng hoặc một cái lông nhím hay móc tai, gọi là để trừ tà, nhưng lời dặn thực là để sử dụng trong lúc bất trắc đêm tân hôn. Về nhà trai, lễ thức cũng khấn vái ông bà, lễ ra mắt họ hàng đơn giản như ở nhà gái. Xong lễ là nhập tiệc, trong tiệc, kiêng việc đổ vỡ nên người địa phương có câu:



*Ai làm chén bẻ cơm rơi / Dĩa nghiêng cá đố rã rời đôi ta.*

Ba ngày sau, cô dâu chú rể mang một mâm trầu rượu, một cặp vịt sống về lại nhà gái cảm ơn ba má và làm lễ lạy ông Táo gọi là phản bái hoặc là lễ lại mặt. Ngày xưa, trong lễ phản bái, chú rể thường mang về nhà vợ một cái đầu heo cúng ông bà, nếu đầu heo đã bị cắt mất tai (một hoặc hai) thì đó là dấu hiệu chú rể muốn bảo rằng: cô dâu không còn trinh trắng trước khi động phòng. Đó cũng là nỗi sĩ nhục của gia đình nhà gái, tục này vắng bóng đã lâu.

### **1.3- Việc tang**

Vì quan niệm “chết” là điều ắt phải đến và cái chết luôn được cộng đồng chăm sóc chu đáo cho nên đa phần cư dân Việt chấp nhận “chết” một cách thanh thản, nhiều khi có sự chuẩn bị trước chu đáo. Chỗ yên nghỉ chọn sẵn, có khi xây mộ trước gọi là kim tỉnh; hòm được đóng gỗ tốt dành sẵn gọi là cỗ sự. Nếu không phải là “bất đắc kỳ tử”, dù đang ở đâu, vì lí do gì, cái chết được mong muốn luôn là cái chết ở quê nhà. Nghi thức tang lễ đối với người Đồng Nai rất quan trọng. Trước kia tại Cù lao Phố (xã Hiệp Hòa) khi gia đình có người mất thì con cháu phải mặc áo rách, đội nón rách, bưng khay trầu rượu đến đình làng xin thỉnh trông. Việc thỉnh





trông này có ý nghĩa báo tử và xin được các bậc cha chú, tiền bối ở làng đến giúp đỡ, hướng dẫn việc tống táng. Người Đồng Nai tổ chức tang lễ theo 2 cách. Thứ nhất, theo nghi thức truyền thống là có học trò lễ, xướng các nghi thức tuần tự; cách thứ hai là theo nghi thức Phật giáo, mỗi tang ma đều có nhà sư đảm trách các thủ tục lễ nghi. Nhưng dù theo nghi thức nào thì vẫn tuân thủ theo các lễ nghi, từ nhập mạch, thành phục, phát tang, triêu điện, tịch điện. Nhiều gia đình muốn hồn người thân được siêu thăng còn thỉnh các vị chân tu về tụng kinh siêu độ.

Theo tục lệ cũ ở Đồng Nai, khi gia đình có người thân qua đời thì trước tiên lấy một cái chiếu trải xuống đất, đưa người chết nằm xuống chiếu một lát rồi đưa trở lên giường. Tục lệ này hàm ý hy vọng rằng sinh khí ở dưới đất có thể làm hồi sinh, tuy nhiên theo quan niệm của người xưa, chết là về với đất **“Nhân sinh ư thổ, diệt hoàn ư thổ”**, cũng có ý nghĩa giải thích là để lấy đủ khí âm dương cho người chết. Khi việc **“hú vía”** không còn hi vọng, thì tắm rửa cho xác chết gọi là **“mộc dục”**. Sau đó, người chết được đặt trong buồng hoặc nhà dưới, bỏ vào miệng ba hạt gạo (có nơi bỏ thêm một đồng tiền xu) gọi là **“phan hàm”**, rồi đắp mặt, đốt nhang trên đầu nằm. Người chết được đậy mặt bằng tờ giấy trắng, hàm ý để khỏi nhìn thấy con cháu buồn khổ, cũng có ý kiến giải thích là con cháu không nhìn thấy mặt người đã khuất để đỡ đau lòng hơn. Trường hợp chết bệnh, thường đặt trên bụng một nải chuối sứ gọi là để hút tà khí.



Khi báo tang xong, gia chủ nhờ người coi tuổi, coi ngày giờ để phân xếp việc tang lễ. Giờ tắm liệm được chọn là giờ tốt, có tính đến thời gian hội đủ mặt người thân thích. Trước khi chưa tắm liệm, chó, mèo trong nhà được nhốt lại, có người luôn canh xác để không con vật gì có thể vượt ngang qua. Tục này gắn với hàng loạt chuyện quỷ nhập tràng lưu truyền ở địa phương. Những gương kiếng, tranh tượng Phật trong nhà phải che (dán) lại bằng vải (giấy) đỏ có dấu vôi trắng, nhiều nơi còn quay mặt tượng Phật về bên phải. Giờ tắm liệm, hội đủ mặt những người thân không kị tuổi. Xác được liệm bằng vải trắng dài 3 mét bó theo cách một dọc năm ngang (đại liệm) hoặc ba ngang (tiểu liệm). Hòm được chọn theo hạng nhất, nhì, ba tùy theo chất lượng gỗ. Tốt nhất là chiếc hòm bằng gỗ trai rất nặng hoặc gỗ hương thơm lừng. Nắp hòm bằng một nửa thân cây đặc ruột mặt hình bán nguyệt vừa khít với thân hòm bằng ba mảnh ván. Như thế hài hòa với sự vuông tròn của trời đất.

Linh cữu tùy theo người mất mà đặt ngay chính giữa nhà hoặc lệch sang bên trái. Theo quan niệm của người Đồng Nai, trường hợp trong nhà có người cao niên hơn người chết thì quan tài sẽ được đặt sang gian bên trái, hoặc lệch sang trái để tỏ ý khiêm nhường, tránh đặt ngay giữa nhà. Tục đặt quan tài đầu quay ra ngoài có ý nghĩa là luôn nhớ về nhà, khác với người Hoa quay đầu vào trong để **“một đi không**





trở lại”. Người tới phúng điếu sẽ làm lễ lạy ở phía đầu chứ không phải lễ lạy phía chân, trừ những người ngang hàng bậc cha chú. Người xưa quan niệm rằng chết rồi thì thành thần (tử giả vi thần). Trong lúc đưa đám, khiêng quan tài cũng theo cách đầu đi trước. Do tục lệ này, trong nhà lệ thường người sống bao giờ ngủ cũng nằm đầu ở phía trong, chân ra ngoài, người ta rất kiêng kỵ không bao giờ ngủ chân trở vào phía trong như là đặt thây người chết.

Lễ thành phục được xem là lễ chính thức của việc tang. Tang chủ thường thỉnh thầy chùa hành lễ, trước năm 1945 còn có thầy pháp cũng tham gia cúng lễ tang. Trong lễ thành phục, người thân quì trước quan tài nghe thầy cúng đọc kinh và phát khăn tang. Theo Lương Văn Lựu, việc để tang rất khuôn phép, đồ tang may sẵn bằng vải trắng, không nhất thiết phải xô gai như trước kia, nhưng phải phù hợp với đối tượng. Con trưởng nam mặc áo trăm thoi may lộn mí ra ngoài, lưng áo có miếng vải thêm gọi là phụ phiến với ý nghĩa cũng thêm sự đau xót, lưng thắt 2 vòng dây rơm hoặc dây chuối, mũ vành bằng bẹ chuối, đi dép rơm. Những người con khác mặc áo vải trắng rộng có thịch vai (hai miếng vải dính ở hai vai), bịt khăn trắng bỏ mỗi ra sau



Tang phục con gái mũ nhọn bằng vải thô

ót, con gái thì mũ nhọn bằng vải thô thông xuống che mặt. Con rể và các cháu trai mặc áo trắng, đội mũ mấn; những người thân khác quần khăn trắng. Nếu người mẹ chết trước thì đồ tang mẹ được may vén lại hết thảy. Gậy tang có độ dài đến ngang tim nhằm nâng đỡ trái tim đau, đầu trên để tròn, đầu chạm đất gọt vuông cho ứng với trời tròn, đất vuông. Gậy tang cha bằng tre mang ý nghĩa cương trực, gậy tang mẹ bằng gỗ vòng để

khắc sâu ân đức.

Sau lễ thành phục là lễ phúng điếu của họ hàng, xóm làng. Sui gia phúng viếng với cung cách và lễ vật long trọng: khăn đóng, áo dài, mâm trầu rượu, trái cây, cặp đèn trắng, ba cây nhang đại, thường có thêm 1 bức trướng. Các tổ chức hội làng cũng cử đại diện đến viếng. Theo cách xưa, nam lạy kiểu “hung phục”; nữ lạy kiểu ngò bệt; đủ lễ là 4 lạy, giữa hai lạy có xá hai xá và cuối cùng xá ba xá. Người nhà lạy trả hai lạy sau. Khi tiến hành lễ phúng viếng ở nhà, thanh niên trong làng đã chuẩn bị đào huyết hoặc sữa kim tinh; đại diện tang chủ cúng Thổ Địa bằng một đĩa tam sên: trứng, cua, thịt luộc với rượu trắng và nhang đèn. Thông thường, nơi yên nghỉ đã được chọn trước trong vườn nhà để quần tụ với ông bà, người nghèo thì có thể táng ở thổ mộ (công thổ) hoặc đất chùa.



Tang phục của các con trai





Đến ngày giờ tốt đã định, bắt đầu lễ động quan. Việc động quan do đạo tì đảm nhiệm. Đạo tì gồm những thanh niên, trai tráng trong làng mặc đồng phục thao tác theo lệnh của người chỉ huy (nhun quan). Trong làng Việt xưa cũng như nay, thường có tổ chức lo việc tang của cộng đồng trên nguyên tắc tự nguyện, làm việc nghĩa, tùy theo đáp ơn hảo tâm của tang gia. Làng Bến Gỗ còn giữ được tập tục xưa, người ta tham gia vào hội chơi hội, có đóng góp tự nguyện. Hội tang có trách nhiệm giúp đỡ tang gia những khâu khó khăn: tắm liệm, tổ chức tiếp khách, đào huyệt và quan trọng nhất là đạo tì tham gia an táng. Hình thức này được cải biến thành hội bảo thọ ngày nay ở nông thôn. Nếu người chết thuộc diện ông - bà, cha - mẹ, chồng - vợ của người có tham gia hội đình, miếu thì các hội đình, miếu đưa trống đến cử lễ và bộ lão hội ấy thực hiện nghi thức Bái quan hầu khi động quan. Số lượng trống chiêng của đình miếu và lượt bái quan hầu cử lễ tùy theo số hội mà người chết có thân nhân tham gia, càng nhiều càng danh dự cho gia đình.



Khiêng quan tài động quan là một nghệ thuật. Gia chủ thường để trên quan tài một ly rượu đầy đặt trên tờ giấy bạc với dụng ý là khiêng cho thăng bằng sẽ được thưởng. Thủ thuật của những nhun quan có kinh nghiệm là: lót dưới ly rượu một tờ giấy vàng bạc để thấm rượu tràn ly hoặc nhanh tay nhỏ vào ly rượu một giọt sáp đèn cầy. Gặp những quan tài bằng gỗ trai quá nặng, đặt sát nền gạch thử thách đạo tì; đạo tì khéo léo chêm vào đáy quan tài những đồng bạc trắng, khoảng ba đồng bạc trắng chòng lên là đủ lòn ngón tay nhắc được quan tài. Quan tài vừa chuyển động, người nhà đập tan siêu hoặc niêu đất cho tiếng kêu to để đánh thức và xua ma quỷ. Thay vì đập siêu, niêu, người Hoa đốt pháo. Đúng theo lối xưa, trước khi vào khiêng



quan tài, nhun quan cầm đuốc múa lửa ngoài sân, đạo tì ngâm tẩm múa theo. Người xưa giải thích tục này nhằm diễn lại tích Chàng Lía hiếu thảo (nhân vật cổ tích ở Bình Định) về cướp quan tài mẹ đưa lên núi chôn để báo hiếu. Tại một số nơi hiện còn tục cướp quan tài gắn với hò đưa linh và tục nằm đường trả hiếu.

Đám tang giàu có theo lối xưa, còn có tục đánh động phá quàng diễn tích thầy trò Tam Tạng mở đường đi thỉnh kinh ở chùa, cầu siêu hoặc mở đường đưa vong hồn người chết về Tây phương cực lạc. Để làm tang lễ, ngoài những nghi thức, thủ tục, trong tang lễ bao giờ cũng có âm nhạc. Người Việt có thành ngữ **“Sống dầu đèn, chết kèn trống”**. Nhạc lễ được dùng trong đám ma rất quan trọng và cần thiết vì chính nhạc





đã góp phần điều khiển lễ nghi. Khi kèn trống nổi lên trong lúc tế lễ cùng với nhạc lễ thổi các bài buồn (Xuân nữ, Nam ai) như thay lời người sống tiếc thương và tiễn đưa người đã khuất về cõi vĩnh hằng. Đồng thời, nhạc lễ cũng điều hòa mọi động tác của tang chủ và cả chấp sự. Ngoài ra, còn hát tuồng lúc hạ huyết với số người hạn chế từ 5 đến 7 người.

Lễ mở cửa mả được thực hiện trong buổi sáng ngày thứ ba tính từ ngày an táng. Tang gia mặc tang phục, mang lễ vật đến bày cúng nơi mộ, mời thầy cúng hành lễ. Lễ vật gồm: 3 ống tre đựng gạo, nước, muối bịt đầu bằng vải trắng cắm trước mộ, đó là thức ăn, món uống của người chết. Một cái thang bằng tàu chuối (nam 7 nấc, nữ 9 nấc) đặt trước mộ để vong linh người chết leo lên “cõi trời”. Một con gà con được cột chân vào ngọn cây mía. Khi hành lễ, thầy cúng cầm mõ vừa đi vừa tụng kinh, một người trong nhà cầm cây mía kéo con gà đi theo thầy cúng ba vòng. Về chuyện con gà và cây mía, chưa tìm được lời giải thích thỏa đáng; theo Trịnh Hoài Đức, tục cúng tổ tiên cây mía có đủ cả gốc ngọn là để làm gậy chống đi khi già yếu.



Nếu gia đình sùng đạo Phật, sau lễ mở cửa mả là các lễ cúng thất, còn gọi là làm tuần, mỗi thất cách nhau 7 ngày, cúng tại nhà hoặc tại chùa. Đến thất thứ 7 (chung thất), có thể mở đàn chay theo lễ thức của Phật giáo. Những nhà khá giả còn lập đàn chay ứng phú, một loại nghi lễ của Phật giáo múa hát dâng lễ rất nghệ thuật. Sau lễ chung thất, gia chủ vẫn phải cúng cơm ngày hai bữa cho đến lễ 100 ngày, gọi là lễ đại tường; đúng một năm sau cúng giỗ đầu gọi là tiểu tường; lần giỗ thứ hai gọi là đại tường, còn gọi là lễ xả tang, đồ tang được đem đốt, có khi còn đốt với đồ mã. Sau lễ đại tường, coi như là xong việc tang, từ đó người nhà cúng giỗ hàng năm. Tại Biên Hà - Đồng Nai xưa, không có tục cải táng. Gần đây, do đất đai hạn hẹp, nhiều biến động; lại do điều kiện làm ăn xa, nhiều người bốc mộ, hỏa táng, cho di cốt vào hủ sành đầy nắp kín gởi ở chùa với ý nghĩ rằng vong linh người chết sẽ nương cửa Phật, được ổn định, được nhang khói ngày đêm.

Trong vòng đời người, cũng còn có những tập quán khác: lễ thọ đối với người cao tuổi, lễ khao đối với người hiển vinh... Những sinh hoạt như trên thường theo thông lệ chung.

## 2. TỤC THỜ CÚNG TRONG NHÀ

### 2.1- Thờ cúng ông bà

Căn nhà dù nhỏ vẫn dành nơi trang trọng nhất, gian chính để thờ ông bà. Theo Lương Văn Lựu, trước đây người địa phương thờ 3,4 đời; đến đời thứ 5 trở lên nếu có thân chủ phải đem chôn gọi là “*Ngũ đại mai thân chủ*” (năm đời thì chôn thân chủ). Ông bà từ đời thứ 4 trở lên được thờ chung, phối hưởng ở bàn thờ chính trong





nhà hoặc bàn thờ họ ở nhà từ đường. Ở Biên Hòa - Đổng Nai, từ sau Cách mạng tháng Tám 1945, ít thấy có nhà thờ họ riêng biệt; phổ biến là bàn thờ họ trong nhà từ đường do con trai lớn hoặc con trai út dòng trưởng đảm nhiệm, nếu không con trai thì con gái thực hiện. Những nhà không phải là từ đường cũng thường có bàn thờ ông bà (thờ vọng) ở giữa gian chính. Bàn thờ cha mẹ bên trái, thờ ông bà nội (ngoại) bên phải. Những người khuất mặt khác như anh, chị, em, con được thờ một góc trong nhà. Người mới chết (dù là cha mẹ, ông bà) được thờ riêng cho đến khi xả tang mới được thỉnh lư hương, di ảnh vào bàn thờ chung.



Bàn thờ gia tiên ngày tết

Cách bày trí bàn thờ không khác mấy so với phong tục phổ biến, ngày càng có phần đơn giản hơn nhưng không kém vẻ trang nghiêm. Bàn thờ họ thường có hai lớp: lớp trong là bàn gỗ để bày đồ cúng, lớp ngoài là tủ thờ để bày đồ thờ gồm một cặp chân đèn tượng trưng cho nhật nguyệt quang minh; bát nhang, khay trầu rượu tượng trưng cho sự vuông tròn của trời đất. Lư hương tròn như là thái cực; “bình

bông” ở bên trái và “chò quả tử” ở bên phải (đồng bình tây quả), một giá gương ghi họ hoặc một chữ nho biểu niệm như: Phước, Thọ, Khang, Đức. Những nhà khá giả bày đồ thờ bằng đồng theo bộ tam sự 3 món (chân đèn, lư hương, bình bông), ngũ sự 5 món (gồm tam sự có thêm cặp hạc - rùa và hộp trầu), thất sự bảy món (gồm ngũ sự có thêm hai món khác). Tủ thờ, vật thờ bằng gỗ, thường được chạm cẩn xà cừ tinh xảo, đồ đồng luôn giữ bóng, đồ gốm sứ càng cổ càng quý. Thờ ông bà không chỉ ở bàn thờ mà còn thể hiện ở việc bài trí hoành phi, liễn đối trong nhà. Nhà khá giả xưa thường có hoành phi treo cao ở giữa nhà với các đại tự (chữ nho) ý nghĩa thâm thúy, trong đó kết tinh tinh thần, ý chí, truyền thống của ông bà để lại được con cháu trân trọng giữ gìn và lấy đó làm nền tảng cho sinh hoạt gia đình.

Cúng giỗ gắn với thờ phụng, việc thờ càng trang nghiêm, việc cúng càng trang trọng. Hai hình thức cúng chủ yếu: cúng hàng ngày và cúng giỗ. Hàng ngày, con cháu thay nước cúng, đốt nhang, lên đèn, xá trước bàn thờ ông bà. Mỗi khi đi xa về hoặc chuẩn bị làm việc hệ trọng, người Biên Hòa - Đổng Nai cũng có thói quen đốt nhang khấn cáo ông bà. Việc cúng giỗ khác so với miền Bắc, miền Trung. Lòng thành với cha mẹ, ông bà như nhau, lễ thức cũng giống nhau. Cúng giỗ cha mẹ được chuẩn bị kỹ hơn cúng giỗ ông bà. Giỗ ở nhà từ đường long trọng hơn ở tại gia. Phong tục phổ biến, sau ngày chết: 49 ngày cúng thất, 100 ngày gọi là lễ tốt khốc; đúng một năm sau cúng giỗ đầu gọi là tiểu tường; lần giỗ thứ hai gọi là đại



Mâm cỗ cúng gia tiên ngày tết





tường, còn gọi là lễ xả tang; năm thứ ba trở đi gọi là giỗ thường niên, cúng trước ngày giỗ chính gọi là cúng tiên thường (thường là cúng chay), ngày giỗ chính cúng mặn. Việc thờ đền 3, 4 đời nhưng cúng giỗ có thể cúng đến đời thứ 5, thứ 7 nếu con cháu còn nhớ ngày. Ngoài cúng giỗ ông bà, cha mẹ, gia đình cư dân Việt ở Đồng Nai còn cúng giỗ những người khuất mặt khác như anh, chị, chồng (vợ), cô, dì, chú, bác, ông bà, cha mẹ vợ nếu không có người trực hệ phụng thờ. Có khi cúng giỗ cả người hàng xóm đơn độc hoặc sui gia, ngày giỗ được tính theo âm lịch.



Trong ngày giỗ, nhất là giỗ ông bà nội ngoại, cha mẹ, anh em, con cháu họp mặt, góp công sức chung lo bữa giỗ. Đây là dịp họp gia đình, nhớ về đã người chết và trao đổi việc nhà việc họ. Người trong họ không đến dự được có thể gửi đồ cúng gọi là gửi giỗ. Cũng có thể cúng tại gia cùng lúc với giỗ chính ở từ đường gọi là cúng vọng. Đồ cúng tùy theo phong tục của gia đình, thường đủ các món: kho, xào, nướng, canh, rau, bánh, trái cây, giải khát. Thường chuẩn bị ít nhất là 3 mâm cúng: một mâm cúng bày ở bàn thờ người được cúng, một mâm bày ở bàn giữa nhà cho các vị phối hưởng, một mâm đất đai âm trạch cho những người khuất mặt hữu danh vô vị, hữu vị vô danh. Trong thức cúng, một số gia đình còn giữ tục luôn phải cúng một món gắn với sở thích hoặc đặc điểm của ông bà, gọi là cúng lễ. Có gia đình cúng khoai mì, rau chày, cháo cá ám, ốc luộc... vì các món này vốn được ông bà ưa thích hoặc nhờ nó mà vượt khó khăn. Nhiều khi qua món cúng lễ mà họ hàng nhận ra nhau. Cách dọn mâm, khăn mời, dự tiệc giỗ đều thể hiện không khí chung vui, hòa hợp, bình đẳng, có tính nhân bản mang phong cách cởi mở, phóng khoáng của Nam bộ.

Thờ cúng ông bà trong gia đình là truyền thống đẹp của cư dân Việt được thể hiện thống nhất trong cả nước. Người dân Biên Hòa - Đồng Nai lưu truyền, gìn giữ tục thờ cúng ông bà như gia bảo, có khuynh hướng đơn sơ, giản tiện hơn nhưng vẫn giữ được ý nghĩa của nó là lòng tôn kính, biết ơn, kế thừa công đức tổ tiên; và sự cảm hóa giáo dục con cháu “uống nước nhớ nguồn”, “ăn trái nhớ người trồng cây”. Tục thờ cúng ông bà đã kết dính các lớp người dân Biên Hòa - Đồng Nai với nhau: lớp trước lớp sau, vùng này vùng khác, làng này làng nọ, tôn giáo này tôn giáo kia đều coi việc thờ cúng ông bà là phận sự hiển nhiên.

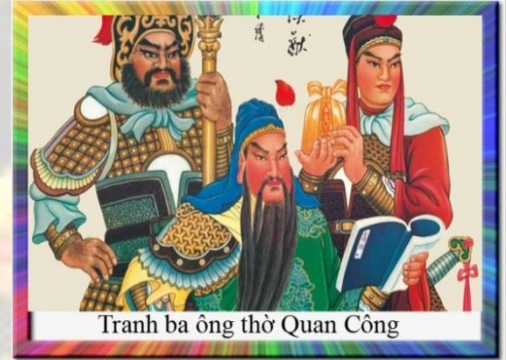
## 2.2- Thờ các vị thần độ mạng

Trong gia đình người dân Biên Hòa - Đồng Nai, ngoài việc thờ cúng ông bà để nhớ nguồn cội, còn thờ thần độ mạng để được phù trợ, che chở. Thần độ mạng cho đàn ông phổ biến là Quan Công. Quan công là tên gọi dân gian của Quan Vân Trường, nhân vật lịch sử đời Tam Quốc, còn được gọi là Quan Thánh Đế quân, Quan Vũ, Xích Đế. Có lẽ tục thờ Quan Công đến Biên Hòa - Đồng Nai theo con





đường nhập cư của lớp người Hoa đến sớm, nó nhanh chóng được Việt hóa và hiện trở thành phổ biến, khó phân định nguồn gốc Hoa, Việt. Những nhà còn thờ theo lối xưa có khám thờ ở phía sau bên trên bàn thờ họ, giữa là Quan Công, bên trái là Định Phúc Táo quân, bên phải là mẫu. Những nhà không có khám thờ thường lập trang thờ Quan Công treo cao bên trái trong gian chính. Tục xưa thường thờ bằng một bức dán giấy đỏ đề chữ nho “Quan Thánh Đế quân”, gần đây, phổ biến loại tranh thờ vẽ trên gương gồm hai loại: tranh ba ông (Quan Công mặc giáp phục ngồi giữa hổ trướng một tay vuốt râu đôi khi vẽ thêm tay phải cầm Kinh Xuân Thu, sau lưng có Quan Bình giữ ấn và Châu Thương cầm thanh long đao đứng hầu); tranh năm ông (như tranh 3 ông, phía sau có thêm Trương Tiên cầm cung và Xương Thiên Quân cầm giản đứng hầu) còn gọi là tranh thờ ngũ công vương Phật.



Vía ông ngày 24 tháng 6 âm lịch, cúng đơn giản bằng nhang, đèn, hoa, trái; có thể cúng mặn hoặc cúng chay, kiêng cúng thịt gà và hoa mồng (mào) gà; cũng kiêng ăn thịt trâu, thịt chó. Tục thờ Quan Công độ mạng không phải là biểu hiện của sự sùng bái cá nhân mà là *“biểu tượng của tinh thần trọng nhân nghĩa, trung tín, hoạn nạn có nhau, bản cùng không biến tâm, giàu sang không đổi chí trong mọi hoàn cảnh vẫn một dạ chẳng hai lòng”*.

Độ mạng cho đàn bà phổ biến là các mẫu còn gọi là mẹ sanh, mẹ độ. Trang thờ Bà thường bằng gỗ như một khám nhỏ treo cao ở bên phải gian chính, có khi Bà được thờ chung cùng Quan Công và Thích Ca hoặc Táo quân trong khám ở sau bàn thờ giữa. Trang thờ Bà được bài trí giản đơn gồm 1 bức tranh tượng (hoặc giấy hồng đơn đề tên Bà), bình bông, nhang, đèn, nước trong. Cúng Bà cũng rất đơn giản: nhang, đèn, nước trong, bánh, trái cây. Bà cũng được mời phôi hương trong các lễ cúng giỗ, nhưng không bày đồ mặn. Bà độ mạng được gọi nôm na là mẹ sanh, mẹ độ; đó là các nữ thần quen thuộc trong tín ngưỡng dân gian của cư dân Việt ở Nam bộ; tùy theo hăng tâm của người phụ nữ mà chọn nữ thần độ mạng cho mình. Các Bà độ mạng được thờ trong gia đình gồm một trong số: Mẹ Thai Sanh, Chúa Ngọc nương nương, Chúa Tiên nương nương; Chúa Xứ nương nương, Linh Sơn Thánh mẫu; Thiên Hậu, Cửu Thiên Huyền Nữ, Địa mẫu, Quan Âm Bồ tát. Do các mẹ sanh mẹ độ đa dạng cho nên ngày cúng, ngày vía cũng không thống nhất, tùy theo từng gia đình, thông thường là các ngày rằm hoặc ngày cuối tháng âm lịch hoặc ngày vía. Tranh tượng thờ Bà cũng vậy, trước đây thường thờ bằng tờ hồng đơn ghi tên Bà, hiện nay đang







phổ biến tranh thờ Bà trong khuôn gỗ lồng kiếng. Tục thờ Bà độ mạng phản ánh tín ngưỡng thờ nữ thần của Nam bộ; trong đó đan xen, tích hợp nhiều lớp văn hóa, có sự dung hợp các nữ thần gốc Hoa, gốc Chăm, Việt trong niềm tin rộng mở của người địa phương.

### 2.3- Thờ cúng các thần bản gia

Thần bản gia được hiểu là các vị thần bảo hộ cho gia đình trong một phạm vi đất đai giới hạn và trách nhiệm khá rõ ràng.

\* **Ông Địa - Thổ Công:** một dạng thần Đất (Thổ Công), thường được thờ ở khám thờ dưới đất phía bên trái bàn thờ chính, vật thờ gồm nhang, đèn, nước và cốt tượng với nét mặt vui tính, bụng phệ, vú to thể hiện sự sung mãn, tính nữ. Đó là biểu tượng của sự thịnh vượng và sinh sản. Theo quan niệm dân gian, Ông Địa là người mau mắn sẵn lòng giúp đỡ mọi người không nề hà việc hèn mọn hay cao cả, không cần phải khẩn vái, cầu xin, chỉ cần một lời nhờ, gọi thông thường là đủ. Bởi vậy, Ông Địa được nhờ giúp cả việc đỡ đê. Các bà mẹ gặp trường hợp đẻ khó thường nói: “*đẻ mau, mau mau Ông Địa*”. Ông Địa giúp cả việc dẫn vía trẻ nhỏ, chứng thực lễ thôi nôi, đầy tháng, tá thổ; mỗi khi cần tìm vật gì người ta thường vái “*ông bà, Ông Địa*”. Ông Địa hòa nhập với mọi giới nông dân, thợ thủ công, thương nhân, được thờ cúng rộng rãi trong nhà, trên ghe xuồng, trong chòi rẫy; một số người công giáo cũng bắt đầu hiện tượng thờ Ông Địa - Thần Tài.



Người dân Biên Hòa - Đồng Nai giữ lệ cúng Ông Địa vào ngày mùng 10 của 5 tháng đầu năm từ tháng giêng đến tháng năm âm lịch. Những ngày này Ông Địa - Thổ Công - Thần Tài được cúng hoa, chuối, chè xôi và các thứ bánh ngọt khác. Người ta kiêng cúng Ông Địa bằng chè hoặc bánh tét có đậu đen vì có chuyện kể rằng có kẻ trộm giống đậu đen đem về trồng quanh miếu Ông Địa, khi bị phát hiện hấn đồ oan cho Ông Địa. Ông Địa bị tội oan, từ đó rất ghét đậu đen. Theo Huỳnh Ngọc Trảng, lệ cúng Ông Địa ngày mùng 10 âm lịch có lẽ xuất phát từ quan niệm cổ truyền “*ngày mùng chín sinh trời, ngày mùng mười sinh đất*”, Ông Địa là thần Đất nên được cúng trong ngày vía đất.

\* **Thần Tài:** thường được thờ chung một khám thờ với Ông Địa hình thành một bộ Ông Địa - Thần Tài. Ông Địa bảo hộ về đất đai, Thần Tài bảo hộ việc sinh lợi. Tài Bạch tinh quân của người Hoa là một ông sao thừa mệnh trời coi việc ban bố tiền bạc cho nhân gian, vía cúng ngày 22 tháng 7 âm lịch, có dạng hình là một vị tinh quân mi mày đều trắng, mặc quan phục sắc phục trắng, tay cầm







phát trần, tay kia cầm một thoi vàng hay thoi bạc. Thần Tài của cư dân Việt thường được thờ trong hình dạng một ông già áo đỏ, mày trắng, râu trắng, với hai dạng cốt tượng phổ biến: ngồi trong tư thế thong dong, hoặc đứng một tay xách râu tiên điều hay bó lúa.

**\* Táo quân:** là vị thần bảo trợ việc bếp núc, có danh hiệu là Đông trù tư mệnh Táo phủ thần quân, Định phúc Táo quân, còn được gọi là Ông Đầu Rau hoặc Vua Bếp, có chuyện kể về Vua Bếp giải thích hiện tượng hai ông một bà; ba người vẫn là một, được thờ ở kệ thờ (hoặc khánh) trong bếp hoặc ở gian chính thờ ở bếp gọi là Táo Bếp, thuần gốc dân dã. Táo thờ ở gian chính gọi là Táo Phật. Táo quân không có cốt tượng để thờ, chỉ thờ bằng bức dán giấy hồng đơn có ghi chữ nho “Định phúc Táo quân”, hàng năm tờ giấy được thay mới trước khi đón Táo về ăn Tết cùng ông bà. Táo quân được cúng nhang, đèn, hoa, trái, nước trong vào những ngày rằm, ba mươi, mồng một hàng tháng; còn được mời phôi hương trong các bữa giỗ. Người xưa quan niệm chỉ có Táo Phật mới về trời ngày 23 tháng chạp, nên có câu: **“Hăm ba Táo Phật về trời / Táo Bếp ở lại đội nồi cả năm”**



Lễ vật cúng Ông Táo ngày 23 tháng Chạp

Canh ba, giờ Tý ngày 23 tháng chạp, ông Táo được đưa về trời “*cờ bay ngựa chạy*”. Tục xưa còn có đốt vàng mã gồm mũ cánh chuồn, áo dài đen và đôi hia để ông Táo có lễ phục châu trời. Đặc biệt là không có quần dài bởi Táo quân mặc quần lửng (quần đùi dài đến gối) theo kiểu của người Nam bộ. Lễ cúng tiễn Táo quân có nhang đèn, xôi, chè, trái cây và không thể thiếu đĩa mứt thèo lèo. Lời khấn tiễn Táo quân giản dị

(trước kia còn có văn khấn) ngụ ý mong Táo quân về Trời báo cáo việc nhà trong năm qua và xin Trời gia ân cho năm mới làm ăn khấm khá, gia đình thịnh vượng. 23 tháng chạp tiễn đi, ngày 30 đón về cùng với ông bà dự Tết. Táo Phật được tiễn đi nhưng Táo Bếp vẫn gắn với “lửa củi” hàng ngày. Người dân Biên Hòa - Đồng Nai có tục, sau khi đưa ông Táo về trời, trong ngày 23 tháng chạp, lật ông Đầu rau giữa đục lỗ rồi gánh cả ba đem đổ ở gốc cây to trong vườn, thay vào đó là 3 ông Đầu rau khác. Khi bếp lò được dùng phổ biến, việc thay bếp lò cũng được thực hiện như thay ông Đầu rau.

**\* Ngũ phương Ngũ thổ long thần:** thường thể hiện trong khánh thờ dưới đất có bài vị ghi chữ nho: Ngũ phương Ngũ thổ long thần, Tiên hậu địa chủ tài thần, nhiều khi còn có cốt tượng Ông Địa - Thần Tài. Cứ theo câu chữ mà xét thì bài vị nêu trên thờ hơn một chục vị thần, gồm :

+ Ngũ phương thần: đó là 5 vị thần trấn ở 5 phương (Đông, Tây, Nam, Bắc và Trung ương) còn gọi là Thanh đế, Xích đế, Hắc đế, Bạch đế, Hoàng đế, có quan niệm cho đó là Ngũ hổ.





+ Ngũ thổ long thần là 5 vị: Thổ Công (thần Long mạch đất nhà, đình, chùa, miếu), Thổ Chủ (chủ khuôn viên đất đang ở, có người cho là chủ Ngung Man Nương), Thổ Phủ (bảo hộ đất chợ), Thổ Kỳ (bảo hộ mạch đất nói chung, thường thờ ở dưới bàn thiên trước nhà), Thổ Địa (bảo hộ cư dân cư trú trên một khu đất nhất định).

- + Tiên địa chủ là 1 vị thần chủ đất cũ.
- + Hậu địa chủ là 1 vị thần chủ đất mới.
- + Tài thần là 1 vị thần bảo trợ về tiền của.

Thực ra, đây là hiện tượng “thu gọn bài vị” trong xu hướng giản lược sự thờ tự đa thần xuất hiện từ thế kỷ XX.

\* **Bàn trời:** là hình thức thờ cúng phổ biến, được dựng ở sân nhà, bằng cây hoặc xây gạch cao ngang tầm người, không có mái che, thường gồm 2 tầng: tầng trên thờ Thiên Hoàng, tầng dưới thờ Thổ Kỳ; đó là một kiểu thờ cân đối hài hòa trời - đất, trong - ngoài, trên - dưới của người địa phương. Có người lại giải thích đó là tàn tích “cây vũ trụ” của người bản địa nhằm nối liền cõi người với cõi trời.



Bàn thờ thiên ở ngoài trời

### 2.4- Thờ khác

Ngoài ra, một số gia đình ở Biên Hòa - Đổng Nai còn thờ những đối tượng khác. Thờ Tổ nghiệp còn gọi là thờ Tiên sư, Thánh sư, Nghệ sư những người thầy đã truyền nghề cho đời sau. Tổ nghề thuốc, nghề gốm, nghề đúc đồng còn được nhiều gia đình thờ nhưng lai lịch thường không rõ ràng. Những gia đình sùng đạo có trang thờ các vị thần có nguồn gốc từ tôn giáo hợp với lòng tin của gia đình. Gia đình Công giáo có tượng thờ chúa Jésu và mẹ Maria trong nhà, ngoài ra còn có tượng ảnh thờ Thánh bôn mạng của gia chủ. Các gia đình theo đạo Phật hoặc không tôn giáo cũng thường có ảnh tượng Phật, phổ biến là Quan Âm Bồ tát.



Người Biên Hòa - Đổng Nai, Việt cũng như Hoa có những phương thuật để trấn giữ cửa nhà: một tấm gương vẽ hình bát quái hoặc gương trong trước cửa ngụ ý ma quỷ trông thấy phải sợ mà không vào, treo tượng ảnh ông Tử vi, để ngăn chặn tà ma thâm nhập, dán ở cửa mảnh bùa Bát quái và ảnh thần Hổ cũng để ngăn trừ ma quỷ. Tấm bùa bát quái vẽ “Tử tung ngũ hoành” có ảnh thần Hổ được thay mới hàng năm vào ngày mùng 3 Tết. Việc thờ cúng trong nhà đã trở thành thông tục của người Biên Hòa - Đổng Nai. Người ta nghĩ rằng mái nhà không chỉ để ở mà còn là nơi con người giao hòa với ông bà, tổ tiên, trời đất, thánh thần; nơi ấy con người được che chở, bảo vệ, được truyền thừa sức mạnh và ân đức của lớp người trước để





lại cho lớp người sau. Và cũng ở nơi ấy con người có bốn phận phải tri ân các bậc ông bà, thánh thần và sửa mình sống sao cho xứng đáng, bởi vậy việc thờ cúng trong nhà được xem trọng như việc tạo ra căn nhà

### 3. CÁC LỄ TIẾT GIA ĐÌNH TRONG MỘT NĂM

**3.1- Tết.** Tết là lễ tiết quan trọng trong năm của người Biên Hòa - Đồng Nai, phổ biến là Tết Nguyên Đán, Tết Đoan Ngọ và Tết Trung thu.

\* **Tết Nguyên Đán:** là lễ tiết quan trọng nhất trong năm, là ngày hội bắt đầu năm mới. Không khí Tết được khởi đầu từ ngày 23 tháng chạp, là ngày đưa ông Táo về trời. Sau ngày đưa ông Táo là ngày chạp mả. Chạp mả là việc thăm, sửa sang phần mộ của ông bà, tổ tiên. Ngày cụ thể tùy theo sự ấn định của từng họ, từng gia đình, thường là trong tháng chạp, trước ngày 25. Đến ngày quy định của gia đình, người trong họ, trong nhà hội về, đàn ông lo việc làm cỏ, sửa sang phần mộ, đàn bà lo việc bếp núc. Trong tục chạp mả, có một quy ước truyền đời: khi làm cỏ, sửa sang xong một cái mả, người ta đánh dấu bằng một cục đá (hoặc hòn đất), đặt lên tờ giấy vàng bạc ở năm mả để biết mả đã có chủ. Sau ngày 25, nếu thấy ở khu vực ấy còn mả chưa đánh dấu, tức mả vô chủ thì người ta huy động người trong nhà đến đốt nhang, làm cỏ, cốt không để một mả nào “hoang vắng, lạnh lùng” trong những ngày Tết. Ngày 25 tháng chạp, dân làng thường dọn một bữa cúng đạm bạc gọi là tiễn ông bà, thần thánh đi thăm viếng họ hàng, người thân đâu đó, cũng là ngày quan chức trong làng khép ấn, thợ thầy được nghỉ việc.



Bàn thờ gia tiên ngày tết cổ truyền ở Nam bộ



Dưa hấu chưng cúng trên bàn thờ gia tiên ngày tết

Những ngày cuối tháng chạp là những ngày bận rộn: hàng quán sửa soạn để vào phiên chợ Tết (28 đến 30 tháng chạp), thanh toán các khoản nợ nần, làm nốt các công việc đang dở dang, gửi quà biếu Tết đến thầy học, sui gia, họ hàng thân thuộc. Ngày 30 tháng chạp, mọi nhà đều soạn lễ cúng đón ông bà. Việc chưng cúng ở bàn thờ luôn thể hiện sự tươi mới, lâu bền, sung túc cho nên, hoa thường có hoa mai (may mắn), vạn thọ (sống lâu); trái thường có mâm ngũ quả gồm sung (sung túc), dưa (vừa), đu đủ (đủ), xoài (xài, tiêu xài), mãng cầu (thỏa mãn điều cầu mong). Dưa hấu được chọn chưng phải là dưa ruột đỏ thắm. Nếu ngày Tết dưa không đỏ gia đình sẽ kém may mắn, cho nên các phiên chợ Tết thường có tục “bói dưa”. Đặc biệt, trên bàn thờ ông bà, thường có một gói đường phôi, đường phèn, bánh tỗ, bánh nỏ đặt trên trái dưa có dán giấy đỏ, tục này có lẽ để tưởng nhớ xứ sở Trung bộ.





Lễ cúng đón ông bà thịnh soạn như một bữa giỗ. Tục xưa, còn có gia đình gánh thức cúng (rất nhiều bánh trái, giấy vàng bạc) cúng đón ông bà tận ngõ. Trong ngày 30 (nếu tháng thiếu thì ngày 29), mọi nhà ở trước cửa lớn đều dựng một cây tre, trên buộc cái giỏ bằng tre, trong giỏ đựng trà, cau, vôi; ở bên giỏ có treo giấy vàng bạc, gọi là “lên nêu”. Cây nêu được dựng như thế cho đến mùng 7 thì hạ, việc đòi nợ để sau ngày hạ nêu. Lễ giao thừa có ý nghĩa thiêng liêng nhất trong các ngày Tết. Đó là lễ “*tống cựu nghênh tân*” đúng vào lúc năm cũ bước qua năm mới. Người miền Bắc và người Hoa gọi là lễ Trừ tịch, người Biên Hòa - Đồng Nai gọi nôm na là lễ đón giao thừa.



Đúng vào phút giao thừa, con vật nào lên tiếng trước người ta tin rằng tính khí của con vật ấy chi phối cả năm mới. Lễ giao thừa, gia chủ lên đèn sáng trong sáng ngoài, mở toang các cửa lớn nhỏ, đốt nhang khấn cúng; văn cúng ngắn gọn, nêu rõ năm tháng họ tên gia chủ, kể tên các phẩm vật cúng, khấn các vị hành binh hành khiển mới và các vị Thổ Địa, Táo quân, Thần độ mạng, ông bà phù hộ cho toàn gia năm mới tăng phúc, tăng thọ, an khang thịnh vượng. Cư dân Biên Hòa - Đồng Nai tin rằng mỗi năm có một vị hành binh, hành khiển và 1 vị phán quan coi việc nhân gian, hết năm thì bàn giao cho thần khác. Cho nên, người ta cúng Tết để tiễn ông cũ và đón ông mới. Ví dụ, năm Bính Tý, các vị hành khiển hành binh là: Châu Vương hành khiển, Thiên Ôn hành binh, Lý Tào phán quan. Tết năm Sửu, các vị này sẽ bàn giao cho Triệu Vương hành khiển, Tam Thập Lục Thương hành binh, Khúc Tào phán quan, cứ vậy đến tròn một con giáp.

Ngày mùng một thực sự là ngày của năm mới. Trẻ con mặc đồ mới, mừng tuổi người lớn, được lì xì tiền lẻ trong bao đỏ. Phải là tiền lẻ để có thể sinh sôi thành chẵn. Tục xông đất cũng được thực hiện như phong tục phổ biến. Người nào vía tốt đi xông đất người khác được mừng đón. Người nào tự thấy mình xui xẻo, nhiều rủi ro hoặc không hợp thì tránh xông nhà người khác. Từ mùng một đến mùng ba, người ta kiêng đổ rác, không dùng giếng nước, mạch nước, không động đất trong vườn, không nghỉ qua đêm ở nhà người khác. Người xưa giữ lễ nghĩa “*Mùng một Tết nhà, mùng hai Tết (nhà) vợ, mùng ba Tết thầy*”. Từ khi rước ông bà cho đến hết ngày mùng ba, mỗi ngày dọn mâm cúng ông bà hai lần, phụng sự chu tất như lúc ông bà còn sống.



Mùng ba (có nhà cúng mùng bốn) là ngày Tết vườn, Tết chuồng. Các loại cây cối, chuồng heo chuồng gà, chuồng bò đều được dán vàng bạc hoặc giấy đỏ. Gia





chủ soạn một mâm cỗ gồm gà trống luộc để nguyên con, bánh tét, hoa, trái cây, rượu, khăn cúng Thổ Công, Thổ Kỳ, Thổ Địa, Thổ Chủ phù hộ cho vườn đất, gia cầm, gia súc được sung mãn, sinh sôi nảy nở ra tiền của. Con trâu là đầu cơ nghiệp nên được chăm sóc kỹ nhất. Trâu được cỏ mới, được ăn một lát bánh tét; trâu đực được uống một chén rượu, trâu cái được uống trà; sừng được dán vàng bạc; trẻ chăn trâu được chủ lì xì nhiều tiền và bộ quần áo mới. Tết là ngày vui chơi, nhất là đối với thanh niên, trẻ em. Các trò chơi gồm đốt pháo (nay không còn), đánh đu tiên, đá gà, múa lân, lắc bầu cua, xuất hành, hái lộc... Đó là những trò vui được người Biên Hòa - Đồng Nai ưa thích nhất.

Ngày mồng bốn cúng ông bà, lễ vật cúng như lúc đón. Theo tục xưa, người phụ nữ gánh thức cúng và vàng mã đưa ông bà đến ngõ, có khi đến tận má, cúng và “hoá vàng” ở đây. Một số gia đình cúng ông bà bằng cháo cá ám, dạng cháo nấu bằng cá lóc để nguyên vẩy để tưởng nhớ thuở khai sơ của gia đình. Mồng bảy có lễ hạ nêu. Vì sao hạ nêu vào ngày mồng 7, người địa phương không giải thích được, cứ theo tục xưa và xem đó là dấu hiệu chấm dứt Tết Nguyên Đán. Lễ hạ nêu đơn giản, lễ vật như cúng giỗ. Sau hạ nêu, mọi người bắt đầu công việc năm mới của mình, người làm nghề nông thì động cuốc cày, thợ rừng thì khai sơn, học trò thì khai bút, thương nhân thì đi buôn bán lấy ngày.

**\* Tết giữa năm:** ngày mồng 5 tháng 5 cũng được xem là một ngày Tết, người Biên Hòa - Đồng Nai gọi là Tết giữa năm, nhiều người gọi là Tết Đoan Ngọ. Nguồn gốc ý nghĩa của Tết Đoan Ngọ đã có nhiều ý kiến khác nhau. Ở Biên Hòa - Đồng Nai, ý nghĩa của ngày Tết giữa năm được xác định rõ, đây là thời điểm xong mùa cấy, vào mùa hoa trái, cây cối vạn vật đều chuyển mình trong mùa mưa, côn trùng sinh sôi nảy nở gây nhiều bệnh cho cây, cho người. Vào ngày này, người địa phương tổ chức ngày Tết mừng đón mùa vụ mới đồng thời cầu cúng mong cho mưa thuận gió hòa, tránh được bệnh tật. Bởi vậy, sinh hoạt trong Tết Đoan Ngọ xoay quanh hai ý nghĩa quan trọng: đón mùa vụ và phòng chống bệnh.



Chè trôi nước cúng tết Đoan ngọ, mùng 5 tháng 5

Ngày Tết giữa năm, ở Biên Hòa - Đồng Nai hoa trái sớm đã có, đang độ tươi ngon nhất trong năm. Người địa phương chọn hoa trái đầu mùa chung cúng ông bà gồm những bưởi, chuối, sầu riêng, dâu, măng cụt, mít tố nữ. Ngày mồng 5 tháng 5, có thể cúng chay hoặc cúng mặn. Ngày này, người ta thường cúng vịt vì theo quan niệm dân gian, vịt gắn liền với sự sinh sản. Nhiều gia đình lại cúng món cháo cá ám như ngày Tết. Ngày Tết giữa năm có nhiều tục lạ, cốt là để thúc giục cây trái đâm hoa kết quả và ngăn ngừa bệnh tật. Đáng chú ý là tục “khảo cây”; những cây nào đến tuổi mà chưa ra trái ngày này gia chủ đem rựa ra đứ đừ đòi chặt, hoặc giả chặt một vài nhát để người vợ trong nhà chạy ra van xin, như thế năm sau cây sẽ ra





quả. Tết giữa năm thực là ngày Tết giao mùa, ở đó con người cùng vận vật sửa mình để bước vào cuộc vận hành của mùa mưa giàu sản vật nhưng cũng đầy chướng khí.

**\* Tết Trung thu:** theo tên gọi là ngày Tết giữa mùa thu lúc trăng sáng nhất trong tháng (rằm) và trong năm (ngày của sao Thái âm). Nhiều người giải thích nguồn gốc của Tết Trung thu bằng tích truyện vua Duệ Tôn đời Đường đi chơi ở cung trăng; các tục thi, rước đèn, cỗ bánh, trông trăng đều do đây mà ra. Ở Biên Hòa - Đồng Nai Tết Trung thu thực là ngày Tết của trẻ con. Phổ biến là trò rước đèn, rước cỗ bánh theo lối của người Hoa.



Người lớn chuẩn bị cỗ bánh trung thu và lồng đèn bày sẵn để trẻ con rồng rắn đến rước, vừa đi vừa hát các bài đồng dao vui vẻ. Có nơi, trẻ con trong xóm họp thành đám, tổ chức múa lân, cũng có ông Địa dẫn đường, nhảy múa diễn trò như lân của người lớn. Mặc dù mang hình thức của người Hoa, nhưng cốt lõi của Tết Trung thu vẫn lấp lánh ý nghĩa lễ tiết cổ truyền của cư dân Việt cổ. Trong tâm thức dân gian, rằm tháng tám là tháng của cốm mới, của lúa mùa đong sữa, của sự non tơ chớm trưởng thành ở vận vật ứng với lúa tuổi nhi đồng của xã hội loài người. Chăm sóc trẻ con là lễ thức mừng đón, cầu mong sự trưởng thành đang trong dạng mới kết tinh. Ở Biên Hòa - Đồng Nai, có thể nhận ra ý nghĩa cốt lõi ấy qua các tục cúng cơm rọ, làm mạch nha, cúng lúa trổ đòng đòng.

**3.2- Những ngày rằm.** Ngoài rằm tháng tám là Tết Trung thu, có ba ngày rằm quan trọng được người Biên Hòa - Đồng Nai thực hiện lễ thức cầu cúng đặc biệt, đó là rằm tháng giêng, rằm tháng bảy, rằm tháng mười.

Rằm tháng giêng là ngày rằm đầu tiên của các ngày rằm trong năm, dân gian tin là ngày Phật giáng nên tổ chức lễ trọng, lễ hội ở chùa và lễ cúng ở gia đình: **“lễ Phật quanh năm không bằng rằm tháng giêng”**. Cũng có cách giải thích rằm tháng giêng theo sách vở của người Hoa nên còn gọi rằm tháng giêng là Tết Thượng Nguyên, Tết Trạng Nguyên, Tết Nguyên Tiêu nhưng dân gian Đồng Nai thiên về ngày lễ đậm tính dân gian của Phật giáo.

Rằm tháng bảy là rằm “xá tội vong nhân” gắn với tích truyện Mục Kiền Liên và Lễ Vu lan của Phật giáo. Dân gian tin rằng, ngày này vong nhân ở địa ngục được xá tội, các gia đình ở dương thế làm cỗ bàn cúng ông bà, thể hiện sự tha thứ, xá tội đối với mọi lỗi lầm ở cõi âm cũng như cõi dương. Rằm tháng mười nhằm vào lúc mùa vụ “cơm mới,” các đình làng chuẩn bị cúng Kỳ yên. Rằm tháng mười ở Nam bộ nói chung ở Biên Hòa - Đồng Nai nói riêng có ý nghĩa như Tết cơm mới của một số vùng thuộc đồng bằng Bắc bộ, nhưng nghi thức theo Phật giáo, lễ cúng như rằm tháng giêng, rằm tháng bảy.





Vào những ngày rằm tháng giêng, tháng bảy, tháng mười, các chùa mở hội lễ Phật, cúng cầu siêu, có thể có chay đàn ứng phú. Ngoài việc dự lễ chùa, người địa phương còn có lễ cúng tại gia, cúng Phật, vào ngày 15 bằng lễ chay và cúng thí cô hồn vào ngày 16 bằng lễ mặn. Đáng chú ý là lễ cúng thí, nhằm cầu siêu và thí của cho thập loại cô hồn mang ý nghĩa nhân văn. Lễ cúng thí luôn có món bánh cúng, bánh cấp. Với tục cầu siêu, cúng thí, các lễ cúng rằm của người dân Biên Hòa - Đồng Nai thể hiện lòng nhân đạo qua nghĩa cử “chăm lo cho người khác” mang đậm sắc thái dân tộc và màu sắc Phật giáo. Chính vì vậy nó được phổ biến và có sức sống lâu dài.



### 3.3- Những ngày vía

Ngoài những ngày Tết, ngày rằm, người Biên Hòa - Đồng Nai còn có những lễ thức cúng vía vào những ngày vía trọng trong năm. Người địa phương quan niệm rằng thế giới con người chịu sự chi phối của “thế giới hữu linh”. Các thần thánh, và hiện tượng thuộc thế giới hữu linh đều có những ngày quan trọng (thăng hoặc giáng, tàng hoặc ẩn), đó là ngày vía, cần có lễ cúng để tưởng niệm. Ngoài các ngày vía gắn với việc thờ cúng các vị thần bản gia, trong chu kỳ một năm, người dân Biên Hòa - Đồng Nai thường có các lễ cúng vía vào các ngày tháng nhất định.

\* **Mùng 8 tháng giêng cúng sao hội.** Mỗi người đều có sao ứng mạng theo tử vi và có lễ cúng sao giải hạn theo ngày tháng khác nhau; ngày 8 tháng giêng là ngày cúng sao hội (ngày hội cúng sao) chung cho mọi người; có thể cúng ở chùa, thường thì người địa phương dự cúng ở chùa lần tổ chức lễ cúng tại gia. Cúng sao hội vào ban đêm, bày đồ cúng ngoài sân, lễ vật gồm nhang, đèn, hoa, trái, bánh, nước trong, xôi, chè; có thể cúng mặn bằng bộ tam sên (gồm cua, trứng, thịt luộc). Không thể thiếu 28 ngọn đèn cây thấp sáng tượng trưng cho nhị thập bát tú. Lời khấn cúng có nội dung mời gọi các vị Kim tinh (sao trời) phối hưởng và độ mạng cho con người được mạnh khỏe, bình yên, phát đạt trong năm.

\* **Cúng vía Trời, vía Đất:** trời đất sinh vạn vật, nhưng chính trời đất cũng được sản sinh. Theo quan niệm cổ truyền :

Ngày mùng một sinh ra giống gà, / Ngày mùng hai sinh thêm giống chó,  
Ngày mùng ba sinh thêm giống heo, / Ngày mùng bốn sinh thêm giống dê,  
Ngày mùng năm sinh thêm trâu, / Ngày mùng sáu sinh thêm ngựa,  
Ngày mùng bảy sinh ra loài người, / Ngày mùng tám sinh ra ngũ cốc,  
Ngày mùng chín sinh ra Trời, / Ngày mùng mười sinh ra Đất;





Có lẽ từ đó mà dân gian có tục “**mông chín vía Trời, mông mười vía Đất**”. Ngày mông chín người địa phương sắm lễ cúng chính ở bàn trời (bàn thiên) nhằm cúng Thiên Hoàng. Ngày mông mười, cúng lễ như hôm trước cúng vía Đất ở bàn thờ Thổ Kỳ, Thổ Công, Thổ Địa. Lễ cúng vía Đất được giữ lệ vào mỗi ngày mông mười mỗi tháng từ tháng giêng cho đến tháng năm (âm lịch). Lễ vật có gì cúng nấy, tùy tâm gia chủ, gọn nhất có nhang, đèn, hoa, trái, nước trong; sang nhất có thêm xôi, chè, gà, vịt, đầu heo.

\* **Vía Ngâu:** ngày 7 tháng 7 là vía Ngâu gắn với tích truyện Ngưu Lang - Chức Nữ. Những ngày này ở Biên Hòa - Đồng Nai thường mưa dầm kéo dài 5 đến 7 ngày, sau đó là hạn bà Chằn, thời điểm để dọn đất chuyển vụ rẫy. Vía Ngâu được cúng như một lễ nhỏ cầu thời tiết thuận lợi cho mùa màng; lễ cúng đơn sơ, cách cúng cũng như những ngày vía khác. Hiện nay, nhiều nhà đã bỏ qua ngày vía này.

\* **Vía Bà:** không nhằm vào một ngày nhất định, mỗi nhà cúng vía bà vào ngày vía ứng với nữ thần độ mạng trong nhà. Vía các bà như sau :



Dâng hương ở miếu Ngũ hành nương nương trong khuôn viên đình Tân Lân

- Linh sơn Thánh mẫu: ngày rằm tháng giêng âm lịch.
- Quan Âm Bồ tát: ngày 19 tháng 2 và 19 tháng 6 âm lịch.
- Bà Chúa Xứ: ngày 24 tháng 4 âm lịch.
- Năm bà Ngũ Hành: ngày 5 tháng 5 âm lịch.
- Cửu Thiên Huyền Nữ: ngày 9 tháng 9 âm lịch, cũng là ngày Tết Trùng cửu của người Hoa.

\* **Cúng Tá thổ:** còn gọi là cúng mượn đất, một tục cổ khá phổ biến ở Trung bộ, và Nam bộ. Người Khánh Hòa gọi là cúng Khảo thổ hay Mãi thổ, từ Phú Yên trở vào gọi là Tá thổ. Trong quá trình khai hoang lập làng hình thành xứ Đàng Trong, cư dân Việt bắt gặp vùng đất nào cũng có dấu vết của người bản xứ, từ đó hình thành suy nghĩ: vùng đất mình đang khai phá, đang ở vốn đã có chủ, cần có sự “thỏa thuận” với chủ cũ để cho việc làm ăn mới thuận lợi, đỡ bị “phá phách”. Ngày cúng Tá thổ không xác định cụ thể, tùy theo từng gia đình, thường trong tháng ba lúc bắt đầu mùa mưa, sắp động đất để vào vụ gieo trồng. Lễ vật cúng Tá thổ bày dưới đất, gồm heo hoặc là heo thu gọn còn thủ vĩ (đầu heo, móng và đuôi), chè, cháo, bánh ít, mắm nêm - rau luộc, có 5 hình nhân bằng giấy ngực, quét vôi trắng được phân trần giữ 5 phương, do thầy pháp thực hện, có đồng bóng tham gia.

#### 4. TẬP QUÁN, TÍN NGƯỠNG GẮN VỚI CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI

Con người gắn bó với gia đình, gia đình không thể tách rời cộng đồng xã hội. Người dân Biên Hòa - Đồng Nai do “*tứ chiếng*” hợp lại, gặp cảnh “*xứ sở lạ lùng*”, “*chim kêu vượn hú*” càng có nhu cầu hợp quần, nương tựa, tương trợ nhau trong đời





sống; từ đó hình thành tập quán, tín ngưỡng gắn với cộng đồng xã hội, phổ biến là những sinh hoạt xoay quanh cái đình, cái miếu.

#### 4.1- Đình và lễ hội cúng đình

Do đặc điểm hình thành cộng đồng cư, đình thần ở Biên Hòa - Đồng Nai ra đời muộn, không có lai lịch giàu thần tích như đình ở miền Bắc, miền Trung. Nhưng so với vùng đồng bằng Nam bộ, đình ở Biên Hòa - Đồng Nai thuộc dạng đình hình sớm. Gọi là hình thành sớm ở đất Nam bộ nhưng đình thần ở Biên Hòa - Đồng Nai không phải bắt nguồn đình trạm như xứ Bắc, cũng không phải được tái hiện theo nguyên mẫu được mang theo trong hành trang di cư. Có lẽ, ý niệm về cái đình chưa được thực hiện ngay khi lập làng, lập ấp ở Biên Hòa - Đồng Nai, mà bắt đầu từ cái miếu, phù hợp với qui mô của làng và tài lực của người thời khai phá. Bằng chứng là cho đến nay, dân gian vẫn chưa thuận miệng với tên gọi đình, thậm chí biên đình mới trùng tu vẫn còn giữ nguyên Hán tự là “*cổ miếu*”, như: Bình Xương cổ miếu, Cẩm Vinh cổ miếu, Vĩnh Thị cổ miếu. Gia Định Thành thông chí của Trịnh Hoài Đức kể rõ các di tích ở trấn Biên Hòa nhưng vẫn không thấy nêu tên một đình nào. Các bộ lão địa phương cho biết từ lúc triều đình Huế yêu cầu kê khai thần tích đình làng để xin sắc phong thì tên gọi đình mới xuất hiện trong văn tự rồi quen dần trong khẩu ngữ. Như vậy, trong thực tế, người địa phương phân biệt đình, đền, miếu chưa rạch ròi; về nguyên sơ của cái đình còn rõ nét.



Quá trình lập làng ở Biên Hòa - Đồng Nai chủ yếu với mô hình thôn, ấp. Làng ban đầu nhỏ nhưng phát triển rất nhanh, phân lập không chùng, tổ chức hành chính nhiều biến đổi, do đó thân phận của cái đình cũng thăng trầm, phân bố không đều, làng cũ đình miếu dày đặc, làng mới thưa thớt. Toàn tỉnh có khoảng 141 đình, riêng thành phố Biên Hòa có 34 đình ở 26 phường xã, nhưng các huyện Xuân Lộc, Tân Phú, Định Quán thưa thớt vài đình nhỏ. Có xã hơn mười cái đình (xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu: 12 đình; xã Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa: 11 đình), có nơi hai ba xã chung một cái đình.



Hầu hết đình làng ở Đồng Nai đã qua nhiều lần trùng tu. Thuở sơ khai, do không chế của triều đình nên nhà cửa, nơi thờ phượng của dân Nam bộ không được lợp ngói; đình miếu thay đều quy mô nhỏ, lợp lá, trường hợp lợp ngói âm dương rất hiếm. Từ thế kỷ 19, đình miếu được phép trùng tu, mở rộng quy mô. Những đình còn giữ được kiến trúc cổ nhất như đình Phú Mỹ (Phú Hội), đình An Hòa (Bến Gỗ)





cũng từ giai đoạn này. Đình, miếu, chợ, chùa là trung tâm văn hóa của người địa phương cho nên thường được xây dựng gần nhau ở khu đông dân cư, nơi cao ráo, có phong cảnh đẹp, có chòm cổ thụ vừa mát vừa oai linh. Phần lớn đình cổ gần sông và quay hướng ra sông, đình trẻ hơn lập ở gần lộ và quay hướng ra lộ; hướng đình không lệ thuộc theo hướng Nam và kiêng hướng Bắc.

Kiến trúc đình ở Biên Hòa - Đồng Nai thường theo kiểu nhà rường tứ trụ bằng vật liệu tốt khai thác từ địa phương và bàn tay thợ đá, thợ gỗ, thợ gốm của Biên Hòa xưa, tạo cho đình vẻ đẹp mang sắc thái địa phương. Đình Tân Lân, đình An Hòa (Biên Hòa), đình Phú Mỹ (Nhơn Trạch) được xem là những đình sắc nét của Biên Hòa - Đồng Nai. Việc bố trí trong đình cũng như các đình khác ở Nam bộ, chánh điện có khám thờ Thành Hoàng bốn cảnh, hai bên là Tả ban, Hữu ban; phía trước là hai dãy các bàn thờ các chư vị phối tự như: Bạch mã Thái giám, Nhạc sư, Tiên sư. Trước mặt bàn thờ Thành Hoàng là bàn La liệt để bày lễ vật cúng; tiếp đó là bàn Hội đồng. Tiếp theo bàn Hội đồng là bàn Chánh bái, hai bên bàn Chánh bái là Tả hữu bồi tế. Đối diện với chánh điện là Võ ca có mái che nổi hoặc không nổi với gian chính; nếu không có Võ ca thì cũng là khoảng sân rộng để có thể dựng rạp hát. Bên trái, bên phải mặt trước đình thường có bàn thờ thần Nông, thần Hồ, Rái Cá. Nhà hậu (sau đình) có gian thờ: Tiên sư, Tiên hiền, Hậu hiền, Tiên đại hương chức, Hậu đại hương chức. Liền mái với nhà hậu là nhà khói dùng làm nơi nấu nướng chuẩn bị cỗ cúng. Bộ cục trong đình cơ bản là giống nhau nhưng tùy theo các đối tượng thờ cúng trong đình mà các bàn cúng thờ vị này hay vị kia.



Toàn bộ khung kiến trúc chánh điện đình Tân Lân được làm bằng gỗ tốt

Khi triều Nguyễn sắc phong Thành Hoàng để kéo đình làng vào hệ chính thống thì đình ở Biên Hòa - Đồng Nai trở thành cơ sở nằm giữa hai thiết chế: chính thống và dân gian, nhưng nghiêng về phần tín ngưỡng dân gian hơn. Về hình thức, đình ở Biên Hòa - Đồng Nai tuân thủ những chuẩn mực theo điển lệ, mặt khác về mục đích tín ngưỡng nó mở rộng các sinh hoạt dân gian, thể hiện tính đa chức năng: vừa là trú sở của Thành Hoàng và nhiều vị thần khác, vừa là công sở hành chánh của làng, đồng thời là nhà hát, tụ điểm văn hóa của địa phương. Sinh hoạt đình dung nạp cả hệ thống thần linh của ba miền; của Phật giáo, người Hoa, người bản địa; dung nạp cả các hoạt động văn hóa thể thao từ múa lân, cờ người, võ thuật đến xây chầu, đại bội, hát bội, hát bóng rối; thậm chí cả ca nhạc tài tử. Nhiều đình ở Biên Hòa - Đồng Nai xưa gần như mở cửa quanh năm, có đình không cần đến cửa.

**\* Những vị thần được phụng thờ:** cùng đặc điểm chung của Nam bộ, đình ở Biên Hòa - Đồng Nai “*thờ hàng chục, có khi đến ba bốn chục vị thần, gồm có Thành Hoàng, Phúc Thần, Thần linh và những danh nhân có công xây dựng, kiến*





*thiết địa phương... rất phức tạp*". Huỳnh Ngọc Trảng và các tác giả xét về nguồn gốc tạm thời chia các vị thần ở thần điện Nam bộ làm hai nhóm:



Tượng thờ Trần Thượng Xuyên

- + Thành Hoàng và Phúc thần do những người đi khai hoang đem từ quê hương cũ vào thờ.
- + Những vị thần linh theo tín ngưỡng dân gian.

Xét về cơ cấu, lại chia thành ba nhóm khác:

- + Tập hợp các thần linh thuộc đối tượng tín ngưỡng chính thống của đình.
- + Tập hợp các vị tiền bối hữu công của làng như Tiên hiền, Hậu hiền, các anh hùng liệt sĩ, các tổ nghề: Tiên sư, Tổ hát bội, Tổ nhạc lễ.
- + Tập hợp các vị thần thuộc tín ngưỡng dân gian truyền

thống.

Cũng có thể phân loại bằng cách dựa theo hệ thống các vị được thờ hiện thị (có bàn thờ tại đình) và các vị chỉ được gọi mời trong văn cúng. Ở Biên Hòa - Đòng Nai, bài trí thờ trong đình thường đơn giản hơn, có khánh, bàn, đình thờ khoảng 10 đến 13 vị, nhưng văn cúng còn gọi mời nhiều vị khác như đình Cẩm Vinh mời gọi hơn 20 danh thần.

Biên Hòa - Đòng Nai còn tục thờ vọng Quốc tổ và các anh hùng dân tộc. Cư dân Việt tuy xa quê hương nhưng không rời cội nguồn, tâm thức luôn hướng về Quốc tổ. Đình, đền, Quốc tổ ra đời tuy muộn nhưng sớm trở thành trung tâm văn hóa ở địa phương thu hút niềm tin của các lớp người. Đền Hùng Vương ở Biên Hòa, do giáo dân Công giáo lập và phụng thờ năm 1960, trong điện thờ tượng Hùng Vương thứ 18, có bàn thờ Bác Hồ như vị Hùng Vương thứ 19. Ngày lễ hội 10 tháng 3 âm lịch rất đông người đến dự tưởng niệm. Đây là biểu hiện vừa cổ truyền vừa hiện đại của truyền thống đại đoàn kết toàn dân và nghĩa đồng bào ở người Việt Nam. Đền thờ Hùng Vương ở Tân Phú, Long Khánh cũng có ý nghĩa tương tự. Lạc Long Quân - Âu Cơ cũng được thờ như Quốc tổ ở nhiều nơi, cách thờ cúng đơn giản nhưng đầy ý nghĩa; điện thờ ở Dầu Giây (Thống Nhất) thờ 100 chiếc đũa và văn cúng bằng thơ song thất lục bát có ý nghĩa như một lời tự giáo huấn.



Lãnh đạo tỉnh dâng hương lên Quốc Tổ Hùng Vương

**\* Các anh hùng dân tộc:** Trần Hưng Đạo, Nguyễn Tri Phương; các danh nhân có công với vùng đất Biên Hòa - Đòng Nai: Nguyễn Hữu Cảnh, Trần Thượng Xuyên, Võ Tánh, Nguyễn Huỳnh Đức, Chu Văn Tiếp và những nghĩa sĩ chống Pháp: Trương Định, Nguyễn Đức Ứng, Đoàn Văn Cự... cũng được phụng thờ như Thành Hoàng của làng. Tục thờ Bác Hồ ở đình cũng là





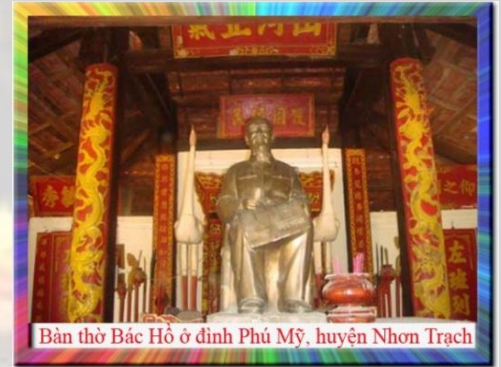
biểu hiện đáng chú ý. Tượng ảnh Bác thường được thờ ở bàn Hội đồng hay vị trí của Tiên sư ở hậu điện, hoặc lập bàn thờ Bác ở chính điện mỗi khi tiến hành cúng Kỳ yên. Đình Phú Mỹ (xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch) đã ngâm thờ Bác Hồ bằng 3 bức hoành phi (chữ Hán) qua mắt được kẻ địch thời kháng chiến:

*“Hồ nhiên nhi thiên*

*Chí vọng thâm ân*

*Minh hoài hậu đức”*

\* Lễ hội cúng đình thể hiện phần hồn của đình. Ở Nam bộ phần lễ trội hơn phần hội. Do phối tự thờ nhiều vị thần trong đình, cho nên quanh năm lịch lễ dày đặc, có thể chia thành hai loại: tạp tế và cúng kỳ yên.



Bàn thờ Bác Hồ ở đình Phú Mỹ, huyện Nhơn Trạch

Tạp tế là các lễ nhỏ vào các lễ tiết và ngày vía thánh thần trong năm, cúng chứ không tế và không mở hội, thường là do các hương chức, hội tề hoặc Ban tế tự dâng cúng lễ vật đơn giản và lời khẩn ngắn gọn. Không cần nghi thức và bài bản quy định. Các đình không nhất thiết giữ đúng lệ theo lịch lễ tiết, tùy theo Ban quý tế của từng đình mà thủ lễ, thêm hoặc bớt ngày cúng; có đình cúng đầy đủ các ngày sóc, vọng; lễ Thượng điền, Hạ điền; cúng cô hồn, liệt sĩ; cúng mặn hoặc cả chay lẫn mặn. Lịch của các lễ tạp tế như sau:

<b>Ngày âm lịch</b>	<b>Tên lễ</b>	<b>Nội dung</b>
25 tháng chạp	Sắp án, đưa thần	Niêm án, nghỉ làm việc, đưa thần về trời
30 tháng chạp	Rước thần	Đón thần về ăn Tết
1 - 3 Tết	Lễ Nguyên Đán	Tết thần, Lễ xuân
7 tháng giêng	Khai sơn, giờ ấn	Hạ nêu, cúng Sơn thần, Hổ thần, động thổ
15 tháng giêng	Rằm tháng giêng	Vía Thiên quan đại đế
15 tháng bảy	Rằm tháng bảy	Vía Địa quan đại đế
15 tháng mười	Rằm tháng mười	Vía Thủy quan đại đế
Ngày lập xuân	Lập xuân	(Tứ thời tiết lập)
Ngày lập hạ	Lập hạ	
Ngày lập thu	Lập thu	
Ngày lập đông	Lập đông	
5 tháng 5	Tết giữa năm	Tết giữa năm
15 tháng tám	Trung thu	Tết trẻ em





9 tháng chín	Trùng cửu	Đình người Hoa cúng
10 tháng mười	Tiên sư	Cúng cơm mới
(Tùy từng đình)	Tiên sư	Cúng các bậc thầy dạy nghề
(Tùy từng đình)	Vía Bà	Cúng vía các Bà thờ trong đình.
(Tùy từng đình)	Giỗ danh nhân	Cúng giỗ danh nhân được thờ

Lễ Kỳ yên là lễ chính của đình gọi là lễ vía thần nhưng thực là lễ hội nông nghiệp để cầu cho quốc thái dân an, phong điều vũ thuận. Mỗi đình định ngày cúng Kỳ yên riêng, phổ biến là trong 3 tháng đầu hoặc 3 tháng cuối năm âm lịch. Nghi thức cúng lễ Kỳ yên ở đình làng Nam bộ tuân theo điển lệ của triều đình nên trình tự cúng tế của các đình căn bản giống nhau. Sách Gia Định Thành thông chí của Trịnh Hoài Đức có ghi vắn tắt về lễ cúng Kỳ yên của đình làng xưa, đến nay không khác mấy. Lễ hội thường diễn ra trong 3 ngày, gồm có 3 lễ chính: Túc Yết, Đàn cả (Đoàn cả), Tiên hiền - Hậu hiền. Những nghi lễ khác như: Rước sắc thần, Xây châu - đại bội, Đưa khách (Tống phong) là những lễ thức phụng sự trong 3 lễ chính.



Nghi thức rước sắc thần trong lễ Kỳ yên đình Tân Lập

Việc tế tự trong lễ Kỳ yên do Ban Tế tự đảm trách với sự phân công cụ thể và chuẩn bị chu đáo, có quy định khá nghiêm ngặt về thành phần tham gia. Những người trong Ban Tế tự phải là người cao niên, có uy tín, có đạo đức, gia đình “tròn trịa” cuộc sống lành mạnh, như thế mới “hài lòng” thần linh.

Thành phần tham gia tế tự gồm: Chánh niệm hương (1 vị, danh dự nhất, thường do Kế hào hoặc Trưởng ban Tế tự phụ trách); Chánh bái (1 vị, chủ tế); Bồi bái (2 vị, thủ lễ ở 2 bàn cạnh Chánh bái); Đông hiền và Tây hiền (2 vị, thủ lễ ở Tả ban, Hữu ban); Chấp sự viên (4 vị, nhiệm vụ đánh trống lệnh, trống lớn, chiêng, mõ); Thị lập (4 vị, đứng bên các bàn chính điện và tả hữu); Thầy lễ (điều khiển chương trình, đọc văn cúng); Học trò lễ (ít nhất 3 cặp: 2 cặp bung đèn, đài; 1 cặp cúc cung xướng lễ); Đào thái (2 đến 4 cặp, đi sau lễ sinh, quạt và hát); Ban nhạc lễ (đầy đủ là 11 người chơi 11 loại nhạc cụ cổ truyền; thường là 4 hoặc 5 người chơi trống, kèn, não bạt...); Lĩnh hầu (4 kép hát bội mặc võ phục đứng hầu); Thủ từ (túc trực bàn thần để gõ chuông, xếp lễ vào bàn). Mỗi vị đều mặc lễ phục cổ truyền theo quy định, nhất nhất làm phận sự một cách trang trọng.



Hội thi Trình diễn nghi thức cúng đình làng ở Đồng Nai. Nghi thức Nghi mãn hương của Ban quý tế hiền Ông Đả (thầy Long Khánh)





Lễ vật dâng cúng các bàn thần gồm hoa, trái, nhang, đèn; và các món mặn thịt luộc, rau, mắm, muối, các món xào, kho... ở bàn La liệt, tế thần luôn phải có món xôi và thịt sống. Xôi là cơm nếp được chọn nếp ngon, nấu khéo, đơm đẹp nhất để tế thần. Xôi tế thần không có đậu; thường là mâm xôi được rước từ nhà Chánh bái hoặc nhà người danh giá nhất làng. Xôi cúng ở các bàn khác có thể có đậu. Lúc chuẩn bị xôi cúng đình, gia đình không được “lộn xộn”, tránh đứng che bóng mặt trời rọi vào mâm xôi; khi đưa hoặc rước xôi đến đình, không được bung gánh mà là khiêng, đội, để trân trọng, không ô uế. Người địa phương tin rằng, mâm (dĩa) xôi của mình càng ngon, đơm khéo thì càng được thần phù trợ. Những mâm xôi khéo được chọn càng để gần bàn thần, chủ nhân của nó càng vui, càng nhiều hy vọng.



Lễ vật cúng thần trong lễ Kỳ yên

Thịt sống nhằm để thần hưởng sự tinh nguyên từ lòng thành. Làng nghèo lắm mới cúng thịt sống không đủ bộ (thu gọn còn đầu, móng, đuôi gọi là thủ vĩ). Thường thì heo tế phải nguyên con được cạo sạch lông để ở bàn La liệt, tư thế quỳ hướng đầu về phía bàn thần, người địa phương gọi là heo chong. Trước kia, người ta chọn heo đen tuyền, lý do chưa rõ, có người giải thích đó là heo bốn địa, thuần giống, chưa lai tạp. Nay, hiếm heo đen, được chọn heo trắng nhưng kỵ heo lang. Làng giàu có thể cúng bò, dê theo tục cổ. Heo tế phải qua lễ tẩy sanh.

Lễ tẩy sanh còn gọi là lễ thỉnh sanh thường thực hiện vào lúc 0 giờ đêm Túc yết nhằm mục đích trình thần vật cúng tinh nguyên (con heo còn sống không bệnh). Bởi vậy, heo được chọn mua cẩn thận, chăm sóc kỹ, được trói khiêng vào trước bàn thờ thần chọc cho kêu to, heo kêu to là “thần vui”, heo không kêu hoặc kêu nhỏ là điềm xấu. Lễ tẩy sanh được cử hành long trọng: có khởi chinh cổ, lễ sinh bung đèn, nhạc sinh cử nhạc, Chánh niệm hương hành lễ rửa mặt, quỳ lạy; Chánh bái cùng Bồi tế thứ tự lạy thần rồi mới khai dao. Những giọt huyết đầu tiên của heo được hứng vào chén, cạo bỏ vào chén thêm nhúm lông, bịt chén bằng giấy vàng bạc đem cúng bàn thần gọi là mao huyết. Sau khi cúng, mao huyết được đem chôn ở góc cây lớn nhất gần đình (gọi là ế mao huyết) mong cho sự sinh sôi của đất.

Đình có thờ Phi vận tướng quân Nguyễn Phục thì kiêng giết heo tại bàn thần, chỉ dứa dao vào cổ rồi đưa đi nơi khác, ngầm ý tránh cảnh “đâm chém” như thần Nguyễn Phục đã thọ nạn. Ngoài thịt sống, bàn La liệt tế thần còn có những món cúng khác, thường có rau luộc - mắm nêm; đình có đông người Hoa đến cúng có thể có heo quay. Đình thờ Võ Tánh kiêng cúng thịt quay để tránh nghĩ đến cảnh chết cháy; có đình



Nghi lễ Túc yết cúng tế các vị tiên hiền khải khản





kiêng cúng heo thiên đê không phạm đến đời riêng của đức ông Lê Văn Duyệt.

Lễ Túc Yết là lễ trực ra mắt thần trước khi vào lễ chính thức; thường tiến hành trước ngày Đền cả, bắt đầu vào buổi sáng hoặc buổi chiều tùy theo lệ mỗi đình. Nghi thức lễ Túc Yết theo bài bản có sẵn, mọi đình đều làm theo.



Lễ Đền cả do người địa phương đọc trại âm từ Đoàn cả mà ra, được tiến hành ngày thứ hai của lễ hội; giờ hành lễ khi xưa thường bắt đầu vào lúc 0 giờ (giao hòa âm dương); những đình làng gần với sông nước thì chọn giờ con nước sớm (nước đầy vào buổi sớm); nay thì chọn giờ thuận lợi trong ban ngày. Nghi thức lễ Đoàn cả thực hiện như lễ Túc Yết, chỉ khác ở chỗ lễ sinh xướng “Tạ thần” thay cho “Nghinh thần” khi hành lễ tấn tước.

Lễ Tiền hiền - Hậu hiền nhằm tạ ơn các vị “Tiền hiền khai khẩn, Hậu hiền khai cơ” và các bậc có công với làng, với đình. Tục xưa, lễ thường diễn ra trong ngày thứ ba (sau Đền cả), nay thường thu gọn trong ngày, sau lễ Đền cả vài giờ. Nghi thức đơn giản hơn lễ Túc Yết nhưng không kém phần long trọng.

Ngoài ra, một số đình còn tiến hành các nghi lễ khác như cúng Cô hồn (đình Bình Hòa), lễ Thịnh sắc, Hội sắc (đình Cẩm Vinh, Thành Hưng), lễ Tổng phong còn gọi là lễ Đưa khách (đình Long Thọ, Nguyễn Tri Phương) Lễ cúng Cô hồn theo nghi thức phật giáo, thực hiện giữa lễ Đền cả và lễ Tiền hiền - Hậu hiền hoặc trong đêm sau lễ Túc Yết. Lễ thường có cúng thí thực, đốt ông Tiêu, phát chẩn gạo muối. Lễ Thịnh sắc hoặc lễ an vị sắc thần thực hiện trước lễ Túc Yết, và Đưa sắc (nếu có lễ rước sắc) sau khi kết thúc hội đình. Lễ Tổng phong nhằm mục đích tống ôn dịch đuổi tà khí ra khỏi làng, thực hiện sau khi vãn châu đại bội.

Trước kia, lễ Tổng phong thường được tổ chức ở nhà võ ca của làng vào tháng hai âm lịch, nay đưa vào nhập với lễ Kỳ Yên ở đình; lễ vật bày ở sân gồm thịt luộc, xôi, gạo, mứt, vàng mã; có sự tham gia hành lễ của thầy pháp hoặc thầy chùa; sau khi đốt vãn cúng và vàng mã, lễ vật được đặt lên bè chuối hình thuyền có hình nhân binh tướng đứng hầu, đưa ra sông thả trôi. Trẻ mục đồng (con cháu thần Nông) được quyền vớt, ăn những thức ăn trên bè ấy. Trong lễ cúng đình, không quên dọn lễ vật cúng ở miễu nhỏ bên ngoài. Đặc biệt, ở bàn thần Nông thường có khoanh thịt nọng và xôi bánh; cúng xong để cho trẻ mục đồng giành nhau; nếu trẻ mục đồng không giành hoặc cuộc giành giật không giành co thì là điềm xấu.







Lễ xây châu - đại bội - hát tuồng được thực hiện sau lễ Đoàn cả. Lễ này không thuộc lịch lễ hàng năm, thường là đáo lệ 3 năm một lần, hoặc vào những năm làng có sự vui hệ trọng (như trúng mùa, được sắc phong) Thực chất của lễ xây châu là nghi thức đánh trống. Ông chấp sự cầm dùi trống múa, hát, vẽ bùa trên đất, vẽ bùa mặt trống, điểm trống rồi đánh ba hồi dài theo nhịp trước thừa sau nhật gọi là “*tiền bản hậu phú*”. Tiếng trống tượng trưng cho tiếng sấm, thể hiện niềm vui, nỗi mong “*mưa thuận gió hòa*” của cư dân nông nghiệp. Tiếng trống xây châu còn có ý nghĩa “*khai thông thái cực*” theo quan niệm biến dịch của Đạo giáo. Khi tiếng trống xây châu dứt, ông chấp sự gác roi châu, nhạc lễ liền trở điệu song hỉ còn gọi là rước châu; rồi các đào kép hát bội xuất hiện ở sân khấu, bắt đầu lễ Đại bội. Lễ xây châu đã khai thông thái cực thì lễ đại bội tiếp tục hình tượng hóa sự biến dịch theo quan niệm thái cực sinh lưỡng nghi, tam tài, tứ tượng, bát quái qua diễn xuất của các diễn viên hát bội. Lời hát và vũ điệu của diễn viên khuôn phép, mang ý nghĩa nghi lễ. Đại bội gồm các tiết mục như sau:



Tịch Bản cô xuất thế trong Khai thông thiên địa

- Khai thiên thông địa: một kép hát hóa trang thành ông Bàn Cổ cầm nhang múa, điểm hương bốn phía, không hát, với ý nghĩa thái cực đang vận hành.

- Xang nhật nguyệt: hai diễn viên, một nam, một nữ hóa trang tượng trưng cho nhật, nguyệt. Nam mặt đỏ, cầm đĩa tròn bọc vải đỏ tượng trưng cho mặt trời thuộc dương. Nữ mặt trắng, cầm đĩa tròn bọc vải trắng tượng trưng cho mặt trăng, thuộc âm. Diễn viên nam nữ cùng múa biểu hiện sự giao hòa, tương sinh tương khắc giữa âm - dương.

- Tam tài: còn gọi là Tam hiền, Tam đa gồm 3 diễn viên hóa trang thành ông Phúc, ông Lộc, ông Thọ tượng trưng cho Thiên - Địa - Nhân. Ba ông cùng ra sắp hàng ngang, không múa, lần lượt hát những câu chúc: Phúc - Lộc - Thọ.

- Tứ Thiên vương, tượng trưng cho tứ tượng: Thái dương, Thái âm, Thiếu dương, Thiếu âm do 4 diễn viên nam hóa trang giống nhau lần lượt xuất hiện rồi cùng múa; cuối cùng cả bốn chụm lưng nhau giương 4 câu liễn:

*“Thọ tử Nam san / Thánh thọ vô cương  
Quốc thái dân an / Phúc như Đông hải”*

Bốn câu liễn được Ban Tế tự rước lấy, có thưởng tiền cho tứ vị Thiên vương.

- Lễ Đứng cái: tượng trưng cho ngũ hành, gồm 1 diễn viên nam đứng tuổi (cái); 4 diễn viên nữ trẻ hơn đứng 4 góc (con); Cái thuộc hành Thổ tên là Viên (vườn), các con thuộc hành Mộc (áo



Mã Viên cùng 4 nàng Cát, Lan, Cúc, Trúc trong Lễ đứng cái





xanh) tên Mai, hành Hỏa (áo đỏ) tên Lan, hành Kim (áo trắng) tên Cúc, hành Thủy (áo tím) tên Trúc. Cái và 4 con xếp hàng hát thài những bài hát mang nội dung ước mong quốc thịnh, dân cường, an khang, hạnh phúc.

- Bát tiên hiến thọ: gồm 8 diễn viên hóa trang thành 8 vị tiên trong Bát tiên, cầm các “bảo vật” tượng trưng cho các thức ăn trường sinh cùng hát các bài theo điệu lối, khách; cuối cùng dâng phẩm vật cho Ban tế tự. Có khi được thưởng tiền như Tứ Thiên vương.



Tiết mục Gia quan tấn tước (Ông địa chúc phúc)

- Lễ gia quan tấn tước: là lễ phụ do một người đóng vai Linh quan (thường dưới hình dạng ông Địa, vui tính) cầm quạt múa vui sau đó múa bút viết 1 câu liễn “*Gia quan Tấn tước*” (thăng quan tiến chức) giao cho Ban tế tự. Đây là các tiết mục đầy đủ của Đại bội nhưng không nhất thiết phải thực hiện tất cả. Chọn diễn một số trong các tiết mục nêu trên còn gọi là Tiểu bội.

Sau Đại bội là tuồng hát bội. Hát bội ở Đồng Nai biểu lộ rõ hình thức nghi lễ nhưng nhằm mục đích sâu xa là thỏa mãn nhu cầu tinh thần của người địa phương. Gọi là hát cho thần nhưng thực là cho người hưởng thụ. Bởi vậy, cuộc hát có thể kéo dài nhiều ngày đêm, ngay cả khi hết lễ hội. Tuồng hát ở đình được chọn lựa cẩn thận, tránh bi thương, chém giết; tuồng tích thường xoay quanh chủ đề: “*Vua băng - Nịnh tiếm - Bà thứ lên chùa - Chém nịnh - Định đô - Tôn vương - Tức vị*”. Tuồng thường được chọn nhiều nhất là San Hậu, một vở tuồng Tả quân Lê Văn Duyệt rất yêu thích lúc sinh thời.

- Lễ Tôn vương tiếp ngay sau cảnh quân vương tức vị của tuồng hát, thường là tuồng San Hậu được chọn hát đêm cuối để Lễ Tôn vương liền sau. Khi tuồng đến cảnh hoàng tử được trao ngôi vua, hoàng tử vào hậu trường thay vương phục, đào kép xuống sân khấu chia hai hàng đứng trước bàn thần; hoàng tử nâng ấn kiếm trịnh trọng đi đến bàn thần trao cho Chánh hội trưởng, Chánh hội trưởng cùng một phụ tá nâng ấn kiếm đi giật lùi đến bàn thờ thần, cẩn trọng đặt vào long khánh. Lúc ấy, người xướng lễ hô to “*Phản tiên di hậu*” kép hát quay mặt lại phía sân khấu; khi ấn kiếm đã yên chỗ, người xướng hô to “*phản hậu di tiên*” kép hát quay mặt về bàn thần, đồng thanh hô



Hát bội, một phần của lễ hội kỳ yên

*“Tôn vương tức vị / Nói dõn tiên hoàng*

*Chúc thọ tở Nam san / Phước như Đông hải*

*Vạn vạn tuế (3 lần)”*





Tung hô xong, đào kép cùng lạy thần 3 lạy, rồi quay lại sân khấu diễn tiếp màn chót hoàng tử lên ngôi. Lễ Tôn soái cũng được thực hiện như Lễ Tôn vương nhưng đoạn cuối tuồng hát nhân vật chính được phong tướng chứ không phải được truyền ngôi báu.

#### 4.2- Miếu và lễ hội cúng bà

Ở Biên Hòa - Đồng Nai có 198 miếu, như vậy miếu đa dạng và số lượng nhiều hơn đình. Đình gắn với cộng đồng làng thì miếu gắn với đình, chùa, cụm dân cư, vườn nhà của gia đình, hương lộ, hương thôn, nhân vật chính là mẫu. Những năm 1960, Lương Văn Lựu ghi nhận *“Ngoài đình làng, nhân dân trong ấp thường dựng lên những “Thổ Chủ” (miếu nhỏ), dưới cội đa hoặc cây to bóng mát, trên đường vắng, hay trong góc vườn để thờ Thổ Địa hay bà Chúa Tiên, Chúa Xứ, Liễu Hạnh và tùy theo ngày kỷ niệm của mỗi vị mà hành cúng hàng năm một cách thành kính”*. Xét về hình thức, miếu ở Đồng Nai có mấy dạng chính:



Chiến sĩ trận vong.

- Miếu độc lập ở làng xã: gắn với cụm dân cư trong làng ấp. Quy mô hơn các dạng miếu khác, thờ “thánh thần”, những làng, xã chưa có đình đều có lập miếu; dạng miếu này như là tiền thân của cái đình.

- Miếu ở đình, chùa: là những miếu nhỏ ở khuôn viên đình, chùa; thường ở phía trước, thờ các vị Thổ thần, Sơn thần (thần Hồ), Thánh mẫu,

- Miếu ở đất vườn: gắn với các khu đất vườn, đất rẫy, đất ruộng của gia đình, thường thờ Bà và thần Đất; người địa phương còn gọi là Thổ Chủ.

- Miếu lề ven đường: miếu do bá tánh lập lên ở ven đường, ven sông, hoặc dưới bóng cây, gò đất cảm thấy là linh thiêng thờ Thổ thần hoặc cô hồn không nơi nương tựa. Đa phần là miếu cô hồn.

Xét về đối tượng thờ cúng, nhận thấy thần điện của miếu đa tạp hơn đình, chùa. Có thể phân thành các dạng chính :

- Thờ vong hồn linh ứng: những người chết “bất đắc kỳ tử” đều được tin là linh ứng, thường được thờ. Trong đó, các anh hùng, liệt sĩ hữu danh hoặc vô danh, có công hoặc có nhân cách cao được người địa phương thờ trang trọng nhất (miếu Bình Hòa thờ 7 vị công thần chết trận trong binh biến Lê Văn Khôi, miếu cô hồn ở Dốc Sỏi thờ 9 nghĩa sĩ trại Lâm Trung chống Pháp bị hành quyết).







- Thờ các phúc thần: Thần Hồ, Rái Cá, Mãng Xà vương là những linh vật giáng hạ nhưng cũng được thờ ở đình miếu và được đãi lễ như là phúc thần, dạng này không nhiều, có sự tích hợp nhiều yếu tố, như miếu thờ Rái Cá ở Hòa Quới (Cù Lao Phố) đã hội nhập vào bàn thờ Lang lại đại tướng quân; miếu thờ rắn (Mãng xà vương) ở Mỹ Lộc (Tân Uyên) đã đổi dạng thành thờ Ngũ hành; miếu thờ thần Hồ thì còn ít nhiều ở các đình, làng còn đậm nét vùng sơn cước. Phổ biến là các miếu thờ thần Đất dưới dạng Thổ Chủ, Thổ thần hoặc Ông Tà.



Miếu thờ thần Hồ, xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu

- Thánh mẫu: đa phần miếu ở làng, ấp cũng như ở đình đều có thờ Thánh mẫu, người địa phương quen gọi là thờ Bà. Các Thánh mẫu đã thâm nhập sâu vào đình, chùa, gia đình; lại chiếm lĩnh hầu hết thần điện của các miếu, chứng tỏ tín ngưỡng thờ nữ thần “sâu rễ bền gốc” trong tâm linh của cư dân Việt ở Biên Hòa - Đồng Nai.

Tục thờ cúng nữ thần gắn liền với người dân Biên Hòa - Đồng Nai từ buổi đầu mở đất, có sự tích hợp nguồn gốc nhập cư và nguồn gốc bản địa; có sự phát triển từ rời rạc vươn lên mang tính “đạo thờ mẫu” rồi lại địa phương hóa các mẫu được phụng thờ. Ở đầu thế kỷ XIX, Trịnh Hoài Đức đã chú ý đến đặc điểm này của đất Gia Định - Đồng Nai “...Nhiều người trung đồng khí tiết, trọng nghĩa khinh tài, dù hàng phụ nữ cũng thế, có nhiều giai nhân mỹ nữ, mà trong hạng người giàu sang, trường thọ khôn khéo cũng có xuất hiện tên tuổi của giới phụ nữ. Họ hay chuộng đạo Phật, tin việc đồng bóng, kính trọng nữ thần, như Bà Chúa Ngọc, bà Chúa Động, bà Hỏa tinh, bà Thủy Long, và Cô Hồng, Cô Hạnh...” Khảo sát miếu Bà ở Biên Hòa - Đồng Nai, Bà được thờ là một tập hợp các nữ thần có nguồn gốc và lý lịch khác nhau, được thờ cúng ở miếu tùy theo tâm niệm của mỗi nơi:

- Bà Âu Cơ: bà mẹ thủy tổ của dân tộc, theo cư dân Việt vào Biên Hòa - Đồng Nai khá muộn, được lập miếu thờ vọng gắn với thờ Quốc tổ ở vùng đất mới khai phá sau 1954, thờ cúng đơn giản, lễ cúng chính vào ngày 10 tháng 3 âm lịch.

- Bà Ngũ Hành, được thờ phổ biến nhất, đó là 5 vị nữ thần ứng với: Kim Đức thánh phi, Mộc Đức thánh phi, Thủy Đức thánh phi, Hỏa Đức thánh phi, Thổ Đức thánh phi. Năm bà Ngũ Hành chỉ là ý niệm chung về các vị nữ thần có thiên chức phù trợ cho việc sản sinh và phát triển; không có thần tích cụ thể; ngày vía chính là 5 tháng 5 âm lịch. Ở những vùng nhiều hỏa hoạn, đông người Hoa, nhiều khi Bà Hỏa (Hỏa Đức thánh phi) được thờ riêng một miếu.



Đang hương ở miếu Ngũ hành nương nong trong khuôn viên đình Tân Lâm





- Liễu Hạnh Công chúa: nữ thần quen thuộc của cư dân Việt ở đồng bằng Bắc bộ, một thành viên trong Tứ Phủ được thờ ở miếu Bà dưới chân núi Gia Lào (huyện Xuân Lộc), được cúng vía vào ngày rằm tháng 3 âm lịch.

- Bà Chúa Thượng ngàn: một nữ thần của cư dân đồng bằng Bắc bộ, của Tam Tòa, Tứ Phủ theo cư dân Việt vào Biên Hòa - Đổng Nai khá sớm, còn dấu vết được thờ ở nhiều nơi, dần dần bị lấn khuất trong hào quang của các Bà Ngũ Hành, chỉ còn rải rác một vài miếu thờ, như miếu thờ trong khuôn viên đình Thành Hưng (Biên Hòa). Bà được phối hưởng trong lễ cúng đình, không còn cúng ngày vía riêng.

- Chúa Ngọc nương nương, Chúa Tiên nương nương: là biến thể của Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi, mẹ xứ sở Po Inur Nagar của người Chăm; vừa được xem là thần độ mạng cho phụ nữ tại gia, vừa là thần nữ phù trợ cho cộng đồng. Lễ cúng vào ngày 3 tháng 3 âm lịch và các ngày rằm lớn.



- Chúa Xứ nương nương, Linh sơn Thánh mẫu: cũng cùng một gốc với Chúa Ngọc, Chúa Tiên nhưng có trú sở, lai lịch và thần tích riêng. Chúa Xứ được giải thích có nguồn gốc ở Châu Đốc, điện thờ chính ở Núi Sam (An Giang). Linh Sơn Thánh mẫu tục gọi là Bà Đen, điện thờ chính ở núi Bà Đen (Tây Ninh).

- Thiên Hậu Thánh mẫu: có nơi còn thờ với tự hiệu là Thiên Phi nương nương (miếu đình An Hòa). Đây là vị nữ thần của người Hoa, họ Lâm gốc Phúc Kiến, được người Hoa đưa vào Nam bộ, hòa nhập với thần thánh địa phương trở thành một trong những vị thần bản địa, vía Bà Thiên hậu ngày 23 tháng 3 âm lịch.

- Cửu Thiên Huyền Nữ: vị thần mang ý niệm chung, người ta tin rằng Bà là nữ thần quyền uy tối cao, cai quản cả chín tầng trời. Cửu Thiên Huyền Nữ là vị thần độ mạng phụ nữ, đồng thời là vị thần khai sáng, dạy cho con người biết làm nhà hai mái, biết làm mộc, đóng thuyền; Lộ Ban, Lộ Bốc, thờ Bà làm thầy. Bà được thờ trong miếu khắp nơi, vía Bà ngày 9 tháng 9 âm lịch.

- Mẹ Thai sanh: nguồn gốc là Kim Hoa Thánh mẫu của người Hoa, vị thần trông nom về việc sinh nở. Người Biên Hòa - Đổng Nai thờ Mẹ Thai sanh với quan niệm là “mười hai Mụ Bà và ba Đức Thầy”.

- Thủy Long Thần nữ: gốc là một thần giếng, dần dần được quan niệm là một thần cai quản sông nước, gọi chung là bà Thủy. Trong quan niệm dân gian hiện nay, bà Thủy bao hàm cả chức phận của Hà Bá và có thể cũng là Thủy Đức Thánh phi trong bộ Ngũ Hành, cho nên ngày vía cũng là ngày 5 tháng 5 âm lịch.

- Quan Âm Bồ tát: vừa là Phật bà vừa là thần nữ. Người địa phương quan niệm Quan Âm có họ hàng với các nữ thần, cùng chức năng cứu khổ, cứu nạn nhất





là cứu nạn trên biển. Cho nên, Quan Âm được đưa ra khỏi chùa, gắn với các miếu, nhiều khi cũng được cúng đồ mặn như các nữ thần khác hoặc phối tự ở các miếu lẻ.

- Các nữ thần bản địa: vừa dung nạp những vị nữ thần nhập cư, người Biên Hòa - Đổng Nai vừa có xu hướng gởi gắm niềm tin của mình ở những nữ thần tuy không giàu thần tích nhưng gắn bó với mảnh đất mình đang sinh sống. Thị Vãi, một thôn nữ giàu lòng thương người được người địa phương yêu mến lập miếu thờ và tên miếu gắn liền với tên núi ở Long Thành - Bà Rịa. Cô bóng Hiên chuyên việc bói toán nhưng thực lòng, khảng khái, được người địa phương tin phục, lập miếu thờ ở



Mộ cô bóng Hiên ở huyện Vinh Cữu

Thiện Tân (Vĩnh Cửu), ngày vía 15 tháng 2 âm lịch. Cô Lê Thị Hồng, một trinh nữ chết trôi có tấm lòng yêu đất, yêu biển Long Hải được ngư dân Long Hải thờ phụng ở Dinh Cô, vía ngày 10 tháng 12 âm lịch. Trịnh Hoài Đức có nhắc đến Cô Hồng, Cô Các trong Gia Định Thành thông chí, nhưng kết quả điền dã chưa tìm được cơ sở thờ cúng các Cô ở Biên Hòa - Đổng Nai, chỉ thấy có tên gọi trong văn cúng.

Việc bài trí điện thờ hết sức đơn giản, gồm bát nhang, bình bông, chén nước, chân đèn. Nhiều nơi vật thờ còn có thêm: gương, lược, trâm cài, quạt và một vài món trang sức khác của nữ giới. Những miếu độc lập thường có thêm Tả ban, Hữu ban; Nhị vị công tử, Nhị vị công nương, Cậu Chài, Cậu Quới. Có miếu đầy đủ bàn thờ chư vị như Tiên sư, Thành Hoàng, thần Hồ, thần Nông, Chúa Tiên, Quan Âm Bồ tát như miếu Ngũ Hành ở Cái Vạn (Nhơn Trạch). Vì thờ nữ thần, án thờ dù nhỏ vẫn thường được trang hoàng sắc sỡ, có lọng che, rèm phủ. Câu đối xuất hiện nhiều nhất ở miếu Bà: *“Vạn cổ đào hoa chiêu Thánh nữ / Thiên thu vân tập hội Thần tiên”*

Về tượng thờ các Bà, trước kia rất ít miếu có cốt tượng, thường thờ đơn giản bằng chữ Hán vẽ trên tường hay dán trong khám thờ như: Ngũ Hành nương nương, Chúa Ngọc nương nương, Chúa Xứ nương nương; gần đây phát triển thờ cốt tượng bằng thạch cao, xi măng, gốm hoặc vẽ tranh lồng kiếng với lõi sản xuất hàng loạt cho nên các Bà đều đồng dạng, trang phục lộng lẫy như nhau, chỉ khác ở tên gọi. Riêng Bà Ngũ Hành là dễ nhận ra nhất với bộ cốt tượng đủ 5 Bà trong 5 sắc áo khác nhau: xanh, đỏ, tím, vàng, lục, với quan niệm cổ truyền rằng hành thổ màu vàng là trung tâm nên ngồi giữa.

Lễ hội cúng Bà ở mỗi miếu một khác, tùy vào ngày vía của mỗi Bà. Những ngày sóc, vọng, ngày Tết, ngày vía đất, các miếu Bà được mở cửa cúng một lễ nhỏ bằng nhang, đèn, bông, bánh trái. Ngày vía mới là lễ chính. Có nơi cúng thường niên như nhau, có nơi đảo lệ 2, 3 năm một lần. Lễ cúng vía Bà thường vào ban đêm (thuộc âm) do Ban tế tự của làng đứng cúng hoặc có khi do tổ chức Hội mầu ở địa phương làm chủ lễ. Miếu thuộc hệ dân dã nên nghi thức cúng Bà không theo khuôn phép điển lệ, cởi mở, sinh động hơn cúng đình. Tuy nhiên, nhiều nơi vẫn áp dụng





nghi thức cúng đình trong cúng miếu. Lễ vật cúng đơn giản, có nước trong, bông tươi, nhang, đèn; không nhất thiết phải heo sống, heo đen, xôi tinh khiết, cũng không nhiều kiêng kỵ như cúng đình; bình thường thì heo quay, heo luộc, mâm xôi, đèn nhang, vàng bạc, bánh trái; có thể cúng vịt, nghèo hơn thì cúng gà, xôi chè, heo thu gọn thành thủ vĩ, vịt quay, nói chung là tùy tâm, tùy sức. Dân làng thành tâm dâng cúng hoa, mâm vàng bạc, đồ trang sức đều được, miễn là lòng thành.



Đêm trước ngày vía, có nơi đảo lệ 2, 3 năm hoặc 5 năm một lần tiến hành lễ thay áo cho Bà như lễ mộc dục phổ biến. Khi tiến hành lễ này, Chánh bái, Bồi tế lên nhang đèn khấn vái xin phép Bà, rồi lui ra. Các phụ nữ “sạch mình” đã chuẩn bị sẵn nước thơm (nước lá sả, hương nhu, bông buri), dùng khăn sạch nhúng nước thơm lau khắp các tượng bà; khăn lau xong, vắt trả nước ra thau khác, cứ như thế cho đến khi sạch rồi thay cho Bà áo mới, áo cũ và khăn lau không được dùng việc khác, sau phải đốt. Một số miếu lại có tục nghênh Ông ở đình về dự trước khi hành lễ chính; nghênh Ông bằng kiệu có lỗ bộ, dàn nhạc, Lễ sinh và Chánh tế, Bồi tế đi hầu. Lễ đón ở đình, lễ xong phải đưa về.



Riêng lễ hội chùa Bà Thiên Hậu ở phường Bửu Long, một tín ngưỡng được lưu từ Trung Quốc sang, thực hiện theo nghi thức của Đạo giáo, với nhiều nghi thức phức tạp. Thiên Hậu Thánh Mẫu được xem là nữ thần phù hộ người đi biển của người Hoa nên còn được phong là thần biển. Thánh Mẫu sinh ngày 23 tháng 3 âm lịch năm 960 đời nhà Tống, mất ngày 19 tháng 2 âm lịch năm 987, là người Phúc Kiến. Bà mất khi còn trẻ nên rất linh thiêng. Theo truyền thuyết, khi Bà được sinh ra có mây ngũ sắc phủ đầy mái nhà và mùi hương thơm nức. Từ nhỏ đã có tài tiên đoán rất chính xác tương lai của người thân quen, bà đã có nhiều lần cứu sống người thân bị đắm tàu ngoài biển khơi bằng những lời cầu nguyện và các phép lạ ngay tại nhà. Sau khi mất, Bà hiển hiện rất nhiều lần trên biển Đông để cứu tàu thuyền và người đi biển gặp nạn trong phong ba, bão táp. Bà được nhiều lần phong tặng danh hiệu cao quý như: Thánh Phi, Thiên Phi, Thiên Hậu.

Ở Biên Hòa, Bà Thiên Hậu được thờ chính trong các cơ sở tín ngưỡng của người Hoa như “Miếu Thiên Hậu” (miếu Cây Quăn), “Thiên Hậu Cung”, “Thiên Hậu Tự”, “Thiên Hậu Cổ Miếu”. Ngoài ra, còn có 5 cơ sở khác Bà được phối thờ với Quan Công, Kim Hoa nương nương, Linh Sơn Thánh Mẫu, Phật Bà Quan Âm, Phúc Đức Chánh Thần, Bà Chúa Xứ. Tượng Bà Thiên Hậu thường được làm bằng





tượng tre ngâm phết giấy bồi hoặc làm bằng gỗ, bên ngoài khoác áo choàng màu đỏ thêu kim tuyến, đầu đội mũ Cửu Long có rèm châu rủ xuống trán. Theo tập tục của người Hoa thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu thì từng tự Thiên Lý nhãn (người nhìn xa vạn dặm) và Thuận Phong Nhĩ (nghe được từ xa), là hai vị thần tai mắt giúp Bà thấy được và nghe được mọi việc trên đời.

Lễ Vía Bà Thiên Hậu vào 23 tháng 3 âm lịch hàng năm được cộng đồng người Hoa Biên Hòa tổ chức cúng lễ trọng thể, trong đó, nhóm người Hoa Hẹ tổ chức rất lớn, thu hút đông người đến cúng lễ. Trước lễ vía Bà tất cả các ngôi miếu được dọn sạch sẽ, kang trang, dăng đèn kết hoa tạo nên không khí vui tươi, náo nức. Ngay từ đêm 22 tháng 3 âm lịch tại miếu tổ chức lễ tắm và thay bộ áo mới đẹp nhất cho Bà. Trong suốt ngày 23 tháng 3 mọi người ở khắp nơi đổ về dâng lễ cúng Bà. Trước kia, vào ngày vía bà lễ hội được tổ chức linh đình hơn nhiều, còn tổ chức rước Bà đi diễu hành trên đường phố, rước Bà đi thăm Đình trước ngày lễ chính, có lễ phóng đăng, cúng thí, hát bội, đặc biệt có lễ bắc cầu ngậm ý đón Bà từ biển vào. Lễ bắc cầu vào lúc 0 giờ, đêm đầu tiên của lễ hội. Cầu là một tấm vải đỏ rộng khoảng 0,6 mét, nối từ hương án bên ngoài sân vào chính điện, dài khoảng 15 mét; trên tấm cầu đỏ rắc đầy hoa giấy, vàng bạc. Ba vị Pháp sư tụng kinh cầu đón, lúc ngồi ở bàn lễ, lúc đi vòng quanh như đón Bà; Khi Bà đã vào chính điện thì cầu được cuộn lại trân trọng để trước án thờ; Ngoài ra còn có lệ tổ chức đấu thầu lồng đèn thu hút đông đảo người tham gia để cầu may, cầu phúc. Ở chùa Ông, hàng năm cũng tổ chức lễ vía Bà. Đây là lễ hội cầu an của người Hoa ở Biên Hòa thu hút rất đông người Hoa về cầu xin sự an lành và may mắn.



Lễ vật dâng cúng trong ngày vía Bà rất nhiều như: heo quay, thường là nguyên con heo quay sơn đỏ, nằm dang hai chân ra sau trên miệng ngậm một bông hoa màu đỏ; gà luộc, vịt quay, các loại bánh (dính bành, bánh bò, bánh lá liễu, bánh ngọt) Ngoài ra còn có trái cây, bông, đèn nhang, các loại giấy tiền vàng bạc, quần áo. Sau khi dâng lễ mỗi người thường mua một vòng nhang để cầu an cho gia đình, vòng nhang đó được ghi tên chủ gia đình và treo lại trong miếu bao giờ cháy hết gia chủ vào miếu mua tiếp vòng nhang khác. Lễ vía Bà Thiên Hậu là một hiện tượng riêng biệt, thông thường ở các miếu khác nghi thức hành lễ giản dị, dân dã hơn. Dự phần vào lễ hội cúng Bà phổ biến là Hát bóng rỗi, Chặp Địa - Nàng, một loại hình nghệ thuật truyền thống phổ biến ở Biên Hòa - Đồng Nai.

Hát bóng rỗi, Chặp Địa - Nàng vừa mang tính nghi lễ (đề cúng) vừa để giải trí, vui chơi trong lễ hội; đó là hình thức diễn







xướng tống hợp, gồm nhiều tiết mục liên hoàn; đồng thời cũng có thể phân chia thành các tổ hợp tiết mục tùy chọn. Một chương trình đầy đủ của Hát bóng rối, Chập Địa - Nàng, gồm 8 tiết mục chính, trong đó mỗi tiết mục có thể phân nhỏ hoặc kéo dài nội dung sinh hoạt. Tiến trình của các tiết mục cũng có thể thay đổi thứ tự hoặc cấu thành nhiều chương trình khác nhau: 1. Lễ khai tràng; 2. Châu mời - thỉnh tở; 3. Mời tiên ra tuồng; 4. Phước lộc; 5. Trạng - Nàng xuống huê viên; 6, 7. Bóng múa; 8. Hát chập.

Hát bóng rối, Chập Địa - Nàng ở Biên Hòa - Đồng Nai thường gồm các tiết mục: 1. Khai tràng; 2. Châu mời - thỉnh tở; 3. Chập Địa - Nàng; 4. Hát bóng rối.

Mở đầu cuộc hát luôn là Lễ Khai tràng nhằm mục đích khai mạc cuộc hát, do dàn nhạc bóng biểu diễn, gồm: chiêng, trống, đàn nhị, kèn, sanh cái. Tiếp theo là các xấp hát Châu mời - thỉnh tở: mời bà, mời ông, mời tiên, mời các chiến sĩ về dự lễ; mỗi đôi tượng có các bài hát phù hợp, các bóng có trí nhớ tốt và tài ứng tác nhanh, không cần hát hay cũng được tán thưởng. Thường thì các bóng cầm trống tum (trống con) gõ nhịp, thay nhau hát. Điệu hát vận dụng cả lý, vè, nói rối (nói lới) nhiều khi cả các làn điệu tuồng.

Sau hát Châu là diễn Chập Địa - Nàng, là chập bóng - tuồng hài hước *“tổng hợp kiểu cách diễn của bóng rối lẫn tuồng (hát bội)”* thường gắn với lễ cúng miếu Bà hoặc miếu Thổ Địa. Cuộc hát chỉ có hai nhân vật (Địa và Nàng) theo cốt truyện đơn giản: tiên nữ Hằng Nga vâng lệnh Tây Vương mẫu xuống trần để hái lộc cầu an cho dân chúng, nhờ Thổ Địa (Địa) dẫn đi đến huê viên để *“khai mạch giếng tưới cây huê”*. Địa được dịp làm khó, vờ vĩnh, đùa giỡn với tiên nữ. Lời diễn vừa theo bài bản vừa ứng tác; hát, nói, kể kết hợp với nhạc và vũ đạo tuồng; các bài hát chất lọc từ tuồng và các làn điệu dân ca quen thuộc; hóa trang cũng theo phong cách tuồng hài; ứng đối giữa Địa và Nàng vui nhộn, dẫn dắt câu chuyện tài tình khiến cho cốt truyện đơn giản trở nên thú vị. Các đoạn Địa đòi ăn, Địa đau đẻ, Địa chằm chè làm nở rộ tiếng cười sảng khoái. Tính cách của Địa không chỉ vui vẻ, còn mang ý nghĩa xã hội sâu sắc. Với một manh chiếu trước điện Bà, xung quanh là dân làng không phân thứ bậc, Địa bộc lộ hết mình, đùa giỡn với Tiên nữ, chằm biếm cả chư Tiên, chư Phật; Địa còn mang ý nghĩa đại diện cho khát vọng thịnh vượng, bình đẳng, có tính nhân bản của dân làng.



Chập Địa - Nàng vừa dứt, bóng múa liền tiếp theo. Bóng múa vừa mang tính nghi lễ vừa giải trí. Các bóng thay nhau múa bông, múa dâng mâm vàng rồi tiếp theo là các tiết mục tạp kỹ. Múa bông nhằm dâng cúng bông như để mở đầu cuộc múa bóng; với chén (hoặc tô) bông trên đầu, các bóng múa xoay người, xoay vòng trước điện thờ rồi dừng để cho người thủ từ nâng chén bông đặt lên bàn thờ Bà. Dâng bông 3 lần rồi dâng mâm vàng. Chiếc mâm được trang trí bằng giấy ngũ





sắc thành hình tháp (có lẽ mô phỏng tháp Chàm). Mâm vàng được đội đầu, nâng, lật trên tay; trên trán, tự nhích từ chân lên đầu; cuối cùng được đốt cháy. Tháp giấy trên mâm cháy xong là dứt múa dâng mâm vàng, các bóng (vốn ái nam ái nữ) chuyển sang các màn trình diễn đặc sắc, với tài nghệ tạp kỹ như xiếc: múa ghê, múa khạp da bò, múa bông huệ, múa xe đạp, múa dao, múa xoay đĩa, rót rượu bằng đầu... chủ yếu là các kỹ thuật dùng đầu, trán, mũi, nhân trung nâng giữ vật nặng, vật phức tạp tạo thăng bằng và di chuyển trong vũ điệu theo nhạc lúc mau lúc chậm. Với cách biểu diễn như thế, dễ dàng nhận ra nguồn gốc Chăm của múa bóng với vũ điệu dựa vào kỹ năng đội đầu, *“nhưng lệ múa bóng ngày vía Bà đã bỏ từ thời Bảo Đại, trước đệ nhị thế chiến”*. Người Nam bộ thường có câu hát luyến tiếc:



*“Ai về xóm Bóng thăm nhà / Hỏi xem điệu múa dâng Bà còn không?”*

Các tiết mục múa trò chơi, gọi là múa tạp kỹ dài - ngắn, nhiều - ít tùy theo không khí cuộc vui; dân làng thường nhiều thì sự hào hứng khiến các bóng múa hay, khéo, tận tình hơn và ngược lại.

Các nữ thần được thờ tại miếu phần lớn có nguồn gốc nữ thần biển, đánh dấu hội ức gắn với chặng đường dài hình thành các cộng đồng cư dân Biên Hòa - Đồng Nai. Với tập hợp nữ thần phức hệ như thế, Biên Hòa - Đồng Nai như là điểm hội tụ đồng thời cũng là nơi khuếch tán các hệ tín ngưỡng thờ nữ thần của miền Bắc, miền Trung, miền Tây, người Hoa và bản địa. Tục thờ cúng nữ thần cũng cho thấy, người dân ở địa phương ít nhất cũng tìm được biểu tượng có ý nghĩa nhân bản hơn tư tưởng Nho giáo vốn xem thường phụ nữ.



Tập quán, tín ngưỡng của các dân tộc bản địa có nhiều nét khác cư dân Việt, Hoa. Người Châu Mạ thờ thần Yang Nđu tối cao, cúng Yang Bri (thần rừng) vào mùa săn bắn; cúng Yang Hiu (thần nhà) cầu cho gia đình bình yên; quan trọng nhất là lễ cúng Yang Bonơm (thần núi) và Yang Koi (thần lúa) với sinh hoạt cổ truyền của cộng đồng. Người Mạ không coi trọng trình tiết, trai gái Mạ tự do tìm hiểu kết bạn, con cô con cậu có thể kết hôn; đám hỏi, đám cưới có già làng làm mai dong; sau cưới chú rể ở bên nhà gái sau đó mới ra riêng; luật tục truyền khẩu “nđrih” được thực hiện nghiêm, tội ngoại tình, chữa hoang bị phạt nặng. Khi có người chết, người làng làm lễ cúng Yang Bri xin cây đực làm hòm; hòm đưa vào nhà dài qua cửa lớn; xưa để lâu ngày mới chôn, người chết được chia cửa; thầy chang cúng tế theo nghi thức cổ,





làng có đám tang kiêng cử đi rừng 7 ngày; sau ba năm có lễ bỏ mả như phong tục các dân tộc Tây Nguyên. Người Stiêng, Châu Ro có tập quán, tín ngưỡng tương tự người Châu Mạ, khác nhau ở tiểu tiết và tiếng nói, giống nhau ở quan niệm cổ truyền của dân cùng địa bàn cư trú Nam Trường Sơn.

### 5. ĐÔI ĐIỀU CẢM NHẬN VỀ TẬP QUÁN, TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN CỦA NGƯỜI DÂN BIÊN HÒA - ĐỒNG NAI.

Với những tập quán, tín ngưỡng dân gian của người dân Biên Hòa - Đồng Nai như trên, chúng ta có thể thấy được nguồn gốc và các nhân tố hợp thành, đó là:

*1- Tập quán, tín ngưỡng dân gian của người Việt gốc Trung bộ là cốt lõi.* Với kinh nghiệm sản xuất và “ông bà”, “thần linh” mang theo, người dân Biên Hòa - Đồng Nai có vốn liếng để hòa nhập vào vùng đất mới, không phải bắt đầu bằng “cảm hứng thần thoại” mà bằng tài sản tinh thần đã định hình. Với tài sản đó, họ đã tồn tại với tư cách là chủ thể xã hội, không phải là nô lệ của tự nhiên. Niềm tin và thần thánh mang theo được ứng dụng ngay vào đời sống và nhanh chóng có trí sở thích hợp. Bàn thờ gia tiên, tục thờ thần bản gia, thần độ mạng trong nhà được hình thành cùng lúc với việc tạo ra cái nhà; cái đền, cái miếu cũng sớm định hình dễ dàng theo thiết chế đong trong trí nhớ khi lập làng, lập ấp. Kinh nghiệm và lễ tục về sinh dưỡng, hôn nhân, tang tế, chạp giỗ được vận dụng cho vòng đời mới theo bài bản cũ mang theo.

Thực tế, tập quán, tín ngưỡng dân gian cư dân Việt ở đồng bằng Bắc bộ vẫn còn cốt lõi trong sinh hoạt của người dân Biên Hòa - Đồng Nai và chắc chắn ở nhiều vùng khác cũng vậy. Ghi chép của Lê Quý Đôn, Phan Huy Chú và Trịnh Hoài Đức trong tác phẩm của các ông cũng cho thấy cư dân Việt sớm vào khai thác xứ Gia Định - Đồng Nai đa phần có nguồn gốc Trung bộ. Như vậy, tập quán, tín ngưỡng dân gian người dân Biên Hòa - Đồng Nai từ cái nôi là đồng bằng Bắc bộ chuyên cư vào Đồng Nai đã trải qua trạm trung gian “*nhuộm màu Trung bộ*”. Gói đường phèn, đường phỉ trên bàn thờ ông bà trong ngày Tết rõ ràng là một sự hoài niệm về xứ Quảng. Những nhân thần gốc Trung bộ như Bùi Tá Hán, Lương Văn Chánh, Nguyễn Phúc Diễn ... thường được mời gọi trong văn cúng đình; lai lịch của nữ thần Dinh Cô; gốc tích Hát bả trạo; tục thờ cúng cá Ông; tàn tích của lễ cúng Tá thổ; uy thế của bà Chúa Ngọc, bà Chúa Động cùng với âm vang của các vị thần biển khác trong tín ngưỡng dân gian của cư dân Việt Trung bộ đã tác động trực tiếp đến người dân Biên Hòa - Đồng Nai.



Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên trong Văn hóa Việt theo vào Đồng Nai

Việc thờ Quốc tổ Hùng Vương, Lạc Long Quân, Âu Cơ, Trần Hưng Đạo và hát chầu văn ở miếu thờ Liễu Hạnh Công chúa cũng là biểu hiện gần như nguyên dạng của tập quán, tín ngưỡng dân gian truyền thống của cư dân Việt ở đồng bằng





Bắc bộ nhưng là lớp văn hóa mới du nhập từ đầu thế kỷ XX đến nay, chủ yếu gắn với nhóm cư dân Việt “*mộ phu*” và “*di cư*” hiện còn da diết với cổ hương. Tập quán, tín ngưỡng dân gian truyền thống của cư dân Việt gồm nhiều lớp, xuất phát chung một gốc, đến với Biên Hòa - Đồng Nai qua hai hệ (Bắc bộ và Trung bộ) đã tạo ra mẫu số chung trong sinh hoạt văn hóa - tập quán - tín ngưỡng dân gian của người dân Biên Hòa - Đồng Nai; đó là chất kết dính với cội nguồn, là “*gien nội sinh*” trong quá trình giao lưu, tích hợp tập quán, tín ngưỡng của các tộc người khác.

**2- Tập quán, tín ngưỡng của người Hoa in đậm dấu trong tập quán, tín ngưỡng dân gian của người dân Biên Hòa - Đồng Nai.** Suy cho cùng, tập quán, tín ngưỡng dân gian truyền thống của người dân Biên Hòa - Đồng Nai cũng có yếu tố Hoa, nhưng là yếu tố Hoa đã được Việt hóa thành tài sản tinh thần của cư dân Việt từ lâu đời. Ở đây, là muốn nói đến hệ tín ngưỡng của người Hoa mới nhập cư từ thế kỷ XVII trở lại đây.

Ở Biên Hòa - Đồng Nai, người Hoa xuất hiện gần như là cùng lúc với quá trình khai phá lập làng của cư dân Việt với thế và lực hơn về quân sự, thương mại và tiềm lực kinh tế. Người Hoa đã sớm khẳng định vai trò của mình ở địa phương, họ khuyến khích thương mại và nghề thủ công, phát huy lực lượng quân sự, thiết lập hệ thống trú sở cho mình lẫn thần linh. Người Hoa có ý thức duy trì, phát triển và gieo cấy tập quán, tín ngưỡng của mình trong quan hệ với dân tộc khác. Với những đặc điểm như thế, người Hoa ở Biên Hòa - Đồng Nai có đầy đủ điều kiện để chi phối, thậm chí làm chủ sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng của người dân Biên Hòa - Đồng Nai. Nhưng điều ấy đã không xảy ra. Những tập quán, tín ngưỡng của người Hoa mang theo hiện dễ tìm thấy trong đời sống sinh hoạt của người dân Biên Hòa - Đồng Nai: tục đốt nhiều vàng bạc, thờ cúng các vị thần Thiên Hậu, Cửu Thiên Huyền Nữ, Quan Thánh Đế quân, Ngũ phương Ngũ hổ long thần, Tiền Hậu địa chủ Thần tài, bà mẹ thai sanh, nhưng đó là “*sự bổ sung chứ không phải thay thế*”.

Tập quán, tín ngưỡng của người Hoa nhập cư vào Biên Hòa - Đồng Nai không phải triết lý nho giáo mà là những yếu tố mới mẻ của nền văn minh nông nghiệp quen thuộc gắn với đám thương nhân bình dân cùng nỗi niềm tha hương của cư dân Việt, cho nên hai hệ tập quán, tín ngưỡng dễ chan hòa, dung hợp lẫn nhau, dần dần cư dân Việt và người Hoa chung một thần diện dân gian, đến mức khó phân biệt cội nguồn Hoa - Việt. Những hình tượng Phật bà Quan Âm, Ngũ Hành nương nương, Thổ Thần, Thổ Địa, Chúa Tiên, Chúa Ngọc, Quan Công, Táo Quân ... cùng có sức sống ngang nhau trong tâm linh của người Hoa cũng như cư dân Việt.







Tuy nhiên sự dung nạp yếu tố tập quán, tín ngưỡng của người Hoa vào tâm linh người dân Biên Hòa - Đồng Nai không phải hỗn tạp mà là tiếp thu có chọn lọc và trong chừng mực nhất định, không sao chép nguyên bản của người Hoa. Thường cải biến hay dừng lại ở một mức độ nào đó để tập quán, tín ngưỡng của mình không bị hòa tan hoặc biến dạng. Thần tài nếu ngồi riêng một ghé ắt dễ nhầm với Tài Bạch tinh quân của người Hoa, nhưng khi thành một hệ với ông Địa, thì không thể lẫn lộn. Quan niệm về tục lệ tang chế cũng na ná như nhau, nhưng nhìn hướng đầu hòm (quay đầu vào hay quay đầu ra) là đủ biết Hoa hay Việt. Việc tiếp thu yếu tố Hoa và sử dụng nó làm tài sản của mình đã thể hiện bản lĩnh và sức sống của tập quán, tín ngưỡng dân gian truyền thống ở người dân Biên Hòa - Đồng Nai luôn bền vững trong giao lưu văn hóa và tiến trình phát triển.

**3- Tập quán, tín ngưỡng của dân tộc bản địa là thành tố quan trọng trong việc hình thành tập quán, tín ngưỡng dân gian của người dân Biên Hòa - Đồng Nai.** Địa bàn Biên Hòa - Đồng Nai hiện nay còn có những tộc người Mạ, Stiêng, Châu Ro, K'ho nhưng những dân tộc ít người này còn ở trình độ thấp, sống du canh du cư, ít truyền thống văn hóa. Trong đó, chỉ có người Mạ để lại nhiều dấu vết có quan hệ với cư dân Việt. Người Mạ từng là chủ nhân của vùng đất thượng du dọc sông Đồng Nai Thượng, từng có những cuộc buôn bán, giao tranh với người Chăm, sau đó phải nhường bước lên vùng cao để lại những “Gò Mọi, Đạ Đờng, Đạ Dung” cho cư dân Việt làm chủ. Tàn dư tập quán, tín ngưỡng của họ để lại trong cư dân Việt không nhiều, chỉ thấy bóng dáng của “*ó ma lai*” trong kiêng kỵ của người phụ nữ sinh nở, uy lực của “*nữ thân lúa*” trong vai trò của người phụ nữ trong việc chọn giữ bông lúa giống, “*đón mẹ lúa*” vào bồ ...



Miếu thờ Ông Đá (ông Tà) ở Bửu Long, Biên Hòa

Người Khmer có mặt ở Biên Hòa - Đồng Nai sớm hơn người Việt, là lớp cư dân bản địa còn lưu nhiều vết tích trong tập quán, tín ngưỡng của người dân Biên Hòa - Đồng Nai. Không rõ Đền Ngũ Công ở đầu nguồn sông Băng Bột mà Trịnh Hoài Đức cho rằng “*những thần ấy là lấy tên 5 cái thác hiếm mà theo Man ngữ để xưng hô*” có phải thuộc hệ tín ngưỡng của người Khmer không? Nhưng cứ theo tên gọi: *Tà Mã quận công, Tà Môn quận công, Tà Nông quận công, Tà Việt quân công, Tà Khuông quận công* thì có thể đoán họ có họ hàng với ông Tà (Niek Ta), một vị thần đất của người Khmer.

Với ông Tà mang lý lịch người Khmer, cư dân Việt ở Biên Hòa - Đồng Nai có thêm một vị thần đất “**Ông Địa giữ nhà, ông Tà giữ ruộng**”; và khi cần thiết để phù trợ việc gì đó, ông Tà cùng ông Địa được tin cậy, nhờ vả bằng lời khẩn: “*vái ông Tà, ông Địa*”. Từ đó Niek Ta thâm nhập vào thân điện miếu Thổ thần cư dân Việt với bộ dạng là *hòn đá*. Tín ngưỡng của người Khmer còn biểu hiện ở Linh Sơn Thánh mẫu với lai lịch một nữ thần Khmau của người Khmer, tục gọi là Bà Đen





được cư dân Việt lẫn người Khmer phụng thờ. Còn có thể nhắc đến *Á rặc chi y mé*, là vị nữ thần coi sóc việc hầu bóng trong thần điện của người Khmer tuy đã mất trí sở, nhưng vẫn thường được mời gọi phối hưởng ở các lễ cúng đình, cúng miếu trong tín ngưỡng của cư dân Việt.

Yếu tố bản địa rõ nét nhất trong tập quán, tín ngưỡng dân gian của cư dân Việt ở Biên Hòa - Đồng Nai có lẽ là tín ngưỡng của người Chăm. *Nhánh xương rồng giữ cửa* cho sản phụ chỉ có thể xuất phát từ xứ sở của tháp Chăm. *Tục nằm lửa* của sản phụ và *chiếc vó lửa* làm làm dấu hiệu vốn có nguồn gốc từ cổ tục của người



Bóng rỗi chịu ảnh hưởng nghi lễ Bóng Bà Chăm

Chăm. Người Chăm theo mẫu hệ nên *đầu củi cháy quay vào trong là dấu hiệu sinh con gái*, còn cư dân Việt thì ngược lại. Cũng có thể truy nguyên bóng dáng tập quán, tín ngưỡng Chăm qua hàng loạt sinh hoạt như: cúng Tá thổ, thờ cúng Thiên Y A Na Ngọc Diển phi, thờ cúng cá Ông. Rõ nhất là vũ điệu "*múa bóng dâng Bà*" của xứ sở Chăm được tích hợp trong Hát bóng rỗi.

Yếu tố Chăm hòa nhập vào tập quán, tín ngưỡng người dân Biên Hòa - Đồng Nai bền chặt đến nỗi khó có thể bóc tách ra thành một lớp văn hóa thuần nhất. Chính những yếu tố Chăm này đã làm cho tập quán, tín ngưỡng của người dân Biên Hòa - Đồng Nai nhiều màu sắc, hơn thế nữa, nó tạo nhịp cầu cho tâm linh của cư dân Việt gắn kết Đất và Người ở Biên Hòa - Đồng Nai. Yếu tố bản địa xuất hiện trong tập quán, tín ngưỡng dân gian của người dân Biên Hòa - Đồng Nai không phải phép cộng, là một sự hòa nhập. Đĩa rau luộc - chén mắm nêm, mâm cúng đất đai, bánh cúng bánh cấp trong lễ thí thực, cỗ tục cúng Tá thổ ở vườn ruộng là những nghĩa cử trong tín ngưỡng của cư dân Việt đối với người bản địa, chính nó tạo ra sự chung sống hòa bình chứ không phải xung đột.

**4- Các yếu tố Việt - Hoa - Chăm - Khmer có sự sống hòa hợp tạo thành sự "cân bằng sinh thái tâm linh" trong tập quán, tín ngưỡng dân gian của người dân Biên Hòa - Đồng Nai**, trong đó, yếu tố dân gian truyền thống của dân tộc Việt là cái trục, là cốt lõi của sự vận hành, phát triển. Nhưng sự vận hành, phát triển ấy không phải tự thân, một chiều mà diễn ra trong ảnh hưởng chi phối của tam giáo: Phật, Nho, Lão.

Phật giáo gần như là tôn giáo chính của cư dân Việt, có ảnh hưởng sâu rộng trong tín ngưỡng dân gian. Giáo lý của nhà Phật nhằm giải thoát cho chúng sinh nên đồng hành với người cùng khổ, nhưng người dân Việt ở Biên Hòa - Đồng Nai dường như chỉ dung nạp *tâm Phật* chứ ít đi vào con đường tu tập khổ hạnh. Quan Âm bồ tát cứu khổ cứu nạn nên gắn với tín



Cúng cô hồn, nghi thức Phật giáo được vận dụng vào đời sống





ngưỡng dân gian hơn, được thờ chủ yếu ở nhà, ở chùa, ở đình, miếu. Nghi thức Phật giáo được vận dụng trong việc thờ cúng của cư dân Việt như: cầu siêu ở đám tang, chay đàn thí thực, cúng cô hồn, cúng lễ ngày sóc - vọng hàng tháng. Tính tích cực xã hội đậm màu sắc dân dã của Phật giáo đã tự nhiên đi vào ngõ ngách tâm hồn của người Việt, đồng hành với ý nguyện hướng thiện, cầu an, tôn kính ông bà, hiếu thảo với cha mẹ, cư xử tốt với mọi người vốn là những truyền thống tốt đẹp của cộng đồng dân tộc Việt (cũng là đạo lý của Nho gia) khiến cho khó có thể phân định được nguồn gốc của tín ngưỡng dân gian hay tín ngưỡng Phật giáo - Nho giáo.

Nho giáo, ít tính chất tôn giáo nhưng lại có quyền lực thông qua bộ máy thống trị của triều đình phong kiến. Nho giáo tác động đến tập quán, tín ngưỡng dân gian của người dân Biên Hòa - Đồng Nai bằng hai con đường chủ yếu: *Tư tưởng chính thống qua bộ máy hành chính và tri thức của nho sĩ bình dân*. Ở Biên Hòa - Đồng Nai, bộ máy hành chính ra đời muộn hơn sự hình thành cộng đồng dân cư ít nhất hơn 20 năm. Cho nên, tập quán, tín ngưỡng dân gian của người dân Biên Hòa - Đồng Nai có cội rễ bền vững hơn tư tưởng Nho giáo. Có thể từ ghi chép của Trịnh Hoài Đức: Chánh Thống suất Nguyễn Cửu Vân đã phải “*mặc niệm cầu đảo*” trước ngôi đền cổ của người địa phương mới thoát được tình thế nguy hiểm thì sẽ rõ.

Tuy nhiên với quyền lực thống trị, triều Nguyễn bằng cách sắc phong cho Thành hoàng, định điển lệ, ban hành nghi thức tế lễ, thờ cúng ở làng, xã vì vậy nghi lễ thờ cúng ở Biên Hòa - Đồng Nai đi vào khuôn phép, phân rõ thứ bậc, tôn ti. Tín ngưỡng dân gian đã phục tùng chữ Lễ của Nho giáo, nhưng chính Nho giáo cũng phải thừa nhận thần linh trong tín ngưỡng dân gian. Nho giáo bằng con đường của các sĩ tử bình dân đến với tín ngưỡng dân gian êm dịu hơn. Đó là những quan niệm về đạo lý làm người đã hiện thực hóa trong cuộc sống mẫu mực của các nho sĩ, được công chúng tiếp nhận nạp vào hệ giá trị của mình rồi tái hiện trong các sinh hoạt hàng ngày cũng như trong sinh hoạt văn hóa - tín ngưỡng dân gian, lâu dần thành tài sản chung của cộng đồng.

Đạo giáo ở Biên Hòa - Đồng Nai không có hệ thống cơ sở thờ cúng như nhiều nơi khác nhưng ảnh hưởng của nó rất sâu rộng trong đời sống người dân. Trò đồng bóng của người Việt ở Biên Hòa - Đồng Nai có thể là một dạng biểu hiện của Đạo giáo. Trong dân gian, ảnh hưởng của Đạo giáo rõ nhất là vai trò của thầy pháp trong thờ cúng. Họ là những “*môi giới*” giữa cõi người và cõi âm, có pháp thuật điều khiển âm binh âm tướng, chuyển nhận thông tin từ cõi âm đến cõi người và ngược lại. Ở những lễ cúng Tá thổ, cúng thổ, động thổ, tổng phong, thầy pháp là nhân vật chính. Bóng dáng của Đạo giáo còn thể hiện ở tín ngưỡng dân gian của người dân Việt qua các *vị hành binh, hành khiển* luân phiên cai quản cõi người trong năm, hoặc các *ma thuật trấn, yểm, bùa chú* trong sinh hoạt



Nghi lễ hầu đồng ở đền Thủy Lâm động (Đình Quán)





thường ngày. Đạo giáo tuy không có chiều sâu trong nhận thức nhưng phổ biến trong sinh hoạt tín ngưỡng của dân gian. Ở người dân Biên Hòa - Đồng Nai, *cái tâm của Phật, cái lễ của Nho và ma thuật của Đạo* đã tác động làm phức tạp tạp quán, tín ngưỡng dân gian; đồng thời chính nó cũng bị thu hút trong quá trình dân gian hóa khiến cho các hình thức biểu hiện của tam giáo cũng nương theo dòng mạch của tín ngưỡng dân gian.

Tóm lại, tập quán, tín ngưỡng dân gian của người dân Biên Hòa - Đồng Nai không phải tự nhiên hay có sẵn mà là quá trình hình thành từ sự tích hợp của nhiều nhân tố Việt - Hoa - bản địa trong sự tác động của tam giáo và các nhân tố ngoại lai (Thiên chúa giáo, văn minh phương Tây) khiến cho nó có hỗn dung, đa hệ trong cơ cấu cũng như trong biểu hiện, hòa hợp được với các hệ văn hóa khác nhau mà không đánh mất cốt lõi của mình.

Cơ sở kinh tế xã hội của nó là nền nông nghiệp đa hệ sinh thái: *biển - sông rạch - vườn ruộng - bán sơn địa* với nền thương nghiệp phát triển khá sớm. Cho nên, các chủ thể tập quán, tín ngưỡng dân gian người dân ở đây gồm đa phần, trong đó tầng lớp thương nhân và thị dân đóng vai trò quan trọng. Tất cả đều hướng lòng tin vào thần linh phù hợp với vị thế của riêng mình rồi lại vươn đến cái chung nhất của cộng đồng. Dường như, bất cứ tập quán, tín ngưỡng dân gian người dân Biên Hòa - Đồng Nai cũng biểu hiện tính đa hệ ở ba mặt: nguồn gốc hình thành, cơ cấu bên trong và biểu hiện bên ngoài. Chỉ riêng việc “*nằm lửa*” của sản phụ cũng đã thấy có tập quán, tín ngưỡng Hoa - Việt - Chăm đan xen và cùng biểu hiện.

Đa hệ, hỗn dung nhưng không hỗn tạp, bởi các nhân tố hợp thành tập quán, tín ngưỡng dân gian chẳng phải theo phép cộng đơn thuần mà là sự tích hợp có hệ thống, bền chặt. Tập quán, tín ngưỡng dân gian trọn vẹn với: *vòng đời người - cộng đồng gia đình - cộng đồng xã hội*; bao quát ở các cõi: *trời - người - đất*; trải rộng ở các vùng: *sông nước - vườn ruộng - rừng núi*; gồm các hệ tập quán, tín ngưỡng: *truyền thống - ngoại nhập - bản địa* với hệ thần linh gồm các dạng: *ông bà (tổ tiên) - nhân thần - thiên thần*; có giới tính: *nam - trung tính - nữ*; và tên tuổi: *hữu danh - ý niệm chung - vô danh*; dưới hình thức: *riêng lẻ - cặp đôi - bộ* (gồm nhiều vị), thuộc các loại: *chính thống - nửa chính thống - dân dã*; có quan hệ tiếp biến với *Nho giáo - Phật giáo - Đạo giáo*; được phân bố vị trí thờ cúng hài hòa giữa *trung tâm với trái - phải, trước - sau, trong - ngoài, trên - dưới ...* nó bền chặt đến mức nếu có nhân tố mới thì đó chỉ là sự hòa nhập, thêm vào chứ không phải là sự thay thế hoặc thay đổi. Không khép kín, không bảo thủ mà chính sự đa hệ, đa dạng đã tạo ra khả năng nhạy, thích ứng, dễ làm quen với văn hóa Đông Tây, kim cổ trên cơ sở giữ được truyền thống của người dân Việt. Từ đặc điểm này, có thể giải thích được tính *quảng giao, rộng mở, nhạy bén với cái mới nhưng không xa rời cội nguồn dân tộc* của người dân Biên Hòa - Đồng Nai.

Mặt khác, tập quán, tín ngưỡng dân gian người dân Biên Hòa - Đồng Nai ít thần bí, sự lý giải về thần linh thường dựa vào logic hiện thực hơn là trí tưởng tượng





thần thoại. Cho nên, các yếu tố phi lý bị giản lược, hủ tục không nhiều, thần linh có lý lịch và thần tích giản đơn, hợp lý, ít được cường điệu hoặc kỳ diệu hóa, từ đó gần gũi và thân thiết với con người hơn. Bà Ngũ hành với ý niệm chung về sự vận hành chung của trời đất dần dần được thờ phụng phổ biến hơn các bà thầy huyền thoại khác. Thành hoàng bốn cảnh gắn với vai trò “*bảo hộ và quản lý đất đai*” tại chỗ hơn là việc nối kết với thần linh. Thần linh trong tín ngưỡng dân gian người dân Biên Hòa - Đồng Nai không đối lập, cũng không cách biệt với cõi người, thân thích nhiều hơn thiên tính, ban phúc hơn là giáng họa, hiếm thấy tà thần, dâm thần.

Do vậy, người dân Biên Hòa - Đồng Nai đối với thần linh bằng lòng thành tri ân hơn là sự sợ hãi, phục tùng. Bởi vậy, tập quán, tín ngưỡng dân gian người dân Biên Hòa - Đồng Nai không xa cách với đời sống hiện thực, tính tích cực xã hội của nó được thực hóa trong sinh hoạt xã hội rất rõ nét, kết nối giữa tâm linh và xã hội. Mụ vườn, vừa ở vai trò thầy cúng thỏa mãn nhu cầu tập quán, tín ngưỡng dân gian, vừa là thầy thuốc góp phần chăm lo việc sinh sản ở nông thôn khi hệ thống y tế cơ sở chưa hoàn chỉnh. Tục về hôn nhân có cốt lõi là *hợp đồng trách nhiệm* giữa đôi vợ chồng mới với gia đình hai bên và cộng đồng xã hội; hội đình, hội miếu tham gia tích cực trong công tác xã hội của làng như tang chế, bốc thuốc, dạy học, hòa giải, làm từ thiện.

Tập quán, tín ngưỡng dân gian người dân Biên Hòa - Đồng Nai còn thể hiện ý nghĩa nhân bản ở mức độ cao. Người dân Biên Hòa - Đồng Nai thành kính thờ phụng nhưng không phụ thuộc vào thần linh, càng không chịu đóng trong khuôn mẫu cố sẵn. Nghi thức cúng đình thần tuân theo điển lệ nhưng ít nơi thực hiện đầy đủ, mỗi đình đều có cách làm khác đi, ở miếu càng phóng túng hơn còn gia đình thì tùy tâm. Với số nữ thần được thờ cúng đa dạng, đa hệ thì tập quán, tín ngưỡng người dân Biên Hòa - Đồng Nai bộc lộ rõ nhất. Những nữ thần ở ba miền gần như hội nhập đủ mặt và khuếch đại uy lực ở Biên Hòa - Đồng Nai. Nó thâm nhập vào thần điện của đình, chùa; lôi kéo cả nữ thần Phật giáo, thậm chí lấn át cả nam thần. Qua kết quả nghiên cứu địa bạ của Nguyễn Đình Đầu, chúng ta thấy vai trò đặc biệt của phụ nữ Biên Hòa trong chủ quyền đất đai thì cũng dễ thấy vị thế tương tự của họ ở đình làng, vốn là thế giới của nam quyền. Nhiều đình ở Đồng Nai còn có bàn thờ “*Tiên đại phụ nhân*” với nghi thức thờ cúng vượt khỏi tục giỗ hậu thông thường. Khi có một hệ thống nữ thần đầy uy lực trong tâm tưởng, tập quán, tín ngưỡng dân gian người dân Biên Hòa - Đồng Nai không lệ thuộc trong khuôn khổ Nho giáo, trong các nghi thức cổ hủ rườm rà, mà sàng lọc, loại bỏ nhiều yếu tố phi nhân bản.

Do hình thành muộn và bị đứt gãy bởi nhiều biến cố lịch sử, tập quán, tín ngưỡng dân gian người dân Biên Hòa - Đồng Nai hiện tồn tại trong mâu thuẫn giữa niềm tin và tri thức. Niềm tin về tập quán, tín ngưỡng dân gian còn cội rễ trong lòng người nhưng tri thức về nó đã rơi rụng nhiều dẫn đến sai lạc, chấp vạ và sự phục hồi tùy tiện, thậm chí trái với bản tính ban đầu. Hiện tượng tâm lý có thờ có thiêng, tứ tung linh tang đang phổ biến. Đó là mảnh đất hoang để những kẻ vụ lợi gieo cấy





mầm mống có hại. Tập quán, tín ngưỡng có lòng tin mà thiếu hiểu biết rất dễ đồng hành với mê tín, dị đoan.

Cuối cùng, tập quán, tín ngưỡng dân gian người dân Biên Hòa - Đồng Nai là một hiện tượng thực tế không thể phủ nhận được. Nó đã từng là “*món ăn tinh thần*” để người dân Biên Hòa - Đồng Nai hình thành, phát triển, vượt qua gian khổ, chiến tranh; và nay tiếp tục gắn với đời sống tinh thần của con người trên bước đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Dù muốn hay không thì vai trò, ý nghĩa của tập quán, tín ngưỡng dân gian vẫn tác động đến công cuộc xây dựng và phát triển xã hội. Hiệu quả tác động thế nào tùy thuộc vào thể chế xã hội ứng xử với nó. Nếu biết nuôi dưỡng, dẫn dắt, khai thác và cải biến “*hạt nhân hợp lý trong nó*” thì có thể hướng tập quán, tín ngưỡng dân gian đi vào mục tiêu nhân văn, xây dựng xã hội bình ổn đậm đà bản sắc dân tộc.

## **B- GIỚI THIỆU HOẠT ĐỘNG TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN GẮN VỚI CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI: SẮC MÀU LỄ HỘI CHÙA ÔNG NĂM 2018**

Chùa Ông, còn gọi là Thất phủ cổ miếu, thuộc xã Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, một công trình có qui mô tương đối lớn được phục dựng năm 1684, là ngôi chùa cổ nhất ở vùng đất Nam bộ hiện nay. Đây là cơ sở văn hóa đầu tiên của cộng đồng người Hoa ở Nam bộ, đánh dấu mốc lịch sử quá trình chung sống của cộng đồng người Việt và người Hoa trong công cuộc khẩn hoang, lập nghiệp và bảo vệ vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai, cũng như sự giao lưu văn hóa trong hơn 320 năm qua. Nằm giữa cù lao Phố, Chùa Ông ngoài giá trị lịch sử còn có kiến trúc độc đáo, không gian đẹp, hướng ra sông Đồng Nai.



Chùa Ông được trùng tu lần đầu tiên vào năm Đinh Sửu (1817). Gia Định thành thông chí có viết: “*Ở phía Nam Cù Lao Đại Phố phía đông đường tam giai, ngó đến sông Phước, miếu điện nguy nga có đắp tượng cao hơn 1 trượng, phía sau là Quán Quan Âm, ngoài bao tường gạch có con lân bằng đá ngòi 4 góc... Mùa thu năm Ất Tỵ, ở Trấn Biên có lụt lớn, tượng thờ bị ngâm rã, rường cột, mái ngói có nhiều chỗ mục nát. Năm Đinh Sửu (1817), người làng hội họp bàn định trùng tu mà không đủ sức, mời tôi (tức Trịnh Hoài Đức) làm chủ việc ấy vì tôi là người sở tại nơi miếu cũ (...) Nên tôi quyết chỉ kêu gọi chúng dân họp tác làm lại miếu mới, đắp lại pho tượng, sửa sang đồ thờ, nay cũng tạm được gọi đầy đủ...*” Sau vài lần tu bổ, sang sửa, năm 1927, Quan Âm các phía sau Chánh điện đã được người Hoa tái thiết lại theo lối cấu trúc hiện đại và giữ nguyên trạng cho đến hôm nay.

Có thể nói, chùa tọa lạc trên thế đất đẹp, thoáng rộng, được ngăn cách với bên ngoài bởi bức tường gạch cao 2,5 mét, 4 góc có 4 con lân bằng đá. Ngay cổng vào,





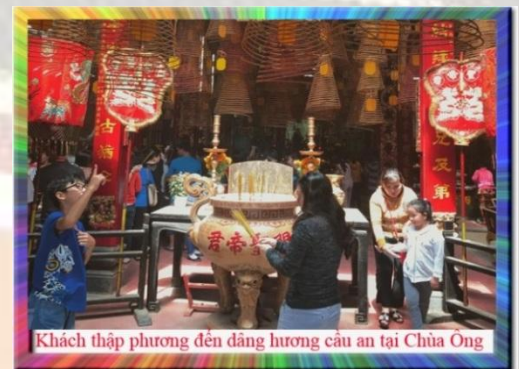
sát bờ sông, cây si cổ thụ tỏa bóng mát tạo cho chùa Ông vừa có nét hiện đại lại vừa mang nét cổ kính, tâm linh. Người ta tin rằng, Quan Thánh linh thiêng, vì vậy ngoài việc thường lễ thì nhiều người đến đây cầu xin ông ban cho sức khỏe, bình an, mùa màng bội thu, làm ăn may mắn.



Chùa Ông với kiến trúc độc đáo của người Hoa

Đặc trưng kiến trúc của người Hoa thể hiện rõ trong tổng thể cũng như từng chi tiết của Chùa, đó là màu sắc lộng lẫy, quyền lực. Chùa Ông gồm ba toà nhà riêng biệt liên kết với nhau có cấu trúc theo kiểu “*nội công ngoại quốc*”, gồm một toà nhà ở chính giữa hay còn gọi là điện thờ chính hình chữ Công, ba dãy nhà bao quanh hình chữ Khẩu. Toà chánh điện thờ Quan Thánh Đế Quân, hiệu Quan Vũ, tự Vân Trường sinh năm 160, mất năm 219, người nước Thục. Ông là hiện thân của đức ngũ thường: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín mà các nhà nước phong kiến mong muốn giáo hóa thần dân. Sự kiện kết nghĩa huynh đệ với Lưu Bị, Trương Phi đã trở thành tấm gương bằng hữu điển hình muôn thuở. Toà nhà bên trái xưa kia là hội quán Phước Châu nay sử dụng làm nhà bếp và thờ Thần tài. Toà nhà bên phải xưa kia là hội quán Quảng Đông nay sử dụng làm nơi tiếp khách và nhà kho. Phía sau điện thờ là toà nhà hai tầng kiến trúc hiện đại thờ Phật Bà Quan Âm còn gọi Quan Âm các.

Hiện nay, chùa Ông không chỉ thờ Quan Công mà còn thờ Châu Xương, Quan Bình là hai người con nuôi và là dũng sĩ trung thành của ông. Ngoài ra, chùa còn thờ Thiên Hậu Nguyên Quân, Kim Huệ thánh Mẫu, Mẹ Độ, Mẹ Sanh, Quan Âm Bồ tát, Triệu Huyền Đàn, Thái Thế, Ngũ Hành Nương Nương. Di tượng cổ nhất của chùa là tượng Thiên hậu Nguyên Quân. Tổng thể kiến trúc chùa Ông đặc biệt là khu điện thờ chính đã thể hiện trình độ kỹ thuật điêu luyện, khiếu thẩm mỹ tinh tế của những nghệ nhân dân gian. Chánh điện gồm Tiền điện, Trung điện và Hậu điện tiếp nối với nhau theo một trục thẳng từ ngoài vào trong, chắc chắn, uy nghi và mang đậm nét kiến trúc Trung Hoa.



Khách thập phương đến dâng hương cầu an tại Chùa Ông

Từ năm 2013 đến nay, cộng đồng người Hoa ở Đồng Nai và các vùng lân cận đã tổ chức Lễ hội chùa Ông vào mỗi dịp mùa Xuân. Đây cũng là cách để người Hoa lưu giữ, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống có giao thoa với văn hóa của người Việt; là một hoạt động gắn kết tín ngưỡng dân gian trong truyền thống văn hóa lâu đời của hai dân tộc Việt - Hoa; cũng là dịp để nhân dân chiêm bái và ngưỡng vọng các bậc tiền hiền đã có công mở mang, xây dựng vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai. Theo Ban quản lý Di tích - Danh thắng Đồng Nai, Chùa Ông thuộc tín





ngưỡng dân gian nên lễ hội cũng được trả về với dân gian. Hoạt động lễ hội được tỉnh Đồng Nai giao cho Ban trị sự chùa chủ trì. Toàn bộ kinh phí tổ chức lễ hội lên đến hàng tỷ đồng mỗi năm sẽ được vận động theo hình thức xã hội hóa. Lễ hội Chùa Ông lần thứ VI, năm 2018 bắt đầu từ ngày 25 đến hết ngày 28/02/2018 nhằm ngày mùng 10 đến 13 tháng Giêng năm Mậu Tuất, với nhiều hoạt động phong phú, đa dạng và đậm sắc màu truyền thống. Chương trình Lễ hội gồm hai phần (phần lễ và phần hội) như sau:

**1- Phần lễ diễn ra long trọng, đúng nghi lễ.**

**- Ngày 25/02/2018 (ngày 10 tháng giêng).**

Từ 6 giờ 30, Lễ nghinh Thần, mở đầu Lễ hội chùa Ông năm 2018, gồm có 7 đoàn, ngoài các Hội quán Triều Châu, Sùng Chính Bửu Long, Sùng Chính Biên Hòa, Phúc Kiến đảm nhận việc cung thỉnh Đức ông Nguyễn Hữu Cảnh tại di tích quốc gia đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh (xã Hiệp Hòa), Đức ông Trần Thượng Xuyên tại di tích quốc gia đình Tân Lân (phường Hòa Bình), Quảng Trạch Tôn Vương tại di tích Phụng Sơn tự (phường Quyết Thắng), Thần Thành hoàng bốn cảnh tại di tích đình Bình Quan (xã Hiệp Hòa), Lễ Ban Tiên sư tại di tích Miếu Tổ sư (phường Bửu Long), còn có đông đảo du khách, nhân dân, bá tánh trong và ngoài tỉnh, ước tính khoảng hơn ngàn lượt người tham dự.



Phó Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Hòa Hiệp tặng hoa chúc mừng Lễ hội chùa Ông 2018, xã Hiệp Hòa

Lễ nghinh Thần nhằm cung thỉnh các thần linh tiêu biểu và thần linh bản xứ ở Biên Hòa - Đồng Nai; các bậc công thần, bậc tiền bối có công khai hoang, mở cõi vùng đất Biên Hòa, Đồng Nai về dự lễ hội, được diễn ra trên đường bộ và đường sông. Đoàn rước, cung nghinh Đức Ông Trần thượng Xuyên ở di tích đình Tân Lân theo đường sông có sự tham gia của các đội lân sư rồng, sử dụng trang phục truyền thống, với các thuyền hoa được trang trí nhiều màu sắc lễ hội. Đặc biệt, trong Lễ



Lễ nghinh thần bằng đường thủy

Cung nghinh Thánh giá xuất phát từ Bến phà Nguyễn Văn Trị đi qua các tuyến đường Võ Tánh, Nguyễn Hiền Vương, Lê Thánh Tôn, Nguyễn Thị Hiền, Phan Chu Trinh vòng quanh chợ Biên Hòa với cờ, hoành phi, các đoàn nhạc cổ, các thần thánh được hóa trang, mười hai con giáp, các đội lân, sư, rồng và kiệu đức Ông Quan thánh Đế quân với trang phục truyền thống đã tạo không khí Lễ hội tung bừng, náo nhiệt trong dịp đầu năm, thu hút đông đảo nhân dân và du khách tham quan, tạo ra điểm nhấn của Lễ nghinh thần nói riêng và lễ hội chùa Ông nói chung.

Lễ Khai mạc diễn ra lúc 19 giờ với sự tham dự của lãnh đạo tỉnh Đồng Nai, các sở ban ngành địa phương cùng đông đảo nhân dân và du khách. Phát biểu tại lễ





khai mạc, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai Nguyễn Hòa Hiệp cho rằng Lễ hội Chùa Ông năm nay được tổ chức trong bối cảnh tỉnh Đồng Nai chuẩn bị kỷ niệm 320 hình thành và phát triển vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai (1698-2018), toàn tỉnh



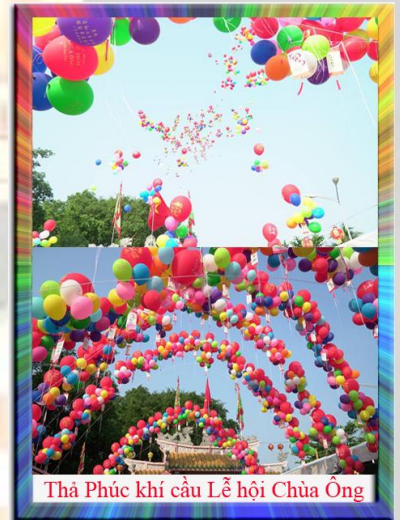
Lãnh đạo tỉnh dâng hương tại lễ khai mạc năm 2018

đã gặt hái được nhiều thành quả trên các lĩnh vực do vậy lễ hội đã được đông đảo người dân đến tham dự. Ngoài nghi thức dâng hương khai lễ; trong đêm khai hội, các đại biểu và nhân dân đã được xem Chương trình Nghệ thuật “Dấu ấn thời gian” tái hiện danh nhân, nhà giáo Võ Trường Toản của vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai.

**- Ngày 26 và 27/02/2018 (ngày 11 và 12 tháng giêng).** Lễ vía Đức Ông ngày 11, 12 tháng Giêng (âm lịch) với sự tham gia của các Hội quán Quảng Đông, Phước Kiến, Triều Châu, Sùng Chính Bửu Long, Sùng Chính Biên Hòa, đình Tân Lâm và đại diện người Hoa của các tỉnh đến dự. Từ 15 giờ - 23 giờ: Đờn ca tài tử và tuồng cổ “Mạnh Lệ Quân Kỳ Nữ” và tuồng cổ “Về Đất Kinh Châu”.

**- Ngày 28/02/2018 (ngày 13 tháng giêng).** Từ 6 giờ 30, Lễ cúng trời và lễ thả Phúc khí Cầu, được thực hiện theo nghi thức Phật giáo, với gần 2.000 bong bóng bay đủ màu sắc kèm câu Liễn mang theo các nguyện ước quốc thái dân an, mưa thuận gió hòa, phúc lộc thọ khương, mùa màng tốt tươi.

Từ 16 giờ, Lễ cầu an và thả Hoa Đăng tại sân Chùa và đoạn sông Đồng Nai trước Chùa Ông. 7 Hoa đăng lớn tượng trưng cho bảy Hội người Hoa, 334 hoa đăng trung tượng trưng cho 334 năm hình thành và phát triển Chùa Ông và trên 2000 hoa đăng nhỏ cầu cho quốc thái dân an, ấm no hạnh phúc và mưa thuận gió hòa, tạo nên sắc màu lung linh, huyền ảo, tạo ấn tượng sâu đậm trong lòng du khách gần xa. Ngoài ra, xuyên suốt ngày lễ có múa lân sư rồng và biểu diễn thư pháp.



## 2- Phần hội: Nhiều hoạt động phong phú, đa dạng.

Bên cạnh các hoạt động của phần lễ thì các hoạt động của phần hội với các chương trình, tiết mục đặc sắc, mang đậm nét đặc trưng văn hóa Việt - Hoa đã thu hút được sự quan tâm của đông đảo các tầng lớp nhân dân gồm: Chương trình văn nghệ, đờn ca tài tử được tổ chức hàng đêm; Chương trình múa lân, sư, rồng; Chương trình biểu diễn võ thuật cổ truyền và thi kéo co, nhảy bao bố; biểu diễn thư pháp... Chương trình biểu diễn thư pháp với nghệ thuật viết chữ, cho chữ góp phần giáo dục đạo đức, lối sống, tình yêu quê hương đất nước, ghi nhớ tôn vinh những người có công, tạo nên một không gian thư pháp đặc sắc thu hút sự quan tâm, chiêm





ngưỡng của các tầng lớp nhân dân. Lễ hội Chùa Ông diễn ra đúng vào dịp Tết Nguyên đán năm 2018 thu hút hơn 40.000 lượt người tham gia, đã mang đến cho nhân dân Đồng Nai và du khách trong, ngoài tỉnh bữa tiệc tinh thần đặc sắc; góp phần bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của địa phương, đây cũng là hình thức quảng bá tiềm năng, thế mạnh và các giá trị di sản văn hóa Đồng Nai. Không khí Lễ hội trang nghiêm, hoành tráng, đậm chất dân gian, chan chứa tình đoàn kết, gắn bó của cộng đồng các dân tộc trên địa bàn thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Đặc biệt tại Lễ hội Chùa Ông lần thứ VI năm 2018, Ban Tổ chức đã phát động và quyên góp ủng hộ quỹ vì người nghèo với số tiền 57.596.000 đồng (đã chuyển giao cho UBMTTQVN xã Hiệp Hòa). Đây là việc làm ý nghĩa, mang nét văn hóa truyền thống tốt đẹp ngàn đời của dân tộc Việt “*Lá lành đùm lá rách*”. Thành công của Lễ hội Chùa Ông trên các mặt như công tác tuyên truyền, quảng bá lễ hội, các chương trình biểu diễn văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao đa dạng, an ninh trật tự, an toàn giao thông, vệ sinh môi trường và phòng cháy được đảm bảo. Tệ nạn móc túi, ăn xin, mê tín dị đoan được ngăn chặn kịp thời. Mong rằng trong thời gian tới, Lễ hội Chùa Ông tiếp tục được duy trì và phát triển để tạo điểm nhấn thu hút khách du lịch và qua đó giới thiệu, quảng bá hình ảnh của vùng đất con người Biên Hòa - Đồng Nai đến với đông đảo du khách trong và ngoài tỉnh nhằm khơi dậy và từng bước đưa du lịch Đồng Nai ngày càng phát triển, đưa du khách đến với Đồng Nai ngày càng nhiều hơn.



Người dân đến dự lễ khai hội chùa Ông 2018



Biểu diễn Lân, Sư, Rồng

Tuy nhiên, Lễ hội cũng còn những hạn chế như quy mô lễ hội lớn, nhân dân tham gia đông nhưng không gian tổ chức tại Chùa Ông nhỏ hẹp nên cũng ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động lễ hội. Công tác tuyên truyền, quảng bá lễ hội trên các phương tiện thông tin đại chúng chưa bài bản và rộng khắp, chưa tổ chức được các sản phẩm đồ lưu niệm, dịch vụ đi kèm phục vụ khách về dự lễ hội. Tình trạng chèo kéo của các hộ kinh doanh chim, cá phóng sinh, bán vé số gây cản trở lối đi của du khách; kiểm soát giá cả các điểm giữ xe chưa nghiêm, vẫn nạn ăn xin vẫn còn tồn tại. Để lễ hội Chùa Ông hàng năm thực sự là điểm đến hấp dẫn, thiết nghĩ cần có kế hoạch phát triển thêm một số trò chơi dân gian, các môn thi đấu thể dục thể thao, Hội thi biểu diễn Lân - Sư - Rồng, đấu cờ người, tổ chức giải cờ tướng, tổ chức hội thi văn nghệ phổ biến các tác phẩm sáng tác viết về di tích và về vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai. Đặc biệt, cần chú trọng tổ chức quảng bá, kết nối tour khai thác du lịch tuyến đường sông trong thời gian diễn ra lễ hội.





Bên cạnh lễ hội đặc sắc được tổ chức hàng năm, chùa Ông cũng là địa chỉ quen thuộc đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng của đông đảo cộng đồng người Hoa nói riêng, người Việt nói chung. Lễ vía Quan Thánh Đế Quân được tổ chức thường niên vào ngày 24 tháng 6 âm lịch, là nghi thức lễ quan trọng của tất cả các cơ sở thờ tự Quan Thánh Đế Quân, gắn liền với di tích lịch sử Thất Phủ Cổ Miếu và nhu cầu tín ngưỡng từ ngàn năm của cộng đồng người Hoa.

Cộng đồng người Hoa coi Quan Vũ là biểu trưng của trung nghĩa và Thần vạn năng. Hội đoàn kinh tế của người Hoa đã tôn thờ đức tính ngũ thường của ông, đặc biệt trong kinh doanh nếu có tranh chấp người ta thường đến bàn thờ Quan Công thề thốt. Câu nói “*Có mặt Ông làm chứng*” đối với người Hoa thiêng liêng hơn tất cả các loại văn bản hợp đồng nào. Tín ngưỡng thờ Quan Thánh Đế Quân không chỉ phạm vi cộng đồng người Hoa mà còn ở Đạo giáo, Phật giáo và Nho giáo.

Đạo giáo coi Quan Công là một trong Tứ Đại Nguyên Soái, gồm: Đặng (Đặng Nguyên Soái - Đặng Thiên Lô hay Lô Công là Thần Sấm Sét), Triệu (Triệu Công Minh pháp thuật cao cường được Trương Đạo Lăng - Tổ sư Đạo giáo phong làm nguyên soái trấn giữ Huyền Đàn), Mã (Mã Nguyên Soái - vị thần ba mắt trấn giữ cửa Thiên đình và là Hỏa Thần), Quan (Quan Nguyên Soái tức là Quan Thánh Đế Quân được gọi là Thần Vạn Năng).



Đối với Phật giáo, tương truyền từ thời nhà Tùy, Quan Vũ đã thành một trong những “*Thần Hộ Pháp*” của Phật giáo. Theo Phật Tổ thống ký, Đại sư Trí Giả đời Tùy, có lần nhập định trong núi Ngọc Tuyền, trong khi nhập định, sư thấy Quan Đế hiển linh biến vùng núi gập ghềnh nơi đây thành bằng phẳng để giúp Đại sư xây chùa truyền bá đạo pháp. Sau đó, Quan Đế xin Đại sư truyền ngũ giới, trở thành đệ tử Phật chính thức. Từ đó về sau, Phật giáo tôn Quan Đế làm *Thần Thủ hộ Già Lam*. Đời sau, thế nhân thường tá danh Quan Đế để ghép vào các bài văn khuyến thiện, như: Quan Đế giác thế chân kinh, Quan Đế minh thánh kinh, Giới sĩ tử văn.

Nho giáo tôn xưng Quan Vũ là một trong “*Ngũ Văn Xương*”, lại tôn là “*Văn Vệ Thánh Đế*” hoặc “*Sơn Tây phu tử*”. Có khi tôn là Á Thánh, Á Hiền “*Ở Sơn Đông có một người làm Xuân Thu (Khổng Tử). Sơn Tây có một người xem Xuân Thu (Quan Vũ)*”.

Lễ vía Quan Thánh Đế Quân tại di tích Thất Phủ Cổ Miếu - Chùa Ông, được tổ chức hàng năm là dịp để nhân dân trong và ngoài nước về thăm quê hương và đến chùa văn cảnh. Đặc biệt đây cũng là dịp để người dân Biên Hòa - Đồng Nai tưởng nhớ đến Đức Ông với tấm lòng thành kính về sự khí tiết, đức độ và anh linh. Lễ vía Ông đã thực sự trở thành hoạt động văn hoá, du lịch, quảng bá hình ảnh đất nước và





con người Biên Hòa - Đồng Nai, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phát triển đời sống văn hóa của cư dân địa phương.

### **C- NHỮNG VIỆC LÀM CỦA BẢN THÂN ĐỂ PHÁT HUY VÀ BẢO TỒN BẢN SẮC VĂN HÓA DÂN TỘC TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY.**

Trong suốt chiều dài dựng nước, giữ nước, bản sắc văn hóa đã làm nên sức mạnh Việt Nam, sức sống Việt Nam. Nghị quyết Trung ương 5, khóa VIII (1998) về *“Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”*, Đảng ta xác định nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là một trong những đặc trưng cơ bản để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Biểu hiện bản sắc dân tộc của văn hóa Việt Nam là lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - Tổ quốc; lòng nhân ái khoan dung, trọng nghĩa tình đạo lý, đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động; sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống. Bản sắc văn hóa dân tộc bao gồm những giá trị bền vững, những tinh hoa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam được vun đắp qua lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước.



Giỗ Tổ Hùng Vương - Bản sắc Văn hóa dân tộc Việt

Về nội dung, cần kết hợp việc bảo tồn, kế thừa và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc với việc tiếp thu tinh hoa của các dân tộc trên thế giới; vừa phát huy truyền thống, đạo đức, tập quán tốt đẹp và lòng tự hào dân tộc; vừa đấu tranh chống sự xâm nhập của các loại văn hóa phẩm độc hại, chống khuynh hướng sùng ngoại, lai căng, mất gốc và tâm lý sùng bái đồng tiền, bất chấp đạo lý, coi thường các giá trị nhân văn. Vì thế, để phát huy và bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc trong giai đoạn hiện nay, cá nhân tôi sẽ thực hiện những công việc như sau:

**1- Có nhận thức đúng đắn về việc bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.** Những quan điểm và định hướng lớn của Đảng về *bản sắc văn hóa dân tộc* dù đã được tiếp nhận, ủng hộ nhưng chưa thật sự trở thành nhu cầu tự nhiên của bản thân, chưa trở thành cảm xúc do trước đây có suy nghĩ việc *giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc* là của Nhà nước, của ngành văn hóa. Từ nhận thức sai lệch đó, ngày





nay tôi thấy cần thay đổi cách suy nghĩ, xem việc *phát huy và bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc* là của tất cả mọi người, trong đó có bản thân mình để có trách nhiệm tham gia thực hiện, không khoán trắng, đùn đẩy riêng cho ngành văn hóa.

Tôi cũng cần nhận thức rõ ý nghĩa tầm quan trọng của việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, bởi chỉ có trên cơ sở nhận thức đúng thì mới giúp bản thân có những hành động đúng trong việc đề ra chương trình, hoạt động tốt, có hiệu quả nhất. Không chỉ có vậy, nó còn là cơ sở, động lực để bản thân tôi tích cực nghiên cứu, tìm hiểu bản sắc văn hóa dân tộc, tham gia vào các lễ hội với một thái độ nghiêm túc, cầu thị và biết tiếp thu chọn lọc, có phê phán tinh hoa văn hóa dân tộc và thế giới, thấy được cái hay, cái tiến bộ cần phải trân trọng giữ gìn, quảng bá. Nâng cao nhận thức chính là cách để tôi tích cực tham gia bảo vệ và phát huy giá trị của bản sắc văn hóa dân tộc trong giai đoạn hiện nay.

**2- Đề ra chương trình, kế hoạch hành động cụ thể, thiết thực của bản thân để giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.** Khi có nhận thức đúng thì bản thân cần đề ra những biện pháp cụ thể để phát huy, bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc. Không ai hết mà chính cá nhân chúng ta phải là người chiến sĩ xung phong trên mặt trận văn hóa như Hồ Chí Minh đã từng nói: *Mỗi người phải là một chiến sĩ trong cuộc đấu tranh chống lại văn hóa lai căng, xấu độc từ bên ngoài.* Ví dụ như việc bảo tồn và phát huy nghệ thuật múa Bông rỗi - Địa nàng hiện nay cũng là một mặt để bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Bởi vì, sự hiện diện của nghệ thuật múa Bông rỗi - Địa nàng gắn liền với lễ vía Bà là một phần quan trọng trong đời sống văn hóa tâm linh, văn hóa nghệ thuật và là sức mạnh kết nối của cộng đồng. Múa Bông rỗi - Địa nàng là một bộ phận quan trọng của văn hóa dân tộc gắn liền với tín ngưỡng thờ Bà hay nữ thần ở vùng đất Nam bộ.



Đây là hình thức diễn xướng vừa mang tính chất nghi lễ vừa nhằm mục đích giải trí, vui chơi trong lễ hội. Tuy nhiên, để bảo tồn, lưu giữ giá trị văn hóa tinh thần đối với múa bông rỗi cũng cần khai thác múa Bông rỗi - Địa nàng thành sản phẩm của cộng đồng, của du lịch. Chỉ khi đưa các sản phẩm văn hóa tinh thần Bông rỗi - Địa nàng đến với mọi người, thông qua những hình ảnh sống động để họ được mắt thấy, tai nghe thì việc lưu truyền sẽ phát huy được tác dụng.

**3- Năng động, xung kích, sáng tạo, tăng cường công tác giao lưu, tuyên truyền, khơi gợi trong cộng đồng để đưa quan điểm, đường lối, định hướng của Đảng và Nhà nước về xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc đi vào nhận thức của mọi người;** giúp họ chuyển từ nhận thức lý tính thành nhu cầu, động lực ở bên trong của mỗi người, cũng như hiểu một cách đúng đắn nội dung, giá trị của *bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam.* Biểu hiện của *bản sắc văn hóa dân*





tộc Việt Nam là ở lòng yêu quê hương đất nước sâu sắc. Trong kháng chiến chống xâm lược, lòng yêu nước chỉ thể hiện thành khí phách anh hùng, ý chí bất khuất, tinh thần hy sinh cao cả. Ngày nay, lòng yêu nước cần có thêm nội dung mới, đó là sự quyết tâm, chung lòng, đóng góp phần mình trong xây dựng đất nước, làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh. Tuy mỗi người đều có cách thể hiện lòng yêu nước khác nhau, nhưng cần khơi gợi và trân trọng lòng yêu nước của mọi người dân, dù ở trong hay ngoài nước, thuộc tầng lớp này hay tầng lớp khác để họ phát huy nội lực trong việc *giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc* theo cách của mình.

Chỉ cần khơi gợi đúng dòng mạch theo kiểu cách dân dã: *bản sắc văn hóa dân tộc* là vốn quý nghìn đời của cha ông ta xây dựng, giữ gìn và truyền lại. Trước đây, trong thiên tai, chiến tranh và lạc hậu, cha ông ta đã xây dựng và giữ gìn được *bản sắc văn hóa*. Ngày nay, xã hội tiên bộ, văn minh hơn nhiều nếu không giữ gìn và phát huy được *bản sắc văn hóa* của dân tộc mình thì thật xấu hổ và có tội với tổ tiên. Thông qua công tác tuyên truyền vận động người dân có ý thức và giúp người dân biết giữ gìn những gì đã có, hiểu rõ đâu là cái cần phải giữ gìn, bảo vệ và cái gì cần phê phán, loại bỏ ra khỏi đời sống xã hội. Động viên, khuyến khích mọi người không nên ôm ấp tư tưởng vọng ngoại. Bởi do được tiếp tay bởi các phương tiện truyền thông hiện đại, tư tưởng vọng ngoại như vết dầu loang đang phủ đen tâm hồn của không ít người. Nó thâm nhập vào nếp nghĩ, hành vi và cách tổ chức cuộc sống đến mức luân thường đạo lý, gia phong, mỹ tục ở một số gia đình bị khuynh đảo bởi đồng đô la và lối sống phương Tây vì thế cần nên tránh xa.



Nhà Dài trưng bày chum, ché cổ của người Tây Nguyên



Tục đốt vàng mã vừa hao phí vừa tác động đến môi trường cần phải loại bỏ

**4- Trong sinh hoạt cá nhân và cộng đồng, các hoạt động lễ hội, cưới xin, tang chế ... cần tuân theo định hướng của các nhà quản lý văn hóa.** Cần phải hiểu được, không phải mọi hoạt động văn hóa cổ truyền đều là biểu hiện của *bản sắc văn hóa dân tộc*. Có dạng là văn hóa trong quá khứ nhưng hiện tại thì không còn phù hợp nữa. Có dạng cần phải điều chỉnh mới có thể sử dụng được. Do vậy, phát huy *bản sắc văn hóa dân tộc* còn bao

gồm cả việc *chống phục cổ máy móc*. Chỉ nên giữ những cái hay cái đẹp cổ truyền, đồng thời bài trừ hủ tục và mê tín dị đoan, phi văn hóa, không cầu cúng bừa bãi gây nhiều loạn sinh hoạt văn hóa dân gian. Phê phán việc rải tiền, đốt vàng mã theo thị hiếu nhà giàu với đô la, xe Dream, xe ô tô, nhà cao tầng; không tham dự các trò xin xăm, gieo quẻ, bói toán. Tham gia tuyên truyền để tạo thành dư luận xã hội hỗ trợ tích cực việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội.





Tham gia xây dựng các quy ước về việc cưới, việc tang và lễ hội phù hợp với phong tục, tập quán địa phương, dòng họ; gắn việc thực hiện quy ước về việc cưới, việc tang và lễ hội với xây dựng gia đình văn hoá, làng văn hoá trong phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”.

**5- Thực hiện đúng Luật Di sản Văn hóa số 28/2001/QH10 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản Văn hóa. Chấp hành nghiêm túc Thông tư số 04/2011/TT-BVHTTDL, ngày 21/01/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao & Du lịch về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội.** gương mẫu thực hiện và có trách nhiệm vận động gia đình, cộng đồng dân cư thực hiện nếp sống văn minh quy định tại Thông tư. Khi có việc cưới, việc tang và lễ hội phải tuân thủ các nguyên tắc không trái với thuần phong mỹ tục của dân tộc; không để xảy ra các hoạt động mê tín dị đoan; không lợi dụng việc cưới, việc tang và lễ hội để hoạt động nhằm chia rẽ đoàn kết dân tộc, gây mất đoàn kết trong cộng đồng, dòng họ và gia đình; không làm ảnh hưởng đến an toàn giao thông và trật tự, an toàn công cộng; không tổ chức hoặc tham gia đánh bạc dưới mọi hình thức.

Việc cưới, việc tang phải được tổ chức theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, pháp luật về đăng ký và quản lý hộ tịch, pháp luật về bảo vệ môi trường, pháp luật về y tế và các quy định pháp luật khác có liên quan. Khi tham gia lễ hội cần thực hiện đúng nội quy, quy định của Ban tổ chức; không nói tục, xúc phạm tâm linh và ảnh hưởng xấu tới không khí trang nghiêm của lễ hội; bảo đảm trật tự, an ninh khi dự lễ hội; không đốt pháo, đốt và thả đèn trời; ứng xử có văn hoá trong hoạt động lễ hội; bỏ rác vào nơi quy định, giữ gìn vệ sinh môi trường; không lợi dụng lễ hội để hành nghề mê tín dị đoan như xem số, xem bói, gọi hồn, cầu cơ, sấm truyền, yểm bùa, trừ tà, phù phép chữa bệnh...

**6- Tham gia tích cực vào các hoạt động văn hóa do Nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội, các đoàn thể tổ chức** để cùng có trách nhiệm với cộng đồng trong việc góp phần xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc. Tích cực tham gia các hoạt động bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; chú trọng giữ gìn, bảo vệ những nét văn hóa độc đáo mà cha ông ta đã chắt chiu, vun đắp; khơi dậy niềm tự hào, ý thức kế thừa văn hóa trên tinh thần sáng tạo. Bên cạnh đó, bản thân cũng thường xuyên đóng góp công của để chung sức cùng cộng đồng tu sửa, tôn tạo di tích, thực hiện các công trình cây xanh, thảm cỏ nhằm tạo cảnh quan đẹp, bóng mát cho du khách khi đến tham quan di tích. Tham gia cùng cộng đồng bảo vệ, làm đẹp di tích như quét dọn, nhổ cỏ, phát quang xung quanh khu vực. Đây là trách nhiệm của cá nhân trong việc thể hiện cùng với Nhà nước bảo tồn, phát huy giá trị các di tích ở địa phương, góp một phần nhỏ cùng với Nhà nước bảo tồn, phát huy giá trị di tích trong đời sống văn hóa, tinh thần của người Đồng Nai, cũng chính là giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của dân tộc.

**7- Tự tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại trên tinh thần tự chủ và bản lĩnh Việt Nam.** Khi mở cửa, các âm phẩm mang nội dung xấu, kích động bạo





lực, kích dâm xa lạ với đạo lý Việt Nam tràn ngập thị trường làm hại phong hóa và làm hỏng thị hiếu, tâm lý người Việt Nam. Việc tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại cần được phân tích, chọn lọc, thích ứng trong chừng mực vừa phải theo nhu cầu và điều kiện thực tế. Mở rộng giao lưu văn hóa trong và ngoài tỉnh nhằm mục đích học tập tiếp thu cái hay, cái đẹp của nơi khác để bổ khuyết cho bản thân đồng thời giới thiệu cái đẹp của địa phương để nơi khác cùng biết để tham gia, học hỏi.

Trong giao lưu văn hóa luôn giữ vững nguyên tắc, sự trao đổi và đối thoại văn hóa là bình đẳng, làm cho cộng đồng quốc tế hiểu rõ và chấp nhận, tôn trọng giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam. Chúng ta không chấp nhận sự áp đặt tiêu chuẩn, giá trị văn hóa từ bất kỳ quốc gia nào vào văn hóa dân tộc Việt Nam. Tuy nhiên khi giao lưu, tiếp biến văn hóa còn phải nhìn nhận từ khía cạnh trao, cho và cống hiến cái riêng có của mình, cái cần thiết và có ích cho người nhận mà người ta thường gọi đó là giao lưu bằng bản sắc văn hóa dân tộc.



*8- Có lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - tổ quốc.* Lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình đạo lý, đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động, sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay, nếu không có ý thức đầy đủ sẽ dẫn tới tình trạng đánh mất đi bản sắc dân tộc trước sự “quốc tế hoá” của văn hóa, khoa học và công nghệ. Xây dựng bản lĩnh dân tộc được xem là vấn đề có ý nghĩa vô cùng quan trọng để giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Bản lĩnh dân tộc được kết tinh trong lối ứng xử mềm dẻo, khôn ngoan dựa trên nguyên tắc giữ vững tính độc lập, tự chủ trong giao lưu và hội nhập, chủ động giao lưu, không đóng cửa khép kín nhưng cũng không được buông lỏng tùy tiện, “không chối từ” tinh hoa văn hóa nhân loại, nhưng cũng “không sùng tín” các yếu tố ngoại lai không phù hợp với truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

Biết yêu thương đồng bào, yêu đất nước, đức tính này đã chảy xuyên suốt trong dòng máu của từng người Việt. Lòng nhân đạo, bao gồm trong nó tình yêu thương của người lớn đối với trẻ em, của người trẻ đối với người già, của người khỏe mạnh, lành lặn đối với người ốm đau, tàn tật, của người có hạnh phúc với người bất hạnh. Tích cực tham gia các hoạt động tình nguyện, nhân đạo, từ thiện đền ơn đáp nghĩa, vì cuộc sống cộng đồng. Có tình yêu quê hương đất nước sâu sắc với quyết tâm chung lòng, đóng góp phần mình trong xây dựng đất nước, làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh. Tiếp tục thực hiện truyền thống hiếu học, tôn sư trọng đạo, tôn trọng phụ nữ, người lớn tuổi của dân tộc. Ngoài ra lòng yêu thiên nhiên, thái độ đối với thiên nhiên cũng là biểu hiện của đạo đức, là cơ sở tạo điều





kiện cho sự tồn tại và phát triển của xã hội, là nét văn hóa đã từng tồn tại từ ngàn xưa mà chúng ta cần duy trì và bảo vệ.

**9- Trong bối cảnh toàn cầu hóa, khi vấn đề phát triển văn hóa đang gặp những thuận lợi nhưng cũng đang đứng trước những thách thức, thì việc bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc phải được xem như một quyền lợi tiên quyết.** Vì vậy, bản thân luôn luôn biết giữ gìn và phát huy thuần phong, mỹ tục, phát huy truyền thống đạo lý uống nước nhớ nguồn, hiếu thảo, thủy chung của dân tộc; thực hiện các hành vi ứng xử văn minh trong giao tiếp, ăn, ở, đi lại..., tham gia các hoạt động văn hóa lành mạnh, phát huy tình làng nghĩa xóm, đoàn kết, tương thân, tương ái, hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong cộng đồng dân cư.

Trong gia đình có thờ cúng tổ tiên, thể hiện lòng hiếu thảo, biết ơn những người đã sinh thành, dưỡng dục mình là một trong những truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam và biến thành nét văn hóa đặc sắc, mà trách nhiệm của bản thân là tiếp tục duy trì và giáo dục cho thế hệ tiếp nối. Thực chất những nét văn hóa, truyền thống đó, mang trong bản thân nó, ý nghĩa nhân văn hết sức sâu sắc, xuất phát từ thiện tâm của mỗi con người và luôn luôn có sức nêu gương trong mỗi gia đình, trong cộng đồng xã hội.



Ngoài việc phát huy vai trò đầu tàu trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, việc nêu gương sáng để con cháu học tập và làm theo góp phần xây dựng gia đình văn hóa cũng luôn được quan tâm. Bản thân luôn gương mẫu trong xây dựng chính gia đình mình và vận động những người xung quanh cùng xây dựng gia đình Việt Nam no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, thực sự là tổ ấm của mỗi người, là tế bào lành mạnh của xã hội. Thực hiện tốt phong trào thi đua “Tuổi cao - gương sáng”, “Ông bà cha mẹ mẫu mực, con cháu hiếu thảo”... cũng là cách để giáo dục con cháu chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; gia đình không có người vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội... góp phần tiếp tục phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt Nam; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

**10- Tích cực đấu tranh chống lại âm mưu chống phá của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch trên mặt trận văn hóa tư tưởng.** Hiện nay chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch đang triệt để lợi dụng cuộc đấu tranh trên mặt trận văn hóa và chúng coi đây là mũi xung kích làm phai nhạt mục tiêu lý tưởng của nhân dân. Những biểu hiện xấu của văn hóa phương Tây với lối sống thực dụng, những hành vi đi ngược lại với lợi ích của quốc gia, dân tộc; sự thích thú trước những bộ phim nước ngoài với nội dung chém giết và nhiều tệ nạn trong xã hội hiện nay chính là những phản văn hóa, có tác động rất mạnh đến tâm lý của mọi người. Sự tác động xấu đó dễ làm cho một bộ phận cá nhân quay lưng lại với lịch sử dân tộc, với bản





sắc văn hóa dân tộc Việt Nam. Bởi vậy, phải chủ động kế thừa những cái tiên bộ và loại bỏ những cái không phù hợp, đi ngược lại với văn hóa của dân tộc. Chúng ta cần nhận thức rõ văn hóa Việt Nam là thành quả của sự kết tinh văn hóa dân tộc và văn hóa thế giới, phải trang bị cho mình một hệ thống tri thức vững vàng, đầy đủ để không bị tác động bất ngờ, thường xuyên tìm hiểu văn hóa dân tộc và văn hóa thế giới để tạo hành trang tri thức, góp phần xây dựng đất nước.

Sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội là quá trình lâu dài, gian khổ, phức tạp đòi hỏi phải có sự nỗ lực cố gắng của cả hệ thống chính trị. Trong quá trình hội nhập mở cửa, chúng ta phải luôn coi trọng việc *phát huy và bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc*. Có như vậy, chúng ta mới không đánh mất mình, hòa nhập nhưng không hòa tan và giữ được lối sống cốt cách tâm hồn của con người Việt Nam. Văn hóa còn thì đất nước còn, mất văn hóa thì mất tất. Câu nói đó không chỉ có ý nghĩa trong hiện tại, tương lai mà còn mãi mãi về sau. Nó luôn nhắc nhở thế hệ ngày hôm nay, trong đó có bản thân tôi, hãy biết giữ gìn, trân trọng và đồng thời phải không ngừng bổ sung, phát triển, quảng bá cho văn hóa của dân tộc Việt Nam./.





## PHỤ LỤC HÌNH ẢNH VỀ CÔNG TÁC TÌM KIẾM VÀ QUY TẬP HÀI CỐT LIỆT SĨ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

Chiến tranh đã đi qua hơn 43 năm nhưng công tác tìm kiếm hài cốt liệt sĩ đã hy sinh ở vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai vẫn còn tiếp tục. Trong những năm gần đây công tác tìm kiếm hài cốt liệt sĩ đạt được những kết quả khả quan, quy tập và đưa hài cốt liệt sĩ về nghĩa trang an nghỉ cùng đồng đội. Phần phụ lục của bài thi xin được giới thiệu những hình ảnh xúc động về công tác này.

**1- Long trọng tổ chức Lễ truy điệu và an táng hơn 80 hài cốt liệt sĩ hy sinh tại chốt Vườn Điều (xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch) đêm 20/12/1967 tại nghĩa trang Liệt sĩ huyện Nhơn Trạch (ngày 31/08/2014 - Nguồn ảnh báo Đồng Nai)**



Lễ truy điệu và an táng hơn 80 hài cốt liệt sĩ hy sinh tại chốt Vườn Điều (xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch) đêm 20/12/1967 tại nghĩa trang Liệt sĩ huyện Nhơn Trạch ngày 31/08/2014





Đồng chí Quách Hữu Đức, Bí thư Huyện ủy Nhơn Trạch đọc điều văn tưởng nhớ các liệt sĩ.



Hơn 80 hài cốt liệt sĩ trong lễ truy điệu.





Các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước thực hiện nghi thức dâng hương.



Nguyên Chủ tịch nước Trương Tấn Sang thắp hương tưởng nhớ các liệt sĩ.





Một thân nhân liệt sĩ xúc động khi lên thắp nhang.



Các đại biểu và các tầng lớp nhân dân tham dự buổi lễ truy điệu và an táng hải cốt liệt sĩ.





Thực hiện nghi thức di quách.



Đoàn nghi lễ tiến đưa các liệt sĩ về nơi an nghỉ cuối cùng.





Nguyên Chủ tịch nước Trương Tấn Sang dẫn đầu đoàn di quách các hài cốt liệt sĩ an táng tại Nghĩa trang liệt sĩ huyện.



Hơn 80 hài cốt liệt sĩ hiện vẫn chưa được xác minh danh tính.





Nghi thức cuốn cờ trước khi an táng.



Phút vĩnh biệt các liệt sĩ bên lá cờ Quyết chiến quyết thắng của Quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng.





**2- Long trọng tổ chức Lễ truy điệu và an táng 36 hài cốt liệt sĩ Trung đoàn 95 và Trung đoàn 5 - Sư đoàn Bộ binh 5 trong trận tập kích Căn cứ Hoàng Diệu ngày 18/5/1969 tại nghĩa trang Liệt sĩ thị xã Long Khánh (ngày 12/10/2014 - Nguồn ảnh báo Đồng Nai)**



Khai quật hài cốt liệt sĩ tại hố chôn xã Bảo Vinh (Long Khánh) năm 2014.



Phó thủ tướng Chính phủ Vương Đình Huệ (bìa trái) xúc động khi nhìn các di vật của liệt sĩ được khai quật tại xã Bảo Vinh, Thị xã Long Khánh.





Nguyên Chủ tịch nước Trương Tấn Sang cùng các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước thắp hương tưởng niệm các liệt sĩ.



Thân nhân các gia đình liệt sĩ thắp hương tưởng niệm liệt sĩ.





Các đại biểu xem những kỷ vật của các liệt sĩ vừa được tìm thấy.



Đoàn viên thanh niên Thị xã Long Khánh đứng che mưa cho các quách đựng hài cốt các liệt sĩ.





Nguyên Chủ tịch nước Trương Tấn Sang cùng các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước tham gia lễ di quách.



Mộ tập thể của 36 liệt sĩ





Một gia đình thân nhân mang di ảnh liệt sĩ.



Xúc động trong lễ truy điệu.





**3- Long trọng tổ chức Lễ truy điệu và an táng 72 hài cốt liệt sĩ hy sinh trong trận đánh vào Sân bay Biên Hòa đêm 31/01/1968 tại nghĩa trang Liệt sĩ tỉnh Đồng Nai (ngày 12/07/2017 - Nguồn ảnh báo Đồng Nai)**



Toàn cảnh buổi lễ truy điệu và an táng 72 hài cốt liệt sĩ hy sinh trong trận đánh vào Sân bay Biên Hòa đêm 31/01/1968 tại nghĩa trang Liệt sĩ tỉnh Đồng Nai



72 quách chứa hài cốt của các liệt sĩ Tiểu đoàn 1 thuộc Trung đoàn 4, Sư đoàn 5 và Tiểu đoàn đặc công U1 Biên Hòa tại lễ truy điệu và an táng.





Bí thư Thành ủy Biên Hòa Lê Văn Dành đọc điều văn tại buổi lễ.



Lãnh đạo Đảng, Nhà nước thắp hương tưởng niệm các liệt sĩ.





Đồng chí Nguyễn Phú Cường, Bí thư Tỉnh ủy thắp hương tưởng niệm các liệt sĩ.



Thân nhân dâng hương trước hài cốt của các liệt sĩ.





Tuổi trẻ Biên Hòa - Đồng Nai thắp hương cho các liệt sĩ.



Tuổi trẻ Biên Hòa - Đồng Nai túc trực bên hài cốt các liệt sĩ.





Đồng chí Võ Văn Thương, Ủy viên Bộ Chính trị,  
Trưởng ban Tuyên giáo Trung ương dự nghi thức di quách.



Bí thư Tỉnh ủy Nguyễn Phú Cường cùng  
gia đình liệt sĩ tham gia nghi thức di quách.





Đồng chí Võ Văn Thương, Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng ban Tuyên giáo TW và Phó chủ tịch Đặng Thị Ngọc Thịnh nước rải đất tri ân các liệt sĩ.



Lãnh đạo tỉnh rải đất tri ân các liệt sĩ.





Thân nhân các liệt sĩ không giữ được cảm xúc trong lễ an táng.



Hài cốt các liệt sĩ được an táng chung trong ngôi mộ tập thể tại Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh.





Nghi thức hạ nắp ngôi mộ.



Thân nhân các liệt sĩ mang di ảnh và nắm đất quê hương từ các tỉnh, thành trong cả nước về dự lễ.





# TÀI LIỆU THAM KHẢO

## A- Tài liệu bằng sách:

- 1- Địa chí Đồng Nai / Huỳnh Ngọc Trảng (Ch.b), Huỳnh Văn Tới, Đỗ Văn Anh. Nxb. Đồng Nai , 2001.
- 2- Biên Hòa xưa / Ban Thường vụ Thành ủy Biên Hòa. Nxb. Đồng Nai, 2012.
- 3- Biên Hoà Đồng Nai 300 năm hình thành và phát triển /Lâm Hiếu Trung (Ch.b); Trần Quang Toại, Trần Toán... Nxb. Đồng Nai,1999.
- 4- Lịch sử Chiến khu Đ / Đại tá, PGS.TS Hồ Sơn Đài (Ch.b); Đỗ Tâm Chương, Nguyễn Quang Hữu... Nxb. Đồng Nai, 1997.
- 5- Biên Hòa - Đồng Nai xưa và nay = Bien Hoa - Dong Nai of the past and present / Lâm Hiếu Trung chủ biên; Bùi Quang Huy, Trần Quang Toại,.. Nxb. Đồng Nai , 2005.
- 6- Đồng Nai di tích lịch sử văn hóa / Th.S Trần Quang Toại (Ch.b). Nxb. Đồng Nai , 2004.
- 7- Đồng Nai từ mở cõi đến mở cửa / Mai Sông Bé. Nxb. Đồng Nai , 2009.
- 8- Lịch sử Lực lượng vũ trang tỉnh Đồng Nai (1945-1995) / Lâm Hiếu Trung (Ch.b); Hồ Sơn Đài, Trần Quang Toại,... Nxb. QĐND, 1999.
- 9- Di tích - danh thắng Đồng Nai / Huỳnh Văn Tới, Phan Đình Dũng, Nguyễn Trí Nghị. Nxb. Đồng Nai , 2015.
- 10- Bản sắc dân tộc và văn hóa Đồng Nai / PGS.TS Huỳnh Văn Tới. Nxb. Đồng Nai , 1999.
- 11- Gia Định thành thông chí /Trịnh Hoài Đức ; Lý Việt Dũng dịch và chú giải ; Huỳnh Văn Tới hiệu đính giới thiệu. Nxb. Đồng Nai,2006; Tái bản lần thứ nhất.

## B- Địa chỉ truy cập tạp chí điện tử:

- <https://dost-dongnai.gov.vn>
- <http://dongnai.vncgarden.com>
- <http://www.thuviendongnai.gov.vn>
- <http://thegioidisan.vn>
- <http://tuyengiao.dost-dongnai.gov.vn>
- <http://ditichlichsuvanhoa.com>
- <http://www.baodongnai.com.vn>

Trong quá trình làm bài thi, tôi có sử dụng tư liệu, hình ảnh của các tác giả, các báo, đài, các trang web điện tử để trình bày và minh họa nhưng chưa liên hệ trước để xin phép. Rất mong quý vị lượng thứ. Xin chân thành cảm ơn .





## **THÔNG TIN VỀ TÁC GIẢ**

- Họ và tên: Hồ Xuân Quang
- Sinh ngày: Ngày 15 tháng 6 năm 1959
- Giới tính: Nam
- Nghề nghiệp: Công nhân hưu trí
- Dân tộc: Kinh
- Nơi thường trú: 22/21, tổ 2, Ấp Suối Tre, xã Suối Tre, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng nai
- Số điện thoại: 0907 498 369
- Địa chỉ Email: [hoxuanquangdn@gmail.com](mailto:hoxuanquangdn@gmail.com)